

Thành kính đánh lễ Đức Thế Tôn
Bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri



LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ (MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425

TẬP III
Quyển 21 - 30

Hán dịch: **Tam tạng Phật-đà Bạt-đà-la & Sa-môn Pháp Hiển**
Viết dịch: **Tỳ-kheo Thích Phước Sơn**
Chứng nghĩa: **HT. Thích Đồng Minh**

LỜI NÓI ĐẦU

Nhân duyên đưa đến việc dịch bộ Luật Ma-ha Tăng-kỳ này thực là hi hữu. Số là vào cuối năm 1989, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hiệu phó Trường Cao cấp Phật học (nay là Học Viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh) đang đảm nhiệm môn Luật của Trường thì đột nhiên lâm bệnh. Khi lên bệnh viện hầu thăm Hòa thượng, tôi được Hòa thượng ân cần nắm tay ủy thác phải tạm thời thay thế Hòa thượng hướng dẫn Tăng Ni cho đến hết chương trình. Thật là bỡ ngỡ, nhưng cũng vô cùng cảm động trước tấm lòng thương yêu, tin cậy của bậc Tôn sư khả kính, tôi chỉ còn biết cúi đầu vâng lệnh. Thế rồi, sau đó được Hòa thượng Hiệu trưởng chính thức mời phụ trách môn Luật cho trường. Chương trình dạy chủ yếu là dùng hai bộ sách Yết-ma Yếu Chỉ và Tứ Phần Hiệp Chú do Hòa thượng Bốn sư thượng Trí hạ Thủ biên soạn; một công trình khá công phu và nghiêm túc. Trong lúc tra cứu thêm về những chỗ dẫn chứng trong sách, đồng thời tham khảo ý kiến của Hòa thượng Thích Đồng Minh, một vị được xem là đặc biệt quan tâm đến vấn đề Luật học, tôi được Hòa thượng khuyến khích dịch bộ Luật Ma-ha Tăng-kỳ này. Thế là cố gắng sắp xếp thì giờ, tôi bắt đầu phiên dịch từ ngày 29-01-1996, dịch đến đâu, Hòa thượng đọc lại đến đó, đồng thời chịu khó cặm cụi sửa chữa những chỗ sai sót một cách tận tình. Việc làm đó quả thực

là một nguồn động viên vô cùng quý giá. Nhưng điểm phúc hơn nữa là được Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, một bậc ân sư giới hạnh cao nghiêm, hết lòng yêu thương, nhiệt tình cổ vũ cho công tác phiên dịch này.

Lúc bắt đầu dịch khó tránh khỏi một vài trường hợp lúng túng, nhưng qua thời gian, các khó khăn dần dần được khắc phục, rồi một niềm phấn khởi phát sinh; nhất là qua phương pháp giáo huấn của đức đáng Từ Phụ, vừa rõ ràng sinh động, vừa chí lý, chí tình, có ân mà cũng có uy, khiến cho người thụ giáo cảm nhận một sức thuyết phục phi thường.

Theo lẽ, một dịch giả đúng nghĩa phải hội đủ ba phương diện: Một là nắm vững ngôn ngữ của nguyên bản; hai là tinh thông tiếng bản xứ; ba là am tường nội dung của vấn đề. Mặc dù thấy mình còn nhiều điều bất cập, nhưng vì nhu cầu học hỏi và công việc giảng dạy thúc đẩy, tôi đành phải cố gắng tuân thủ ba nguyên tắc mà học giả Hồ Thích đã đề xướng và được giới dịch thuật đồng tình chấp nhận, đó là: Tín, Đạt và Nhã. Tín, nghĩa là trung thành với nguyên bản. Đạt, nghĩa là lột tả chính xác nội dung của vấn đề. Nhã, nghĩa là phải vận dụng ngôn ngữ trong sáng và tao nhã. Nếu không thể hội đủ cả ba phương diện thì phải cố gắng vận dụng một hoặc hai phương diện đến mức độ tốt nhất. Có như thế mới hy vọng bản dịch được độc giả dễ dàng tiếp nhận.

Dịch từ một bản văn cách nay đã hơn mười lăm thế kỷ, mà bản văn này lại là dịch phẩm chứ không phải nguyên bản nên chẳng dễ dàng chút nào. Nhưng may mắn là bản văn khá mạch lạc, nhất quán và tương đối sáng sủa, nên cũng ít khi gặp trở ngại. Bởi lẽ, hai Đại sư Phật-đà Bạt-đà-la và Pháp Hiển không những tinh thông Luật học, mà phương pháp làm việc cũng rất nghiêm túc và cẩn trọng.

Khi dịch, tôi đã cố gắng tối đa vận dụng ngôn ngữ hiện đại phổ thông và trong sáng để phô diễn, tuy vậy, khó tránh khỏi một số

hạn chế nhất định. Chẳng hạn, các thuật ngữ chuyên môn của Luật học mang nhiều nội dung hàm súc, bắt buộc phải giữ nguyên phiên âm chứ không thể chuyển dịch. Ngoài ra, vì bối cảnh lịch sử, địa lí và văn hóa của Ấn Độ có nhiều điểm bất đồng đối với nước ta, do thế, về nhân danh, địa danh cũng như tên gọi của một số động vật, thực vật và y phục v.v... không có từ ngữ tương đương để phiên chuyển, nên đành phải để nguyên dạng phiên âm.

Bộ Luật này được phiên dịch là nhằm mục đích dùng để tham khảo giảng dạy, đồng thời cũng là một món quà tinh thần bé nhỏ kính cần dâng lên báo đáp phần nào công ơn pháp nhũ của các bậc ân sư trực tiếp cũng như gián tiếp. Nếu nó may mắn được giới độc giả thể tất, thì có thể xem như là một sự đóng góp nhỏ nhoi vào công trình chuyển ngữ Tam tạng Thánh giáo sang tiếng Việt, một sự nghiệp to lớn mà tất cả Tăng Ni Phật tử Việt Nam đang khát khao mong đợi.

Cuối cùng, xin chân thành cảm ơn thầy Tâm Hạnh đã nhiệt tình lo việc in cáo bản một cách chu đáo; cảm ơn Phật tử Thọ Huệ, Nguyên Hạnh đã hoàn thành xuất sắc công đoạn đánh vi tính; cảm ơn thầy Giác Đồng, sư cô Từ Nghĩa và Nguyên Đoan tận tụy hoàn thành khâu vi tính sau cùng.

Xin hồi hướng tất cả công đức lên Tam bảo chứng minh, thành tâm nguyện cầu cho kho tàng Pháp bảo được tồn tại miên trường trên cõi đời này.

Thiền viện Vạn Hạnh, ngày 4/1/2000
Người dịch kính cần ghi lại
Tỳ-kheo Thích Phước Sơn

MỤC LỤC

TẬP 3

Lời giới thiệu	i
Lời cảm bạch	iii
Lời nói đầu.....	viii

BA-DA-ĐỀ

Quyển 21: 89. Vô có vu khổng người khác	889
90. Xoay vật của tăng về cho người khác.....	892
91. Cố ý nói dối để chạy tội.....	896

PHÁP ĐỀ-XÁ-NI

1. Nhận thức ăn tại a-luyện-nhã	900
2. Nhận thức ăn của tỳ-kheo-ni	904
3. Ăn thức ăn do ni vận động	909
4. Nhận thức ăn của nhà học gia.....	911

PHÁP CHÚNG HỌC

1. Mặc nội y tề chỉnh	918
2. Đắp y tề chỉnh	919
3. Phục sức kín đáo khi vào trong nhà bạch y.....	920
4. Ngó thẳng phía trước mà đi vào nhà bạch y	921
5. Nói khẽ khi vào nhà bạch y.....	922
6. Không được cười đùa khi vào nhà bạch y.....	923
7. Không được trùm đầu đi vào nhà bạch y	924
8. Không được vắt trái y đi vào nhà bạch y	925
9. Không được đi nhón gót vào nhà bạch y	926
10. Không được chống nạnh đi vào nhà bạch y	927
11. Không được đi ẻo lả vào nhà bạch y	928
12. Không được lắc lư cái đầu đi vào nhà bạch y.....	929

13. Không được vấy tay đi vào nhà bạch y	930
14. Che kín thân khi ngồi trong nhà bạch y	931
15. Ngó thẳng đàng trước khi ngồi trong nhà bạch y	932
16. Nói nhỏ nhẹ khi ngồi trong nhà bạch y	933
17. Không được cười khi ngồi trong nhà bạch y	934
18. Không được trùm đầu ngồi trong nhà bạch y	935
19. Không được vắt y (lên vai) ngồi trong nhà bạch y	936
20. Không được ngồi bó gối trong nhà bạch y	937

Quyển 22: 21. Không được ngồi tréo chân trong nhà cư sỹ (bạch y) . 939

22. Không được ngồi chống nạnh trong nhà bạch y	940
23. Không được múa máy tay chân khi ngồi trong nhà bạch y	941
24. Chú tâm nhận đồ ăn	942
25. Nhận cơm và canh bằng nhau	943
26. Không được moi xung quanh bát mà ăn	944
27. Không được lừa thức ăn trong miệng từ bên này qua bên kia mà ăn	945
28. Không được le lưỡi ra ăn	946
29. Không được ăn những miếng cơm lớn	947
30. Không được hả miệng ra chờ cơm mà ăn	948
31. Không được ném thức ăn vào miệng	949
32. Không được cắn một nửa món ăn mà ăn	950
33. Không được ngậm thức ăn mà nói	951
34. Không được dùng ngón tay vét bát mà ăn	952
35. Không được liếm tay mà ăn	953
36. Không được mút ngón tay mà ăn	954
37. Không được nhai thức ăn ra tiếng	955
38. Không được hút thức ăn mà ăn	956
39. Không được nuốt trộng thức ăn mà ăn	956
40. Không được làm rơi cơm khi ăn	958
41. Không được vung tay khi ăn	959
42. Không được nhìn trong bát của người bên cạnh với tâm xoi bói	960
43. Giữ tâm đoan chính nhìn vào bát mà ăn	961
44. Khi không bệnh không được vì mình mà đòi thức ăn	962
45. Không được lấy cơm phủ lên canh để mong được thêm canh	963

46. Không được dùng tay bắn cầm ly nước.....	964
47. Không được đem thức ăn thừa trong bát đổ xuống đất...	965
48. Không được đứng thuyết pháp cho người ngồi nghe	966
49. Không được ngồi thuyết pháp cho người nằm nghe.....	968
50. Không được ngồi dưới giường thấp mà thuyết pháp cho người ngồi trên giường cao nghe	969
51. Không được thuyết pháp cho người mang giày da nghe ..	971
52. Không được thuyết pháp cho người mang guốc nghe	972
53. Không được thuyết pháp cho người trùm đầu nghe.....	973
54. Không được thuyết pháp cho người quấn khăn trên đầu nghe	974
55. Không được thuyết pháp cho người ngồi chồm hổ ôm đầu gối mà nghe	976
56. Không được thuyết pháp cho người ngồi tréo chân mà nghe	977
57. Không được thuyết pháp cho người cầm dao nghe	979
58. Không được thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe..	980
59. Không được thuyết pháp cho người cầm gậy nghe.....	981
60. Không được thuyết pháp cho người cầm dù nghe.....	983
61. Không được thuyết pháp cho người đi trước mình nghe .	984
62. Không được thuyết pháp cho người cưỡi ngựa nghe	985
63. Không được ở ngoài lề đường mà thuyết pháp cho người ở giữa đường nghe	987
64. Không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trên cỏ tươi.....	989
65. Không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trong nước.....	989

PHẨM TẬP TỤNG

Quyển 23: 1. Thể thức thọ Cụ túc	994
1) Tự thọ cụ túc.....	994
2) Thiện lai thọ cụ túc.....	994
3) Thập chúng thọ cụ túc	996
4) Ngũ chúng thọ Cụ túc	1008

CÁC GIÀ NẠN

1/ Hủy hoại tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni	1016
2/ Sống trong chúng để trộm pháp	1018
3/ Kể lừa đảo.....	1020

4/ Ngũ vô gián (ngũ nghịch).....	1020
5/ Sáu loại người không thể làm đàn ông	1021
6/ Nhỏ quá	1023
7/ Già quá.....	1024
8/ Bị chặt tay	1025
9/ Bị chặt chân	1026
10/ Bị chặt cả tay chân	1026
11/ Bị cắt tai	1026
12/ Bị xẻo mũi.....	1027
13/ Bị cắt cả tai mũi.....	1027
14/ Bị mù.....	1027
15/ Bị điếc.....	1028
16/ Bị cả mù điếc	1028
17/ Bị câm	1029
18/ Què.....	1029
19/ Vừa câm vừa què.....	1030
20/ Bị đánh có sẹo.....	1030
21/ Bị đóng dấu.....	1030
22/ Bị rút gân	1031
23/ Gân bị giãn.....	1031
24/ Bị còng lưng.....	1032

PHẨM TẬP TỤNG (tiếp theo)

Quyển 24: 25/ Quan viên.....	1034
26/ Kẻ mắc nợ.....	1035
27/ Bị bệnh.....	1036
28/ Ngoại đạo.....	1038
29/ Trẻ con	1040
30/ Đầy tớ.....	1042
31/ Thân thể dị dạng	1043
32/ Hình dáng xấu xí.....	1044
Thức yết-ma.....	1046
Việc yết-ma	1048
1. Yết-ma chiết phục	1050
2. Yết-ma không nói chuyện	1060

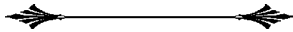
3. Pháp Yết-ma tấn xuất.....	1061
4. Pháp yết-ma phát hỉ	1061
5. Yết-ma cử tội	1069
Quyển 25: Tội tăng-già-bà-thi-sa.....	1074
Trách nhiệm của tỳ-kheo đoán sự	1082
Có tội cũng biết	1087
Che giấu cũng biết	1100
Pháp biệt trụ.....	1104
Pháp ma-na-đỏa.....	1108
Pháp xuất tội	1110
Quyển 26: Tội cũ.....	1118
Tội trung gian.....	1122
Việc nên làm yết-ma và không nên làm yết-ma	1137
Giải quyết việc bất hoàn (làm tha-la-tha).....	1141
Phá yết-ma tăng	1147
Cho pháp học hối ba-la-di	1152
Tùy thuận hành mịch tội tướng	1154
Việc cử tội (nêu tội)	1156
Việc trị phạt	1161
Đuổi đi	1162
Phá pháp luân tăng	1162
Quyển 27: Pháp yết-ma.....	1166
Vấn đề ruộng vườn	1168
Vấn đề nhà đất.....	1171
Vấn đề tăng già-lam	1171
Phép tắc về doanh sự	1175
Phép tắc về giường nệm	1177
Phép cung kính.....	1180
Phép bố-tát.....	1186
Phép an cư.....	1209
Phép tự tứ	1211
Quyển 28: Vấn đề y ca-hi-na	1217
Chẳng phải y ca-hi-na	1221
Thể thức xả y ca-hi-na	1222
Vấn đề y pháp	1224

Phẩm vật thuộc tăng hiện tiền.....	1230
Vấn đề tỳ-kheo bị bệnh	1236
Phương pháp chăm sóc tỳ-kheo bệnh	1241
Vấn đề thuốc	1248
Trách nhiệm liên quan giữa thầy và trò.....	1250
Trách nhiệm thầy đối với đệ tử	1255
Những công việc đệ tử phải làm	1259
Quyển 29: Phép tắc của sa-di.....	1269
Phép tắc của bát	1274
Cách thức dùng cháo	1281
Phép dùng bánh.....	1285
Phép dùng rau	1287
Phép dùng lương khô	1287
Phép dùng nước trái cây	1288
Phép dùng thức uống chế biến.....	1291
Phi yết-ma.....	1293
1– Tôn-đà-la-nan-đà	1294
2– Y phục mới nhuộm màu	1295
3– Bị cử tội ở chỗ khác.....	1296
4– Rừng Khai nhãn.....	1298
5– Ngoại đạo xuất gia	1298
6– Hẹn nhau	1299
7– Không tỉnh tưởng.....	1300
8– Sông Tô Hà.....	1301
9– Giảng đường	1301
10– Tướng quân Sư Tử	1303
11– Nam nhi	1305
12– Đồng tử Li-xa	1306
13– Bốn người bỏ việc đánh đấm	1307
14– Trường hợp ở trên gác	1307
15– Dời đá	1309
16– Suối nước nóng.....	1309
17– Dâm nữ.....	1310
18– Tam bà tha	1310
Quyển 30: 19– Một thố dầu.....	1318
20– Lấy thức ăn.....	1318

21– Nuôi bệnh.....	1319
22– Miếng thịt của chim.....	1320
23– Miếng thịt của bọn cướp	1320
24– Thịt heo	1321
25– Đạp phụ nữ	1322
26– Xay bột.....	1322
27– Trâu nghé.....	1323
28– Người ngớ ngẩn bỏ vợ	1324
29– Cách vách	1325
30– Bối-tát	1326
31– Hai trường hợp nước trái cây.....	1327
32– Gạch.....	1329
33– Phân rác.....	1329
34– Tỳ-kheo khất thực.....	1330
35– Uất-trù.	1331
Chướng ngại & không chướng ngại.....	1334
Vấn đề tỳ-kheo-ni.....	1336
1– Kính lễ Tỳ-kheo.....	1336
2– Hai năm học giới.....	1337
3– Nêu tội	1354
4– Không được nhận phẩm vật trước Tăng.....	1355
5– Nửa tháng Ma-na-đỏa.....	1356
6– Cầu giáo thọ trong dịp Bối-tát nửa tháng.....	1356
7– Không nương tựa Tỳ-kheo không được an cư	1361
8– Tỳ-kheo-ni an cư xong phải thọ Tự tứ trước hai bộ Tăng..	1361

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 21

BA-DẠ-ĐỀ (tiếp theo)

89. VÔ CỐ VU KHỔNG NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ tôn giả Đà-phiêu-ma-la-tử được Tăng cử làm quản lý trông coi chín việc như trước đã nói, cho đến Đà-phiêu-ma-la-tử có ngón tay út bên phải phóng quang phát sáng, theo thành phần mà giao phòng: A-luyện-nhã ở chung với A-luyện-nhã, khát thực ở chung với khát thực, y phẩn tảo ở chung với y phẩn tảo, người ăn một lần ở chung với người ăn một lần, thường ngồi ở chung với người thường ngồi, ngồi ở chỗ trống ở chung với người ngồi ở chỗ trống, nệm cỏ ở chung với người nệm cỏ, đọc kinh ở chung với người đọc kinh, pháp sư ở chung với pháp sư, học Luật ở chung với người học Luật, A-la-hán ở chung với A-la-hán, Tam minh ở chung với Tam minh, Lục thông ở chung với Lục thông, không oai nghi ở chung với không oai nghi. Khi ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo nói với Đà-phiêu:

Thưa Trưởng lão! Cho sáu người chúng tôi ở chung một chỗ.

Đội vị Hạ tọa thấp nhất trong nhóm của các thầy đến lượt nhận phòng, rồi tùy ý mà ở chung.

Khi người bạn Hạ tọa của họ đến phiên được căn phòng xấu, giường nằm, giường ngồi, gối nệm các vật đều xấu xí cũ kỹ, và phòng ăn riêng cũng thô sơ tồi tàn, họ bèn bảo nhau:

Trưởng lão Đà-phiêu như là kẻ thù truyền kiếp của chúng ta, giao cho chúng ta căn phòng xấu xí, thức ăn tồi tệ. Nếu vị trưởng lão này còn sống lâu trong đời sống phạm hạnh thì chúng ta còn bị đau khổ vô cùng. Nhưng Thế Tôn chế giới không cho phép vô cớ vu khống người khác phạm tội Ba-la-di, nay ta hãy vu khống ông ấy phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đoạn, họ đi đến chỗ Đà-phiêu, nói như sau:

Trưởng lão, ông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tôi không phạm tội đó.

Có ai ăn trộm mà lại tự bảo mình là kẻ trộm! Thế nhưng, ông đã phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đoạn, họ đi đến chỗ vắng, đi đến chỗ nhiều người, đi đến giữa chúng Tăng vu khống Tỳ-kheo Đà-phiêu phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Khi ấy, Tỳ-kheo Đà-phiêu bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền hỏi:

Ông có việc đó không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Ông không có tội ấy, Thế Tôn biết ông thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, tuy Thế Tôn biết con vô tội, nhưng mong Thế Tôn hãy khiến cho những người kia cũng tin như vậy, chớ để họ vu khống mãi mà mất lợi ích.

(395a) Vậy hãy gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến đây.

Khi họ đến rồi, Phật bèn hỏi lại sự kiện kể trên:

Các ông có việc đó thật chẳng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc ác. Các ông không từng nghe Ta dạy phải sinh lòng cung kính, dùng thân, miệng, ý thương xót các vị đồng phạm

hạnh hay sao? Nay vì sao các ông lại vô cớ vu khống người khác phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa? Đó là việc phi pháp, phi Luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo vì giận dữ không vui mà vô cớ vu khống Tỳ-kheo khác phạm Tăng-già-bà-thi-sa, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Giận dữ: Gồm chín việc nhiễu loạn và vô cớ nổi giận. Việc thứ mười là uất hận, thì kẻ phạm phụ và người đang học vẫn còn. Nhưng tâm không vui thì A-la-hán vẫn còn.

Vô cớ: Việc đó vốn không có, không thấy, không nghe, cũng không nghi.

Tăng-già-bà-thi-sa: Nếu vu khống một trong mười ba việc này, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Khi có sự tức giận nhau giữa hai Tỳ-kheo thanh tịnh và không thanh tịnh, rồi người thanh tịnh hỏi người kia:

Thầy thấy tôi phạm tội nào trong mười ba việc, tội thứ nhất hay tội thứ hai?

Người kia không thấy, không nghe, không nghi, không chắc chắn, mà ở chỗ vắng, chỗ nhiều người, giữa chúng Tăng nói như sau:

Tôi thấy thầy phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, tôi nghe thầy phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, tôi nghi thầy phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhưng nghe không đúng sự thật, căn cứ không đúng; nghi không đúng sự thật, căn cứ không đúng; những điều đã thấy, nghe và nghi đó đều hư dối; thấy, nghe và nghi không phải như vậy, mà đối diện, bốn mắt nhìn nhau, nói lời hủy báng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu người kia thanh tịnh mà mình tưởng là không thanh tịnh, rồi vu khống họ phạm tội Thâu-lan-giá, muốn xua đuổi họ, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu người kia không thanh tịnh mà tưởng là thanh tịnh, rồi vu khống họ phạm tội Việt-tỳ-ni, muốn xua đuổi họ, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu người kia thanh tịnh mà tưởng là thanh tịnh, rồi vu khống họ phạm tội Thâu-lan-giá, muốn xua đuổi họ, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu người kia không thanh tịnh, mà tưởng họ không thanh tịnh, rồi hủy báng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu vu khống Tỳ-kheo thì phạm tội Ba-dạ-đề; vu khống Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Thâu-lan-giá; vu khống Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni; vu khống người thế tục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 89 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

90. XOAY VẬT CỦA TẶNG VỀ CHO NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Khi ấy có vị Tỳ-kheo khát thực, đến giờ, bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khát thực, đến một nhà kia, có một người đàn bà nói:

(395b) Thừa tôn giả, đến ngày mỗ, con sẽ cúng dường trai phạn và y phục cho chúng Tăng.

Lành thay Ưu-bà-di, nên kíp thời vì thân mạng và tài sản mà tu ba pháp kiên cố, thường siêng tu tập chớ nên trì hoãn.

Sau khi khát thực xong, Tỳ-kheo trở về Tinh xá, nói với các Tỳ-kheo khác:

Này các trưởng lão, tôi mách với các vị một việc tốt.

Việc tốt gì thế?

Gia đình kia đến ngày ấy sẽ cúng dường trai phạn và y phục cho chúng Tăng.

Lúc ấy, Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà ở cách đó không xa, nghe nói thế, liền hỏi:

Nhà ấy ở đâu? Tên họ là gì? Cửa ngõ xoay về hướng nào?

Hỏi đầy đủ và biết rõ các việc xong, sáng sớm hôm sau, hai người đi đến nhà ấy, nói với Ưu-bà-di:

Tôi nghe có tin tốt lành.

Tôn giả nghe được tin gì vậy?

Bà định cúng dường trai phạn và y phục cho chúng tăng có đúng thế không?

Lúc đầu con có tâm nguyện ấy, nhưng e nửa chừng gặp những trở ngại, chẳng biết có thành tựu được không!

Ưu-ba-nan-đà liền bảo Ưu-bà-di:

Bà nên đem chiếc y ấy mà cúng dường cho Nan-đà.

Nhà con không có vật gì khác nữa, chỉ có chiếc y này thôi, nhưng con đã định cúng dường cho Tăng, giờ không thể nào thay đổi được.

Ưu-ba-nan-đà liền lên giọng mỉa mai:

Thế nào là Tăng? Con quạ già cũng là Tăng. Con cú già cũng là Tăng. Tăng như cái cối lũng, cái bồn rĩ không thể đầy đặn. Tăng như vậy đối với bà có lợi ích gì? Có thể nuôi sống con trai, con gái bà, có thể đến nhà vua để giải quyết những việc liên quan đến quan quyền được không? Nan-đà có thể giúp bà làm được nhiều việc lợi ích. Bà hãy đem chiếc y này mà cúng dường cho Nan-đà.

Ưu-bà-di vẫn trả lời như trước.

Lúc ấy, Nan-đà cũng khuyên bà cúng dường cho Ưu-ba-nan-đà như cách nói ở trên. Nhưng Ưu-bà-di vẫn nói:

Nhà con không có vật gì khác nữa. Con cũng muốn dùng nó cúng dường cho tôn giả, nhưng vì đã hứa cúng dường cho Tăng, nên không thể thay đổi được.

Ưu-ba-nan-đà nói:

Cúng dường hay không cúng dường mặc ý bà.

Rồi bỏ đi. Bấy giờ, Ưu-bà-di suy nghĩ: “Chiếc y này ta cũng muốn cúng dường cho Nan-đà, nhưng Tăng là ruộng phước tốt lành, nên ta cũng muốn cúng dường cho Tăng. Song, Nan-đà có thể lực lớn, sợ e ông có thể làm điều gì bất lợi cho ta.” Suy nghĩ thế rồi, bà quyết định không cúng dường nữa.

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thấy đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Này kẻ ngu si, ông đã gây nên ba việc xấu này: kẻ bố thí mất phước, người thọ nhận mất lợi và khinh hủy chúng Tăng. Ông không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện khen ngợi ít muốn và chê trách muốn nhiều hay sao? Đó là việc phi pháp, phi

luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

(395c) Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo biết vật ấy thí chủ định cúng cho Tăng mà vận động họ cúng cho người khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Biết: Hoặc tự biết, hoặc do nghe người khác mà biết.

Vật: Gồm có tám thứ kể cả thanh tịnh và không thanh tịnh.

Định cúng: Đã quyết định chỗ cúng dường vật đó.

Tăng: gồm có tám loại, như trên đã nói.

Vận động: Chuyển vật đó cho người khác.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu người ta đem phẩm vật đến hỏi Tỳ-kheo: “Thưa tôn giả, con muốn đem vật này cúng dường, vậy nên cúng dường nơi nào?”, thì nên đáp: “Tùy ý ông (bà) thích nơi nào thì nên cúng dường nơi đó.”

Vậy, cúng dường nơi nào được quả báo lớn?

Cúng dường cho Tăng được quả báo lớn.

Tăng ở đâu giữ giới, con định cúng dường họ?

Không có tăng nào lại phạm giới.

Vị Tỳ-kheo nào siêng năng tu tập, biết quý trọng giữ gìn các vật dụng, thường sống tại đây, để con thường gặp mặt.

Tỳ-kheo mỗi giáp siêng năng tu tập, biết quý trọng giữ gìn các vật dụng, thường sống tại đây, cúng dường cho Tỳ-kheo ấy thì có thể thường gặp mặt.

Nếu thí chủ nói: “Con muốn cúng dường vật này cho tôn giả”, thì nên đáp: “Thí chủ nên cúng dường cho tăng.”

Nếu thí chủ lại nói: “Con đã cúng dường cho Tăng rồi, ý con muốn cúng dường cho tôn giả, mong tôn giả vui lòng nhận cho”, thì bấy giờ nhận lấy không có tội.

Nếu Tỳ-kheo biết vật đó thí chủ định cúng dường cho Tăng mà tìm cách xoay về cho mình, thì phạm tội Ni tát kì Ba-dạ-đề.

Nếu xoay về cho người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo biết vật đó thí chủ định cúng dường cho Tăng này mà mình tìm cách xoay về cho Tăng khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu thí chủ định cúng dường vật đó cho nhóm người này mà mình tìm cách xoay về cho nhóm người khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu... cho súc sanh này mà xoay về cho súc sinh khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 90 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

91. CỐ Ý NÓI DỐI ĐỂ CHẠY TỘI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tăng chúng cứ mỗi nửa tháng tụng giới, nhóm sáu Tỳ-kheo nghe tụng đến bốn việc thì im lặng, nghe tụng đến mười ba việc thì nổi giận, nghe tụng đến ba mươi việc liền xầm xì, nghe đến chín mươi hai việc bèn đứng dậy nói: – Trưởng lão, những điều đó do Thế Tôn nói sao? Thế Tôn nói tại đâu vậy? Nếu tôi còn sống lâu ở đời thì

sẽ phải nghe những điều như thế này nhiều lắm. Đây chính là mẹ của pháp phát sinh ra cấm giới như thế này!

Các Tỳ-kheo nghe những lời ấy, cảm thấy hổ thẹn, bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Vì Như Lai muốn cho các đệ tử được lợi ích, nên chế giới cứ nửa tháng tụng một lần. Vì sao các ông lại chê bai, ngăn cản? (396a) Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu vào dịp nửa tháng tụng giới mà Tỳ-kheo nói như sau: “Nay tôi mới biết những pháp này được đưa vào Giới kinh để tụng vào dịp tụng giới của mỗi nửa tháng”, nhưng các Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo ấy đã từng ngồi nghe tụng giới hai, ba lần, thậm chí còn nhiều hơn, nên không thể lấy lý do không biết để hòng chạy tội. Vì thế Tăng phải căn cứ theo tội đã phạm mà quả trách rằng: “Trưởng lão, thầy đã mất lợi ích, vào những dịp tụng giới mỗi nửa tháng thầy không tôn trọng, không nhất tâm, không lắng tai nghe giới pháp.” Quả trách xong, (bảo sám hối) tội Ba-dạ-đề.

✱

❖ Giải thích

Nửa tháng: 14 ngày hay 15 ngày.

Giới: 12 giới kinh.

Chạy tội: Nghĩa là nói rằng: “Nay tôi mới biết là pháp ấy được đưa vào giới bản để tụng mỗi nửa tháng.” Nhưng kỳ thực Tỳ-kheo

tụng giới đã biết vị ấy từng ngồi nghe tụng giới hai, ba lần, thậm chí còn nhiều hơn. Thế nên, Tỳ-kheo ấy không thể lấy lý do không biết để mong thoát tội. Do vậy, tùy theo tội đã phạm, rồi căn cứ theo pháp, luật mà quả trách như sau: “Trưởng lão, thầy đã mất lợi ích, vào dịp tụng giới mỗi nửa tháng, thầy không tôn trọng, không nhất tâm, không lắng tai nghe giới pháp.” Quả trách như vậy rồi, bắt sám hối tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo sau khi thọ giới Cụ túc nên đọc hai bộ Luật (của Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni). Nếu không thể đọc cả hai bộ thì nên đọc một bộ. Nếu không thể đọc một bộ thì nên đọc đủ năm thiên giới. Nếu không thể đọc hết năm thiên thì nên đọc bốn thiên giới. Nếu không thể đọc hết bốn thiên thì nên đọc ba thiên. Nếu không thể đọc hết ba thiên thì nên đọc hai thiên. Nếu không thể đọc hết hai thiên thì nên đọc một thiên và các bài kệ.

Khi bố-tát nên tụng đủ năm thiên giới. Nếu không thể tụng cả năm thiên thì nên tụng bốn thiên. Nếu không thể tụng cả bốn thiên thì nên tụng ba thiên. Nếu không thể tụng cả ba thiên thì nên tụng hai thiên. Nếu không thể tụng cả hai thiên thì nên tụng một thiên và các bài kệ. Ngoài ra, những việc khác như Tăng thường nghe. Nếu không tụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Tăng nên mời một vị tụng lưu loát để tụng, còn những người khác chú tâm lắng nghe.

Phật dạy:

Khi tụng giới, các Tỳ-kheo không được ngồi thiền hay làm những việc khác, mà tất cả đều phải chú ý lắng nghe. Nếu bốn việc (bốn Ba-la-di) lắng nghe mà mười ba việc không nghe, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. (396b) Nếu mười ba việc lắng nghe mà hai Bất định không nghe, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu hai giới Bất định nghe mà ba mươi việc không nghe thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu ba mươi việc nghe mà chín mươi hai việc không nghe thì phạm tội Việt-tỳ-

ni. Nếu chín mươi hai việc nghe mà bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni không nghe thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni nghe mà pháp chúng học không nghe thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu pháp chúng học nghe mà bảy Diệt tránh không nghe thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu giữa chừng không nghe một Thiên nào thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu tất cả đều không nghe thì phạm tội Ba-dạ-đề. Tội này không thể đến sám hối riêng với một người, mà phải sám hối giữa Tăng chúng, trước một người giữ giới, có uy đức mà mình kính trọng. Rồi người này nên khiển trách: “Này trưởng lão, thầy đã mất lợi ích. Vì khi nửa tháng tụng giới thầy không tôn trọng, không nhất tâm, không chú ý lắng nghe giới pháp.” Khiển trách xong, bắt sám hối tội Ba-dạ-đề. Thế nên nói:

“Nhà ăn, vào vương cung,
 Ống đựng kim, giường, nệm.
 Tọa cụ, y che ghế,
 Y mưa, y Như Lai.
 Vu khổng là thứ mười.
 Chuyển hướng vật kẻ khác
 Ngăn chúng Tăng bố-tát
 Hết Bạt cừ thứ chín.”

(Hết giới thứ 91 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

(Trong đây chỉ có liệt kê 91 pháp Ba-dạ-đề)

PHÁP ĐỀ-XÁ-NI

(Đề-xá-ni, gồm có bốn pháp)

1. NHẬN THỨC ĂN TẠI A-LUYỆN-NHÃ

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích ở Ca-duy-la-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã được cha mẹ, chị em, bà con thuộc dòng họ Thích sai sứ giả đem các thức ẩm thực đến cho các thầy. Nhưng những kẻ đem thức ăn hoặc ăn hết một nửa, hoặc ăn một phần ba, hoặc ăn hết sạch ở dọc đường. Thế rồi, các Tỳ-kheo có người về thăm nhà, được thân nhân hỏi: “Trước đây tôi có sai người đưa thức ăn, thầy có nhận được hết không?” Trong số ấy, ai nhận được hết thì bảo là nhận hết; nhận một nửa thì bảo là nhận một nửa; nhận một phần ba thì bảo là nhận một phần ba; không nhận thì bảo là không nhận. Thân nhân nghe vậy, nổi giận mắng sứ giả: “Quân tặc ác chết tiệt! Ta sai người đem thức ăn, vì sao người dám ăn?”, bèn lấy roi quất hằn. Bị đánh đau, tên sứ giả khóc rống lên kêu than: “Vì ông sa-môn bắt nhân ấy mà ta bị đánh.”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi các Tỳ-kheo đó đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự kiện kể trên:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông ở A-luyện-nhã trước hết không nhắn với người bên ngoài, người ở ngoài cũng không nhận được tin tức của người ở trong, mà tự tay lấy thức ăn (396c) để ăn? Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã, trước không thông tin bên ngoài, bên ngoài cũng không nhận được tin bên trong, mà tự tay nhận lấy (thức ăn).

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích ở Ca-duy-la-vệ, nói rộng như trên. Vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đức Như Lai Ưng cúng Chánh biến triði tuần tra phòng các Tỳ-kheo một lần; Ngài thấy một Tỳ-kheo đang đau ốm, nhan sắc tiêu tụy, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo, khí lực ông có đầy đủ không?

Con bị bệnh rất khổ sở, bạch Thế Tôn.

Ông không thể uống thuốc hợp với bệnh, ăn thức ăn hợp với bệnh được sao?

Vì Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã trước không thông tri cho người ở ngoài, người ở ngoài cũng không nhận được tin bên trong mà tự tay nhận lấy (vật thực). Bạch Thế Tôn, con bị bệnh không thể ra ngoài, nên mới tiêu tụy khổ sở thế này.

Từ nay Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được nhận (vật thực) ngay trong trú xứ.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã, trước không thông tri, không nói là Tỳ-kheo đang bệnh; người bên ngoài cũng không được tin bên trong, mà tự tay nhận lấy (vật thực), hoặc nhai, hoặc ăn, thì Tỳ-kheo này phải đến bên Tỳ-kheo khác sám hối như

sau: “Thưa trưởng lão, tôi phạm tội đáng quả trách, xin hối lỗi với trưởng lão.” Đây là giới Ba-la-đề-đề-xá-ni thứ nhất.



❖ Giải thích

A-luyện-nhã: Như trên đã nói.

Trước không thông tri: Thông tri có hai cách, nói rõ số lượng và không nói rõ số lượng.

Có nói số lượng: Bảo phải gọi vào chùng ấy, chùng ấy thứ ẩm thực.

Không nói số lượng: Chỉ nói đơn giản là gọi thức ăn vào mà không liệt kê số lượng là bao nhiêu.

Bên ngoài không nhận được tin bên trong: Người ở ngoài Tinh xá không nhận được tin của người ở trong Tinh xá.

Bệnh: Bệnh tả, bệnh lạnh, bệnh phong. Những người có các chứng bệnh như vậy không thể ra ngoài Tinh xá để lấy thức ăn, nên đức Thế Tôn bảo là (ăn ở trong Tinh xá) không có tội.

Tự tay nhận lấy: Dùng tay mình nhận đồ từ tay người khác, dùng bát nhận đồ từ bát người khác.

Nhai: Khi ăn bánh, trái cây v.v...

Ăn: Khi ăn năm loại thức ăn chính. Nếu nhai hoặc ăn thì Tỳ-kheo này phải đến Tỳ-kheo khác sám hối như sau: “Thưa trưởng lão, tôi phạm phải tội đáng trách, xin hối lỗi với trưởng lão.” Người nhận sám hối nên hỏi:

Thầy có thấy tội không?

Thưa thầy.

Cẩn thận chớ có tái phạm.

Xin cúi đầu lãnh nhận.

Ba-la-đề-đề-xá-ni: Tội này phải hướng đến người khác phát lỗi, không được che giấu.

Nếu vì Tỳ-kheo ấy đưa thức ăn, mình nói với Tỳ-kheo khác mà Tỳ-kheo khác nhận, thì không có tội.

Nếu vì Tỳ-kheo ấy đưa thức ăn, mình nói với Tỳ-kheo ấy mà Tỳ-kheo khác nhận, thì không có tội.

Nếu vì Tỳ-kheo ấy đưa thức ăn, mình nói với Tỳ-kheo ấy mà Tỳ-kheo ấy nhận thì không có tội.

Nếu vì Tỳ-kheo khác đưa thức ăn, mình (397a) nói với Tỳ-kheo khác mà Tỳ-kheo khác nhận, thì không có tội.

Nếu người đưa thức ăn trước đó đã cho biết số lượng (của thức ăn) mà Tỳ-kheo nhận kiểm tra tương ứng với số lượng ấy thì được nhận ngay tại Tinh xá. Nếu không tương ứng thì nên bảo họ mang về. Nếu có thư gởi đến mà đọc thư thấy tương ứng, thì nên nhận. Nếu không tương ứng thì bảo họ đem về. Nếu bì thư có đóng dấu mà mở thư xem thấy đầy đủ, thì nhận; nếu không đầy đủ, thì bảo họ đem về.

Nếu người đưa thức ăn trước đó không nói rõ số lượng, thì khi thức ăn mang đến, nên ra ngoài cổng Tinh xá để nhận. Nếu bỗng dưng họ mang đến, vào khỏi cổng, thì không nên nhận. Nếu có tịnh nhân thì nên bảo họ đưa cho tịnh nhân. Nếu không có tịnh nhân thì nên bảo họ để dưới đất, đợi tịnh nhân đến, rồi sai tịnh nhân đem thức ăn ấy ra khỏi cổng, bấy giờ Tỳ-kheo mới được nhận.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh không thể ra ngoài, thì ở trong Tinh xá nhận thức ăn, không có tội.

Nếu người bà con đem thức ăn đến những nơi du ngoạn như công viên, hồ ao thắng cảnh, rồi họ lấy thức ăn đưa cho Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo tùy ý nhận, không có tội.

Nếu Tỳ-kheo khi đi đường suy nghĩ: “Ta đến Tinh xá chỗ sẽ ăn”, mà lại đến nơi khác ăn, thì phải sám hối. Nhưng nếu đến Tinh xá chỗ gặp lúc Tăng ở đây được mời phở trái, thì mình bỏ đi, không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 1 của bốn pháp Đề-xá-ni)



2. NHẬN THỨC ĂN CỦA TỖ-KHEO-NI

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Nhân đây hãy nhắc lại nhân duyên của Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-ma cho đến Phật nói với các Tỳ-kheo: “Phước đức bậc nhất trong hàng Thanh văn ni của Ta chính là Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-ma. Lúc ấy nạn đói hoành hành, khát thực khó khăn, vào giờ khát thực Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-ma khoác y, cầm bát vào thành Tỳ-xá-ly tuần tự khát thực. Bỗng cô thấy một Tỳ-kheo, liền hỏi:

Tôn giả có được thức ăn không?

Vị Tỳ-kheo ấy bèn đưa cái bát không cho cô xem. Thấy thế, cô suy nghĩ: “Thấy là bậc tôn túc của ta mà khát thực không có”, đoạn đem thức ăn trong bát của mình sót cho Tỳ-kheo ấy. Tỳ-kheo ấy được thức ăn bèn trở về Tinh xá gọi các Tỳ-kheo khác cùng ăn.

Các Tỳ-kheo liền hỏi:

Trưởng lão, ở đâu mà được thức ăn ngon thế này?

Thầy đáp:

Tôi được thức ăn này từ Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-ma đó.

Các Tỳ-kheo nghe thế, ai nấy đều đến đó đòi, lần lượt nhau cho đến năm trăm Tỳ-kheo đều nhận được thức ăn. Lo cho các Tỳ-kheo xong, cô mới tìm thức ăn cho mình thì mặt trời đã quá ngọ,

nên mất bữa ăn, cô đành trở về Tinh xá. Sáng sớm hôm sau, các Tỳ-kheo lại khoác y, cầm bát đến đứng ngoài cửa Tinh xá Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni thấy vậy liền vào nói với Thi-lợi-ma:

Các Tỳ-kheo hôm nay đang đứng chờ ngoài cửa.

Thi-lợi-ma nghe rồi, liền bảo đệ tử:

Lấy y bát ra đây để ta mặc đi khát thực giúp cho các vị tôn túc.

Thế rồi, cô tuần tự lo cung cấp cho năm trăm người xong (397b) mới lo cho mình, thì đã quá ngộ, đành nhịn đói trở về. Đến ngày thứ ba cũng thế, cô lo cung cấp tuần tự cho năm trăm người, nhưng chỉ còn một người chưa được thức ăn. Thế nên, vị Tỳ-kheo này bèn đi theo sau Thi-lợi-ma vào một nhà kia. Do cô nhịn đói liên tục ba ngày nên thân thể hao mòn, ngất xỉu té nằm trên đất. Lúc ấy, các bà thấy vậy hãi kinh, định đỡ cô dậy, thì cô bảo:

Khoan, khoan đã! Để tôi nghĩ xem vì sao mà té xuống đất.

Rồi cô nhớ lại là vì mình đã khát thực giúp cho các bậc tôn túc, còn mình thì không được ăn cho nên bị hao mòn, ngất xỉu. Đoạn, cô đứng dậy phủi đất cát, sửa lại y phục chỉnh tề, suy nghĩ: “Người bố thí có lợi ích vô thượng, nhớ đến việc bố thí khiến tâm sinh hoan hỷ, vì hoan hỷ nên được tam muội thanh tịnh, dùng tam muội quán chiếu thấy rõ sự sinh diệt của năm ấm, việc bố thí có công dụng trang nghiêm tự tâm, điều phục các căn.” Nhờ vậy cô nhập được kim cương định, dứt sạch mọi lậu hoặc (ô nhiễm), chứng được tam minh trong chánh pháp. Sau khi Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-ma chứng ngộ, người phụ nữ kia bèn đưa cô vào trong nhà tắm rửa, rồi trải tòa mời ngồi, đoạn đem thức ăn ra cúng dường. Lúc ấy, vị Tỳ-kheo kia vẫn còn đứng đợi ngoài cửa. Người phụ nữ ấy sợ thấy lại đòi thức ăn, bèn đứng án ngữ giữa cửa. Thi-lợi-ma thấy bà đứng chặn trước cửa liền sinh nghi, không hiểu vì sao bà lại đứng chặn trước cửa, bèn nghiêng đầu nhìn ra, thì thấy góc y của Tỳ-kheo, liền nói:

Đó là vị tôn sư của tôi, khát thực không được.

Rồi mời:

Xin tôn giả vào lấy thức ăn.

Người phụ nữ nói:

Thưa cô, cô cứ ăn. Con sẽ tìm thức ăn khác cúng dường cho thầy ấy.

Thi-lợi-ma nói:

Lúc này đang bị nạn đói, tìm đâu ra thức ăn nữa.

Đoạn, đem thức ăn ra cúng dường.

Người phụ nữ ấy oán trách:

Sa-môn Thích tử không có lòng từ. Vì sao người ta đã nhịn ăn cả ba hôm, đói xui suýt mất mạng, mà còn theo đòi thức ăn?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi các Tỳ-kheo đến. Khi các thầy đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo tự tay nhận lấy thức ăn của Tỳ-kheo-ni không phải bà con tại nhà bạch y.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn giả A-lợi-tra thân thể lở loét bị người ta nhờm gớm, nên không cho thức ăn. Mỗi lần đi khát thực, nếu thầy chưa vào cửa thì họ đóng cửa không cho vào, nếu đã vào rồi thì họ đuổi ra, không cho. Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì năm điều lợi ích nên cứ năm hôm đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần; thấy thân thể A-lợi-tra bị lở loét, Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo, sức khỏe của ông có điều hòa không?

Bạch Thế Tôn, con chỉ lo đói khát thôi.

Này Tỳ-kheo, ông không thể đi khát thực sao?

(397c) Bạch Thế Tôn, con có thể đi khát thực, nhưng vì thân thể con bị lở loét, khiến người ta nhòm gớm, nên cứ mỗi lần đi khát thực, nếu chưa vào cửa thì họ đóng cửa không cho vào, nếu đã vào cửa thì họ đuổi ra không cho.

Sao ông không đến chỗ Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-ma xin thức ăn?

Vì Thế Tôn chế giới không cho tự tay nhận thức ăn của Tỳ-kheo-ni không phải bà con tại nhà bạch y; mà cô ấy không phải bà con nên con không dám đến.

Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được đến.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo không bệnh mà tự tay nhận thức ăn của Tỳ-kheo-ni không phải bà con tại nhà bạch y, hoặc nhai, hoặc ăn, thì Tỳ-kheo ấy phải đến hối lỗi với Tỳ-kheo khác như sau: “Thưa trưởng lão, tôi phạm phải tội đáng trách, xin hối lỗi với trưởng lão.” Đây gọi là Ba la đề để xá ni.

*

❖ Giải thích

Không phải bà con: không phải cha mình, không phải mẹ mình.

Bệnh: Đức Thế Tôn bảo là không có tội. Nhưng không phải là nói về những bệnh chút chút mà là nói về những bệnh như ghẻ chốc, lở loét, ung thư khiến cho người ta nhòm gớm. Đó gọi là bệnh.

Tại nhà bạch y: Tại nhà của người thế tục.

Tỳ-kheo-ni: thọ Cụ túc giới giữa hai bộ Tăng.

Tự tay nhận lấy: Hoặc tay này nhận từ tay khác, hoặc bát này nhận từ bát khác.

Nhai: Như ăn các loại bánh, trái cây v.v...

Thức ăn: Năm thức ăn chính. (Nếu đã nhận thức ăn thì) Tỳ-kheo này phải đến hối lỗi với Tỳ-kheo khác rằng: “Thưa trưởng lão, tôi phạm tội đáng trách, xin hối lỗi với trưởng lão.” Tỳ-kheo nhận sám hối nên hỏi:

Thầy có thấy tội không?

Dạ thấy.

Cẩn thận chớ tái phạm.

Xin cúi đầu lãnh thọ.

Ba-la-đề-đề-xá-ni: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo không bệnh mà tự tay nhận thức ăn của Tỳ-kheo-ni không phải bà con tại nhà người thế tục, thì khi nhận phạm tội Việt-tỳ-ni, khi ăn phạm pháp hối quá.

Người không phải bà con, mình tưởng là không phải bà con mà nhận thức ăn thì phạm tội hối quá.

Người không phải bà con, mình nghi ngại mà nhận thức ăn thì phạm tội hối quá.

Người không phải bà con mà mình tưởng là người bà con rồi nhận thức ăn thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Người bà con mà mình tưởng là không phải bà con, rồi nhận thức ăn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Người bà con mà mình nghi, rồi nhận thức ăn thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Người bà con mình tưởng là người bà con (rồi nhận thức ăn) thì không có tội.

Vì người khác mà nhận thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu vì người bệnh mà nhận thì không có tội. Hoặc ăn thức ăn còn lại của người bệnh cũng không có tội.

Khi Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni đem thức ăn đến thì hãy bảo họ để xuống đất, rồi mình nhận lại từ tay người khác thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay mang thức ăn đến để xuống đất rồi thưa: “Xin tôn giả nhận gấp cho con”, (398a) khi ấy mình nhận thì không có tội. Hoặc nhận thức ăn tại chỗ ở của Tỳ-kheo-ni cũng không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 2 của bốn pháp Đề-xá-ni)



3. ĂN THỨC ĂN DO NI VẬN ĐỘNG

Khi Phật ở Tinh xá Ca-lan-đà Trúc Viên tại thành Vương-xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, một gia đình quen biết của Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà mời chư tăng thọ trai. Thâu-lan-nan-đà đứng trước nhóm sáu Tỳ-kheo chỉ bảo, nói với đàn việt: Đưa cơm cho Tỳ-kheo này, đưa canh cho Tỳ-kheo kia, đưa thịt cá cho Tỳ-kheo nọ.

Đàn việt vâng lệnh dọn thức ăn đầy đủ cho nhóm sáu Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn chê trách:

Vì sao nhóm sáu Tỳ-kheo để cho Tỳ-kheo-ni bảo đàn việt dọn nhiều thức ăn cho mình mà không quả trách?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật bèn hỏi lại sự việc trên:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông để cho Tỳ-kheo-ni bảo dọn thức ăn nhiều cho mình một cách thiên vị mà không quả trách?

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Vương-xá phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu nhà bạch y mời chư Tăng thọ trai, mà Tỳ-kheo-ni đứng trước Tỳ-kheo, chỉ bảo đàn việt: “Đưa cơm cho vị này, đưa canh cá thịt cho vị kia”, thì các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo-ni ấy: “Này chị em, hãy để yên đấy, đợi các Tỳ-kheo ăn xong đã.”

Nếu như không có một người nào trong số các Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo-ni rằng: “Này chị em, hãy để yên đấy, đợi các Tỳ-kheo ăn xong đã”, thì các Tỳ-kheo phải hướng đến Tỳ-kheo khác sám hối như sau: “Thưa trưởng lão, tôi phạm tội đáng trách.” Pháp sám hối này được gọi là Ba la đề đề xá ni.

*

❖ Giải thích

Nhà bạch y: Nhà người thế tục.

Mời: Hoặc mời ngày nay, hoặc ngày mai.

Thức ăn: Năm thức ăn chính và năm thức ăn phụ.

Tỳ-kheo-ni: Người đã thọ giới Cụ túc giữa hai bộ Tăng (Ni).

Đưa: Như nói: “Sớt thêm cơm cho vị này, múc thêm canh cho vị kia, đem cá thịt cho vị nọ.”

Nên nói với Tỳ-kheo-ni: Qua sự thấy nghe hay biết, nên bảo rằng: “Này chị em, hãy để yên đấy, đợi các Tỳ-kheo ăn xong đã.”

Nếu người ấy dừng lại thì tốt, nếu không dừng lại, thì nhắc nhở đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu không nói mà cứ nhận thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu ăn thì phạm pháp Hối quá. Tỳ-kheo này phải hướng đến Tỳ-kheo khác tạ lỗi như sau: “Thưa trưởng lão, tôi phạm tội đáng trách.” Pháp Hối quá này người nhận sám hối nên hỏi:

Thầy có thấy tội ấy không?

Dạ thấy.

Hãy cẩn thận chớ tái phạm.

Xin cúi đầu lãnh thọ.

Ba-la-đề-đề-xá-ni: Như trên đã nói.

Nếu chưa quả trách đủ ba lần mà ăn thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đủ ba lần mà người ấy không đình chỉ, thì ăn không có tội. (398b) Một người quả trách rồi, tất cả đều ăn không có tội. Hoặc không thấy, không nghe thì ăn không có tội. Hoặc Ni tự làm đàn việt thì không có tội. Nếu đàn việt chưa mời Tăng lần nào nên không biết cách thức, thì khi ấy, Tỳ-kheo-ni có thể chỉ bảo họ tôn trí hình tượng, dọn các thức ăn, rồi mời ngồi. Nếu không mời, không phải năm thức ăn chính, thì chỉ bảo không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 3 của bốn pháp Đề-xá-ni)

✱

4. NHẬN THỨC ĂN CỦA NHÀ HỌC GIA

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Ở đây xin nói rộng về nhân duyên của đại thần Tỳ-xà, cho đến chỗ Tiên Di Ni Sát-đế-lợi, rồi Phật nói với các Tỳ-kheo: “Đại thần Tỳ-xà bố thí thái quá khiến cho tiền tài khánh tận, Tăng nên làm yết-ma học gia cho ông.” Pháp yết-ma này nên nói:

“Xin đại đức Tăng lắng nghe. Đại thần Tỳ-xà bố thí thái quá khiến cho tiền tài khánh tận, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng hãy làm yết-ma học gia cho đại thần Tỳ-xà. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Đại thần Tỳ-xà bố thí thái quá khiến cho tiền tài khánh tận. Tăng nay làm yết-ma học gia cho đại thần Tỳ-xà. Các đại đức nào bằng lòng làm yết-ma học gia cho đại thần Tỳ-xà thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần yết-ma thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy).

Tăng đã làm yết-ma học gia cho đại thần Tỳ-xà xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.”

Đại thần Tỳ-xà sau khi từ chỗ tiên Di-ni Sát-đế-lợi trở về, mệt lả, thân thể đầy bụi bặm, liền hỏi người nhà: “Các A-xà-lê có thường đến không?” Người nhà đáp: “Có đến, nhưng khi bố thí vật gì thì tất cả đều không nhận.” Tỳ-xà nghe vậy, lòng không vui, cũng không kịp tắm rửa gì, tức tốc đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, vì sao các Tỳ-kheo không nhận vật cúng dường của nhà con?

Vì ông bố thí thái quá đến nỗi tiền tài khánh tận, Như Lai muốn lợi ích cho ông nên đã làm yết-ma học gia đối với ông. Vì lý do đó mà các Tỳ-kheo không nhận phẩm vật bố thí của ông.

Bạch Thế Tôn, ngày nay gia đình con giàu có gấp ba lần trước kia, kính xin Thế Tôn từ nay về sau cho phép các Tỳ-kheo nhận phẩm vật bố thí của gia đình con.

Hôm nay là ngày rằm, vậy ông hãy trở về nhà, tắm rửa thân thể, mặc y phục mới mẻ sạch sẽ, rồi cùng với thân quyến đi đến xin chúng Tăng tùy hỷ nguyện vọng của ông.

Sau khi Tỳ-xà vâng theo lời dạy trở về, thì Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: “Trước đây Tỳ-xà vì bố thí thái quá, muốn cho ông được lợi ích, Tăng đã làm yết-ma học gia đối với ông. Nay Tỳ-xà tự đến

nói rằng gia sản đã giàu có hơn xưa (398c) gấp ba lần, nên muốn xin Tăng xả pháp yết-ma học gia, vậy Tăng nên xả cho ông.”

Tỳ-xà trở về nhà, tắm rửa thân thể, thay y phục mới, rồi cùng với quyến thuộc, đi đến chỗ Tăng, trình bày đầy đủ việc kể trên. Lúc này, Tăng muốn giải yết-ma học gia phải làm yết-ma cầu thỉnh, nói như sau:

“Xin đại đức Tăng lắng nghe. Đại thần Tỳ-xà bố thí thái quá đến nỗi tiền tài khánh tận, Tăng muốn cho ông lợi ích đã làm yết-ma học gia đối với ông. Nhưng nay sản nghiệp đã sung túc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, mong Tăng hãy cho phép đại thần Tỳ-xà vào trước Tăng xin xả pháp yết-ma học gia.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Đại thần Tỳ-xà xin xả pháp yết-ma học gia, Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.”

Lúc ấy, đại thần Tỳ-xà phải vào trước chúng Tăng, cúi đầu đánh lễ dưới chân, quỳ gối, chấp tay, bạch như sau:

“Xin đại đức Tăng lắng nghe. Con là Tỳ-xà, trước giàu sau nghèo, Tăng thương tình cho con pháp yết-ma học gia. Nay gia nghiệp của con đã giàu có hơn xưa gấp ba lần, nên con đến xin Tăng xả pháp yết-ma học gia, kính mong Tăng xả pháp yết-ma học gia cho con” (xin ba lần như vậy).

Bấy giờ phải dẫn ông Tỳ-xà ra đứng chỗ mắt thấy mà tai không nghe, rồi người làm yết-ma bạch:

“Xin đại đức Tăng lắng nghe. Vị đại thần Tỳ-xà này do bố thí thái quá đến nỗi tiền tài khánh tận, Tăng muốn cho ông được lợi ích nên đã làm pháp yết-ma học gia cho ông. Nay ông tự đến nói rằng gia sản giờ đây đã sung túc hơn xưa gấp ba lần, nên xin Tăng xả pháp yết-ma học gia. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay hãy xả pháp yết-ma học gia cho ông Tỳ-xà. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Đại thần Tỳ-xà bố thí thái quá đến nỗi tiền tài khánh tận. Vì muốn cho ông được lợi ích, Tăng đã làm

yết-ma học gia đối với ông. Nay Tỳ-xà tự nói rằng gia sản đã sung túc gấp ba lần trước kia, nên đã xin Tăng xả pháp yết-ma học gia. Nay Tăng xả pháp yết-ma học gia cho ông Tỳ-xà. Đại đức nào bằng lòng việc Tăng xả pháp yết-ma học gia cho ông Tỳ-xà thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã xả pháp yết-ma học gia cho ông Tỳ-xà xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.”

Vấn đề xả pháp yết-ma học gia này phải có sự hiện diện của Tăng chúng chứ không phải bằng sự hiện diện của đồ chúng. (Nghĩa là chỉ có thầy trò với nhau).

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo chưa được mời trước mà đến những gia đình Tăng đã làm pháp yết-ma học gia tự tay nhận thức ăn, (399a) hoặc nhai, hoặc ăn, thì Tỳ-kheo ấy phải đến Tỳ-kheo khác tạ lỗi rằng: “Thưa trưởng lão, tôi phạm tội đáng trách.” Pháp hối quá này là pháp Ba-la-đề Đề-xá-ni.

*

❖ Giải thích

Học gia: Gia đình mà cả hai vợ chồng mỗi người đều đã chứng được một trong ba quả: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm hoặc A-na-hàm.

Gia đình: Gia đình của bốn chủng tộc: Gia đình Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá và Thủ-đà-la.

Tỳ-kheo chưa được mời trước: Trước đó chưa được thí chủ mời mà mình tưởng họ mời, hoặc mời người khác mà tưởng họ mời mình, rồi mình đến nhà, vườn hay ruộng đồng của họ.

Tự tay nhận lấy: Từ tay đưa qua tay hay từ bát đưa qua bát để nhận.

Nhai: ăn các loại bánh, trái v.v...

Thức ăn: Năm loại thức ăn chính. Nếu Tỳ-kheo nhận năm loại thức ăn chính thì phải đến Tỳ-kheo khác sám hối như sau: “Thưa trưởng lão, tôi phạm tội đáng quở trách, xin hối lỗi với trưởng lão.” Người nhận sám hối nên hỏi:

Thầy có tự thấy tội không?

Dạ thầy.

Chớ có tái phạm.

Xin cúi đầu lãnh nhận.

Ba-la-đề-đề-xá-ni: Như trên đã nói.

Nếu gia đình nào Tăng đã làm yết-ma học gia thì không được tuyệt nhiên không đến nữa như chim quạ tránh tên, mà thỉnh thoảng nên đến thăm, thuyết pháp bàn luận nghĩa lý. Nếu gia đình ấy bố thí thì bảo họ hãy để đấy, tôi sẽ biết đúng lúc. Nếu trước đó, họ đã mời Tăng rồi mới làm yết-ma sau, thì không được nhận những vật có giá trị lớn mà nên nhận những vật có giá trị tầm thường. Nếu gia đình ấy hỏi: “Vì sao tôn giả không nhận vật bố thí này? Thấy cho rằng tôi nghèo sao?”, thì khi ấy nên đáp: “Ông (bà) không nghèo, như đức Thế Tôn đã dạy, người đắc quả Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp, là kẻ giàu nhất trong hàng Thanh văn. Bốn pháp đó là:

1. Có niềm tin kiên cố đối với đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri, Sa-môn, Bà-la-môn, Chư Thiên, người đời không thể phá vỡ được.
2. Có niềm tin kiên cố đối với chánh pháp.
3. Có niềm tin kiên cố đối với chúng Tăng.

4. Có niềm tin kiên cố đối với thánh giới, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, người đời không thể phá vỡ được niềm tin ấy.

Những ai thành tựu bốn pháp này là người không nghèo mà là giàu có bậc nhất trong hàng Thanh văn của đức Như Lai.”

Nếu mình đến Tinh xá nào đó (399b) gặp lúc cúng dường trai phạn và nước uống phi thời cho Tăng chúng, thì không được bỏ đi mà nên giúp họ trải giường nệm, bày vật cúng dường, rồi cùng thọ trai. Trai phạn xong, nên thuyết pháp cho họ nghe. Thế nên nói:

“Ở nơi A lan nhã,
Không bệnh nhận Ni cúng.
Tỳ-kheo-ni bảo dọn
Yết-ma định học gia,
Hết bốn pháp hối quá.”

(Hết giới thứ 4 của bốn pháp Đề-xá-ni)

✱

PHÁP CHÚNG HỌC

(Pháp chúng học hay còn gọi Uy nghi,
gồm có sáu mươi sáu pháp)

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo mặc nội y hoặc thấp, hoặc cao, so le, bách điệp, như hoa Thạch lựu, như nắm cơm vắt, như đuôi cá, như lá cây đa la, như vòi voi v.v...

Thấp: Chấm gót chân.

Cao: Ngang đầu gối.

So le: Không tề chỉnh.

Bách điệp: Gấp lại nhiều lớp.

Hoa Thạch lựu: Dồn về một bên.

Nắm cơm vắt: Túm trên đầu như nắm cơm vắt.

Đuôi cá: Thòng xuống hai góc giống như đuôi cá.

Lá cây đa la: Lồi lên như lá cây đa la.

Vòi voi: Một góc thòng xuống.

Họ mặc nội y lôi thôi như thế nên bị người đời chế nhạo:

Xem sa-môn Thích tử mặc áo quần giống như Vương tử, đại thần, kẻ ăn chơi, hoặc cao, thấp, so le cho đến giống như vòi voi. Đó là những kẻ bại hoại, có đạo nào như thế?

Các Tỳ-kheo nghe vậy, liền đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông mặc nội y cao thấp, cho đến giống như vòi voi, khiến cho người đời chê bai? Từ nay về sau Ta không cho phép mặc nội y như vậy.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, rồi Ngài mặc nội y ở trước chúng Tăng. Mặc xong, Phật bảo các Tỳ-kheo:

Các ông nên mặc nội y như thế này, như cách mặc nội y của trời Tịnh Cư, gấp bên phải xếp về bên trái.

Thế rồi, vì mười lợi ích mà Phật chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại.

1. Cần phải học: Mặc nội y tề chỉnh

Khi mặc nội y phải mặc chỉnh tề, không được cuộn tròn như quần vào trục, không được làm như dâm nữ bán nhan sắc nhìn bên trái bên phải xem có đẹp hay không đẹp, chỉ cần xem mặc có tề chỉnh đúng pháp hay không. Nếu buông lung các căn (399c) không chú ý mặc tề chỉnh tức là coi thường pháp cần phải học. Nếu bị cuồng si tâm loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: mặc nội y tề chỉnh*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo đắp y khi thì thấp, lúc thì cao, hoặc giống như Bà-la-thiên, Bà-tẩu-thiên.

Đắp y thấp: xuống tới gót chân.

Đắp y cao: Ngang đầu gối.

Đắp y như Bà-la-thiên: Y lòi trên đầu, dưới hai nách lòi ra. Đó gọi là đắp y như Bà-la-thiên.

Đắp y như Bà-tẩu-thiên: Y lòi trên lưng, từ dưới hai nách choàng lên hai vai. Đó gọi là đắp y như Bà-tẩu-thiên.

Họ đắp y lòi thoi như thế nên bị người đời chế nhạo:

Vì sao sa-môn Thích tử đắp y khi cao, khi thấp giống như nhà vua, đại thần, kẻ hào phú! Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau Ta không cho phép đắp y cao, thấp, cho đến giống như cách đắp y của Bà-tẩu-thiên, mà phải đắp y tề chỉnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

2. Cần phải học: Đắp y tề chỉnh

Khi đắp y phải đắp tề chỉnh, không được cuộn tròn giống như cuộn vào trục, mà phải khấp trên vai trái, hai góc y phải bằng nhau. Khi đắp không được để cho góc y trong tay lòi ra giống như tai dê; không được làm như dân nữ bán nhan sắc, nhìn qua bên phải bên trái xem có đẹp hay không đẹp; chỉ cần xem cho đúng pháp, tề chỉnh, không cao không thấp là được. Khi y bị dính đất thì có thể dùng tay gỡ lên, phủi đi. Nếu buông lung các căn đắp y không đúng pháp tức là coi thường pháp cần phải học. Nếu bị

cuồng si tâm loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: đắp y tề chỉnh.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà mặc áo trong thưa mỏng để lộ thân hình; đồng thời nhóm sáu Tỳ-kheo cũng mặc y dơ bẩn rách rưới để lộ cả hông, ức, lưng, cùi chỏ, rồi họ cùng nhau đi vào nhà đàn việt, nên bị người đời châm biếm:

Các vị hãy xem kia! sa-môn Thích tử mà giống như vua, đại thần, mặc áo trong thưa mỏng để lộ cả thân hình.

Còn thấy mặc y rách rưới thì họ nói với nhau:

Các vị hãy xem kia! sa-môn Thích tử mặc y phục để lộ cả thân thể giống như những kẻ tội tở, như người hạ tiện làm thuê đi vào nhà chúng ta. Đó là những kẻ bại hoại, có đạo nào như thế!

Các Tỳ-kheo nghe họ nói, bèn đem (400a) sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau phải che thân kín đáo khi vào trong nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

3. Cần phải học: Phục sức kín đáo khi vào trong nhà bạch y

Nếu may y An-đà-hội thì phải dùng vải dày để may. Nếu vải thưa thì phải may hai, ba lớp. Nếu y An-đà-hội thưa thì y Uất-đa-la tăng phải may bằng vải dày. Nếu y Uất-đa-la tăng thưa thì y Tăng-già-lê

phải may bằng vải dày. Nếu buông lung các căn không che thân thể kín đáo khi vào nhà bạch y tức là coi thường pháp cần phải học. Nhưng nếu cuồng loạn điên khùng, thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Phục sức kín đáo khi vào trong nhà bạch y.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo đi vào nhà bạch y, họ ngó voi, ngựa, lạc đà, chim chóc, hoặc xem kỹ nữ ca múa, nên bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà nhìn ngó bên Đông bên Tây giống như kẻ gián điệp?

Có người các cố hỏi:

Tôn giả mất vật gì mà nhìn ngó hai bên giống như đang tìm kiếm vậy? Người xuất gia khi vào nhà ai thì phải ngó thẳng mà đi chứ! Đó là những kẻ bại hoại, có đạo nào như thế!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau phải ngó thẳng phía trước mà đi vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

4. Cần phải học: Ngó thẳng phía trước mà đi vào nhà bạch y

Ngó thẳng: Khi đi không được cúi đầu xuống mà đi giống như ngựa, mà phải nhìn thẳng đằng trước để phòng voi, ngựa, bò dữ, phải đi giống như người khiêng kiệu, không được nhìn ngó bên Đông bên Tây. Khi muốn nhìn về phía nào, phải xoay cả người về phía ấy mà nhìn. Nếu buông lung các căn, không ngó thẳng phía

trước khi vào nhà đàn việt tức là coi thường pháp cần phải học. Nhưng nếu như bị tâm loạn điên cuồng thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Ngó thẳng phía trước mà đi vào nhà bạch y.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo lớn tiếng gọi nhau khi vào nhà bạch y, nên bị người ta chê cười:

Tôn giả giống như khách buôn bị mất bạn, như kẻ mục đồng lớn tiếng gọi nhau. Ông là người xuất gia, khi vào nhà ai nên nói khẽ chứ.

Rồi họ tiếp:

Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

(400b) Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau nên nói khẽ khi vào nhà người khác.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

5. Cần phải học: Nói khẽ khi vào nhà bạch y

Không được lớn tiếng gọi nhau khi đi vào nhà bạch y. Nếu muốn gọi nhau thì nên khảy ngón tay. Nếu người trước không nghe thì nên nhờ người ngồi bên cạnh nói giùm. Nếu buông lung các căn không học nói khẽ khi vào nhà bạch y, tức là coi thường pháp cần phải học. Nhưng nếu tâm trí cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: nói khẽ khi vào nhà bạch y.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo cười nói đùa giỡn đi vào nhà bạch y, nên bị người đời cười chê:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như Vương tử đại thần, kẻ phóng dật dâm loạn, cùng nhau cười nói đùa giỡn đi vào nhà bạch y.

Rồi có người hỏi:

Tôn giả vì sao giơ cả lợi ra, muốn bán rằng hả? Ở trong đó cũng không có kỹ nữ mà vì sao lại cười? Đây là những kẻ bại hoại chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc ấy thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông sống trong giới luật của bậc Thánh mà lại cười nói đùa giỡn để hở cả lợi? Từ nay về sau không được cười đùa khi vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

6. Cần phải học: Không được cười đùa khi vào nhà bạch y

Không được cười: Nếu có việc đáng cười thì không được cười ha hả để hở cả răng lợi, mà phải kìm chế, phải quán tưởng về lẽ vô thường, khổ, không, vô ngã, tư duy về cái chết. Nếu không thể ngừng được thì phải cắn lưỡi lại. Nếu cũng không thể ngừng được, thì nên dùng chéo y bịt miệng lại ức chế từ từ. Nếu phóng túng các căn, cười lớn khi vào nhà bạch y tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị điên loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được cười đùa khi vào nhà bạch y.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo trùm đầu đi vào nhà bạch y, bị người đòi chê trách:

Vì sao sa-môn Thích tử đi vào nhà bạch y mà phóng túng như bọn dâm nữ, như kẻ gián điệp của giặc, như cô vợ mới cưới, như kẻ lấy mật?

(400c) Rồi họ hỏi: Tôn giả bị bệnh đau mắt sao? Sợ nắng cháy đầu sao? Vì sao lại trùm đầu? Đây là những kẻ bại hoại, có đạo nào như thế!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được trùm đầu đi vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

7. Cần phải học: Không được trùm đầu đi vào nhà bạch y

Trùm đầu: Trùm kín cả đầu và hai tai.

Không được trùm đầu đi vào nhà bạch y. Nếu vì trời mưa tuyết quá lạnh, sợ bị đau đầu, thì được trùm nửa đầu và một tai. Nếu phóng túng các căn trùm đầu đi vào nhà bạch y, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được trùm đầu đi vào nhà bạch y*”



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo vất trái y vào nhà bạch y, bị người đòi chê trách:

Vì sao Sa-môn Thích tử đi vào nhà bạch y mà vắt trái y để hở cả cùi chỏ, xương sườn, giống như Vương tử, đại thần, như bọn dân nữ bán nhan sắc?

Rồi họ hỏi: Tôn giả muốn đến đó đánh lộn sao? Vì sao lại vắt trái y để hở cả xương sườn? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được vắt trái y đi vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

8. Cần phải học: Không được vắt trái y đi vào nhà bạch y

Lật trái: Hai bên lật trái vắt trên vai.

Không được vắt trái y đi vào nhà bạch y. Nếu khi mưa gió thì được vắt lên một bên. Nếu để trần vai bên phải thì được vắt qua bên trái. Nếu cả hai vai đều phủ kín thì được vắt qua bên phải, nhưng không được để lộ cùi chỏ. Khi đi khát thực, nếu sợ nhớp y, có thể vắt trái y lên vai mà không để lộ cùi chỏ, thì không có tội. Nếu buông lung các căn, vắt trái y đi vào nhà bạch y tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được vắt trái y đi vào nhà bạch y.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo đi nhón gót vào nhà bạch y, (401a) bị người đời chê trách:

Vì sao sa-môn Thích tử mà đi giống như dâm nữ, kẻ trộm, rắn bò. Đó là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được đi nhón gót vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

9. Cần phải học: Không được đi nhón gót vào nhà bạch y

Khi vào trong nhà nếu chân dính đất thì không được đặt các ngón chân xuống trước rồi gót chân xuống sau, mà phải đặt gót chân xuống trước rồi các ngón chân xuống sau. Nếu lòng bàn chân có mụn thì nên đi nghiêng bàn chân, và dùng vật gì đắp mụn rồi buộc lại, đoạn đặt gót chân xuống trước rồi ngón chân xuống sau. Nếu buông lung các căn, không học cách đi bàn chân bằng phẳng tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị điên loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được đi nhón gót vào nhà bạch y.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo chống nạnh đi vào nhà bạch y, bị người đời chê trách:

Vì sao sa-môn, Thích tử mà chống nạnh đi vào nhà bạch y giống như Vương tử, đại thần, lực sĩ? Đó là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đây là việc ác, từ nay về sau không được chống nạnh đi vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

10. Cần phải học: Không được chống nạnh đi vào nhà bạch y

Chống nạnh: Hai tay ôm vào hai bên hông.

Không được chống nạnh đi vào nhà bạch y. Nếu bị đau sống lưng, bị bệnh phong nhọt thì được chống nạnh, không có tội. Hoặc bị ung thư, ghẻ lở phải dùng thuốc đắp, rồi sợ dơ y nên chống nạnh thì không có tội. Nếu buông lung các căn chống nạnh đi vào nhà bạch y tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ cuồng si tâm loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được chống nạnh đi vào nhà bạch y.*

Kệ tóm tắt:

“Khoác y nội, y ngoài,
Trùm kín, mắt nhìn thẳng,
Nói khẽ, không được cười.
Trùm đầu và lật y
(401b)Nhón gót và chống nạnh,
Hết phần đầu Bạt cù.”

✱

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo đi ẻo lả vào nhà bạch y, bị người đời chê trách:

Vì sao sa-môn Thích tử mà đi ẻo lả vào nhà bạch y giống như Vương tử, đại thần, dâm nữ? Đây là những kẻ bại hoại, có đạo nào như thế!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được đi ẻo lả vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

11. Cần phải học: Không được đi ẻo lả vào nhà bạch y

Nếu thân già bệnh gặp trời mưa gió tuyết lạnh thì đi ẻo lả không có tội. Nhưng nếu buông lung các căn đi ẻo lả vào nhà bạch y tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được đi ẻo lả vào nhà bạch y.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo đầu lắc lư đi vào nhà bạch y, bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử đi vào nhà bạch y mà lắc lư cái đầu giống như kẻ dâm loạn, như chuột, chó sói? Đó là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được lắt lư cái đầu đi vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

12. Cần phải học: Không được lắt lư cái đầu đi vào nhà bạch y

Nếu vì già yếu đau ốm, hoặc bị nhức đầu, hay trời mưa gió lạnh lẽo thì lắt lư cái đầu không có tội. Nhưng nếu buông lung các căn, lắt lư cái đầu đi vào nhà bạch y, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoài trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được lắt lư cái đầu đi vào nhà bạch y.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo vấy tay đi vào nhà bạch y, đụng nhằm mặt đàn việt, khiến bình đựng dầu sữa trong tay họ bị vỡ bể, nên bị người đời chê trách:

Vì sao sa-môn Thích tử mà vấy tay đi vào nhà bạch y giống như những kẻ lục sĩ hung bạo! Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem (401c) sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được vấy tay đi vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

13. Cần phải học: Không được vấy tay đi vào nhà bạch y

Nếu người ấy trước kia vốn là Vương tử, đại thần, tập khí chưa trừ được, thì nên dạy rằng:

Nay Thầy đã xuất gia, phải bỏ tập quán cũ mà theo phép tắc của Tỳ-kheo. Nếu muốn gọi ai thì không được đưa cả hai tay lên vấy, mà chỉ cần đưa một tay lên vấy mà thôi. Nếu buông lung các căn, vấy tay đi vào nhà bạch y, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được vấy tay đi vào nhà bạch y.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo mặc y dơ bẩn rách rưới để lộ cả cùi chỏ, hông ngực, riêng Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thì mặc y thưa mỏng để lộ cả thân thể, cùng ngồi trong nhà bạch y, khiến cho người đời chê trách:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như Vương tử, đại thần, kẻ quí nhân, mặc y phục thưa mỏng?

Khi Thầy mặc y xấu xí thì họ lại chê:

Giống như những kẻ tội tở, người hạ tiện làm thuê, mặc y phục dơ bẩn rách rưới, để lộ cả cùi chỏ, hông ngực, ngồi trong nhà bạch y. Sa-môn Thích tử lẽ ra phải che kín thân khi ngồi trong nhà. Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau phải che kín thân khi ngồi trong nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

14. Cần phải học: Che kín thân khi ngồi trong nhà bạch y

Che kín thân: Nên dùng vải dày làm nội y; nếu may bằng vải thưa thì phải may hai, ba lớp. Nếu nội y thưa thì y Uất-đa-la tăng phải may bằng vải dày. Nếu y Uất-đa-la tăng thưa thì y Tăng-già-lê phải may bằng vải dày. Nếu y Tăng-già-lê thưa thì y Uất-đa-la tăng phải may bằng vải dày. Khi ngồi không được ngồi trên y, phải dùng một tay vén y, một tay vin tọa cụ, rồi ngồi một cách nhẹ nhàng. Nếu ngồi thọ trai ở trong Tinh xá trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo trưởng lão, (402a) thì phải che thân kín đáo. Nếu buông lung các căn không che thân kín đáo khi ngồi trong nhà, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: che thân kín đáo khi ngồi trong nhà bạch y.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo vào trong nhà bạch y, ngồi ngó các phụ nữ và trẻ em đang đi ra đi vào, lên gác xuống gác, nên bị người đời chê bai:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như kẻ dâm loạn, như quân trộm cắp, ngồi trong nhà người ta nhìn ngó các phụ nữ?

Rồi họ hỏi:

Tôn giả mất vật gì mà nhìn ngó Đông Tây như vậy? Đây là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau khi ngồi trong nhà bạch y phải ngó thẳng đằng trước.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

15. Cần phải học: Ngó thẳng đằng trước khi ngồi trong nhà bạch y

Nhìn thẳng phía trước khi ngồi trong nhà nghĩa là không được làm như ngựa ngẩng cổ lên hay cúi đầu xuống nhìn mà phải nhìn thẳng, để coi chừng đàn việt có bùng những vật nóng như nước sôi đến, khỏi va nhằm vào tay họ. Khi ngồi ăn tại Tinh xá hay lúc ở trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo trưởng lão thì không được nhìn ngó bên phải bên trái, mà phải ngồi nhìn thẳng phía trước. Nếu buông lung các căn không nhìn đoạn chính khi ngồi, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: nhìn ngó đoạn chính khi ngồi trong nhà bạch y.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo vào ngồi trong nhà bạch y lớn tiếng gọi nhau nói năng ầm ĩ, bị người đời chê trách:

Vì sao sa-môn Thích tử mà lớn tiếng gọi nhau giống như người đi buôn bị mất bạn, như kẻ mục đồng gọi nhau?

Rồi họ vặn hỏi:

Tôn giả, vì có gì mà gọi lớn như thế? Người xuất gia lẽ ra phải nói năng nhỏ nhẹ, chứ vì sao lại gọi nhau ầm ĩ? Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau phải nói năng nhỏ nhẹ khi ngồi trong nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, (402b) dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

16. Cần phải học: Nói nhỏ nhẹ khi ngồi trong nhà bạch y

Khi ngồi trong nhà không được gọi nhau ầm ĩ. Nếu muốn gọi ai thì nên gảy móng tay, nếu người ấy không nghe thì nên nhờ người ngồi gần bên nói giúp. Khi thọ trai tại Tinh xá hay ngồi trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo trưởng lão thì không được lớn tiếng gọi nhau. Khi muốn nói chuyện với ai thì nên nói với người ngồi gần rồi chuyển dần đến người thứ hai, thứ ba v.v... khiến cho người ấy biết. Nếu buông lung các căn lớn tiếng gọi nhau khi ngồi trong nhà tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: nói nhỏ nhẹ khi ngồi trong trong nhà bạch y.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo ngồi trong nhà bạch y cười giỡn với nhau ầm ĩ, bị người đời chê trách:

Vì sao sa-môn Thích tử khi ngồi trong nhà bạch y mà cười giỡn tự do như Vương tử, đại thần, bọn dâm nữ?

Rồi họ hỏi:

Tôn giả, ở trong đây có việc gì đáng cười không? Vì sao để bày cả lợi ra, muốn bán rằng hả? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Các ông là những người xuất gia, vì sao sống trong giới luật của hiền Thánh mà lại cười lớn để hở cả lợi ra? Từ nay về sau không được cười khi ngồi trong nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

17. Cần phải học: Không được cười khi ngồi trong nhà bạch y

Khi ngồi trong nhà bạch y không được cười. Khi Thọ trai tại Tinh xá hay đang ngồi trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo trưởng lão cũng không được cười. Nếu có chuyện đáng cười cũng không được cười lớn để hở cả răng lợi ra ngoài. Nên quán tưởng về sự vô thường, khổ, không, vô ngã, tư duy về sự chết, hoặc phải cẩn lười lại. Nếu không ngừng được cũng không nên cười lớn để hở cả lợi, mà phải lấy chéo y che miệng lại để kìm chế. Nếu buông lung các căn ngồi trong nhà bạch y mà cười, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được cười khi ngồi trong nhà bạch y.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo trùm đầu ngồi trong nhà bạch y, bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà trùm đầu ngồi trong nhà bạch y giống như bọn dâm nữ, hay người lấy mật?

Rồi họ hỏi:

Tôn giả (402c) bị bệnh đau đầu, sợ ánh nắng chiếu vào đầu phải không? Vì sao lại trùm đầu? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được trùm đầu ngồi trong nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

18. Cần phải học: Không được trùm đầu ngồi trong nhà bạch y

Trùm đầu: Trùm kín cả đầu và hai tai.

Không được trùm đầu ngồi trong nhà. Khi Thọ trai tại Tinh xá, hoặc ngồi trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo trưởng lão thì không được trùm đầu. Trong trường hợp mưa gió lạnh lẽo, hoặc bị bệnh, bị đau đầu phong cũng không được trùm kín cả đầu mà chỉ nên trùm nửa đầu để trống một bên tai. Nhưng khi thấy Tỳ-kheo trưởng lão thì phải lấy đi. Nếu trùm đầu ngồi trong phòng riêng kín đáo thì không có tội. Nếu buông lung các căn trùm đầu ngồi trong nhà tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được trùm đầu ngồi trong nhà bạch y.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo vắt y (lên vai) ngồi trong nhà bạch y, bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà vắt y (lên vai) ngồi trong nhà để lộ cả cùi chỏ, hông, giống như vương tử, đại thần, bọn dân nữ bán nhan sắc? Đây là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được vắt y ngồi trong nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

19. Cần phải học: Không được vắt y (lên vai) ngồi trong nhà bạch y

Vắt y: Hoặc vắt lên một bên, hoặc vắt cả hai bên.

Không được vắt y ngồi trong nhà. Khi khát thực hoặc lấy thức ăn, nếu sợ nhớp y, có thể vắt y lên, nhưng không để lộ cùi chỏ, thì không có tội. Khi thọ trai tại Tinh xá hay ngồi trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo trưởng lão thì không được vắt y lên. Nếu có vắt thì chỉ được vắt một bên, không được vắt cả hai bên. Nếu vắt y thì nên vắt bên trái. Nếu cả hai vai đều đắp y kín thì được vắt bên phải. Nhưng khi thấy Tỳ-kheo Trưởng lão thì phải buông xuống trở lại. Nếu buông lung các căn, vắt y lên vai ngồi trong nhà, tức là coi thường pháp cần phải học. (403a) Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được vắt y lên vai ngồi trong nhà bạch y.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo ôm đầu gối ngồi trong nhà bạch y, bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà kiêu căng phóng dật, ôm gối ngồi trong nhà người thế tục giống như Vương tử, đại thần? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được ôm gối ngồi trong nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

20. Cần phải học: Không được ngồi bó gối trong nhà bạch y

Bó gối: Có thể vòng tay, vén y nhưng không được bó gối mà ngồi trong nhà.

Khi Thọ trai tại Tinh xá hay ở trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo trưởng lão thì không được ôm gối mà ngồi. Khi đầu gối bị đau thì được dùng vải bó lại, nhưng khi thấy Tỳ-kheo Trưởng lão thì phải mở ra(?). Nếu trong phòng riêng ở chỗ vắng thì được ngồi bó gối. Nhưng khi thấy Tỳ-kheo trưởng lão đến thì phải ngồi ngay ngắn. Nếu buông lung các căn, ôm gối ngồi trong nhà tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn, thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được ôm gối ngồi trong nhà bạch y.*

Kệ tóm tắt:

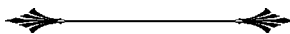
“Uốn mình, đầu lắc lư,
Vẫy tay, che kín thân.
Nhìn thẳng và nói khẽ,
Không cười, ngồi trùm đầu.
Vắt y, ngồi ôm gối,
Hết phần hai Bạt cừ.”

✱

Hết quyển thứ hai mươi một

LUẬT MA HA TĂNG KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 22

PHÁP CHÚNG HỌC (tiếp theo)

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo ngồi tréo chân trong nhà bạch y, (403b) bị người đời chê cười: “Vì sao sa-môn Thích tử mà ngồi tréo chân trong nhà bạch y, giống như vương tử, đại thần? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!” Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được ngồi tréo chân trong nhà bạch y.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

21. Cẩn phải học: Không được ngồi tréo chân trong nhà cư sỹ (bạch y).

Tréo chân: Bắp vế để trên bắp vế, đầu gối đặt trên đầu gối, bắp chân đặt trên ống chân, gót chân đặt trên mu bàn chân. Không được ngồi tréo chân trong nhà bạch y mà phải ngồi ngay ngắn hai chân bằng nhau. Khi Thọ trai tại Tinh xá hay ở trước Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo trưởng lão không được ngồi tréo chân lên nhau.

Nếu bị bệnh thì được ngồi tréo chân, nhưng khi thấy Thượng tọa thì phải ngồi lại đoan chánh. Nếu bàn chân bị dính bùn nên ngồi tréo chân để gạt bùn, thì không có tội. Nếu buồng lung các căn ngồi tréo chân trong nhà bạch y tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được ngồi tréo chân trong nhà bạch y.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo ngồi chống nạnh trong nhà bạch y, bị người đời chê cười: “Vì sao sa-môn Thích tử mà ngồi chống nạnh trong nhà bạch y, giống như vương tử, đại thần, lực sĩ? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được ngồi chống nạnh trong nhà bạch y.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

22. Cần phải học: Không được ngồi chống nạnh trong nhà bạch y

Chống nạnh: Hoặc chống nạnh một tay, hoặc chống nạnh cả hai tay. Không được ngồi chống nạnh trong nhà bạch y.

Khi Thọ trai tại Tinh xá hay ở trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo trưởng lão không được ngồi chống nạnh. Nếu vì già bệnh hay bị chứng phong thống đau lưng, thì ngồi chống nạnh không có tội. Nếu bị ung nhọt, ghẻ lở phải dùng thuốc đắp lên, rồi sợ

nhóp y nên ngồi chống nạnh, thì không có tội. Nhưng khi thấy Thượng tọa đến thì phải thả tay xuống. Nếu buông lung các căn, ngồi chống nạnh trong nhà bạch y, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được ngồi chống nạnh trong nhà bạch y.*



(403c) Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo ngồi trong nhà bạch y, vừa đung đưa cái chân, vừa múa tay, lại còn ngắt cỏ nữa, nên bị người đời chê cười: “Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên múa, ngồi trong nhà bạch y mà tay chân không để yên? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được múa máy tay chân khi ngồi trong nhà bạch y.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

23. Cần phải học: Không được múa máy tay chân khi ngồi trong nhà bạch y

Không được múa máy tay chân khi ngồi trong nhà bạch y: Khi ngồi không được động tay động chân, múa tay múa chân, hay ngắt cỏ, mà phải ngồi chững chạc đoan nghiêm. Nếu có ai hỏi thì trước hết phải giữ gìn oai nghi giới luật, tùy thuận mà đáp. Nếu họ hỏi về bốn ngôi Tháp thì được dùng tay chỉ, nói: “Đó là chỗ đản sinh, đó là chỗ Thành đạo, đó là chỗ Chuyển pháp luân, đó là chỗ nhập

Niết-bàn”, thì không có tội. Nếu đàn việt muốn kiến tạo Tinh xá cho Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo nên xem xét địa hình địa thế, chỗ có thể làm, rồi đưa tay chỉ, nói: “Chỗ này có thể xây Tinh xá, chỗ này có thể xây giảng đường, chỗ kia có thể làm nhà sưởi, chỗ nọ có thể xây tăng phòng”, thì không có tội. Nếu buông lung các căn múa máy tay chân khi ngồi trong nhà bạch y, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được múa máy tay chân khi ngồi trong nhà bạch y.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có đàn việt cúng dường trai phạn cho chúng Tăng tại Tinh xá; khi họ bắt đầu dọn cơm thì nhóm sáu Tỳ-kheo đòi nước rửa tay, rửa bát. Đàn việt nghe thế, liền đặt thau cơm nóng xuống đất, trách:

Con bỏ nhà đến chùa thiết trai cúng dường là mong chúng Tăng đồng lòng tịnh tâm để cầu được phước, mà giờ đây khi mới dọn cơm thì lại đòi hỏi này kia. Người xuất gia nên chú tâm mà ăn, chứ vì sao trong bữa ăn mà còn đòi hỏi nhiều thứ khác?

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau phải chú tâm nhận đồ ăn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi (404a) cũng phải nghe lại:

24. Cần phải học: Chú tâm nhận đồ ăn

Khi chú tâm ăn không được dùng hai tay ghì cái bát đặt trên hai bàn chân. Trước hết phải rửa tay sạch, rồi lau bát, khi thức ăn

được đưa đến nên chú ý mà nhận. Nếu mình là người trực nguyệt trông coi việc ăn uống, nên phải đến sau, thì được đòi nước rửa tay, rửa bát, không có tội. Nếu buông lung các căn không chú tâm khi nhận đồ ăn, tức là coi thường pháp căn phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Chú tâm nhận đồ ăn.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có vị trưởng giả đến Tinh xá cúng dường trai phạn, nhóm sáu Tỳ-kheo trước hết nhận nhiều canh, sau mới nhận cơm, khiến bát đầy tràn, canh chảy xuống đất, nên đàn việt chê trách: – Tôi lấy phần cơm của vợ con để cúng dường cho chúng Tăng là mong Tăng dùng cho hết, mà nay lại vứt xuống đất. Tôn giả có biết không, trong một hạt cơm này chứa hàng trăm công sức!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau phải nhận cơm và canh bằng nhau.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

25. Cần phải học: Nhận cơm và canh bằng nhau

Nhận cơm và canh bằng nhau: Không được lấy canh trước, lấy cơm sau mà phải lấy cơm trước bỏ vào bát xong, mới lấy canh. Nếu tục lệ của nước đó dọn canh trước, dọn cơm sau, thì nên dùng một cái tô để nhận. Nếu không có tô, thì nên dùng lá cây, hay bát nhỏ để nhận. Nếu cũng không có lá cây thì được dùng bát để nhận canh. Nhưng khi nhận cơm thì phải dùng tay đỡ, từ

từ bỏ vào trong bát, không được để nó tràn chảy ra ngoài. Nếu Tỳ-kheo bệnh cần dùng canh nhiều, thì lấy nhiều canh không có tội. Nếu buông lung các căn không nhận cơm canh bằng nhau tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Nhận cơm canh bằng nhau.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo ăn xung quanh bốn phía bát để dành chính giữa lại, nên bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như kẻ phóng dật, moi xung quanh bốn phía bát mà ăn, để chính giữa lại? Đây là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được moi xung quanh bốn phía bát mà ăn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập (404b) họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

26. Cần phải học: Không được moi xung quanh bát mà ăn

Moi xung quanh bát mà ăn: Moi bốn phía, để chính giữa lại.

Trước hết nên nhận cơm để vào một bên bát, sau đó nhận canh, rồi trộn chung lại mà ăn. Nếu có sữa, chất béo lẫn vào trong cơm, thì không được vì chuộng ngon moi chỗ ngon ăn trước mà phải ăn theo thứ lớp. Nếu muốn cho ai, thì nên xắn một nửa mà cho.

Nếu buông lung các căn, moi xung quanh bát mà ăn, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được moi xung quanh bát mà ăn.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng. Khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo lừa thức ăn trong miệng từ bên này qua bên kia mà ăn, nên bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như kẻ phóng dật, như lạc đà, bò, dê, ợ thức ăn từ trong bụng ra nhai lại? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được lừa thức ăn trong miệng từ bên này qua bên kia mà ăn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

27. Cần phải học: Không được lừa thức ăn trong miệng từ bên này qua bên kia mà ăn

Lừa thức ăn trong miệng từ phía bên này qua phía bên kia:
Ngậm một miếng cơm từ phía má bên này chuyển qua phía má bên kia. Cần nhai bên nào thì nhai bên đó xong rồi nuốt. Nếu Tỳ-kheo ăn bột, gạo tẻ thì có thể ngậm một bên, nhai một bên không có tội. Nếu buông lung các căn lừa thức ăn trong miệng từ bên này qua bên kia mà ăn, tức là coi thường pháp cần phải học.

Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được lừa thức ăn trong miệng từ bên này qua bên kia mà ăn.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo le lưỡi ra ăn, bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như kẻ phóng dật, như rắn, như chuột, như chó, như mèo, le lưỡi ra ăn? Đây là những kẻ bại hoại chứ nào có đạo hành gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được le lưỡi ra ăn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi (404c) cũng phải nghe lại:

28. Cần phải học: Không được le lưỡi ra ăn

Le lưỡi ra ăn: Le lưỡi ra để thức ăn trên lưỡi rồi mới ngậm miệng lại. Nếu người trực nguyệt hay coi sóc việc ăn uống muốn biết thức ăn sống chín, mặn nhạt, chua ngọt thì được bỏ thức ăn trong bàn tay, rồi dùng lưỡi nếm, thì không có tội. Nếu bị bệnh thì được bỏ muối trong bàn tay rồi nếm, không có tội.

Nếu buông lung các căn le lưỡi ra ăn, tức là coi Thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được le lưỡi mà ăn.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo và những miếng cơm lớn mà ăn, bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như những kẻ phóng dật, như bò, như dê, như lạc đà, như tù nhân đói khát, ăn những miếng cơm lớn? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được ăn những miếng cơm lớn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

29. Cần phải học: Không được ăn những miếng cơm lớn

Không được lớn, không được nhỏ, kiểu như dâm nữ và vài hột, ba hột mà ăn, mà phải ăn miếng cơm vừa miệng. Nếu Tỳ-kheo ăn cơm tẻ thì và đầy miệng không có tội. Nếu buông lung các căn ăn những miếng cơm lớn, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được ăn những miếng cơm lớn*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo hủ miệng chờ cơm mà ăn, bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như kẻ phóng dật, như rùa tranh, ếch nhái, hả miệng để chờ cơm? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được hả miệng ra chờ cơm mà ăn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

30. Cần phải học: Không được hả miệng ra chờ cơm mà ăn

Không được hả miệng chờ cơm mà ăn: Khi ăn, Tỳ-kheo phải ăn như cách ăn của voi chúa trên núi tuyết, (405a) nghĩa là khi thức ăn vào miệng liền dùng cái vòi đẩy sâu vào và chia đều ra trong miệng. Nuốt xong miếng ăn trước rồi mới đưa miếng ăn sau vào, chứ không được hả miệng chờ thức ăn. Nếu miệng bị lở thì được hả miệng chờ không có tội. Nếu buông lung các căn hả miệng chờ cơm để ăn tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được hả miệng chờ cơm để ăn.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo hả miệng ra vò thức ăn ném vào, bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như những kẻ dâm loạn, ném thức ăn vào miệng mà ăn? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được ném thức ăn vào miệng.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

31. Cần phải học: Không được ném thức ăn vào miệng

Ném thức ăn vào miệng: Không được vò cơm thành cục từ xa ném vào miệng. Nếu ăn các loại như táo chua, nho, cho đến đậu rang, thì ném vào miệng mà ăn không có tội. Nếu buông lung các căn ném thức ăn vào miệng, tức là coi Thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được ném thức ăn vào miệng.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo cắn một nửa món ăn, còn một nửa cất vào trong bát, bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như kẻ phóng dật, cắn một nửa món ăn (mà ăn)? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được cắn một nửa món ăn mà ăn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

32. Cẩn phải học: Không được cắn một nửa món ăn mà ăn

Không được cắn một nửa món ăn còn một nửa cất vào trong bát mà nên (bẻ) từng miếng vừa miệng mà ăn.

Nếu cục bột lớn thì nên dùng tay bẻ từng miếng cho vừa miệng.

Nếu ăn trái dưa, mía hay củ cải thì được cắn ăn không có tội.

Nếu ăn bánh cũng nên dùng tay bẻ từng miếng cho vừa miệng.

Nếu buông lung các căn (405b) cắn một nửa món ăn tức là coi thường pháp cẩn phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng điên thì không có tội. Thế nên nói: *Cẩn phải học: Không được cắn một nửa món ăn mà ăn.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo ngậm đồ ăn mà nói, bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như kẻ phóng dật, như lạc đà, bò, dê, lừa, ngậm thức ăn mà kêu rống? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được ngậm thức ăn mà nói.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

33. Cần phải học: Không được ngậm thức ăn mà nói

Không được ngậm thức ăn mà nói: Nếu đang ăn mà bị Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo gọi, mình nuốt chưa hết thức ăn mà tiếng nói không khác thường, thì được lên tiếng đáp.

Nếu không thể được thì phải nuốt cho hết cơm rồi mới lên tiếng đáp. Nếu người gọi trách cứ, thì hãy đáp: “Vì trong miệng con có thức ăn nên không thể trả lời ngay được.”

Nếu phóng túng các căn, ngậm thức ăn mà nói, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được ngậm thức ăn mà nói.*

Kệ tóm tắt:

Ngồi tréo chân trong nhà,
Chống nạnh, động tay chân.
Chú ý, cơm bằng canh,
Dồn thức ăn hai má.
Le lưỡi, ngậm lớn miếng
Hả miệng, ném cơm vào.
Cần ăn, ngậm cơm nói
Hết Bạt-cừ thứ ba.”



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn,

nhóm sáu Tỳ-kheo dùng ngón tay vét bát mà ăn, nên bị người đời chê trách rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử lại ăn như trẻ con, như tù nhân bị đói?

Rồi họ hỏi:

Tôn giả ăn uống rất sung túc, vì sao lại phải vét bát? Đây là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được dùng ngón tay vét bát mà ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

34. Cần phải học: Không được dùng ngón tay vét bát mà ăn

(405c) Không được dùng ngón tay vét bát mà ăn: Không được cong ngón tay lại để vét bát. Nếu sữa, dầu, mật dính nơi bát thì không được co ngón tay lại vét bát mà phải dùng ngón tay dòn lại rồi mới nhúm lại mà ăn.

Nếu buông lung các căn, dùng ngón tay vét bát mà ăn, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được dùng ngón tay vét bát mà ăn.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo liếm tay mà ăn, nên bị người đời chê trách: Vì

sao sa-môn Thích tử mà giống như trẻ con, khi được thức ăn liền liếm tay mà ăn?

Rồi họ hỏi:

Tôn giả, con cúng một cách hào phóng cho Thầy ăn đầy đủ, vì sao lại liếm tay mà ăn? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được liếm tay mà ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

35. Cần phải học: Không được liếm tay mà ăn

Không được lật ngửa, lật sấp bàn tay để liếm mà ăn. Nếu sữa, dầu, mật, đường phèn dính vào tay thì phải dùng tay vuốt vào miệng bát để dồn lại một chỗ, rồi mới lấy ăn.

Nếu buông lung các căn liếm tay mà ăn, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được liếm tay mà ăn.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vê, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo mút ngón tay mà ăn, bị người đời chê trách rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như trẻ con, mút ngón tay mà ăn?

Rồi họ hỏi:

Con cúng dường một cách hào phóng, vì sao Thầy lại mút ngón tay mà ăn? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được mút ngón tay mà ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

36. Cần phải học: Không được mút ngón tay mà ăn

Không được mút ngón tay mà ăn: Nếu Tỳ-kheo ăn các Thứ như canh thịt, mỡ hay chất ngọt dính vào ngón tay thì không được mút mà phải kê ngón tay vào thành bát vuốt cho dôn lại một chỗ rồi lấy ăn.

Nếu mặt, (406a) đường phèn, muối dính vào đầu ngón tay thì được mút, không có tội. Nhưng nếu buông lung các căn, mút ngón tay mà ăn tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được mút ngón tay mà ăn.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo nhai thức ăn ra tiếng, bị người đời chê bai rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà ăn giống như heo, chuột ăn? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được nhai thức ăn ra tiếng.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

37. Cần phải học: Không được nhai thức ăn ra tiếng

Nếu buông lung các căn nhai thức ăn ra tiếng tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được nhai thức ăn ra tiếng.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có đàn việt đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo hút cơm ra tiếng mà ăn, bị người đời chê bai rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như lạc đà, bò, lừa hút cơm mà ăn? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được hút thức ăn ra tiếng mà ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

38. Cần phải học: Không được hút thức ăn mà ăn

Nếu ăn các thứ cháo lỏng, sữa tươi, sữa chua, canh, cơm thì không được húp thành tiếng mà phải nuốt từ từ.

Nếu buông lung các căn, hút thức ăn mà ăn tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được hút thức ăn mà ăn.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo nuốt trọn thức ăn nghe tiếng ừng ực, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà ăn nghe tiếng ừng ực giống như lừa, lạc đà ăn? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem (406b) sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được nuốt trọn thức ăn mà ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

39. Cần phải học: Không được nuốt trọn thức ăn mà ăn

Không được nuốt trọn thức ăn nghe tiếng ừng ực. Nhưng nếu yết hầu bị bệnh nên nuốt thức ăn nghe tiếng thì không có tội.

Nếu yết hầu bị khô thì nên uống nước cho thông rồi mới nuốt thức ăn.

Nếu buông lung các căn, nuốt trọn thức ăn, tức là coi thường pháp căn phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Căn phải học: Không được nuốt trọn thức ăn mà ăn.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo và cơm vào trong miệng một nửa, rơi xuống đất một nửa, bị người đời chê trách rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà ăn uống đồ tháo giống như kẻ phóng dật?

Rồi họ hỏi:

Đại đức tưởng rằng những thức ăn này không tốn tiền mua sao? Con đã lấy phần của vợ con đem cúng dường để cầu phước, một hạt gạo này tốn hàng trăm công sức mới thành, căn phải ăn hết, vì sao lại để rơi xuống đất? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được ăn uống làm đổ tháo thức ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

40. Cần phải học: Không được làm rơi cơm khi ăn

Khi nhận thức ăn không nên để một hạt cơm nào rơi xuống đất, nhưng nếu tịnh nhân sốt cơm rơi xuống đất thì không có tội. Khi đã và thức ăn vào trong miệng thì đừng để rơi xuống đất, nhưng nếu lỡ rơi thì không có tội. Khi ăn cá, thịt, trái cây, dưa, mía thì không được vứt bừa bãi vỏ, hạt, xác, xương dưới đất, mà phải bỏ dồn đồng một bên dưới chân.

Nếu buông lung các căn làm rơi rớt cặn bã thức ăn tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được làm rơi cơm khi ăn.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo vung tay ra, làm bắn y Tỳ-kheo ngồi bên cạnh. Vị ấy liền hỏi:

Trưởng lão! Vì sao mà vung tay ra, bị rít, ong, bò cạp cắn phải không?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

(406c) Từ nay về sau không được vung tay khi ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

41. Cần phải học: Không được vung tay khi ăn

Khi vung tay thì không được hướng vào người ngồi bên cạnh mà vung. Nếu thức ăn dính vào tay thì nên đưa tay về trước mặt mình mà rảy, hoặc rảy vào trong bát.

Nếu buông lung các căn vung tay khi ăn tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được vung tay khi ăn.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo nhìn vào bát của người ngồi bên cạnh với tâm chiêm chọc. Nếu thấy thức ăn ít, liền nói:

Thật là liêm khiết, có tiết độ; nếu đã no rồi không dùng nữa thì hãy cho tôi.

Nếu thấy cầm cái bát lớn, liền nói:

Ồi! Đây là kẻ tham ăn, cái bát giống như cái chõ lớn, đàn việt cung cấp chỉ đủ cái này thôi, bọn chúng tôi còn lấy đâu ra nữa!

Các Tỳ-kheo nghe thế lấy làm hổ thẹn, bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được nhìn vào bát của người bên cạnh với tâm chiêm chọc.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

42. Cần phải học: Không được nhìn trong bát của người bên cạnh với tâm xoi bói

Nếu người trông coi việc ăn uống vì muốn biết nơi nào đã có, nơi nào chưa có thức ăn mà xem, thì không có tội.

Nếu đệ tử tùy tùng hay đệ tử y chỉ bị bệnh, mình xem trong bát của họ để biết thức ăn có hợp với bệnh hay không, thì không có tội. Hoặc xem người ngồi trên, ngồi dưới để biết thức ăn đã có hay chưa thì không có tội.

Nếu buông lung các căn nhìn vào bát của người bên cạnh với tâm xoi bói tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được xem trong bát của người bên cạnh với tâm xoi bói.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ấy, một Tỳ-kheo để bát trước mặt, quay lại nói chuyện với người ngồi bên cạnh. Nhóm sáu Tỳ-kheo bèn lấy bát để ở chỗ khác. Khi người mang thức ăn đến, Thầy Tỳ-kheo không thấy bát, bèn sờ dưới đất để tìm, khiến tay bị bẩn, liền hỏi đàn việt xin nước rửa tay. Khi ấy, đàn việt bèn bỏ thố cơm xuống đất, cần nhẫn:

Con bỏ cả việc nhà vì muốn tạo phước, cúng cơm cho chư Tăng, lẽ ra Tăng nên tế chỉnh nhận lấy thức ăn. Thế mà giờ đây khi bụng cơm lên thầy mới xin nước rửa tay. Người xuất gia (407a) phải giữ tâm đoan chính, nhìn vào bát mà ăn chứ. Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau phải giữ tâm đoan chính nhìn vào bát mà ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

43. Cần phải học: giữ tâm đoan chính nhìn vào bát mà ăn

Giữ tâm đoan chính nhìn vào bát mà ăn: Không được để bát trước mặt rồi nói chuyện với người bên cạnh. Nếu có lý do cần nói chuyện với người bên trái, bên phải thì tay trái phải cầm lấy vành bát. Khi thấy người mang thức ăn đến cách mình ba người thì phải tráng bát sạch cầm chờ đến phiên mình. Nếu buông lung các căn không giữ tâm đoan chính nhìn vào bát mà ăn tức là xem thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: giữ tâm đoan chính nhìn vào bát mà ăn.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo đòi cơm, canh, bị đàn việt chê trách rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử đến bữa ăn lại đòi cơm, đòi canh?

Rồi họ hỏi:

Này tôn giả, con tự nguyện cúng dường thức ăn đầy đủ, vì sao lại kêu đòi ẩm ỉ?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau Ta không cho phép đòi thức ăn.

Lại nữa, khi Phật trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, nước Ca-duy-la-vệ, theo Thường lệ, đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến trivi năm lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Thấy một Tỳ-kheo bị bệnh, gầy ốm tiêu tụy, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo, Ông đau như thế nào đấy?

Bạch Thế Tôn, con bị bệnh đau đớn, chẳng có thích thú gì.

Ông không thể đòi thức ăn thích hợp với bệnh và thuốc thích hợp với bệnh sao?

Bạch Thế Tôn, vì Thế Tôn chế giới không được đòi thức ăn (nên con không dám đòi).

Từ nay về sau Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được đòi thức ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Ca-duy-la-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

44. Cần phải học: Khi không bệnh không được vì mình mà đòi thức ăn

Khi không bệnh không được vì mình mà đòi cơm canh. Nếu có bệnh cần nhiều canh thì đòi không có tội. Nhưng nếu buông lung các căn, không có bệnh mà vì mình đòi thức ăn tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì (407b) không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Tỳ-kheo không bệnh không được vì mình mà đòi thức ăn.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo trước hết nhận cá thịt canh rồi lấy cơm phủ lên trên. Người coi việc ăn uống thấy thế liền hỏi:

Trưởng lão đã nhận được cá thịt canh chưa?

Lão trưởng, ông thấy đó thì biết, cần gì phải hỏi?

Người coi việc ăn uống liền hỏi người đưa thức ăn:

Vì sao ông không đưa cá thịt canh chỗ này?

Chỗ nào chưa nhận được?

Chỗ này chưa được đây này.

Con đã đưa rồi vì sao nói là chưa được?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được dùng cơm phủ lên canh để mong được thêm canh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

45. Cần phải học: Không được lấy cơm phủ lên canh để mong được thêm canh

Nếu Tỳ-kheo chờ người ta sốt thức ăn mà sợ nhóp y thì có thể (phủ cơm trên canh), để hờ một bên, nhưng không được phủ kín hết.

Nếu phủ kín hết mà người đưa thức ăn hỏi đã nhận được chưa thì phải đáp là đã nhận được rồi.

Nếu buông lung các căn, lấy cơm phủ trên canh để mong được thêm canh tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được lấy cơm phủ trên canh để mong được thêm canh.*

✱

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo dùng tay bần cầm ly nước đưa người bên cạnh, khiến người ấy chê nhóp không cầm. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được dùng tay bần cầm ly nước.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

46. Cần phải học: Không được dùng tay bần cầm ly nước

Khi ăn, Tỳ-kheo nên giữ gìn tay trái cho sạch, dùng tay phải nhận lấy ly nước rồi kê vào môi mà uống. Không được ngậm vành ly sâu vào miệng, cũng không được để cho vành ly chạm vào mũi và trán. Không được uống hết mà nên để lại chừng một ngụm, đổ đi, rồi dùng nước rửa cho sạch, đoạn đưa tiếp người ngồi dưới mình. Nếu tay trái bị bệnh ghê, thì dùng tay phải gạt trên vành bát (cho hết thức ăn) rồi lấy nước sạch rửa. Nếu rửa không sạch thì dùng chiếc lá để cầm ly nước mà uống, uống xong như trên đã nói. Nếu buông lung các căn dùng tay bần cầm ly nước tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được dùng tay bần cầm lấy ly nước.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn

xong, nhóm sáu Tỳ-kheo dồn cơm thừa trong bát đổ xuống đất, nên bị đàn việt chê trách rằng:

Tôn giả cho rằng thức ăn này không có tiền mà mua được sao? Con đã lấy phần của vợ con để làm việc phước đức, một hạt cơm tốn cả trăm công sức, vì sao lại đổ xuống đất? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được đem cơm thừa trong bát đổ xuống đất.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

47. Cần phải học: Không được đem thức ăn thừa trong bát đổ xuống đất

Khi ăn, phải lượng cái bụng mà lấy thức ăn, không được lấy nhiều. Nếu tịnh nhân sốt quá nhiều, thì trước khi ăn nên sốt bớt cho người bên cạnh. Nếu người bên cạnh không lấy thì nên cho sa-di và người làm vườn.

Khi rửa bát, không được đổ một hạt cơm nào xuống đất. Nếu còn thức ăn thừa thì nên đổ trên tấm ván hoặc trên lá cây. Nếu những hạt thức ăn quá nhỏ như bột không thể dồn lại được thì không có tội. Nếu buông lung các căn đem đổ thức ăn thừa trong bát xuống đất tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được đổ thức ăn thừa trong bát xuống đất.*

Kệ tóm tắt:

Vét, liếm, nhai ra tiếng,
 Nuốt trọn, làm rơi cơm.
 Vung tay, nhìn bát khác,
 Đoan tâm, vì mình đòi.
 Che canh, tay dơ, đổ,
 Hết Bạt-cử thứ tư.

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đứng thuyết pháp cho các đồng tử Ly-xa ngồi nghe, bị người đời chê bai rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên đứng thuyết pháp cho người ngồi nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Nhưng bọn đồng tử này cũng không có tâm cung kính, khi thuyết pháp vi diệu như vậy lẽ ra phải mời vị ấy ngồi trên giường, chứ sao lại để vị ấy đứng thuyết mà mình ngồi nghe?

Các Tỳ-kheo (408a) bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi lại việc kể trên:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông đứng thuyết pháp cho người không bệnh ngồi nghe? Từ nay về sau không được đứng thuyết pháp cho người ngồi nghe.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

48. Cần phải học: Tỳ-kheo không được đứng thuyết pháp cho người ngồi nghe; ngoại trừ họ bị bệnh

Bệnh: (Khi người nghe có bệnh thì đứng thuyết pháp) đức Thế Tôn bảo là không có tội.

Thuyết: Vì thính giả mà giảng giải nghĩa lý, phân biệt diễn thuyết để cho họ theo đó mà tu hành.

Pháp: Do Phật thuyết hoặc do Phật ấn chứng.

Do Phật thuyết: Do chính đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tritrình bày.

Do Phật ấn chứng: Do các vị Thanh văn thuyết, được Phật ngợi khen là có ý nghĩa, đó gọi là ấn chứng.

Không được đứng thuyết pháp cho người ngồi nghe, nhưng nếu họ bị bệnh (thì mình đứng thuyết pháp) không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp của chúng Tăng, đi đến nhà vua hay chủ đất, rồi họ bảo: “Tỳ-kheo, thuyết pháp cho tôi nghe”, thì không được bảo họ đứng dậy, vì sợ họ sinh nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có người đứng, mình nên nghĩ là thuyết pháp cho người đứng đó nghe, thì dù nhà vua ngồi nghe, mình vẫn không có tội. Nếu buông lung các căn đứng thuyết pháp cho người không bệnh ngồi nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Tỳ-kheo không được đứng thuyết pháp cho người ngồi nghe, ngoại trừ họ bị bệnh.*

*

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà ngồi thuyết pháp cho người nằm nghe, bị người đòi chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, ngồi thuyết pháp cho người nằm nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, những kẻ nghe pháp không có tâm cung kính, Vì sao nghe thuyết pháp vì điều như vậy mà lại nằm nghe?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông lại ngồi thuyết pháp cho người không bệnh nằm nghe? Từ nay về sau Tỳ-kheo không được ngồi thuyết pháp cho người nằm nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

49. Cần phải học: Tỳ-kheo không được ngồi thuyết pháp cho người nằm nghe, trừ khi họ bị bệnh

Họ bị bệnh: Đức Thế Tôn nói là không có tội.

Thuyết pháp: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo vì công việc của Tháp, của chúng Tăng, khi đi đến nhà vua hay chủ đất mà họ bảo: “(408b) Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe”, thì không được bảo họ đứng dậy, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có người ngồi, thì mình nên nghĩ là thuyết pháp cho người ngồi đó nghe, dù vua (nằm) nghe, mình vẫn không có tội. Nếu buông lung các căn, ngồi thuyết pháp cho người không bệnh nằm nghe, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Tỳ-kheo không được ngồi thuyết pháp cho người nằm nghe, trừ khi họ bị bệnh.*



Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà ngồi dưới giường nhỏ thấp thuyết pháp cho tướng quân Sứ Tử ngồi trên giường cao nghe, bị người đời chê trách rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, bản thân mình ngồi dưới giường thấp nhỏ mà thuyết pháp cho người ngồi trên

giường cao nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, tướng quân Sư Tử này không có tâm cung kính, khi nghe pháp vi diệu như vậy vì sao lại ngồi trên giường cao, để cho Tỳ-kheo ngồi dưới giường thấp thuyết pháp?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông ngồi dưới giường nhỏ thấp thuyết pháp cho người ngồi trên giường cao nghe? Từ nay về sau, mình ở dưới thấp không được thuyết pháp cho người ngồi ở trên cao nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

50. Cần phải học: Tỳ-kheo không được ngồi dưới giường thấp mà thuyết pháp cho người ngồi trên giường cao nghe, trừ khi họ bị bệnh

Giường thấp: Có hai loại: (1) Giường ở dưới gọi là giường thấp; (2) Giường thô sơ xấu xí cũng gọi là giường thấp.

Giường cao: gồm hai loại: (1) Giường cao lớn gọi là giường cao; (2) Giường đẹp để lộng lẫy cũng gọi là giường cao.

Bệnh: (Khi thính giả bị bệnh thì Tỳ-kheo đứng thuyết pháp) đức Thế Tôn nói là không có tội.

Thuyết pháp: Như trên đã nói.

Không được ngồi dưới giường thấp mà thuyết pháp cho người ngồi trên giường cao nghe, nhưng nếu đó là người bệnh, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì công việc của Tháp, của chúng Tăng, đi đến nhà vua, đến chủ đất mà họ bảo: “Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe”, thì khi ấy không được bảo họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có người ở dưới thấp, thì mình nên nghĩ là thuyết pháp cho người đó nghe, dù vua ngồi trên giường cao nghe, mình vẫn không có tội.

Nếu buông lung các căn ngồi dưới giường thấp thuyết pháp cho người ngồi trên giường cao nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Tỳ-kheo không được ngồi dưới giường thấp thuyết pháp cho người ngồi trên giường cao nghe, trừ khi họ bị bệnh.*



Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà (408c) thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa mang giày da nghe, bị người đời chê cười rằng: “Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người mang giày da nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Và lại, các đồng tử này nghe thuyết pháp vì diệu mà không có tâm cung kính, không chịu cởi giày da khi nghe pháp.” Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông lại thuyết pháp cho người không bệnh mà mang giày da nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người mang giày da nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

51. Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người mang giày da nghe, trừ khi họ bị bệnh

Giày da: hoặc một lớp, hoặc hai lớp.

Thuyết pháp: như trên đã nói.

Không được thuyết pháp cho người không bệnh mà mang giày da nghe, nhưng nếu họ bị bệnh thì Phật bảo là không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì công việc của Tháp, của Tăng... cho đến có tịnh nhân ở bên cạnh họ, thì mình nghĩ là thuyết pháp cho người đó nghe, dù vua nghe, mình vẫn không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang ở nơi đường hiểm, chỗ đáng kinh sợ, mà người bảo vệ nói: “Tôn giả hãy thuyết pháp cho tôi nghe”, thì người ấy dù mang giày da, mình thuyết pháp cũng không có tội. Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người không bệnh mà mang giày da nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được thuyết pháp cho người mang giày da nghe, trừ khi họ bị bệnh.*

*

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa mang guốc gỗ nghe, bị người đời chê trách rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên thuyết pháp cho người mang guốc nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Và lại, các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, khi nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải cởi guốc, vì sao lại mang guốc mà nghe?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông lại thuyết pháp cho người không bệnh mà mang guốc nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người mang guốc nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

52. Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người mang guốc nghe, trừ khi họ bị bệnh

Bệnh: Đức Thế Tôn bảo là không có tội.

(409a) Guốc: Gồm mười bốn loại: (1) Guốc vàng; (2) Guốc bạc; (3) Guốc ma-ni; (4) Guốc răng; (5) Guốc gỗ; (6) Guốc đa-la; (7) Guốc da; (8) Guốc Khâu-bà-la; (9) Guốc diên; (10) Guốc cỏ gai; (11) Guốc vỏ cây; (12) Guốc bà-ca; (13) Guốc cỏ. Gồm các loại guốc như thế, đó gọi là guốc.

Thuyết pháp: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp, của Tăng, đi đến vua hoặc chủ đất, mà họ bảo: “Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe”, thì không nên bảo họ cởi guốc ra, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có Tịnh nhân, thì mình nên nghĩ là thuyết pháp cho Tịnh nhân nghe, dù vua nghe cũng không có tội. Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người không bệnh mà mang guốc nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người mang guốc nghe, trừ khi họ bị bệnh.*

*

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa trùm đầu nghe, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viễn, thuyết pháp cho người trùm đầu nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, bọn đồng tử này cũng không có tâm cung kính, nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải gỡ bỏ khăn trùm đầu, vì sao lại trùm đầu nghe pháp?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông lại thuyết pháp cho người không bệnh mà trùm đầu nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người trùm đầu nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

53. Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người trùm đầu nghe, trừ khi họ bị bệnh

Bệnh: đức Thế Tôn bảo là không có tội.

Trùm đầu: trùm kín cái đầu hoàn toàn.

Thuyết pháp: Như trên đã nói, nhưng được thuyết pháp cho người bệnh (trùm đầu) nghe, không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp, của Tăng, khi đi đến nhà vua hay chủ đất v.v. cho đến nếu bên cạnh họ có Tịnh nhân, thì mình nên nghĩ là thuyết pháp cho người ấy nghe, dù vua nghe cũng không có tội.

Khi Tỳ-kheo đi đến những nơi đường hiểm đáng sợ mà người bảo vệ nói: “Tôn giả hãy thuyết pháp cho tôi nghe”, thì dù người ấy đang trùm đầu, mình thuyết pháp cho họ nghe cũng không có

tội. Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người không bệnh mà trùm đầu nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người trùm đầu nghe, trừ khi họ bị bệnh.*



Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà (409b) thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa quần khăn trên đầu nghe, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người quần khăn trên đầu nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Nhưng các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, nghe pháp vì diệu như vậy vì sao lại quần khăn trên đầu mà nghe?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông lại thuyết pháp cho người không bệnh mà quần khăn trên đầu nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người quần khăn trên đầu nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

54. Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người quần khăn trên đầu nghe, trừ khi họ bị bệnh

Bệnh: Đúc Thế Tôn bảo là không có tội.

Quần (khăn) trên đầu: Hoặc dùng vải quần hoặc dùng lụa quần.

Thuyết pháp: như trên đã nói; nhưng được thuyết pháp cho người có bệnh quấn khăn trên đầu nghe, không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì công việc của Tháp, của Tăng đi đến nhà vua hay chủ đất, rồi họ bảo: “Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe”, thì không được bảo họ mở khăn quấn đầu, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có Tịnh nhân thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho người ấy nghe, dù vua nghe mình cũng không có tội.

Khi Tỳ-kheo đang đi trên con đường nguy hiểm đáng sợ mà người bảo vệ nói: “Tôn giả hãy thuyết pháp cho tôi nghe” thì người ấy dù đang quấn khăn trên đầu, mình thuyết pháp cho họ nghe cũng không có tội.

Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người không bệnh mà quấn khăn trên đầu nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người quấn khăn trên đầu nghe, trừ khi họ bị bệnh.*



Khi Phật an trú tại Thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa đang ngồi chồm hổm ôm đầu gối nghe, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người ngồi chồm hổm ôm đầu gối nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Nhưng các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, khi nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải ngồi ngay ngắn, vì sao lại ngồi chồm hổm ôm đầu gối mà nghe pháp?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông lại thuyết pháp cho người không bệnh ngồi chồm hổm ôm đầu gối mà nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người ngồi chồm hổm ôm đầu gối mà nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi (409c) cũng phải nghe lại:

55. Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người ngồi chồm hổm ôm đầu gối mà nghe, trừ khi họ bị bệnh

Bệnh: đức Thế Tôn bảo là không có tội.

Ôm đầu gối: Ôm tay, ôm y, ôm cả dây buộc.

Thuyết pháp: Như trên đã nói. Nếu thuyết pháp cho người có bệnh nghe thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp, của Tăng khi đi đến nhà vua hay chủ đất, cho đến câu nều bên cạnh họ có tịnh nhân, thì nên suy nghĩ là mình thuyết pháp cho Tịnh nhân nghe, dù vua nghe mình cũng không có tội. Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người không bệnh mà ngồi ôm đầu gối nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người ngồi chồm hổm ôm đầu gối nghe, trừ khi họ bị bệnh.*



Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa ngồi tréo chân mà nghe, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người ngồi tréo chân mà nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Nhưng các đồng tử này cũng không có tâm cung

kính, khi nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải ngồi nghiêm chỉnh, vì sao lại ngồi tréo chân?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông lại thuyết pháp cho người không bệnh ngồi tréo chân mà nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người ngồi tréo chân mà nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

56. Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người ngồi tréo chân mà nghe, trừ khi họ bị bệnh

Bệnh: Đức Thế Tôn nói là không có tội.

Ngồi tréo chân: Đùi vế để trên đùi vế, đầu gối đặt trên đầu gối, bắp chân đặt trên bắp chân, gót chân để trên gót chân.

Thuyết pháp: Như trên đã nói. Không được thuyết pháp cho người không bệnh ngồi tréo chân mà nghe, nhưng nếu họ có bệnh thì thuyết pháp không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp, của Tăng, đi đến nhà vua hay chủ đất, rồi họ bảo: “Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe”, thì không được bảo họ ngồi lại nghiêm chỉnh, vì sợ họ sinh tâm nghi kỵ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho tịnh nhân ấy nghe, dù vua nghe cũng không có tội.

Nếu buông lung các căn, thuyết pháp cho người không bệnh ngồi tréo chân mà nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học:*

Không được thuyết pháp cho người ngồi tréo chân mà nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Kệ tóm tắt:

Những người ngồi và nằm,
Trên giường cao, mang giày,
Mang guốc cùng trùm đầu,
Quấn đầu, ngồi bó gối,
Và tréo chân, không thuyết
Hết Bạt-cừ thứ năm.

*

(410a) Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa cầm dao nghe, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người cầm dao nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Nhưng các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải nhất tâm, chấp tay, vì sao lại như bọn đồ tể, cầm dao nghe pháp?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông thuyết pháp cho người cầm dao nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người cầm dao nghe.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

57. Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm dao nghe

Cầm: dùng tay cầm.

Dao: dao lớn, dao nhỏ, gươm.

Thuyết pháp: Như trên đã nói, không được thuyết pháp cho người cầm dao nghe.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp, của Tăng đi đến nhà vua hay Chủ đất, rồi họ bảo: “Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe”, thì không được bảo họ bỏ dao, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân, thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho tịnh nhân, dù vua nghe mình cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên con đường nguy hiểm đáng sợ, mà người bảo vệ nói: “Tôn giả hãy thuyết pháp cho Tôi nghe”, thì tuy người ấy đang cầm dao mình thuyết pháp cũng không có tội.

Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người cầm dao nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm dao nghe.*



Khi Phật an trú tại Thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa cầm cung tên nghe, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe? Vả lại, bọn đồng tử này cũng không có tâm cung kính, nghe pháp vi diệu như vậy lẽ ra phải bỏ cung tên, vì sao lại cầm cung tên mà nghe pháp giống như bọn thợ săn?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, (410b) vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

58. Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe

Cầm: dùng tay cầm.

Cung tên: Vũ khí phòng vệ.

Thuyết pháp: như trên đã nói; không được thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp, của Tăng đi đến nhà vua hay Chủ đất, rồi họ bảo: “Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe”, thì không được bảo họ bỏ cung tên, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân, thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho tịnh nhân, dù vua nghe mình cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đoạn đường nguy hiểm đáng sợ mà người bảo vệ nói: “Tôn giả hãy thuyết pháp cho tôi nghe”, thì tuy người ấy cầm cung tên mình thuyết pháp cũng không có tội.

Nếu buông lung các căn, thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe.*

✱

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa cầm gậy nghe, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người cầm gậy nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, tại sao nghe diệu pháp như vậy mà không bỏ gậy xuống, lại cầm gậy nghe pháp?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông thuyết pháp cho người không bệnh mà cầm gậy nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người cầm gậy nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

59. Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm gậy nghe, trừ khi họ bị bệnh

Cầm gậy: Tất cả các loại gậy.

Thuyết pháp: Như trên đã nói, không được thuyết pháp cho người không bị bệnh mà cầm gậy nghe, trừ khi họ có bệnh thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp, của Tăng, đi đến nhà vua hay Chủ đất mà họ bảo: “Tỳ-kheo hãy thuyết pháp cho tôi nghe”, thì không được bảo họ bỏ gậy, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho tịnh nhân, dù vua nghe mình cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đoạn đường nguy hiểm đáng sợ mà người bảo vệ nói: “Tôn giả hãy thuyết pháp cho tôi nghe”, thì tuy người ấy đang cầm gậy, mình thuyết pháp cũng không có tội.

Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người không bệnh mà cầm gậy nghe tức là coi thường pháp cần phải học. (410c) Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm gậy nghe, ngoại trừ họ bệnh.*



Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa cầm dù nghe, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người cầm dù nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Và lại, các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, khi nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải bỏ dù đi, vì sao lại cầm dù nghe pháp?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông lại thuyết pháp cho người không bệnh mà cầm dù nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người cầm dù nghe, trừ khi họ có bệnh.

Đoạn Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

60. Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm dù nghe, trừ khi họ bị bệnh

Bệnh: đức Thế Tôn bảo là không có tội.

Dù: Dù bằng vỏ cây, dù bằng lá đa-la, bằng lá đa-lê, bằng thanh tre, bằng nhiều nếp gấp, bằng lông đuôi công, nói chung các loại có thể che mưa nắng như vậy đều gọi là dù.

Thuyết pháp: như trên đã nói, không được thuyết pháp cho người không bệnh mà cầm dù nghe, nhưng nếu họ có bệnh thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp, của Tăng, đi đến nhà vua hay Chủ đất mà họ bảo: “Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe” thì không được bảo họ bỏ dù, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân, thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho tịnh nhân, dù vua nghe mình cũng không có tội.

Nếu thuyết pháp cho pháp sư, luật sư khi mưa, gió, lạnh, tuyết, hoặc nóng bức mà họ cầm dù, thì không có tội.

Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người không bệnh mà cầm dù nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm dù nghe, trừ khi họ bệnh.*



Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đi sau các đồng tử Lê-xa mà thuyết pháp, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, đi sau mà thuyết pháp cho người đi trước nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, khi nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải đi sau mà nghe.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: Các ông có việc đó thật không?

(411a) Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông đi sau người không bệnh mà thuyết pháp cho họ nghe? Từ nay về sau không được đi sau mà thuyết pháp cho người đi trước mình nghe, trừ khi họ bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

61. Cần phải học: mình đi sau không được thuyết pháp cho người đi trước mình nghe, trừ khi họ bị bệnh

Bệnh: Đức Thế Tôn bảo là không có tội.

Đi sau: Người kia đi trước, mình đi sau.

Thuyết pháp: Như trên đã nói, không được đi sau người không bệnh mà thuyết pháp cho họ nghe, trừ khi họ có bệnh thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp, của Tăng đi đến nhà vua hay Chủ đất mà họ bảo: “Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe”, thì không được bảo họ đi phía sau mình, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân, thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho tịnh nhân, dù vua nghe cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đoạn đường nguy hiểm đáng sợ, mà người bảo vệ nói: “Nơi này bọn cướp thường đón đầu đoàn bộ hành, để tôi đi trước, tôn giả đi sau thuyết pháp cho tôi nghe”, thì mình thuyết pháp không có tội. Nếu có kẻ ác lườm mắt, cầm gậy giành đi trước bắt Tỳ-kheo đi sau thuyết pháp cho y nghe, thì thuyết pháp không có tội.

Nếu buông lung các căn đi sau thuyết pháp cho người không bệnh đi trước nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Tỳ-kheo không được đi sau thuyết pháp cho người đi trước mình nghe, trừ khi họ bệnh.*



Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa cười ngựa nghe, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người cười ngựa nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Và lại, các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, khi nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải xuống ngựa, vì sao ngồi trên lưng ngựa mà nghe pháp?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông thuyết pháp cho người không bệnh mà cười ngựa nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người cười ngựa nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

62. Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cười ngựa nghe, trừ khi họ bị bệnh

Bệnh: Đức Thế Tôn bảo là không có tội.

Cưỡi: gồm có tám loại: Cưỡi voi, cưỡi ngựa, cưỡi bò, cưỡi lừa, ngồi trên thuyền, ngồi trên xe, (411b) ngồi trên kiệu, ngồi trên cang.

Thuyết pháp: Như trên đã nói, không được thuyết pháp cho người không bệnh mà cưỡi ngựa nghe, trừ khi họ bị bệnh, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp, của Tăng, đi đến nhà vua hay chủ đất, rồi họ bảo: “Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe”, thì không được bảo họ xuống ngựa, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân thì nên nghĩ rằng mình thuyết pháp cho tịnh nhân, dù vua nghe mình cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đoạn đường nguy hiểm đáng sợ, mà người bảo vệ nói: “Tôn giả, hãy thuyết pháp cho tôi nghe”, thì dù người ấy ngồi trên ngựa, mình thuyết pháp cũng không có tội.

Nếu buông lung các căn, thuyết pháp cho người không bệnh cưỡi ngựa nghe, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cưỡi ngựa nghe, trừ khi họ bị bệnh.*



Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà ở ngoài lễ đường thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa đang ở giữa đường nghe, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, mình ở ngoài lễ đường mà thuyết pháp cho người ở giữa đường nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, khi nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải tránh sang bên lễ đường để Tỳ-kheo ở giữa đường, chứ vì sao mình lại ở giữa đường?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông lại ở ngoài lề đường thuyết pháp cho người ở giữa đường nghe? Từ nay về sau không được ở ngoài lề đường thuyết pháp cho người ở giữa đường nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

63. Cần phải học: Không được ở ngoài lề đường mà thuyết pháp cho người ở giữa đường nghe, trừ khi họ bệnh

Bệnh: đức Thế Tôn bảo là không có tội.

Ở ngoài lề đường: Tỳ-kheo ở ngoài lề đường.

Ở giữa đường: Thính giả ở giữa đường.

Thuyết pháp: Như trên đã nói, không được ở ngoài lề đường thuyết pháp cho người không bệnh ở giữa đường nghe, trừ khi họ bị bệnh thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp, của Tăng đi đến nhà vua hay chủ đất mà họ bảo: “Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe”, thì không được bảo họ tránh ra ngoài lề đường, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân, thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho tịnh nhân, dù vua nghe mình cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đoạn đường nguy hiểm đáng sợ, mà người bảo vệ nói: “Tôn giả hãy ở ngoài lề đường, để tôi ở giữa đường, nếu có bọn cướp xuất hiện, tôi sẽ chống cự chúng. Tôn giả hãy thuyết pháp cho tôi nghe”, thì tuy người ấy ở giữa đường, mình thuyết pháp cũng không có tội.

(411c) Nếu buông lung các căn ở ngoài lề đường mà thuyết pháp cho người không bệnh ở giữa đường nghe, tức là coi thường pháp

cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được ở ngoài lề đường mà thuyết pháp cho người ở giữa đường nghe, trừ khi họ bệnh.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc muốn đi đến hồ nước ở công viên phía đông để du ngoạn, bèn ra lệnh cho kẻ hầu cận:

Ngày mai, Trẫm cùng phu nhân thể nữ sẽ đi du ngoạn ở đông viên, các người hãy quét tước sạch sẽ, trang hoàng giường nệm chu đáo.

Khi ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo nghe được, liền đến trước vườn đó, nhổ nước miếng, nước dãi trên cỏ non, rồi lấy lá cây gói những thứ bất tịnh thả nổi trong hồ nước. Phu nhân thể nữ ở trong cung lâu ngày thường trông mong được đi du ngoạn, đến hôm được theo vua ra đi, chẳng khác gì tù nhân ra khỏi ngục. Khi đến trong vườn, thấy cỏ non mềm mại, ai nấy đều chạy xô tới, từ xa xí phần, nói: “Đây là phần của tôi. Đây là phần của tôi”, rồi ngồi trên những bãi nước miếng, khiến y phục bị dơ bẩn. Do thế, họ chạy tới hồ nước để rửa tay và gột y, rồi họ lại thấy những chiếc lá gói lại đang nổi phập phều trên mặt hồ, liền tưởng tượng: “Có lẽ các chàng thanh niên nghe chúng ta sắp đi dạo chơi nên gói các hương thơm để tặng chúng ta chứ gì?”

Rồi xúm tranh nhau, bảo: “Cái này của tôi. Cái này của tôi”, giành lấy các gói lá, khiến những thứ bất tịnh bắn ra, nhớp cả y phục.

Đoạn, họ bảo nhau: “Kỳ quá, kỳ quá! Ta tưởng là hương thơm, ai ngờ là đồ bất tịnh”, liền tâu với vua: “Thực là kỳ lạ! Trước đây đại vương đã ra lệnh quét tước sạch sẽ mà giờ thì nhớp nhúa như vậy đó!”

Vua bèn hỏi người giữ vườn: “Ai làm bẩn vườn này như thế?”

Người giữ vườn tâu: “Hôm qua nhóm sáu Tỳ-kheo đến chơi trong vườn này khá lâu, có lẽ họ làm bẩn chăng?”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông đại tiểu tiện và khạc nhổ trên cỏ tươi và trong nước? Từ nay về sau không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trên cỏ tươi và trong nước.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

64. Cần phải học: Không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trên cỏ tươi

65. Cần phải học: Không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trong nước

Không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trên cỏ tươi mà nên đại tiểu tiện nơi chỗ đất không có cỏ. Nếu vào những tháng hạ, cỏ non mọc khắp nơi không có chỗ đất trống thì nên đại tiện... tại những lối đi của lạc đà, bò, ngựa, lừa, dê. Nếu không có những chỗ ấy thì nên (đại tiện) trên ngói, gạch, đá. Nếu cũng không có nữa thì nên (đại tiện) trên những lá cỏ khô. (412a) Nếu cũng không có nữa, thì nên dùng cành cây lót, đại tiện trên cành cây, rồi đem chôn xuống đất.

Khi đi kinh hành, Tỳ-kheo không được nhổ trên cỏ tươi. Nơi đầu đường đi kinh hành nên để ống nhổ trên ngói đá cỏ lá, dùng tro bỏ trong ống nhổ rồi mới nhổ vào. Nếu đại tiểu tiện bị dơ tay chân thì được chùi trên cỏ tươi. Nước gồm có mười loại như trên

đã nói. Không được đại tiểu tiện, khắc nhổ trong nước mà phải đại tiểu tiện trên đất. Nếu vào mùa mưa, nước bỗng dâng lên ngập khắp nơi thì nên đại tiện trên những mô đất. Nếu không có những mô đất thì nên dùng ngói đá hay tre gỗ đại tiện trên đó, rồi mới đem bỏ xuống nước.

Nếu đào đất làm cầu tiêu mà dưới đáy cầu có nước chảy ra, thì Tỳ-kheo không được đi cầu trước mà phải bảo Tịnh nhân đi trước, rồi Tỳ-kheo mới đi sau, thì không có tội. Nếu dưới đáy cầu có nước chảy thì phải dùng thanh gỗ đại tiện trên đó rồi mới bỏ xuống nước.

Nếu đại tiểu tiện, khắc nhổ bị bắn tay chân thì được dùng nước rửa. Hoặc khi đại tiểu tiện thì được rửa tròn trong nước, không có tội.

Khi Tỳ-kheo xuống nước tắm, không được khắc nhổ trong đó. Nếu ở cách xa bờ thì phải nhổ vào trong tay rồi đem vứt đi.

Nếu buông lung các căn đại tiểu tiện khắc nhổ trên cỏ tươi tức là coi thường pháp căn phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội.

Nếu buông lung các căn đại tiểu tiện khắc nhổ trong nước tức là coi thường pháp căn phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Căn phải học: Không được đại tiểu tiện khắc nhổ trên cỏ tươi. Căn phải học: Không được đại tiểu tiện khắc nhổ trong nước.*



Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo đứng đại tiểu tiện, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà đứng đại tiểu tiện giống như bò lừa lạc đà? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông lại đứng đại tiểu tiện? Từ nay về sau không được đứng đại tiểu tiện.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

66. Cần phải học: Không được đứng đại tiểu tiện

Nếu gót chân bị dính bùn, sợ nhớp ỵ, thì được đứng đại tiểu tiện không có tội. Nếu gót chân bị đau, bị gẻ, bị phù thũng thì được đứng đại tiểu tiện không có tội.

Nếu buông lung các căn đứng đại tiểu tiện tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: (412b) không được đứng đại tiểu tiện.*

Kệ tóm tắt:

Cầm dao, mang cung tên,
Cầm gậy và dù lọng,
Đi sau, người cưỡi ngựa,
Lễ đường, trên cỏ tươi.
Trong nước, đứng tiểu tiện,
Hết Bạt-cừ thứ sáu.

✱

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Phật nói với A-nan:

Tăng đang có việc tranh chấp, ông hãy đến đó dập tắt sự tranh chấp ấy.

A-nan liền bạch với Phật:

Thế nào là Tăng có sự tranh chấp phải tìm cách dập tắt?

Phật dạy: Nhóm sáu Tỳ-kheo biết Tăng đã dập tắt sự tranh chấp đúng pháp, đúng luật, đúng Tỳ-ni, nhưng sau đó khơi dậy sự tranh chấp của các Tỳ-kheo, nói rằng: Việc đó phi pháp, cho đến việc yết-ma đó không hợp lệ, như trong giới Ba-dạ-đề đã nói rõ. Trong vô lượng việc thường làm của chư Tăng đệ tử đức Thế Tôn đều dùng bảy pháp Diệt tránh này mà dập tắt. Đó gọi là những việc thường làm, dùng bảy pháp Diệt tránh này mà dập tắt. Thế nên nói: “Nếu Tỳ-kheo biết Tăng đã dập tắt sự tranh chấp đúng pháp, đúng luật, mà sau đó còn khơi dậy, thì phạm tội Ba-dạ-đề.”

Bảy pháp Diệt tránh đến đây là hết.

Pháp, tùy thuận pháp như hai bộ Tỳ-ni đã đề cập. Tùy thuận nghĩa là tuân hành pháp này vậy.

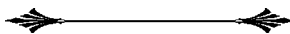
(Hết phần giới bản chính)

*

Hết quyển thứ hai mươi hai

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 23

PHẨM TẠP TỤNG

1. THỂ THỨC THỌ CỤ TÚC

Trong vòng năm năm sau khi đức Thế Tôn thành đạo, các Tỳ-kheo Tăng đều thanh tịnh, nhưng từ đó trở về sau, dần dần trở nên phi pháp. Do đó, Thế Tôn tùy theo sự việc mà chế định giới bốn gồm bốn loại cụ túc: (1) Tự thọ Cụ túc; (2) Thiện lai cụ túc; (3) Thập chúng cụ túc; (4) Ngũ chúng cụ túc.

1) Tự thọ cụ túc

Khi Thế Tôn ngồi dưới cội bồ đề, tâm sở cuối cùng hoát nhiên đại ngộ, tự giác diệu chứng, như trong Diên Kinh đã nói rõ. Đó gọi là Tự thọ cụ túc.

2) Thiện lai thọ cụ túc

Khi Phật ở thành Vương-xá trong vườn trúc (412c) Ca-lan-đà, Ngài nói với các Tỳ-kheo: “Như Lai độ đủ mọi hạng người, nào Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Các Thầy cũng nên bắt chước Như Lai mà hóa độ rộng rãi mọi người.” Khi các Tỳ-kheo nghe Thế Tôn dạy như vậy bèn du hành sang các nước, hễ thấy có thiện nam tử nào cầu xin xuất gia, thì các thầy cũng bắt chước đức Như Lai, gọi: “Thiện lai Tỳ-kheo”, để độ người xuất gia. Nhưng về oai nghi đi đứng, nhìn bên trái bên phải, khoác y cầm bát, đều không đúng pháp, nên bị người đời chê cười rằng: “Đức Thế Tôn độ Thiện lai Tỳ-kheo, thì oai nghi đi đứng, nhìn bên trái bên phải,

khoác y cầm bát, tất cả đều đúng pháp. Các Tỳ-kheo độ người cũng gọi là Thiện lai, nhưng oai nghi đi đứng, nhìn bên trái bên phải, khoác y cầm bát, đều không đúng pháp.”

Khi nghe nói như thế, tôn giả Xá-lợi-phất liền trải tòa ngồi kiết già tại nơi thanh vắng, suy nghĩ như sau: “Cũng đều là thiện lai cả mà vì sao đức Thế Tôn độ Thiện lai Tỳ-kheo thì tất cả đều đúng pháp, còn các Tỳ-kheo độ Thiện lai Tỳ-kheo thì đều không đúng pháp? Vậy làm thế nào để cho các Tỳ-kheo độ người khéo thọ giới Cụ túc, tất cả đều đúng pháp, cùng một giới, một mục đích, một trú xứ, một cách ẩm thực, một học xứ, một giáo thuyết?” Suy nghĩ thế rồi, vào buổi xế, Xá-lợi-phất xuất định, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi ngồi sang một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, vừa rồi ở nơi thanh vắng con suy nghĩ như sau: “Cũng đều gọi là Thiện lai mà vì sao đức Thế Tôn độ người đều đúng pháp, còn các Tỳ-kheo độ người thì đều không đúng pháp? Vậy làm thế nào để các Tỳ-kheo độ người khéo thọ giới Cụ túc, đều đúng pháp, cùng một giới, một mục đích, một trú xứ, một cách ăn uống, một học xứ và một giáo thuyết? Kính xin Thế Tôn giải thích đầy đủ giùm con.

Như Lai độ nhóm A-nhã Kiều-trần-như năm người Thiện lai xuất gia, khéo thọ giới cụ túc, cùng một giới, một mục đích, một trú xứ, một cách ăn uống, một học xứ và một giáo thuyết; kể đến độ ba mươi người Mãn từ tử; kể đến độ Thiện Thắng tử ở thành Ba-la-nại; kể đến độ nhóm Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp năm trăm người; kể đến độ Na-đề Ca-diếp ba trăm người; kể đến độ Già-gia Ca-diếp hai trăm người; kể đến độ Ưu-ba-tư-na hai trăm năm mươi người; kể đến độ ông và Đại Mục-liên mỗi nhóm hai trăm năm mươi người; kể đến độ Ma-ha-ca-diếp, Xiển-đà, Ca-lưu-đà-di, Ưu-ba-ly; kể đến độ con dòng họ Thích năm trăm người; kể đến độ Bạt-cử Ma-đế năm trăm người; kể đến độ bọn người trộm cướp năm trăm người; kể đến độ con trưởng giả Thiện lai. Đó là những Tỳ-kheo mà Như Lai (413a) đã độ họ xuất gia, khéo thọ giới cụ

túc, cùng một giới, cùng một mục đích, cùng một trú xứ, cùng một cách ăn uống, cùng một học xứ và cùng một giáo thuyết. Nay Xá-lợi-phất, những người mà các Tỳ-kheo hóa độ cũng gọi là khéo xuất gia, khéo thọ cụ túc, cho đến cùng một giáo thuyết; đó gọi là Thiện lai thọ cụ túc.

3) Thập chúng thọ cụ túc

Phật nói với Xá-lợi-phất: “Từ nay Ta chế định pháp thọ cụ túc, có mười vị Giới sư hòa hợp, một lần bạch, ba lần yết-ma, không có ai ngăn cản, đó gọi là khéo thọ cụ túc. Người muốn thọ giới Cụ túc ban đầu vào giữa chúng Tăng, trật vai áo bên phải, cúi đầu đánh lễ dưới chân chư Tăng, trước hết cầu Hòa thượng, quỳ gối sát dưới chân, nói như sau: “Con đến cầu xin Ngài làm Hòa thượng, Ngài hãy vì con làm Hòa thượng, cho con thọ Cụ túc.” (nói ba lần như vậy). Rồi Hòa thượng nên khích lệ để giới tử sinh tâm hoan hỉ. Đoạn, giới tử đáp: “Con xin cúi đầu vâng giữ.” Trước hết Hòa thượng dạy giới tử tìm y bát, dạy cầu tăng chúng, dạy cầu giới sư, dạy cầu xin chỗ thanh vắng. Rồi Tăng họp, sai người làm Giáo Thọ. Thấy yết-ma hỏi: “Ai có thể đem chỗ giáp này đến chỗ thanh vắng để dạy bảo?” Vị Giáo Thọ đáp: “Tôi có thể.” Thấy yết-ma lại nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Chỗ giáp theo chỗ giáp xin thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay đồng ý để chỗ giáp làm Hòa thượng cho chỗ giáp, còn chỗ giáp kia có thể dạy bảo giới tử ở chỗ thanh vắng.

Vì Tăng đã đồng ý nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Thế rồi, Thầy Giáo thọ nên đem giới tử đến chỗ cách chúng Tăng không gần, không xa, rồi dạy sơ lược, hoặc đầy đủ. Dạy sơ lược thì như sau: “Lát nữa đây Tăng sẽ hỏi, nếu điều gì có thì người nói là có, điều gì không thì người nói là không.” Dạy đầy đủ thì như cách vấn đáp giữa Tăng sau đây. Thầy giáo Thọ vào giữa Tăng, bạch:

“Tôi đã hỏi mỗ giáp (giới tử) xong, y tự nói mình thanh tịnh, không bị các già nạn.” Thầy yết-ma nên nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp theo mỗ giáp xin thọ Cụ túc, mỗ giáp đã dạy bảo ở chỗ thanh vắng xong. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng bằng lòng để mỗ giáp làm Hòa thượng cho mỗ giáp, thì cho phép mỗ giáp vào giữa Tăng.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp làm Hòa thượng cho mỗ giáp, nay Tăng bằng lòng cho mỗ giáp vào giữa Tăng.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này là như thế.

Người muốn thọ giới Cụ túc phải vào giữa chúng Tăng, cúi đầu đánh lễ dưới chân của chư Tăng, rồi đến trước giới sư quỳ gối chấp tay, giới sư trao cho y bát, dạy nói như sau: “Đây là bát của con, tùy theo nhu cầu mà thọ dụng, là vật dùng để khát thực, nay con xin thọ trì. (nói ba lần như vậy). Đây là y Tăng-già-lê, đây là y Uất-đa-la-tăng, đây là y An-đa-hội, đó là ba y của con. Ba y này (413b) con nguyện thọ trì không khi nào ngủ rời khỏi chúng.” (nói như vậy ba lần).

Thầy yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc, mỗ giáp đã hỏi han dạy bảo ở chỗ thanh vắng xong. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng bằng lòng để mỗ giáp làm Hòa thượng cho mỗ giáp. Mỗ giáp muốn theo Tăng xin thọ Cụ túc.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp làm Hòa thượng cho mỗ giáp. Mỗ giáp muốn theo Tăng xin thọ Cụ túc.

Vì Tăng bằng lòng nên im lặng; tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Thế rồi, giới sư dạy giới tử cầu thỉnh như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Con là mỗ giáp theo Hòa thượng mỗ giáp thọ Cụ túc. A-xà-lê mỗ giáp đã hỏi han chỉ bảo con ở chỗ thanh vắng xong.

Con là mỗ giáp, Hòa thượng của con là mỗ giáp, nay con theo Tăng xin thọ Cụ túc. Kính mong Tăng cho con thọ Cụ túc. Xin thương xót con. (nói như vậy ba lần).

Thầy yết-ma nói với chư Tăng:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp theo Mỗ giáp thọ Cụ túc. Mỗ giáp A-xà-lê đã hỏi han dạy dỗ y ở chỗ thanh vắng xong. Nay y theo Tăng xin thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay bằng lòng để mỗ giáp làm Hòa thượng cho mỗ giáp. Mỗ giáp muốn hỏi già nạn ở giữa chúng Tăng.

Xin các đại đức lắng nghe. Mỗ giáp làm Hòa thượng cho mỗ giáp. Mỗ giáp muốn hỏi già nạn ở giữa chúng Tăng.

Vì Tăng bằng lòng nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

Đoạn, Thầy yết-ma nói với giới tử:

“Thiện nam tử hãy lắng nghe. Giờ đây là lúc phải chí thành, là lúc phải nói thật, ở trước chư thiên, thế gian, Thiên ma, các bậc phạm hạnh sa-môn, Bà-la-môn, người đời, A-tu-la, nếu không nói thật tức là lừa dối các vị ấy. Đồng thời cũng là lừa dối đối với chúng Thanh văn của đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri. Đó là tội rất nặng. Nay ta hỏi người ở giữa chúng Tăng, điều gì có thì nói có, điều gì không thì nói không:

Cha mẹ đã cho phép người chưa?

Người đã cầu xin Hòa thượng chưa?

Ba y và bát đã đủ chưa?

Người có phải là trang nam tử không?

Đã đủ hai mươi tuổi chưa?

Người không phải là loài phi nhân đấy chứ?

Người không phải là kẻ bất năng nam (lại cái) đấy chứ?

Tên của người là gì?

(đáp: tên là mỗ giáp).

Hòa thượng của người tên là gì?

(đáp: tên là mỗ giáp).

Người không phá hoại tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni đấy chứ?

Người không phải là kẻ trộm pháp đấy chứ?

Người không phải là kẻ đang đào thoát đấy chứ?

Người không phải là kẻ tự ý xuất gia đấy chứ?

Người không giết hại cha mẹ đấy chứ?

Người không giết hại A-la-hán đấy chứ?

Người không phá hòa hợp Tăng đấy chứ?

Người không có ác tâm làm cho thân Phật ra máu đấy chứ? (Mặc dù Phật Niết-bàn đã lâu, nhưng ở đây căn cứ theo văn xưa mà hỏi).

Trước đây người đã từng thọ Cụ túc chưa?

(Nếu đáp đã từng thọ, thì hỏi tiếp)

Người không phạm bốn giới Ba-la-di đấy chứ?

(Nếu đáp đã phạm, thì nên bảo đi ra, không được thọ Cụ túc. Nếu đáp không phạm thì lần lượt hỏi tiếp mười ba giới Tăng- tàn, hỏi từng giới một xem có phạm hay không. Nếu đáp phạm, thì hỏi khi thọ Cụ túc xong, y theo pháp sám hối các tội ấy được không? Nếu đáp được, thì hỏi tiếp)

Trước đây đã từng xả giới chưa?

(Đáp: đã xả).

(413c) Người không phải là đày tớ đấy chứ?

Người không phải là con nuôi đấy chứ?

Người không mắc nợ người khác đấy chứ?

Người không phải là công chức đấy chứ?

Người không âm mưu làm chính trị đấy chứ?

Người không phải là người có cả hai căn đấy chứ?

Người có phải là bậc trượng phu không?

Người không có các chứng bệnh: Ghẻ lở, bông da, mụn nhọt, ung thư, bệnh trĩ, đái tháo, vàng da, sốt rét, suyễn, bệnh gầy còm, điên cuồng, bệnh nhiệt, phong thũng, thũng nước, bụng phù thũng, nói chung các chứng bệnh như thế và những bệnh khác nữa trên thân người không có đấy chứ?

(Đáp: không có).

Hỏi xong, Thầy yết-ma lại nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Mỗi giáp theo mỗi giáp thọ Cụ túc. Mỗi giáp đã hỏi han dạy bảo ở chỗ thanh vắng xong. Mỗi giáp đã theo Tăng xin thọ Cụ túc. Cha mẹ đã cho phép, đã cầu thỉnh Hòa thượng, ba y và bát đã đầy đủ. Trang nam tử này đã đủ hai mươi tuổi, tự nói mình thanh tịnh, không có các già nạn. Nếu thời gian của Tăng đã đến, nay Tăng cho mỗi giáp thọ Cụ túc. Hòa thượng là mỗi giáp. (một lần bạch, ba lần yết-ma, cho đến) Tăng bằng lòng nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo chưa có tuổi hạ, mặc y sạch mới nhuộm đẹp đẽ, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ thăm hỏi. Thế rồi, sau đó vào một dịp khác, Tỳ-kheo này mặc y rách rưới dơ bẩn, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ thăm hỏi. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Tỳ-kheo, trước đây ông mặc y sạch sẽ mới nhuộm đẹp đẽ, đến chỗ Ta, nay vì sao mặc y rách rưới như thế?

Bạch Thế Tôn, đây là chiếc y ngày trước, nhưng vì đã lâu năm nên bị hư rách.

Ông không thể vá lại được sao?

Bạch Thế Tôn, con có thể vá, nhưng không lấy gì để vá.

Ông không thể đi nhặt những y phục cũ rách tại những con đường hẻm đem về giặt, nhuộm sạch rồi vá sao?

Bạch Thế Tôn, y phẩn tảo bẩn thỉu, con rất nhờm gồm không thể dùng được.

Này Tỳ-kheo, thôi thôi đi, đừng nói như thế. Y phẩn tảo ít phiền toái, dễ tìm, nên giặt cho sạch, không có các lỗi, hợp với pháp phục của sa-môn, dựa vào đó mà sống đời xuất gia.

Thế rồi, Thế Tôn đi đến chỗ có đông Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, thuật lại đầy đủ sự việc kể trên. Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: “Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri muốn làm lợi ích cho chúng Thanh văn, chế ra pháp y cú đầu tiên này. Nếu Thiện nam tử nào có lòng tin chân chánh, kham nhẫn được thì cho thọ Cụ túc, còn ai không kham nhẫn được thì không nên cho thọ.”

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích bên cây Ni-câu-luật, tại Ca-duy-la-vệ, vì năm sự lợi ích nên đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri cứ năm hôm đi tuần tra phòng các Tỳ-kheo một lần. Năm sự lợi ích đó là:

1. Xem các đệ tử Thanh văn có ưa thích các việc hữu vi hay không;
2. Xem họ có thích nói những điều vô ích hay không;
3. Xem họ có say mê ngủ nghỉ (414a) hay không;
4. Vì để thăm viếng những Tỳ-kheo bị bệnh;
5. Để cho những Thiện nam tử có lòng tin thấy oai nghi tể chỉnh của Như Lai mà sinh tâm hoan hỉ.

Vì năm việc đó mà Ngài đi đến phòng các Tỳ-kheo, bỗng thấy một Tỳ-kheo bị bệnh tê liệt vàng vọt gầy ốm, Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Tỳ-kheo, khí lực của ông có điều hòa không?

Bạch Thế Tôn, con bị bệnh đói khát, khí lực không đầy đủ.

Ông không thể đi khát thực sao?

Bạch Thế Tôn, ở nước Câu-tát-la này chỉ có thể xin đồ ăn thừa của người ta, chứ không thể xin đồ ăn còn nguyên vẹn, mà thức ăn thừa thì dơ bẩn, con không thể ăn được, cho nên mới bị gầy ốm.

Này Tỳ-kheo, thôi thôi đi, chớ nói như thế. Xin đồ ăn thừa ít phiền toái, dễ được, hợp pháp, không có lỗi lầm, nhờ đó mà đời sống xuất gia được dễ dàng.

Thế rồi, Thế Tôn đi đến chỗ có nhiều Tỳ-kheo, trải tọa cụ, ngồi trình bày lại đầy đủ việc kể trên với các Tỳ-kheo. Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: “Từ hôm nay, Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì muốn lợi ích cho chúng Thanh văn, chính thức chế định pháp y cú thứ hai này. Nếu Thiện nam tử nào có lòng tin chân chính kham nhẫn được thì cho thọ Cụ túc, còn ai không thể kham nhẫn được thì không nên cho thọ.”

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri cứ năm hôm đi tuần tra phòng các Tỳ-kheo một lần, thấy một Tỳ-kheo ngồi dưới gốc cây, nói như sau: “Sa-môn xuất gia tu phạm hạnh, ngồi dưới gốc cây khổ cực, ban ngày thì bị gió lửa nắng đốt, ban đêm thì bị muỗi mòng châm chích, ta không thể chịu nổi.”

Phật liền nói với Thầy: “Im, im đi, đừng nói như thế. Ngồi dưới gốc cây ít phiền toái, dễ chịu, thanh tịnh, không có các lỗi lầm, phù hợp với phép tắc sa-môn, đời sống xuất gia lấy đó làm chỗ nương tựa.”

Thế rồi, đức Thế Tôn đi đến chỗ đông đúc các Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, tường thuật sự việc trên với các Tỳ-kheo. Đoạn, Phật nói: “Từ hôm nay, Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì muốn lợi ích cho chúng Thanh văn, chính thức chế định pháp y cú thứ ba này. Nếu Thiện nam tử nào có lòng tin chân chính, biết kham nhẫn

thì cho thợ Cự túc, còn ai không kham nhẫn được thì không nên cho thợ.”

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, dưới cây Ni-câu-luật, tại Ca-duy-la-vệ, đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri cú năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần, thấy một Tỳ-kheo đang bị bệnh tê liệt, vàng vọt gầy ốm, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo, khí lực ông có điều hòa không?

Bạch Thế Tôn, con bị bệnh rất khổ sở, khí lực không điều hòa.

Ông không thể uống thuốc phù hợp với bệnh, ăn thức ăn phù hợp với bệnh sao?

Bạch Thế Tôn, con không có tiền mua thuốc, cũng không ai cúng dường, nên bị bệnh khốn khổ.

Ông không thể uống trần khí được sao?

Bạch Thế Tôn, loại trần khí được này (414b) do bắn, con không uống được.

Này Tỳ-kheo, thôi thôi đi, đừng nói như thế. Loại trần khí được ít phiền toái, dễ tìm, sạch sẽ, không có các lỗi lầm, phù hợp với nếp sống của sa-môn, y cứ vào đó mà sống đời sống xuất gia.

Thế rồi, Phật đi đến chỗ đông đúc các Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, tường thuật lại sự việc kể trên với các Tỳ-kheo. Đoạn, Phật dạy:

Từ hôm nay, Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri muốn làm lợi ích cho chúng Thanh văn, chính thức chế định điều y cứ thứ tư. Nếu Thiện nam tử nào có lòng tin chân chính, biết kham nhẫn thì cho thợ Cự túc, còn ai không kham nhẫn được thì không nên cho thợ.

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có trang thanh niên Bà-la-môn ở thôn Đô Di đến cầu xin các Tỳ-kheo xuất gia, thợ Cự túc, rồi mới thợ bốn thứ y cứ. (Bấy giờ giới sư hỏi):

Y phẩn tảo này ít phiền toái, dễ được, thanh tịnh, không có các lỗi lầm, phù hợp với nếp sống sa-môn, y cứ vào đó mà xuất gia, thọ Cụ túc, vậy người có thể chấp nhận dùng nó suốt đời được không?

Không thể kham nhẫn được.

Vậy, vì lý do gì mà người xuất gia?

Vì con thấy sa-môn Thích tử khoác y đẹp để mảnh mai, con thích mặc loại y ấy, do thế mà xuất gia.

Có khi nào mà tất cả các Tỳ-kheo xuất gia đều được mặc y đẹp hết như thế này đâu.

Rồi các Tỳ-kheo trao cho pháp y cứ thứ hai, nói:

Xin thức ăn thừa ít phiền toái, dễ được, thanh tịnh, không có các lỗi lầm, phù hợp với nếp sống sa-môn, y cứ vào đó mà xuất gia, thọ Cụ túc, vậy người có thể kham nhẫn tuân thủ suốt đời được không?

Con không thể kham nhẫn.

Vậy, vì có gì mà người xuất gia?

Con thấy sa-môn Thích tử ăn toàn gạo trắng lúa thơm, bánh ngọt ngon lành, con tham những thức ngon ấy cho nên xuất gia.

Đâu có chuyện tất cả Tỳ-kheo xuất gia đều được ăn những thứ ngon lành này.

Rồi các Tỳ-kheo trao cho pháp y cứ thứ ba, nói:

Ngồi dưới gốc cây ít phiền toái, dễ được, thanh tịnh, không có các lỗi lầm, phù hợp với nếp sống của sa-môn, nương vào đó mà xuất gia, thọ Cụ túc, người có thể kham nhẫn tuân thủ nếp sống này suốt đời được không?

Con không thể kham nhẫn.

Vậy, vì lý do gì mà người xuất gia?

Vì con thấy sa-môn Thích tử ngồi tại những căn phòng lớn, những lầu gác lộng lẫy, con tham sống nơi những phòng xá này cho nên xuất gia.

Có nơi nào mà tất cả Tỳ-kheo xuất gia đều được các phòng xá tốt đẹp hết như vậy đâu.

Rồi các Tỳ-kheo trao cho pháp y cú thứ tư, nói:

Loại trần khí được ít phiền toái, dễ có, thanh tịnh, không có các lỗi lầm, thích hợp với nếp sống của sa-môn, lấy đó làm chỗ y cú để xuất gia, thọ Cụ túc, trong vấn đề này người có thể kham nhẫn tuân thủ suốt đời được không?

Con không thể kham nhẫn được.

Vậy, vì lý do gì mà người xuất gia?

Vì con thấy sa-môn Thích tử uống sữa dầu mật đường phèn và các thứ thuốc khác, con tham uống những thứ này (414c) cho nên xuất gia.

Đâu có chuyện tất cả Tỳ-kheo xuất gia đều được những món thuốc ngon lành như vậy.

Thế rồi, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền khiển trách: “Vì sao các ông cho thọ Cụ túc trước, rồi trao cho bốn sự y cú sau? Từ nay về sau không được cho thọ Cụ túc trước, rồi trao cho bốn sự y cú sau, mà phải trao cho bốn sự y cú trước, xem họ có kham nhẫn được hay không, rồi mới cho thọ Cụ túc. Nếu họ nói không kham nhẫn được thì không nên cho thọ Cụ túc. Nếu cho thọ Cụ túc trước, trao cho bốn pháp y cú sau, cũng được gọi là thọ Cụ túc, nhưng tất cả Tăng đều phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi trao cho bốn pháp y cú, trước hết phải làm yết-ma cầu thỉnh như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Mỗi giáp theo mỗi giáp thọ Cụ túc, mỗi giáp đã hỏi han dạy bảo giới tử ở chỗ thanh vắng xong, giờ

đến giữa Tăng xin thọ Cụ túc. Cha mẹ đã cho phép, đã cầu xin Hòa thượng, ba y và bát đầy đủ, trang nam tử này đã đủ hai mươi tuổi, tự nói mình thanh tịnh, không có các già nạn. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng bằng lòng cho mổ giáp làm Hòa thượng. Mổ giáp muốn trình bày bốn pháp y cú ở giữa Tăng.

Chư đại đức Tăng lắng nghe. Mổ giáp làm Hòa thượng cho mổ giáp, muốn nói về bốn pháp y cú ở giữa Tăng.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

Đoạn, Hòa thượng truyền bốn pháp y cú:

Thiện nam tử hãy lắng nghe. Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì muốn lợi ích cho chúng Thanh văn, đã chính thức chế định bốn pháp y cú này. Nếu Thiện nam tử có lòng tin chân chính kham nhẫn được thì mới cho thọ Cụ túc, còn không kham nhẫn được thì không cho thọ. Y phần tảo này ít phiền toái, dễ được, thanh tịnh, không có các lỗi, phù hợp với nếp sống của sa-môn, lấy đó làm chỗ nương tựa mà xuất gia thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo; vậy người có thể kham nhẫn thọ trì y phần tảo này suốt đời được không?”

Đáp: Được.

Vậy, nếu được các loại y như Khâm-bà-la, y điệp, y sô ma, y Câu-xá-da, y xá-na, y ma, y Khâu mâu đề (thì người hãy thọ trì).

Xin thức ăn dư thừa ít phiền toái, dễ được, thanh tịnh, không có các lỗi, phù hợp với nếp sống sa-môn, nương vào đây mà xuất gia, thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo, vậy người có thể kham nhẫn khát thực sống suốt đời được không?

Đáp: Được.

Vậy, nếu vào các ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm trong tháng, những dịp thuyết giới, dịp bốc thăm, dịp thí chủ mời, được các bữa ăn (thì người hãy thọ dụng).

Ngồi dưới gốc cây ít phiền toái, dễ thanh tịnh, không có các lỗi, phù hợp với nếp sống sa-môn, nương vào đây mà xuất gia, thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo, vậy người có thể kham nhẫn tuân hành suốt đời ngồi dưới gốc cây được không?

Đáp: được.

Tuy nhiên, khi được những ngôi nhà lớn, những ngôi nhà có lầu gác, ngôi nhà có cửa lớn, ngôi nhà trong hang (thì người có thể sử dụng).

Loại trần khí được ít phiền toái, dễ được, thanh tịnh, không có các lỗi, phù hợp với nếp sống sa-môn, nương vào đây mà xuất gia, thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo, người có thể (415a) kham nhẫn uống trần khí được suốt đời được không?

Đáp: Được.

Vậy, nếu được sữa tươi, sữa chua, dầu, mật, đường phèn và mỡ (thì người hãy thọ dụng).

Tóm lại, người phải tùy thuận học tập tuân thủ bốn Thánh chủng này (bốn pháp y cứ).

Thế rồi, Thầy yết-ma nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc, mỗ giáp đã chất vấn dạy bảo (giới tử) ở chỗ thanh vắng xong. Giờ đây mỗ giáp theo Tăng xin thọ Cụ túc. Cha mẹ đã cho phép, đã cầu xin Hòa thượng, ba y và bát đầy đủ. Trang nam tử này đã đủ hai mươi tuổi, tự nói mình thanh tịnh, không có các già nạn, đã kham nhẫn bốn pháp y cứ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho mỗ giáp thọ Cụ túc. Hòa thượng là mỗ giáp. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc, mỗ giáp đã chất vấn dạy bảo ở chỗ thanh vắng xong. Giờ đây, mỗ giáp theo Tăng xin thọ Cụ túc. Cha mẹ đã cho phép, đã cầu xin Hòa thượng, ba y và bát đầy đủ. Trang nam tử này đã đủ hai mươi tuổi,

tự nói mình thanh tịnh, không có các già nạn, đã kham nhẫn bốn pháp y cú. Nay Tăng cho mõ giáp thọ Cụ túc, Hòa thượng là mõ giáp. Các đại đức nào bằng lòng việc Tăng cho mõ giáp thọ Cụ túc, Hòa thượng là mõ giáp thì im lặng. Ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. Vậy có thành tựu không? (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho mõ giáp thọ Cụ túc, Hòa thượng là mõ giáp. Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

(Đoạn, quay sang nói với giới tử):

Này Thiện nam tử, người đã thọ Cụ túc, một sự thọ Cụ túc tốt đẹp, một lần bạch, ba lần yết-ma, không có các già nạn, chúng Tăng hòa hợp không phải là không hòa hợp, từ mười chúng (mười giới sư) hay mười chúng trở lên. Nay người phải kính trọng Phật, kính trọng pháp, kính trọng Tỳ-kheo Tăng, kính trọng Hòa thượng, kính trọng A-xà-lê. Người đã may mắn gặp được, đừng để mất đi. Thân người khó được, Phật xuất thế khó gặp, nghe pháp cũng khó, chúng Tăng hòa hợp, ý nguyện thành tựu, khó có dịp đánh lễ đấng Thích Sư Tử (Phật) và chúng Thanh văn, người đã được giới Cụ túc, như hoa vô ưu rời khỏi bùn và nước vấy, phải nương vào giới pháp mà tu tập pháp Niết-bàn vi diệu. Đó là bài tựa của giới, bốn pháp Ba-la-di, mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, hai pháp Bất định, ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề, bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, các pháp chúng học, bảy pháp Diệt tránh, pháp tùy thuận. Nay ta dạy bảo người đại khái như thế, sau này Hòa thượng, A-xà-lê sẽ nói cho người rộng rãi hơn.

Đó gọi là Thập chúng thọ giới.

4) Ngũ chúng thọ Cụ túc

Khi Phật an trú tại rừng Thi-đà nơi thành Vương-xá, lúc ấy trong thành có một cư sĩ (415b) tên là Uất Kiền, vốn dòng tôn thất, hào

quí, tài sản vô lượng. Ông nghe đức Như Lai xuất hiện trong đời, đang trú tại rừng Thi-đà, lòng rất hoan hỷ phấn khởi, muốn mời Phật và chúng Tăng cúng dường trai phạn, liền cho trang hoàng nội thất, quét tước sạch sẽ. Bấy giờ, trong thành xá-vệ có một cư sĩ tên là A Na Bàn Chi, vốn là bạn chí thiết của Uất Kiền, đến chơi nhà Uất Kiền, thấy ông đang bận rộn trang hoàng quét tước, liền hỏi: “Này Cư sĩ, vì sao mà chuẩn bị khăn trương, định gả chồng, cưới vợ, mời Bà-la-môn, nhà vua hay đại thần chẳng?”

Cư sĩ đáp: “Tôi không gả con, cưới vợ, mời Bà-la-môn, nhà vua hay đại thần gì cả. Ông không nghe con của vua Bạch Tịnh xuất gia, thành Phật, hiệu là Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri xuất hiện trên đời này sao? Hiện nay Ngài đang ở tại rừng Thi-đà. Nay tôi quét dọn trang hoàng chính là muốn mời Phật và chúng Tăng, cho nên mới khăn trương như vậy.”

Bàn Chi nghe thế lòng rất vui mừng, liền hỏi: “Tôi muốn thăm viếng đánh lễ Ngài có được không?”

Cư sĩ đáp: “Có thể thăm được. Đức Phật có tình thương bao la, không ai yết kiến mà không có lợi ích. Ông hãy biết lúc nào nên làm gì.” Ông ta nghe rồi, lòng tôn kính bộc phát mạnh mẽ, mong mau đến sáng. Đức Phật hiểu rõ tâm ông, liền phóng quang ngay trong đêm tối, ánh sáng chiếu khắp trong thành. Bàn Chi thấy ánh sáng, tưởng là trời đã hừng đông, liền ra đi, thì cửa tự nhiên mở. Ông đi lần đến cửa thành, cửa thành cũng mở ra, khi ra khỏi thành, bỗng thấy một ngôi miếu thờ trời nằm ở ven đường. Ông muốn tới đó lễ bái trước rồi mới đến viếng Phật sau, thì khi vừa hướng đến ngôi miếu, bỗng dừng trời đất tối sầm. Ông cảm thấy hoảng sợ, tới lui đều mờ mịt, không biết đi lối nào. Lúc ấy, trên không có vị trời nói với Bàn Chi: “Giờ đây chính là đúng lúc, hãy đi tới, đừng sợ”, rồi đọc kệ:

Dùng Thất bảo trang hoàng,
Trăm cỗ xe bò, ngựa,

Dem tất cả bố thí,
 Kể công đức của chúng,
 So một bước ông đi,
 Thua một phần mười sáu.
 Dùng Thất bảo trang hoàng,
 Trăm voi chúa Tuyết sơn,
 Rồi đem chúng bố thí,
 Phước báo công đức ấy,
 So một bước ông đi,
 Thua một phần mười sáu.
 Thân Thất bảo anh lạc,
 Của trăm Thiên nữ đẹp,
 Dùng chúng để bố thí,
 Kể về phước báo ấy,
 So một bước ông đi,
 Thua một phần mười sáu.

Lúc bấy giờ A-na-bân-chi nghe bài kệ ấy rồi, lòng sinh kính tín bội phần, liền đi đến chỗ Phật, (415c) cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên. Phật liền thuyết pháp, dạy bảo những điều lợi ích, khiến ông hoan hỉ. Ông bèn bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn, con muốn trở về thành xá-vệ thiết lập Tinh xá, để mời Phật và chúng Tăng an trú. Kính xin Thế Tôn thương xót nhận lời thỉnh cầu của con. Đồng thời xin Thế Tôn sai một Tỳ-kheo trông coi việc xây cất.” Như trong kinh Tỉ-la đã nói rõ, cho đến Phật nói với Xá-lợi-phất và Mục-liên: “Các ông hãy đến đó xem xét địa hình địa thế, tùy trú xứ của Tăng mà trông coi sắp xếp, bố trí phòng ốc.”

Xá-lợi-phất và Mục-liên vâng lời Phật dạy liền đi đến đó. Khi ấy, Cư sĩ Bân-chi bèn dùng mười tám ức tiền vàng mua một khoảnh đất, mười tám ức tiền vàng làm tăng phòng, mười tám ức tiền vàng cúng dường chúng tăng, cộng tất cả là năm mươi tư ức tiền vàng. Vị cư sĩ này lại muốn cúng dường thêm nữa, bèn sai Phú-

lâu-na vào biển tìm châu báu. Do oai thần của Phật nên bốn Đại Thiên vương, Đế Thích và Phạm Thiên vương hộ vệ người này, khiến ông đi về bảy lần, được châu báu vô số mà không gặp tai nạn gì hết.

Thế rồi, Phú-lâu-na thưa với Bàn Chi: “Kính mong cư sĩ cho phép tôi xuất gia.” Cư sĩ liền chuẩn thuận, đoạn, dẫn đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, bạch với Phật: “Người này muốn xuất gia, kính mong Thế Tôn thương xót tiếp độ.” Phật liền tiếp độ.

Sau khi xuất gia, ông thưa với Phật: “Bạch Thế Tôn, kính xin Thế Tôn dạy bảo tóm lược cho con, con muốn đến nước Thân-na, nương theo lời dạy ấy mà tu hành.”

Phật liền tùy thuận dạy bảo, như trong Diên Kinh đã nói rõ. Phú-lâu-na thọ giáo rồi, liền đi đến nước Thân Na. Trong nước này có một Trưởng giả tên là Thát Bà, kiến tạo phòng Chiên đàn. Ở đây xin nói rõ về nhân duyên của Ưc Nhĩ, cuối cùng, ông cầu xin xuất gia, và được Phú-lâu-na độ cho xuất gia, làm sa-di cho đến bảy năm, vì ở đây chúng Tăng khó tìm, nên không được thọ Cụ túc. Sau bảy năm, Thát Bà mới làm xong phòng Chiên đàn, rồi trang trí đẹp đẽ, mời chúng Tăng nhiều nơi về thiết trai cúng dường, đoạn, đem căn phòng ấy cúng dường cho Phú-lâu-na.

Bấy giờ, nhân dịp chúng Tăng tập hợp, Phú-lâu-na bèn mời mười vị Tăng tinh thông giới luật, cho Ưc Nhĩ thọ Cụ túc. Thọ Cụ túc xong, Ưc Nhĩ liền bạch với Hòa thượng: “Con muốn đến xá-vệ thăm viếng đánh lễ đức Thế Tôn, kính xin Hòa thượng chuẩn thuận.”

Phú-lâu-na đáp: “Tùy ý. Nhưng ông hãy nhân danh Ta thăm hỏi đức Thế Tôn và xin Ngài chấp thuận năm nguyện vọng.”

Ưc Nhĩ thọ giáo rồi liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng hầu một bên. Phật liền nói với A-nan: “Ông hãy trải giường nệm cho Tỳ-kheo khách.”

Khi Phật bảo A-nan trải giường nệm thì phải biết là vị ấy sẽ ngủ cùng phòng với Thế Tôn. Còn khi Phật bảo tôn giả Đà-phiêu-ma-la-tử (416a) thì phải biết là vị ấy theo thứ tự mà nhận phòng. Đức Như Lai đầu hôm thuyết pháp cho chúng Thanh văn, nửa đêm Ngài trở về phòng, hào quang thường sáng tỏ. Phật liền hỏi Tỳ-kheo khách:

Ông có tụng kinh không?

Có tụng, bạch Thế Tôn.

Tụng kinh gì?

Tụng Kinh Bát Bạt-kỳ.

Ông hãy tụng xem.

Thầy bèn tụng nho nhỏ. Khi tụng xong, hỏi đến câu cú nghĩa lý thì thầy đều đáp đầu đó rành mạch. Phật liền ngợi khen: “Tốt lắm Tỳ-kheo! Câu cú chữ nghĩa mà ông vừa tụng đều giống y những gì trước kia Ta đã nói.” Thế rồi, Thế Tôn bèn nói kệ:

Thánh nhân chẳng thích ác,
 Người ác chẳng ưa Thánh.
 Nếu thấy lỗi thế gian,
 Phát tâm hướng Niết-bàn.

Đoạn, Phật tiếp: “Lành thay, trong hàng đệ tử của Ta người thông hiểu nhanh chóng bậc nhất chính là Ưc Nhĩ.” Ưc Nhĩ liền đứng dậy, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi trình bày việc Hòa thượng mình xin Phật năm nguyện vọng. Đức Như Lai nghe xong, sáng sớm hôm sau thức dậy, đi đến chỗ có đông Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, nói với các Tỳ-kheo: “Phú-lâu-na ở nước Thâu Na sai Ưc Nhĩ đến xin Ta năm nguyện vọng. Từ nay về sau, Ta cho phép tại nước Thâu Na biên địa được thực hiện năm nguyện vọng sau đây:

1. Ở Thâu-na biên địa dân chúng thích sạch sẽ, Ta cho phép được tắm rửa hằng ngày. Còn ở đây nửa tháng mới tắm một lần.
2. Tại Thâu-na biên địa có nhiều ngói gạch đá cuội và gai gốc, Ta cho phép mang dép da hai lớp, còn ở đây chỉ được mang dép một lớp.
3. Ở Thâu-na biên địa ít có phu cụ mà có nhiều thú da, Ta cho phép dùng da làm phu cụ, còn ở đây thì không cho.
4. Ở Thâu-na biên địa có ít vải vóc mà nhiều y phục của người chết, Ta cho phép mặc y phục của người chết và ở đây cũng cho phép mặc.
5. Ở Thâu-na biên địa có ít Tỳ-kheo, Ta cho phép năm người được truyền giới Cụ túc, còn ở đây phải đủ mười người mới được truyền giới Cụ túc. Đó là cách thọ Cụ túc tốt lành nhất, trước mười người một lần bạch, ba lần yết-ma thọ Cụ túc. Còn ở Thâu-na biên địa trước năm người, một lần bạch, ba lần yết-ma thọ Cụ túc. Đó gọi là bốn cách thọ Cụ túc.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ tôn giả Ưu-ba-ly có hai sa-di, một người tên là Đà Bà Già, còn người kia tên là Bà-la-già. Hai sa-di này được nuôi từ nhỏ dần dần lớn lên, đủ hai mươi tuổi, tôn giả muốn cho thọ Cụ túc, liền suy nghĩ: “Nếu cho một người thọ trước thì người sau ắt hẳn sẽ oán hận, không hiểu cùng một Hòa thượng, cùng một Tăng chúng, cùng một giới sư, hai người thọ giới cùng một lúc có được không?”

Suy nghĩ thế rồi, Ưu-ba-ly liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi ngồi sang một bên, đem đầy đủ sự việc kể trên bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn, cùng một Hòa thượng, (416b) một giới sư, một chúng, hai người cùng thọ giới một lần có được không?”

Phật dạy: “Được. Cũng thế, hai người, ba người cùng thọ một lần cũng được, nhưng không được thọ một lần nhiều người (bốn

người trở lên); đó gọi là thọ Cụ túc. Nếu một giới tử mà hai Hòa thượng, ba Hòa thượng, nhiều Hòa thượng thì không thể gọi là thọ Cụ túc. Không có Thầy yết-ma thì không thể gọi là thọ Cụ túc. Hai người, ba người cùng với một Thầy yết-ma, còn Hòa thượng tách riêng với một chúng để thọ, thì không gọi là thọ Cụ túc. Hai người làm yết-ma hai người, ba người làm yết-ma ba người, còn riêng Hòa thượng cho thọ cùng một chúng, thì không thể gọi là thọ Cụ túc.

Lại nữa, nếu Hòa thượng ở trong số mười người (Thập sư) thì không thể gọi là thọ Cụ túc. Nếu đem người muốn thọ Cụ túc tính cho đủ số mười người, đem Tỳ-kheo-ni tính cho đủ số mười người, đem người gởi dục tính cho đủ số mười người, đều không thể gọi là thọ Cụ túc. Nếu không xưng tên Hòa thượng, không xưng tên giới tử, không xưng tên chúng Tăng, thì không thể gọi là thọ Cụ túc.

Nếu Hòa thượng nói yết-ma, giới tử nói yết-ma, Tỳ-kheo-ni nói yết-ma, đều không thể gọi là thọ Cụ túc.

Nếu Hòa thượng ở trên không trung, giới tử ở trên không trung, Tăng ở trên không trung, tất cả ở trên không, đều không thể gọi là thọ Cụ túc. Nếu một nửa ở dưới đất, một nửa ở trên không, cũng không thể gọi là thọ Cụ túc.

Nếu bị che chắn ngăn cách thì không thể gọi là thọ Cụ túc. Nếu một nửa ở chỗ che khuất, trung gian có vật ngăn cách thì không thể gọi là thọ Cụ túc. Nếu một nửa bị che khuất, một nửa ở chỗ khoảng trống mà đưa tay ra không chạm vào nhau, thì không thể gọi là thọ Cụ túc. Nếu tất cả đều ngồi ở chỗ trống mà đưa tay ra không chạm vào nhau, hoặc tất cả đều ngồi ở chỗ khuất, không nghe thấy nhau, đều không thể gọi là thọ Cụ túc.

Lại nữa, nếu ngủ, hoặc si ám, điên cuồng, tâm loạn, bị bệnh khổ bức bách, đều không thể gọi là thọ Cụ túc.

Lại nữa, nếu giới tử không nói, hoặc chỉ suy nghĩ, hoặc kêu lớn, đều không thể gọi là thọ Cụ túc.

Lại nữa, nếu sai người mang thư tín đến, hoặc đưa tay ra dấu, đều không thể gọi là thọ Cụ túc. Đương sự không hiện diện, không hỏi giới tử, giới tử không muốn thọ giới, làm yết-ma phi pháp, Tăng không hòa hợp, tác bạch không thành tựu, yết-ma không thành tựu, hoặc một trong những việc đó không thành tựu thì không thể gọi là thọ Cụ túc.

*

CÁC GIÀ NẠN

Lại nữa, nếu có các Trường hợp như hủy hoại tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni; trú trong chúng với tâm trộm pháp; kẻ lừa đảo; phạm ngũ nghịch; sáu hạng không phải nam tử; nhỏ quá; già quá; bị chặt tay; bị chặt chân; tay chân đều bị chặt; bị cắt tai; bị cắt mũi; tai mũi đều bị cắt; hoặc mù; hoặc điếc; hoặc bị mù điếc; hoặc câm; què; hoặc bị câm què; (416c) hoặc bị đánh có sẹo; hoặc bị đóng dấu; hoặc bị rút gân; hoặc gân bị giãn; xương sống bị còng; làm quan chức; mắc nợ; bệnh; ngoại đạo; trẻ con; đầy tớ; thân thể dị dạng; hình dáng xấu xí, đều không thể gọi là thọ Cụ túc.

1/ HỦY HOẠI TỊNH HẠNH CỦA TỖ-KHEO-NI

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy, đồng tử Ly-xa là An Bà La phá hoại tịnh hạnh đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Dự. Thế rồi, Tỳ-kheo-ni Pháp Dự bèn đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn, đồng tử Ly-xa phá hoại phạm hạnh đệ tử của con.” Nói như thế rồi bèn lễ Phật mà ra đi. Khi ấy, Phật liền nói với A-nan: “Ông hãy lấy y Tăng-già-lê của Ta lại đây, để Ta đi vào thành Tỳ-xá-ly.” A-nan bèn lấy y Tăng-già-lê đưa cho Thế Tôn. Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri từ khi thành Phật đến giờ, chưa khi nào đi vào thành ấp xóm làng sau bữa ăn. Khi ấy, Thế Tôn cùng A-nan vào thành Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, năm trăm người Ly-xa đang tập hợp tại ngôi nhà nghị luận, định bàn bạc về những việc khác, trông thấy Thế Tôn từ xa

đi đến, họ liền bảo nhau: “Không hiểu đức Như Lai có việc gì mà sau bữa ăn đi vào thành?” Thế rồi, lập tức các Ly-xa đứng dậy trái tòa ra nghênh đón Thế Tôn, quỳ gối chấp tay, bạch rằng: “Lành thay Thế Tôn, xin Thế Tôn ngồi trên tòa này.”

Khi ấy, Thế Tôn bèn trái tọa cụ mà ngồi, đoạn, các người Ly-xa cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, rồi ngồi qua một bên. Phật liền nói với các Ly-xa: “Quyển thuộc của các người, các người phải bảo hộ, cũng như đệ tử Tỳ-kheo-ni của Ta, Ta cũng phải bảo hộ. Nếu có ai xâm phạm, hoặc muốn hay không muốn phá hoại phạm hạnh, thì theo phép tắc của Ta, suốt đời không nói chuyện, không ở chung, không ăn chung.”

Các người Ly-xa liền bạch với Phật: “Cũng như phép tắc của Thế Tôn, hễ kẻ nào phá hoại phạm hạnh thì chúng tôi không nói chuyện, không ở chung, không ăn chung. Phép tắc thế tục của chúng tôi cũng như vậy, suốt đời không nói chuyện, không ở chung, không ăn chung.”

Khi ấy, đức Thế Tôn tùy nghi thuyết pháp cho các Ly-xa, khiến họ sinh tâm hoan hỷ, rồi ra đi. Sau khi Ngài đi không bao lâu, Tỳ-kheo-ni Pháp Dự liền đến chỗ Ly-xa, nói như sau: “Này các cư sĩ, đồng tử Ly-xa Am-bà-la đã hủy hoại phạm hạnh đệ tử của tôi. Đó là việc bất thiện, không phải pháp tùy thuận.”

Các Ly-xa nghe thế liền tự bảo nhau: “Vừa rồi, chính đức Thế Tôn muốn nói về việc này đây”, bèn cảm thấy rất xấu hổ, nói với Tỳ-kheo-ni: “Vậy, Ni-sư muốn chúng tôi trừng trị bằng cách nào đây?”

Tỳ-kheo-ni nói: “Đổi họ ông ta, công bố ông ta không còn là người Ly-xa nữa, xoay cửa nhà ông ta về hướng Tây, phá nhà bếp ông ta, hủy mái nhà ông ta xung quanh một khuỷu tay.”

Các Ly-xa đáp: “Xin thọ giáo”, liền tuyên bố Am-bà-la không còn là Ly-xa nữa, rồi xoay cửa nhà ông ta về hướng Tây, cho đến phá hủy (417a) mái nhà ông ta.

Bấy giờ đức Thế Tôn đi đến giữa đám đông Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, trình bày lại đầy đủ sự việc kể trên với các Tỳ-kheo. Trong trường hợp phá tịnh hạnh Tỳ-kheo-ni: Nếu (hành dâm với) Ni A-la-hán, A-na-hàm mà lúc đầu, lúc giữa và lúc cuối tất cả (đều thọ lạc) thì gọi là phá hoại tịnh hạnh của Ni. Nếu Ni Tư-đà-hàm, Ni Tu-đà-hoàn, Ni phạm phu giữ giới mà (khi hành dâm) lúc đầu thọ lạc thì gọi là hoại tịnh hạnh của Ni, còn lúc giữa và lúc cuối (thọ lạc) thì không gọi là hoại tịnh hạnh.

Khi ấy có một (Tỳ-kheo) ngớ ngẩn, lúc còn là người thế tục đã hoại tịnh hạnh của Ni, tâm sinh nghi hoặc, liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn, lúc con còn là người thế tục đã hủy hoại tịnh hạnh của Ni.” Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: “Ông (Tỳ-kheo) ngớ ngẩn này tự nói: Đã hủy hoại tịnh hạnh của Ni, vậy hãy đuổi đi.”

Các Tỳ-kheo liền đuổi vị ấy.

Phật lại dạy: “Nếu kẻ nào hoại tịnh hạnh của Ni thì không nên cho họ xuất gia. Nếu đã xuất gia thì phải đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là hoại tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni.”

2/ SỐNG TRONG CHÚNG ĐỂ TRỘM PHÁP

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có đàn việt đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, thì có một người đen điều, bụng bự đến ngồi chỗ của Thượng tọa. Trong chốc lát, Thượng tọa đến hỏi:

Ông bao nhiêu hạ lạc?

Ngồi ở đây ăn cơm thì bình đẳng cả, còn phải vất vả hỏi tuổi tác làm gì?

Vì Thượng tọa có uy đức nghiêm trang, bèn bảo: “Ồi chào! Ông đi xuống dưới kia.” Ông bèn đến ngồi chỗ của Thượng tọa thứ hai. Trong khoảnh khắc, Thượng tọa thứ hai đến, hỏi:

Ông bao nhiêu tuổi hạ?

Ngồi đây ăn cơm thì bình đẳng cả, còn phải vất vả hỏi tuổi tác để làm gì?

Cứ như vậy, lần lượt đến chỗ của sa-di. Sa-di xua đuổi, hỏi:

Ai là Hòa thượng của ông? Ai là thầy ông? Sa-di có mấy giới? Sa-di phải thuộc bao nhiêu thứ? Loại thứ nhất gọi là gì? Đó là: (1) Tất cả chúng sinh đều ngược lên mà ăn; (2) Hai loại danh, sắc; (3) Ba cảm thọ; (4) Bốn Thánh đế; (5) Năm ấm; (6) Lục nhập; (7) Thất giác ý; (8) Bát Chánh đạo; (9) Chín cõi của chúng sinh cư trú; (10) Thập nhất thiết nhập. Phép của sa-di là phải nhớ những điều như vậy).

Tôi là đệ tử lớn nhất của Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật nói: “Ông ta không phải là đệ tử lớn nhất của Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà. Đây là người tự động xuất gia. Nếu người như thế ấy mà chưa từng tham dự bố-tát, Tự-tứ, sau này có lòng tốt muốn xuất gia, thì nên cho xuất gia thọ Cụ túc. Nếu đã từng tham dự bố-tát, Tự-tứ thì gọi là kẻ sống trong chúng để ăn trộm, không cho xuất gia, thọ Cụ túc. Nếu là con vua hay con quan đại thần (417b) vì tị nạn mà khoác Ca sa, nhưng chưa tham dự bố-tát Tự-tứ, thì nên cho xuất gia. Nếu đã từng tham dự bố-tát, Tự-tứ thì không cho xuất gia. Nếu sa-di suy nghĩ: “Trong khi thuyết giới không biết bàn luận về vấn đề gì?”, rồi lén chui trước dưới giường của Thượng tọa để nghe trộm, giả như ông ta thông minh, nhớ tất cả các lời từ lúc đầu, lúc giữa và lúc cuối trong khi thuyết giới, thì sau này không được thọ Cụ túc. Nếu dẫn độn, hoặc ngủ, hoặc tâm ý đang nghĩ những chuyện khác, không nhớ những lời nói lúc đầu, lúc giữa và lúc cuối trong khi thuyết giới, thì sau này được thọ Cụ túc. Nếu sống trong chúng để ăn trộm thì không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì phải đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là kẻ ở trong chúng để ăn trộm.”

3/ KẺ LỪA ĐẢO

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có một người trước bữa ăn, mặc theo hình thức của sa-môn, tay cầm bát đen, vào xóm làng khát thực. Sau bữa ăn, ông lại mặc theo hình thức ngoại đạo, tay cầm bát bằng gỗ, theo người ta vào nơi công viên, hồ nước, chỗ du ngoạn trong rừng để khát thực, bị người đời chê bai: “Vì sao sa-môn Thích tử vào trong xóm làng đến nhà tôi khát thực, giờ lại vào trong rừng, không làm sao thoát được ông ta?” Lại có người nói: “Ông không biết sao? Kẻ sa-môn này dối trá, vì y phục ẩm thực nên vào cả hai nơi.”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật nói: “Đó gọi là kẻ lừa đảo, bỏ hình thức sa-môn, khoác hình thức ngoại đạo, rồi lại bỏ hình thức ngoại đạo khoác hình thức sa-môn. Những kẻ lừa đảo như vậy không nên cho xuất gia. Nếu đã cho xuất gia thì phải đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là kẻ lừa đảo.”

4/ NGŨ VÔ GIÁN (NGŨ NGHỊCH)

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Bà-la-môn Đô Di vốn là Thiện tri thức cũ của Xá-lợi-phất, đến chỗ Xá-lợi-phất, nói như sau:

Tôn giả, cho tôi xuất gia.

Đó là việc tốt. Ông vốn là Bà-la-môn thường tương phản với sa-môn, do đâu mà có tín tâm, theo ai nghe pháp, phát tâm hoan hỷ, theo Thế Tôn chẳng, hay theo các Tỳ-kheo?

Tôi cũng chẳng có tín tâm gì, lại không hoan hỷ, cũng chẳng theo ai nghe pháp cả. Chỉ vì tôi giết mẹ nên muốn đoạn trừ tội này, do đó mà xuất gia.

Đội tôi hỏi đức Thế Tôn đã.

Thế rồi, Xá-lợi-phất đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật nói: “Người này giết mẹ, gây tội vô gián, vốn là hạt giống thối nát, đối với chánh pháp không thể phát sinh thánh thiện, không nên cho xuất gia.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bà-la-môn Đô Do vốn là (417c) Thiện tri thức cũ của A-nan, đến chỗ A-nan, nói:

Tôn giả, tôi muốn xuất gia.

Đó là việc tốt.

Cho đến Phật nói với A-nan: “Người này giết cha, tạo nên tội vô gián, là hạt giống mục nát, đối với chánh pháp không thể thành tựu đạo quả. Giá như bảy đức Phật cùng xuất hiện một lúc, thuyết pháp cho y nghe, thì đối với chánh pháp, rốt cuộc cũng không thể sinh ra Thiện tâm. Ví như cây đa-la đã bị chặt đầu thì không thể sống, không còn xanh, cũng không còn mầm sống ở bên trong. Tội vô gián này cũng như vậy, đối với chánh pháp không thể sinh mầm móng Thánh Thiện. Nếu kẻ nào gây ra năm tội vô gián, thì không nên cho xuất gia. Nếu đã cho xuất gia thì phải đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Ngoài ra, ba tội vô gián kia cũng như vậy. Đó gọi là năm tội vô gián.”

5/ SÁU LOẠI NGƯỜI KHÔNG THỂ LÀM ĐÀN ÔNG

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ban đêm đang ngủ trong phòng thì có kẻ đến rờ mó từ gót chân lên đến bắp vế, đến bụng, rồi lần tới chỗ kín. Tỳ-kheo định chụp bắt, thì y liền chạy thoát. Rồi y lại đến những nơi khác như hội trường, phòng sưởi, nơi nào cũng làm như thế. Sáng hôm sau, các Tỳ-kheo tập trung một chỗ bàn tán nhau: “Này các Trưởng lão, đêm qua trong khi ngủ thì có người đến rờ mó khắp người rồi lần tới chỗ kín, tôi định bắt lấy thì y chạy thoát.”

Lại có Tỳ-kheo khác nói: “Tôi cũng gặp trường hợp như thế.” Cho đến nhiều người cũng gặp như thế. Rồi một Tỳ-kheo suy nghĩ: “Đêm nay ta phải rình để bắt hẩn.” Đoạn, Tỳ-kheo này đến tối, liền ngủ sớm, rồi thức dậy rình. Trong khi các Tỳ-kheo đang ngủ thì hẩn ta lại đến sờ mó như trước. Tỳ-kheo liền chộp cổ được, bèn kêu lớn lên: “Các trưởng lão, hãy đem đèn lại đây.” Khi đã đem đèn tới, liền hỏi y:

Người là ai?

Tôi là con gái của vua.

Thế nào là con gái?

Tôi thuộc lưỡng tính, phi nam, phi nữ.

Vì lý do gì mà người xuất gia?

Tôi nghe nói sa-môn không có vợ, tôi muốn đến làm vợ.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật nói: “Đó là kẻ bất năng nam. Bất năng nam có sáu loại. Đó là: (1) Sanh; (2) Bị phá hỏng; (3) Cắt bỏ; (4) Nhân người khác (mà cương cứng); (5) Tật đố; (6) Nửa tháng có tác dụng.

Sanh: Từ khi sinh đã không có nam căn, đó gọi là sanh.

Bị phá hỏng: Vợ lớn vợ bé sinh con, ganh ghét nhau, rồi họ tìm cách phá hỏng. Đó gọi là bị phá hỏng không thành đàn ông.

Cắt bỏ: Hoặc vua, hoặc đại thần chọn những người đã cắt bỏ nam căn để hầu hạ nơi phòng the. Đó gọi là bị cắt bỏ không còn là đàn ông.

Nhân người khác: Nhân có người xúc chạm mà nam căn cương cứng. Đó gọi là nhân người khác (418a) mà bất năng nam.

Tật đố: Thấy người khác hành dâm mà nam căn cương cứng. Đó gọi là tật đố, không thành đàn ông.

Nửa tháng (có tác dụng): Nửa tháng có tác dụng, nửa tháng không có tác dụng. Đó gọi là nửa tháng không thành đàn ông.

Trong đây, sanh không thành đàn ông, bị phá hỏng không thành đàn ông, cắt bỏ không thành đàn ông, ba loại không thành đàn ông này không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì phải đuổi đi. Còn nhân người khác mà không thành đàn ông, tất đồ không thành đàn ông, nửa tháng không thành đàn ông, ba loại không thành đàn ông này không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia, thì không nên đuổi đi, về sau, nếu sinh khởi dâm dục thì phải đuổi đi. Sáu loại không thành đàn ông này không nên cho xuất gia. Nếu ai độ cho họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là sáu loại không thành đàn ông.

6/ NHỎ QUÁ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo độ trẻ con xuất gia, nằm xuống, ngồi dậy phải nhờ người khác đỡ dẫn, đi ra đi vào cầu tiêu, dính đồ bất tịnh làm dơ bẩn mền gối của Tăng chúng, ngủ dậy kêu khóc, do đó, bị người đời chê cười rằng: “Vì sao sa-môn Thích tử độ trẻ con xuất gia, chưa biết phép tắc, chưa biết những lời nói nào là tốt hay xấu? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”

Lại có người mỉa mai: “Ông không biết sao? Vì Sa-môn này không có con, nên nuôi trẻ con người khác để tưởng tượng là con mình, lấy đó làm vui.”

Lại có người khác thêm vào: “Các sa-môn này chỉ duy nhất không độ hai hạng người: Một là người chết, hai là người không muốn xuất gia. Nếu không độ họ, thì đồ chúng không tăng trưởng. Do đó mà phải độ nhiều.”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi Thấy đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ việc kể trên:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau người còn nhỏ quá không nên cho xuất gia. Nhỏ quá có nghĩa là: Hoặc dưới bảy tuổi, hoặc đủ bảy tuổi mà không biết việc tốt xấu, đều không nên cho xuất gia. Nếu đủ bảy tuổi mà hiểu biết được việc tốt xấu thì nên cho xuất gia. Nếu trẻ con đã cho xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là quá nhỏ.

7/ GIÀ QUÁ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo độ những người tám mươi, chín mươi tuổi xuất gia, đầu bạc, lưng còng, xương sống lồi lõm, các căn không còn chủ động được, khi muốn tiểu tiện thì phân lòi ra, đi đứng phải có người giúp đỡ, không thể tự mình đứng dậy nổi. Hoặc ở trong phòng, hoặc ở nơi nhà suối, chỗ rửa chân, chỗ đi kinh hành, họ hen liên hồi muốn hựt hơi, đàm dãi tuôn ra làm dơ bẩn trú xứ của Tăng; do đó, bị người đời chê cười rằng: “Vì sao sa-môn Thích tử độ những ông lão đầu bạc, (418b) lưng còng, họ hen chấn động, đi đứng phải nhờ người giúp đỡ này xuất gia? Người xuất gia lẽ ra phải tráng kiện để tọa Thiền, tụng kinh, tu tập các nghiệp, đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”

Lại có người mỉa mai: “Ông không biết sao? Vì sa-môn Thích tử xuất gia không có cha, nên nuôi những ông lão này để tưởng tượng là cha mình.” Lại có người chêm vào: “Các sa-môn này chỉ có hai hạng người họ không độ: một là người chết, hai là người không muốn xuất gia. Vì nếu không độ thì hội chúng không tăng trưởng.”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Phật. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi Thấy đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, những người quá già không nên cho xuất gia. Quá già nghĩa là quá bảy mươi tuổi. Nhưng nếu dưới bảy mươi tuổi mà không còn làm việc nổi, nằm ngồi phải nhờ người khác giúp đỡ, người như vậy cũng không nên cho xuất gia. Nếu quá bảy mươi tuổi mà còn có thể làm việc được thì cũng không nên cho xuất gia. Những người đủ bảy mươi tuổi mà khang kiện có thể tu tập các nghiệp thì cho họ xuất gia. Còn già quá thì không nên cho xuất gia. Nếu ai đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là già quá.

8/ BỊ CHẶT TAY

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ người bị chặt tay xuất gia, bị người đời chê cười rằng: “Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người phạm vương pháp, bị chặt tay xuất gia? Người xuất gia lẽ ra thân thể phải hoàn bị, đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi Thấy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, những người bị chặt tay không nên cho xuất gia. Bị chặt tay nghĩa là: hoặc bị chặt cánh tay, hoặc bị chặt cổ tay, hoặc bị chặt ngón tay nhỏ, ngón tay lớn thì không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bị chặt tay.

9/ BỊ CHẶT CHÂN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ người bị chặt chân xuất gia, bị người đòi chê cười, cho đến câu Phật dạy: “Từ nay về sau những người bị chặt chân không nên cho xuất gia. Bị chặt chân nghĩa là: hoặc bị chặt chân, hoặc bị chặt bắp chân, hoặc bị chặt ngón chân út, ngón chân cái thì không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi, cho đến câu phạm tội Việt-tỳ-ni.” Đó gọi là bị chặt chân.

10/ BỊ CHẶT CẢ TAY CHÂN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ người bị chặt cả tay chân xuất gia, bị người (418c) đòi chê cười rằng: “Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người phạm vương pháp, bị chặt cả tay chân xuất gia? Nếu một thứ bị chặt còn không được xuất gia, huống gì cả hai thứ đều bị chặt. Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi Thấy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau những người bị chặt cả tay chân không nên cho xuất gia. Chặt cả tay chân nghĩa là: Hoặc bị chặt tay phải, chân trái; hoặc bị chặt tay trái, chân phải; hoặc bị chặt tay phải, chân phải, đều không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bị chặt cả tay chân.

11/ BỊ CẮT TAI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ người bị cắt tai xuất gia, bị người đòi chê cười rằng: “Vì

sao sa-môn Thích tử lại độ người phạm vương pháp bị cắt tai?.” Cho đến Phật nói: “Từ nay về sau, những người bị cắt tai không nên cho xuất gia. Bị cắt tai nghĩa là: hoặc bị cắt tai, hoặc bị cắt vành tai. Nếu trước kia xỏ lỗ tai mà có thể liền lại thì được cho xuất gia. Còn người bị cắt tai thì không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bị cắt tai.

12/ BỊ XẼO MŨI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo độ người bị xẻo mũi xuất gia, nên bị người đời chê cười rằng: “Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người phạm vương pháp bị xẻo mũi xuất gia? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật nói: “Từ nay về sau, những người bị xẻo mũi không nên cho xuất gia. Bị xẻo mũi nghĩa là: hoặc bị xẻo mũi, hoặc bị xoi thủng mũi, đều không nên cho xuất gia”, cho đến... đó gọi là bị xẻo mũi.

13/ BỊ CẮT CẢ TAI MŨI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ người bị cắt cả tai mũi xuất gia, nên bị người đời chê cười rằng: “Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người bị cắt cả tai mũi xuất gia? Bị cắt một thứ còn không được xuất gia huống gì bị cắt cả hai thứ. Đó là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật nói: “Từ nay về sau những người bị cắt cả tai mũi không nên cho xuất gia”, (cho đến...) đó gọi là bị cắt cả tai mũi.

14/ BỊ MÙ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ người mù lòa xuất gia, rồi nắm tay dắt đi, bị người đời

chê cười rằng: “Vì sao sa-môn Thích tử (419a) lại độ người mù lòa xuất gia, không thể tự đi được, phải cầm tay dắt đi? Người xuất gia cần phải đầy đủ các căn; đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi Thấy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, những người mù lòa không nên cho xuất gia. Mù lòa nghĩa là mắt hoàn toàn không thấy các vật. Nếu (không) thấy rõ những đường chỉ tay, hoặc mắt ti hí như mắt chim sẻ thì không được cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bị mù.

15/ BỊ ĐIẾC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người điếc xuất gia, bị người đời chê cười rằng: “Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người điếc xuất gia, không nghe được những lời nói thiện ác, thì làm sao nghe pháp? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật nói: “Từ nay về sau, những người điếc không nên cho xuất gia. Điếc nghĩa là không nghe được tất cả các âm thanh, nếu nghe được tiếng nói lớn thì nên cho xuất gia”, (cho đến...) đó gọi là bị điếc.

16/ BỊ CẢ MÙ ĐIẾC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người bị mù điếc xuất gia, nên bị người đời chê cười

rằng: “Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người vừa mù vừa điếc xuất gia, không thể nghe thấy gì cả? Người xuất gia các căn nên đầy đủ, bị mù còn không được, hưởng gì cả mù điếc. Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến Phật nói: “Từ nay về sau những người mù điếc không nên cho xuất gia.” (cho đến...) đó gọi là mù điếc.

17/ BỊ CÂM

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người câm xuất gia, dùng tay ra dấu, bị người đời chê cười rằng: “Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người câm xuất gia, không thể nói được mà phải dùng tay ra dấu? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến Phật nói: “Từ nay về sau không được độ người câm xuất gia. Câm nghĩa là không thể nói được mà phải dùng tay ra dấu, hạng người ấy không nên cho xuất gia, nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi”, (cho đến...) đó gọi là câm.

18/ QUÈ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ người què xuất gia, bị người đời chê cười rằng: “Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người què đi không được xuất gia? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến... Phật nói: “Từ nay về sau không nên cho người què xuất gia. Què nghĩa là hai tay mang guốc mà đi. Người như vậy thì không nên cho xuất gia, nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi.” (cho đến...) đó gọi là bị què.

19/ VỪA CÂM VỪA QUÈ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người vừa câ, vừa què xuất gia, cho đến: “Nếu ai cho họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni.” Đó gọi là vừa câ vừa què.

20/ BỊ ĐÁNH CÓ SẸO

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ người có sẹo xuất gia, bị người đời chê cười rằng: “Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người phạm vương pháp bị đánh có sẹo xuất gia? Người xuất gia thân thể phải lành lặn, đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thấy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, không nên độ những người bị đánh có sẹo xuất gia. Bị đánh có sẹo nghĩa là: hoặc lồi lên, hoặc lõm xuống. Nhưng nếu có thể chữa trị vết sẹo trở lại bình thường, liền với màu da thì nên cho xuất gia. Còn những người bị đánh có sẹo thì không nên cho xuất gia, nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bị đánh có sẹo.

21/ BỊ ĐÓNG DẤU

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ người bị đóng dấu xuất gia, bị người đời chê cười rằng: “Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người phạm vương pháp bị đóng dấu xuất gia? Người xuất gia cần phải lành lặn mới phải, đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến... Phật dạy: “Từ nay về sau những người bị đóng dấu không nên cho xuất gia. Bị đóng dấu nghĩa là dùng mật con công hay chất ten của đồng vân vân in vào da thành chữ, hoặc thành các hình chim, thú khiến thịt bị hỏng. Những người như vậy không nên cho xuất gia, nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni.” Đó gọi là bị đóng dấu.

22/ BỊ RÚT GÂN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người bị rút gân xuất gia, phải kéo lê chân mà đi, bị người đời chê cười rằng: “Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người bị rút gân, phải kéo lê chân mà đi? Người xuất gia lẽ ra phải lành lặn mới được, đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến... Phật dạy: “Từ nay về sau, những người bị rút gân (419c) không nên cho xuất gia. Bị rút gân nghĩa là bị rút gân gót chân. Người như thế không nên cho xuất gia. (cho đến...) phạm tội Việt-tỳ-ni.” Đó gọi là bị rút gân.

23/ GÂN BỊ GIÃN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người gân bị giãn xuất gia, bị người đời chê cười rằng: “Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người gân bị giãn xuất gia? Người xuất gia lẽ ra thân thể phải lành lặn mới được.”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến... Phật nói: “Từ nay về sau những người gân bị giãn không nên cho xuất gia. Gân bị giãn nghĩa là: Từ gót chân đưa lên cổ được, từ cổ gấp xuống gót chân được. Những người như vậy không nên cho xuất gia. (cho đến...) phạm tội Việt-tỳ-ni.” Đó gọi là gân bị giãn.

24/ BỊ CÒNG LỪNG

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người còng lưng, lùn tịt xuất gia, bị người đời chê cười rằng: “Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người còng lưng diễn trò cho vua xem xuất gia? Người xuất gia thì thân thể cần phải thẳng thớm, đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”

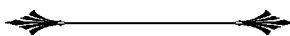
Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến... Phật nói: “Từ nay về sau, những người còng lưng không nên cho xuất gia. Còng lưng nghĩa là: lưng không thẳng. Còn lùn thấp thì hoặc là phần trên dài, phần dưới ngắn, hoặc phần trên ngắn, phần dưới dài, hoặc hoàn toàn ngắn. Người như vậy không nên cho xuất gia. (cho đến...) phạm tội Việt-tỳ-ni.” Đó gọi là còng lưng, lùn thấp.



Hết quyển thứ hai mươi ba

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 24

PHẨM TẠP TỤNG (tiếp theo)

25/ QUAN VIÊN

Khi Phật an trú tại vườn Trúc Ca-lan-đa, nơi thành Vương-xá, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ một quan viên xuất gia, Thọ Cụ túc. Viên quan hình sự thấy thế, liền bắt Tỳ-kheo tổng đến chỗ quan tòa, nói như sau: “Vị sa-môn này lén độ quan viên.”

Vị quan tòa nói: “Dem Hòa thượng ra bẻ gãy ba xương sườn, (420a) dẫn giới sư đến kéo lưỡi ra, lôi thập sư ra đánh mỗi người tám roi. Còn kẻ Thọ Cụ túc kia thì dùng cực hình trị tội.”

Khi đám đông đang hộ tống các tội nhân ra khỏi thành thì nhằm lúc vua Tần Bà Ta La trên đường đi đến Thế Tôn, trông thấy đám đông này, vua liền hỏi tả hữu: “Đó là những người nào vậy?”

Quân hầu liền đem sự việc kể trên tâu đầy đủ với vua. Vua nghe xong, giận dữ cực độ, liền ra lệnh thả ra, nói: “Từ nay về sau, ai muốn xuất gia thì cho phép Thầy được tiếp độ.”

Đoạn, vua bảo gọi quan tòa đến. Khi y đến, vua hỏi:

Trong nước này ai là vua?

Đại vương là vua.

Nếu Trẫm là vua thì vì sao người trị tội người mà không tâu với Trẫm?

Đoạn, vua ra lệnh quan Hữu Ty cách chức viên quan tòa, đồng thời tịch thu hết tài sản sung vào công khố. Quan Hữu Ty liền thi hành mệnh lệnh của vua, lột chức quan của y, và tịch thu hết tài sản của y nhập vào công khố.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Ước gì tất cả các vì vua đều có lòng tin như thế! Từ nay về sau, Ta không cho phép thu nhận quan chức xuất gia. Quan chức có bốn loại: 1/ Hoặc có danh mà không có bổng lộc; 2/ Hoặc có bổng lộc mà không có danh; 3/ Hoặc vừa có bổng lộc vừa có danh; 4/ Hoặc không có danh, không có bổng lộc.

Trong đây, có danh mà không có bổng lộc, có danh và có bổng lộc, thì ở nước này không cho xuất gia và các nước khác cũng không cho. Còn loại có bổng lộc mà không có danh thì ở đây không cho, nhưng ở nơi khác thì cho. Còn hạng không có danh, không có bổng lộc thì ở đây cho và các nơi khác cũng cho. Tóm lại, không nên cho quan chức xuất gia, (cho đến...) phạm tội Việt-tỳ-ni.” Đó gọi là quan chức.

26/ KẺ MẮC NỢ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ kẻ mắc nợ xuất gia. Chủ nợ gặp được, liền thộp cổ đem đến quan tòa, nói: “Người này mắc nợ tôi chưa trả mà xuất gia.”

Viên quan tòa vốn có lòng tin Phật pháp, bèn nói với chủ nợ: “Người này đã xả bỏ tài sản xuất gia, vì sao lại mắc nợ?”, liền tha cho đi.

Chủ nợ bèn than trách: “Người này vốn đang mang nợ của tôi chưa trả, vì sao sa-môn Thích tử lại cho y xuất gia? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi Thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, những người mắc nợ không nên cho xuất gia. Nếu họ đến định xin xuất gia thì trước hết phải hỏi: “Người có mắc nợ người ta không?”. Nếu nói: “Có mắc nợ, nhưng nhà tôi có vợ con ruộng đất tài sản, tôi sẽ trả”, thì nên cho xuất gia. Nếu nói: “Không mắc nợ”, thì nên cho xuất gia. (420b) Sau khi xuất gia mà chủ nợ đến đòi, nếu món nợ ít thì lấy y bát của người ấy trả cho chủ nợ. Nếu không đủ thì phải đem y bát của mình mà trả. Hoặc xin thêm để giúp vào mà trả. Nếu số nợ nhiều không thể trả nổi, thì nên nói: “Trước đây ta đã hỏi người có mắc nợ hay không thì người nói là không mắc nợ, vậy người hãy tự đi xin tiền của để trả nợ người ta.” Tóm lại, người mắc nợ không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Cho đến... phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là mắc nợ.

27/ BỊ BỆNH

Khi Phật an trú tại vườn Trúc Ca-lan-đà, thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một người bệnh đến chỗ lương y Kỳ-vúc, nói như sau:

Kỳ-vúc, trị bệnh cho tôi rồi tôi sẽ trả cho ông năm trăm lượng vàng và hai cây lụa mỏng.

Tôi không thể trị. Tôi chỉ trị cho hai hạng bệnh nhân: Một là đức Phật, Tỳ-kheo Tăng; hai là nhà vua và các phu nhân hậu cung của vua.

Người bệnh liền đi đến phòng Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà. Tới rồi, Nan-đà hỏi:

Lão trượng, bốn đại có điều hòa không?

Bị bệnh, không được điều hòa. Tôi đến chỗ Kỳ-vúc, dùng năm trăm lượng vàng, hai cây lụa mỏng thuê ông trị bệnh mà ông không chịu trị, lại nói: “Tôi chỉ trị hai hạng bệnh nhân: Phật, Tỳ-kheo Tăng và nhà vua cùng các phu nhân hậu cung.”

Ông bỏ năm trăm lượng vàng, hai cây lụa mỏng làm chi cho uống. Ông chỉ cần bỏ hai thứ: một là bỏ tóc, hai là bỏ y phục thể tục là được.

Thưa thầy, thầy muốn tôi xuất gia sao?

Dĩ nhiên.

Nan-đà liền độ ông ta xuất gia cho thọ Cụ túc. Thế rồi, sáng sớm thấy khoác y thường mặc, đi đến nhà Kỳ-vúc, nói như sau:

Đồng tử, tôi có đệ tử đồng hành bị bệnh, hãy trị giúp giùm tôi.

Được thôi. Con định đem thuốc đến đây.

Kỳ-vúc bèn mang thuốc đến tu viện, thấy người bệnh, ông nhận diện ra ngay, liền hỏi:

Tôn giả đã xuất gia rồi sao?

Vâng.

Tốt lắm. Giờ tôi sẽ trị bệnh cho Thầy.

Thế rồi, Kỳ-vúc liền dùng thuốc chữa trị. Khi trị lành còn đem hai cây lụa mỏng cúng dường và cầu chúc: “Mong tôn giả hãy sống trong Phật pháp tịnh tu phạm hạnh.”

Người bệnh ấy nhận vật cúng dường rồi liền bãi đạo, cởi áo ca sa, mặc hai tấm lụa mỏng, đi vào trong đường hẻm, chửi xéo như sau: “Lương y Kỳ-vúc có rất nhiều con. Tôi đem năm trăm lượng vàng, hai cây lụa mỏng thuê ông trị bệnh mà ông không chịu trị. Nhưng khi thấy tôi xuất gia liền chữa trị, lại còn cúng dường nữa chứ.”

Kỳ-vức nghe thế, lòng rất cảm hận, liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn, người bệnh kia nhờ con mới được sống mà trái lại còn nhục mạ con. Bạch Thế Tôn, con là Ưu-bà-tắc, vì muốn cho Phật pháp được tăng trưởng, kính xin Thế Tôn từ nay về sau đừng cho các Tỳ-kheo (420c) độ người bệnh xuất gia.”

Bấy giờ, Thế Tôn vì đồng tử Kỳ-vức tùy thuận thuyết pháp, chỉ bảo những điều lợi ích, khiến ông hoan hỷ, đánh lễ dưới chân rồi ra đi. Thế rồi, Thế Tôn đi đến chỗ có đông các Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, thuật lại đầy đủ sự việc kể trên cho các Tỳ-kheo nghe. Đoạn, Phật nói: “Từ nay về sau, những người bệnh không nên cho xuất gia. bệnh nghĩa là bệnh ghẻ, bệnh lở loét, bệnh hủi, bệnh ung thư, bệnh trĩ, bệnh đái tháo, bệnh vàng da, bệnh sốt rét, bệnh suyễn, bệnh gầy còm, bệnh điên cuồng, bệnh nhiệt, bệnh phong thũng, thủy thũng, bụng chướng v.v..., nói chung, nếu uống thuốc chưa bình phục thì không nên cho xuất gia. Nếu bệnh sốt rét trong vòng từ một đến bốn ngày mà không tái phát thì nên cho xuất gia. Tóm lại, nếu là người bệnh thì không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni.” Đó gọi là bệnh.

28/ NGOẠI ĐẠO

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ ngoại đạo xuất gia. Sau khi xuất gia, hễ ai nói về những thói xấu của ngoại đạo như: Ngoại đạo không có lòng tin, tà kiến, phạm giới, không có tâm quý. Khi nghe chê bai về những thói xấu của ngoại đạo như thế, thì ông ta liền bênh vực: “Này trưởng lão, chớ nói như thế. Trong hàng ngũ ấy cũng có những bậc hiền Thiện, cũng giữ giới. Tất cả đều đạt được Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán.”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi Thầy đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao ngoại đạo chưa được thử thách mà ông cho họ xuất gia? Từ nay về sau, nếu ngoại đạo chưa được thử thách, thì không nên cho xuất gia. Nếu ngoại đạo đến xin xuất gia thì phải cho họ sống chung trong bốn tháng để thử thách. Vị Tỳ-kheo nhận họ phải bạch Tăng. Khi bạch Tăng rồi, trước hết Tăng nên cho vị ấy pháp yết-ma cầu thỉnh, rồi sau mới cho cầu xin. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp ngoại đạo muốn xuất gia theo giáo pháp của Như Lai. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho mỗ giáp ngoại đạo xin sống bốn tháng trong Tăng để thử thách.

Xin các đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp ngoại đạo muốn xin sống bốn tháng trong Tăng để thử thách.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

Thế rồi người này phải theo Tăng xin như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Con là ngoại đạo mỗ giáp, muốn xuất gia thọ Cụ túc trong giáo pháp của đức Như Lai. Con là mỗ giáp theo Tăng xin sống bốn tháng thử thách. Kính xin chư đại đức Tăng thương xót cho con sống bốn tháng. (xin như vậy ba lần).

Thế rồi, Thầy yết-ma nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. (421a) Ngoại đạo mỗ giáp muốn xuất gia, thọ Cụ túc trong giáo pháp Như Lai, đã xin Tăng bốn tháng thử thách. Nếu thời gian của Tăng đã đến, nay Tăng cho ngoại đạo mỗ giáp sống bốn tháng thử thách. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Ngoại đạo mỗi giáp muốn xuất gia thọ Cụ túc trong giáo pháp của đức Như Lai, đã theo Tăng xin bốn tháng thử thách. Tăng nay cho ngoại đạo mỗi giáp sống bốn tháng thử thách. Đại đức nào bằng lòng Tăng cho ngoại đạo mỗi giáp sống bốn tháng thử thách thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng cho ngoại đạo mỗi giáp sống bốn tháng thử thách xong, vì Tăng đã im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Sau khi làm yết-ma xong, nếu người này có thể theo Tăng làm các công việc như sa-di, thì xếp dưới sa-di theo thứ tự lấy thức ăn. Nếu không thể làm việc được thì nên bảo: “Ông tự tìm lấy thức ăn.” Thế rồi, hằng ngày nên chỉ trích ngoại đạo ở trước mặt y như sau: Ngoại đạo không có niềm tin, tà kiến, phạm giới, không biết hổ thẹn v.v.. Khi chỉ trích các điểm như vậy mà y nói: “Trưởng lão đừng nói như vậy, trong hàng ngũ ấy cũng có người hiền thiện, có người giữ giới, tất cả đều đạt được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán”, thì nên nói với y: “Người hãy trở về nơi đó mà cầu A-la-hán.” Nếu y nói: “Đúng như Trưởng lão nói, ngoại đạo có tà kiến, (cho đến...) không biết xấu hổ, gây nghiệp địa ngục, xin Trưởng lão hãy cứu vớt con.” Đồng thời qua bốn tháng thử thách mà tâm y bất động không dời đổi thì nên cho xuất gia. Nếu nửa chừng mà được Thánh pháp thì chấm dứt sự thử thách. Nếu người ấy bỏ hình thức ngoại đạo mặc sắc phục của người đời đến xin xuất gia thì nên cho xuất gia. Nếu họ mặc hình thức ngoại đạo đến mà không cho bốn tháng thử thách, liền cho xuất gia, thọ Cụ túc, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là ngoại đạo.

29/ TRẺ CON

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, bên cây ni-câu-luật, nước Ca-duy-la-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có đồng tử con nhà họ Thích cha mẹ không cho mà các Tỷ-kheo độ cho xuất gia. Sau đó, các đứa con còn lại khi cha mẹ dạy bảo, thì chúng

giận dữ, nói: “Đức Thế Tôn lúc sắp trở thành Chuyển Luân Thánh vương, còn bỏ nhà xuất gia, con còn luyến tiếc điều gì mà không xuất gia?” Khi ấy, các người họ Thích liền đến chỗ vua Bạch Tịnh tâu rằng: “Tâu đại vương, con của tôi không cho mà các Tỳ-kheo độ cho xuất gia, cho nên những đứa còn lại không thể dạy bảo được. Nếu có dạy bảo chúng, thì chúng hậm hực, nói: “Đức Thế Tôn khi sắp trở thành Chuyển Luân Thánh Vương mà còn bỏ đi xuất gia, thì con còn luyến tiếc điều gì mà không xuất gia?” Kính mong đại vương đến Thế Tôn xin một nguyện vọng: “Nếu cha mẹ không cho thì đừng cho xuất gia.”

Khi ấy, vua Bạch Tịnh cùng với các người họ Thích đến chỗ Thế Tôn (421b), cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên. Đoạn, nhà vua bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn, các đồng tử dòng họ Thích cha mẹ không cho mà các Tỳ-kheo cho xuất gia. Cho nên những đứa còn lại nếu có dạy bảo điều gì thì chúng hậm hực đòi xuất gia, nói: “Đức Thế Tôn sắp đạt địa vị Chuyển Luân Thánh vương mà còn bỏ đi xuất gia, vậy thì con còn luyến tiếc thứ gì mà không xuất gia?” Bạch Thế Tôn, cha mẹ nghĩ đến con nhớ thương thấu suốt xương tủy. Tôi cũng đã từng như vậy. Trong thời gian bảy năm Thế Tôn xuất gia, khi ngồi đứng, ăn uống, không lúc nào là tôi không thấm khóc. Kính mong Thế Tôn chế định: Nếu cha mẹ chưa cho phép thì các Tỳ-kheo đừng cho xuất gia.”

Bấy giờ đức Thế Tôn bèn tùy thuận thuyết pháp cho vua Bạch Tịnh, khiến vua phát tâm hoan hỷ, đoạn, vua cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, rồi ra đi. Khi vua đi không bao lâu, Thế Tôn liền đến chỗ đông đúc các Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, tường thuật lại đầy đủ sự việc kể trên cho các Tỳ-kheo. Rồi Phật nhấn mạnh: “Từ nay về sau (đứa con nào) cha mẹ không cho phép thì không nên cho xuất gia. Con gồm có ba loại: Con ruột, con nuôi và con đến (xin làm con nuôi). Con ruột: tức là con do cha mẹ sinh. Con nuôi: tức cha mẹ xin trẻ con còn nhỏ đem về nuôi dưỡng. Con tự đến: tức người tự đến nương tựa xin làm con. Ở đây, con ruột thì nước này không cho phép (cha mẹ không cho mà độ họ xuất gia) mà các

nước khác cũng không cho phép. Còn con nuôi và con tự đến xin nương tựa, thì nước này không cho phép, nhưng các nước khác thì cho phép. Tóm lại, nếu đứa con cha mẹ không cho thì không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là con.

30/ ĐẦY TỐ

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, dưới cây Ni-câu-luật, nước Ca-duy-la-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có một người đầy tớ của dòng họ Thích, chủ nhà không đuổi mà các Tỳ-kheo độ y xuất gia. Do thế, bọn đầy tớ còn lại khi được chủ nhà dạy bảo, phân công công việc, chúng không chịu phục tùng mà hậm hực, nói: “Tôn giả Xiển-đà mà còn xuất gia, thì tôi còn luyến tiếc thứ gì, thà bỏ đi xuất gia còn được người ta lễ bái cung kính cúng dường.”

Khi ấy, các người họ Thích bèn đi đến chỗ vua Bạch Tịnh, tâu: “Thưa đại vương, bọn gia nô của chúng tôi, chúng tôi không đuổi mà các Tỳ-kheo độ họ xuất gia. Do thế, số còn lại khi được phân công công việc thì chúng hậm hực, nói: “Tôn giả Xiển-đà mà còn xuất gia thì tôi còn luyến tiếc thứ gì; bỏ đi xuất gia còn được người ta lễ bái tôn kính cúng dường.” Thưa đại vương, dòng họ Thích chúng tôi có nhiều đầy tớ dùng để sai khiến làm các công việc. Kính mong đại vương đến Phật, cầu xin một nguyện vọng: những đầy tớ nào chủ không đuổi thì đừng cho xuất gia.” Thế rồi, vua Bạch Tịnh cùng với các người họ Thích đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi ngồi sang một bên, đem sự việc kể trên bạch đầy đủ với Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chế định rằng từ nay về sau những nô bộc nào chủ không đuổi thì các Tỳ-kheo đừng cho xuất gia.”

(421c) Khi ấy, đức Thế Tôn bèn tùy thuận thuyết pháp cho vua Bạch Tịnh, khiến ông phát tâm hoan hỷ, rồi vua cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn mà ra về. Khi vua đi không bao lâu, Thế Tôn bèn

đi đến chỗ có đông Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, trình bày lại đầy đủ sự việc kể trên với các Tỳ-kheo. Đoạn, Phật nói: “Từ nay về sau, những nô bộc nào chủ không đuổi thì không nên cho xuất gia. Nô bộc gồm có năm loại: Sinh ra từ trong nhà; mua về; bắt được; người ta cho; tự đến.

1. Sinh ra từ trong nhà: Do từ thiếp trong nhà sinh ra.
2. Mua về: Đem tiền đi mua về.
3. Bắt được: Bắt được quân của nước láng giềng.
4. Người ta cho: Do người khác đem đến cho.
5. Tự đến: Tự đến xin làm nô bộc.

Ở trong đây, ba loại đầy tớ: Sinh từ trong nhà, mua về và bắt được thì ở đây không cho phép (nếu chủ không đuổi thì không được độ xuất gia) mà các nơi khác cũng không cho phép. Còn hai loại: do người ta cho, tự đến làm nô bộc, thì ở đây không cho phép, nhưng ở các nơi khác thì cho phép. Tóm lại, nếu gia chủ không đuổi thì không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai cho họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là đầy tớ.

31/ THÂN THỂ DỊ DẠNG

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo độ những người mà các phần trên thân thể dị dạng xuất gia, bị người đời chê cười rằng: “Vì sao sa-môn Thích tử lại độ những người thân thể dị dạng? Người xuất gia lẽ ra thân thể phải hoàn hảo, đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi Thầy đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, những người thân thể dị dạng không nên cho xuất gia. Thân thể dị dạng nghĩa là mắt lé, lưng gù, chân què, gót lệch, răng hô, đầu bụ; những người có thân thể dị dạng như vậy không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là thân thể dị dạng.

32/ HÌNH DÁNG XẤU XÍ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên, được chư Thiên và người đời cúng dường. Bấy giờ, các Tỳ-kheo độ những người có hình dáng xấu xí xuất gia, như quá đen, quá trắng, quá vàng, quá đỏ, quá cao, quá lùn, quá lớn, quá bé, bị người đời chê cười rằng: “Vì sao sa-môn Thích tử lại độ những kẻ có hình dáng xấu xí xuất gia? Người xuất gia thì hình dáng phải đoan trang, mà những người này thì hình dáng xấu xí, không ai thích nhìn cả. Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!” Lại có người chế nhạo: “Những sa-môn này chỉ có hai hạng người họ không độ mà thôi, một là người chết, hai là người không thích xuất gia. Nếu không độ thì đồ chúng không tăng trưởng.”

(422a) Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi Thấy đến, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự kiện kể trên:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, những người có hình dáng xấu xí không nên độ xuất gia. Hình dáng xấu xí nghĩa là quá đen, quá trắng, quá vàng, quá đỏ, quá cao, quá lùn, quá thô, quá bé. Vì lẽ, những kẻ có hình dáng xấu xí thì khi người ta vui vẻ còn không muốn nhìn, huống gì khi người ta tức giận. Do đó, những người có hình dáng xấu xí

không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là những hình dáng xấu xí.

Nếu rơi vào trong 32 trường hợp trên thì không thể gọi là thọ Cụ túc. Trái lại, nếu thanh tịnh, như pháp thì gọi là thọ Cụ túc.

Bây giờ đề cập đến vấn đề yết-ma và việc yết-ma.

THỂ THỨC YẾT-MA

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba nổi lên tranh chấp, sống không hòa hợp. Một Tỳ-kheo cử tội một Tỳ-kheo, hai Tỳ-kheo cử tội hai Tỳ-kheo, nhiều Tỳ-kheo cử tội nhiều Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: “Từ nay về sau, Ta không cho phép một người cử tội một người, cho đến nhiều người cử tội nhiều người.” Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: “Từ nay về sau nên làm yết-ma.

Yết-ma gồm có: Bốn loại yết-ma, hai loại yết-ma, một lần bạch một lần yết-ma, một lần bạch ba lần yết-ma, bốn người làm yết-ma, năm người làm yết-ma, mười người làm yết-ma, hai mươi người làm yết-ma, nếu thành tựu năm điều phi pháp, không hòa hợp thì làm yết-ma xong phải sám hối; nếu thành tựu năm điều như pháp, hòa hợp thì làm yết-ma xong không sám hối.”

Bốn loại Yết-ma: Gồm có: phi pháp hòa hợp yết-ma; như pháp bất hòa hợp yết-ma; như pháp hòa hợp yết-ma; bất như pháp bất hòa hợp yết-ma. Đó gọi là bốn loại yết-ma.

Hai loại Yết-ma: Bối-tát yết-ma; cung kính yết-ma. Đó gọi là hai loại yết-ma.

Một lần bạch một lần Yết-ma: Gồm có hai mươi tám vấn đề, đó là: (1) Xuất yết-ma; (2) Ngủ không lìa y; (3) Ngủ rời y; (4) Chỉ chỗ làm phòng; (5) Chỉ chỗ làm phòng lớn; (6) Chỉ chỗ làm phòng

trước; (7) Người chia bát; (8) Người chia thăm (thẻ); (9) Thử nghiệm ngoại đạo; (10) Cột túi xách vào gậy vác đi; (11) Trông coi giường nệm; (12) Trông coi việc nấu ăn; (13) Trông coi việc phân phối người đi ăn; (14) Trông coi việc chia phòng; (15) Trông coi việc giữ y; (16) Trông coi việc thưởng y; (17) Trông coi việc chia y; (18) Trông coi việc lấy vải; (19) Trông coi việc cắt vải; (20) Trông coi việc chia vải; (21) Trông coi việc chia hoa; (22) Trông coi việc chia hương; (23) Trông coi việc chia quả; (24) Trông coi việc chia nước nóng; (25) Trông coi việc chia bánh; (26) Trông coi việc tùy ý cử tội; (27) Trông coi việc chia cháo; (28) Trông coi việc chia các vật lặt vặt. Đó gọi là 28 việc.

Một lần bạch ba lần yết-ma (422b): Gồm có tám trường hợp, đó là: (1) Chiết phục; (2) Không nói; (3) Tẩn xuất; (4) Phát hủ; (5) Cử tội; (6) Biệt trú; (7) Ma-na-đỏa; (8) Xuất tội. Đây thuộc về một lần bạch ba lần yết-ma.

Yết-ma gồm bốn người: Như yết-ma bố-tát và các trường hợp cử người thì bốn người có thể làm được. Đó gọi là yết-ma gồm bốn người.

Yết-ma gồm năm người: Gồm các trường hợp: Thọ Tụ tứ; thọ Cụ túc ở Thâu-na biên địa; tất cả các tội Ni-tát-kỳ thì năm người có thể làm được. Đó gọi là yết-ma gồm năm người.

Yết-ma gồm mười người: Gồm các trường hợp: Tỳ-kheo thọ Cụ túc; Tỳ-kheo-ni thọ Cụ túc, thì mười người được làm. Đó gọi là yết-ma gồm mười người.

Yết-ma gồm hai mươi người: Xuất tội Tỳ-kheo, xuất tội Tỳ-kheo-ni thì hai mươi người được làm. Đó gọi là yết-ma gồm hai mươi người.

Làm yết-ma trong năm trường hợp phi pháp thì làm xong phải sám hối: (1) Đương sự không hiện diện; (2) Không hỏi; (3) Không nêu lỗi; (4) Làm phi pháp; (5) Không hòa hợp. Đó gọi là làm yết-ma trong năm trường hợp phi pháp, làm xong phải sám hối.

Làm yết-ma trong năm trường hợp như pháp, làm xong không sám hối: (1) Đương sự hiện diện; (2) Có hỏi; (3) Hỏi xong bèn nêu lỗi; (4) Làm đúng pháp; (5) Tăng hòa hợp. Đó gọi là làm yết-ma thuộc năm trường hợp đúng pháp, làm xong không sám hối.

Trường hợp nào cần hai mươi người làm yết-ma thì mười người làm không thành tựu. Trường hợp cần mười người làm yết-ma thì năm người làm không thành tựu. Trường hợp cần năm người làm yết-ma thì bốn người làm không thành tựu. Trường hợp cần một lần bạch ba lần yết-ma thì một lần tác bạch không thành tựu. Trường hợp cần một lần bạch một lần yết-ma thì một lần bạch không thành tựu. Trường hợp đơn bạch yết-ma mà làm yết-ma cầu thỉnh thì không thành tựu.

Trái lại, cần làm yết-ma cầu thỉnh mà tác bạch thì thành tựu. Cần tác bạch yết-ma mà bạch nhất Yết-ma thì thành tựu. Cần bạch nhất yết-ma mà bạch tam yết-ma thì thành tựu. Cần làm yết-ma với bốn người mà làm yết-ma với năm người thì thành tựu. Cần làm yết-ma với năm người mà làm yết-ma với mười người thì thành tựu. Cần làm yết-ma với mười người mà làm yết-ma với hai mươi người thì thành tựu. Đó gọi là yết-ma.



VIỆC YẾT-MA

Việc yết-ma gồm có: (1) Việc yết-ma Tỳ-kheo thọ Cụ túc; (2) Việc yết-ma Tỳ-kheo-ni thọ Cụ túc; (3) Việc yết-ma Chi mẫn; (4) Việc yết-ma già pháp thanh tịnh; (5) Việc yết-ma bất cụ túc thanh tịnh; (6) Việc yết-ma không sinh giới; (7) Việc yết-ma tội căn; (8) Việc yết-ma không xả căn; (9) Việc yết-ma xả căn; (10) Việc yết-ma hòa hợp căn.

Việc yết-ma Tỳ-kheo thọ Cụ túc

Người thọ Cụ túc cầu xin Hòa thượng; Hòa thượng dạy tìm y bát; dạy cầu Tăng chúng; dạy cầu giới sư; dạy cầu Thầy Giáo Thọ dạy bảo ở chỗ thanh vắng. Do các việc ấy phát sinh ra yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề này (422c) đều thuộc về việc yết-ma thọ Cụ túc của Tỳ-kheo.

Việc yết-ma Tỳ-kheo-ni thọ Cụ túc

Khi Tỳ-kheo-ni cho giới tử thọ Cụ túc xong, liền dẫn đến giữa chư Tăng, Tăng nên hỏi Tỳ-kheo-ni: “Giới tử thanh tịnh, không có già nạn đấy chứ?” Giới sư Ni đáp: “Thanh tịnh.” Do các việc ấy phát sinh yết-ma và bạch yết-ma. Hai việc đó đều thuộc về trường hợp yết-ma khi Tỳ-kheo-ni thọ Cụ túc.

Việc yết-ma chi măn

Người thọ giới Cụ túc đã cầu Hòa thượng, Hòa thượng đã dạy tìm y bát, dạy cầu thỉnh chúng Tăng, dạy cầu thỉnh giới sư, dạy cầu thỉnh Thầy Giáo Thọ để dạy bảo ở chỗ thanh vắng, Thầy giáo Thọ dẫn giới tử vào giữa Tăng, xin Tăng thọ Cụ túc, hỏi về các già nạn, nói về bốn pháp y cú. Do các việc đó mà phát sinh yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề này được gọi là việc yết-ma Chi măn.

Việc yết-ma già pháp thanh tịnh

Việc ngăn cản hợp lệ. Do vấn đề này sinh ra yết-ma và bạch yết-ma. Hai việc này đều thuộc về việc yết-ma già pháp thanh tịnh (ngăn cản hợp lệ).

Việc yết-ma không đủ thanh tịnh

Do các chi tiết không hợp lệ mà phát sinh ra yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề này đều thuộc về việc yết-ma không đủ thanh tịnh (không hợp lệ).

Việc yết-ma không sinh giới

Phá hoại tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni, sống trong tăng với tâm trộm pháp, kẻ lừa đảo, mắc tội ngũ nghịch, phạm tội Ba-la-di, Sa-di có

tà kiến. Do các việc này phát sinh yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề này đều thuộc về việc yết-ma không sinh giới (không phát huy giới thể).

Việc yết-ma tội căn

Gồm năm Thiên tội là Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni. Do các việc này phát sinh ra yết-ma và bạch Yết-ma. Hai vấn đề này đều thuộc về việc yết-ma tội căn.

Việc yết-ma không xả căn

Tỳ-kheo được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần, ở giữa chúng Tăng ba lần mà không bỏ lỗi lầm, do đó, phát sinh ra yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề này đều thuộc về việc yết-ma không xả căn (bỏ gốc tội).

Việc yết-ma xả căn

Người được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần, khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần liền bỏ gốc của tội. Do các việc này phát sinh yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề này đều thuộc về việc yết-ma xả căn (bỏ gốc của tội).

Việc yết-ma hòa hợp căn

Tỳ-kheo Tăng tập hợp phát thể, người không đến thì gọi dục, xướng việc Tăng hòa hợp, do các việc này phát sinh ra yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề này đều thuộc về việc yết-ma hòa hợp.

Các vấn đề vừa nêu thuộc về việc yết-ma (bây giờ đến các pháp yết-ma khác).

1. Yết-ma chiết phục

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, các Tỳ-kheo tại Chiêm-ba tranh chấp, cãi vã nhau, sống không hòa hợp. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến (423a) bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Nên cho phép yết-ma chiết phục.” Pháp yết-ma chiết phục này gồm có tất cả năm

việc, được Phật chế định tại thành xá-vệ. Đó là: (1) Tám trường hợp quan hệ thân mật; (2) Thường thường phạm tội; (3) Đi đến những bạn bè xấu ác tại chỗ không nên đến mà đi sớm về trễ; (4) Tranh chấp cãi vã nhau; (5) Tôn kính người nhỏ tuổi.

1/ Tám trường hợp quan hệ thân mật

a. Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, Tỳ-kheo Từ Địa dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật (với người khác).

Dùng thân quan hệ thân mật nghĩa là cùng ngồi chung một giường, ngủ chung một giường, ăn chung một bát, mặc chung y phục, cùng đi cùng về. Đó gọi là dùng thân quan hệ thân mật.

Dùng miệng quan hệ thân mật nghĩa là hai bên có tâm ô nhiễm, nói những lời quyến luyến nhau. Đó gọi là dùng miệng quan hệ thân mật.

Dùng thân miệng quan hệ thân mật nghĩa là cùng ngồi một giường, ngủ một giường, ăn một bát, mặc y phục chung, cùng đi cùng về. Khi nói, thì nói những lời quyến luyến nhau với tâm ô nhiễm. Đó gọi là dùng thân miệng quan hệ thân mật.

Thế rồi, các Tỳ-kheo khuyên can: “Trưởng lão Tỳ-kheo Từ Địa, thấy dùng dùng thân quan hệ thân mật, dùng miệng quan hệ thân mật, dùng thân miệng quan hệ thân mật (với người khác).” Khuyên can như vậy một lần không bỏ, thậm chí đến ba lần cũng không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Nếu Tỳ-kheo Từ Địa này dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật (với người khác) mà khuyên can ba lần không bỏ, thì Tăng nên làm yết-ma chiết phục về việc dùng thân quan hệ thân mật (với người khác). Thầy yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo từ Địa dùng thân quan hệ thân mật (với người khác), đã được khuyên can ba lần mà không

bỏ. Tăng nay cho Tỳ-kheo Từ Địa pháp yết-ma chiết phục về việc dùng thân quan hệ thân mật (với người khác). Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Từ Địa dùng thân quan hệ thân mật với người khác, Tăng đã khuyên can ba lần mà không bỏ. Nay Tăng cho Tỳ-kheo Từ Địa pháp yết-ma chiết phục về việc dùng thân quan hệ thân mật với người khác. Các đại đức nào bằng lòng Tăng cho Tỳ-kheo Từ Địa pháp yết-ma chiết phục về việc dùng thân quan hệ thân mật với người khác, thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.)

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Từ Địa pháp yết-ma chiết phục về việc dùng thân quan hệ thân mật với người khác, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Vấn đề dùng miệng quan hệ thân mật, dùng thân miệng quan hệ thân mật cũng nói như thế.

b. Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Ưu-đà-di dùng thân quan hệ thân mật, dùng miệng quan hệ thân mật, dùng thân miệng quan hệ thân mật với Tỳ-kheo-ni Hiếu Sinh. Dùng thân quan hệ thân mật nghĩa là tay nắm trong tay, cùng ngồi, cùng mặc chung y phục. Đó gọi là dùng thân quan hệ thân mật.

Dùng miệng quan hệ thân mật nghĩa là nói những lời quyến luyến với nhau bằng tâm ô nhiễm. Đó gọi là dùng miệng quan hệ thân mật.

(423b) Dùng thân miệng quan hệ thân mật nghĩa là tay nắm trong tay cùng ngồi, cùng mặc chung y phục, dùng tâm ô nhiễm nói với nhau bằng những lời quyến luyến. Đó gọi là thân miệng quan hệ thân mật.

Khi ấy, các Tỳ-kheo khuyên can: “Trưởng lão Ưu-đà-di, thầy dùng dùng thân quan hệ thân mật, dùng miệng quan hệ thân mật, dùng thân miệng quan hệ thân mật với Tỳ-kheo-ni Hiếu Sinh.” Khuyên

can một lần, hai lần, ba lần như vậy mà không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Ông Ưu-đà-di này với Tỳ-kheo-ni Hiếu Sinh dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật mà can gián ba lần không bỏ thì Tăng nên cho pháp yết-ma chiết phục về việc dùng thân quan hệ thân mật. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Thầy Ưu-đà-di này với Tỳ-kheo-ni Hiếu Sinh dùng thân quan hệ thân mật, Tăng đã khuyên can ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Ưu-đà-di pháp yết-ma chiết phục về việc dùng thân quan hệ thân mật. Đây là lời tác bạch.

Bạch xong, ba lần yết-ma, cho đến... *Vì Tăng bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận như vậy.*

Về miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật cũng nói như trên.

c. Lại nữa, lúc bấy giờ Tỳ-kheo Bạt-đà-lê với Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-thi-lê dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật, cũng giống như trong trường hợp Ưu-đà-di ở trên đã nói rõ.

d. Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo Tô-tì-đề cùng với Tỳ-kheo-ni Tô-tì-đề-di sống quan hệ thân mật về thân, quan hệ thân mật về miệng, quan hệ thân mật về thân miệng như trong trường hợp Tỳ-kheo-ni Hiếu Sinh ở trên đã nói rõ.

đ. Lại nữa, bấy giờ có Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ cùng với vợ ông dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật. Thân quan hệ thân mật nghĩa là cùng với phụ nữ tay nắm trong tay cùng ngồi, đem hương, hoa, quả, dưa đưa cho nhau, nhờ người khác làm liên lạc. Đó gọi là dùng thân quan hệ thân mật.

Miệng quan hệ thân mật nghĩa là nói với nhau bằng những lời quyến luyến với tâm ô nhiễm. Đó gọi là miệng quan hệ thân mật.

Thân miệng quan hệ thân mật thì giống như hai trường hợp trên đã nói đầy đủ. Đó gọi là thân miệng quan hệ thân mật.

Khi ấy, các Tỳ-kheo khuyên can: “Trưởng lão, Thầy đừng dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật với đàn bà”, khuyên can như vậy đến ba lần mà không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cũng như trường hợp Ưu-đà-di đã nói rõ ở trên.

e. Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ có Tỳ-kheo cùng với người bất năng nam (lại cái) dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật. Thân quan hệ thân mật nghĩa là tay nắm trong tay, cùng ngồi, cùng đi cùng về. Đó gọi là thân quan hệ thân mật.

Miệng quan hệ thân mật nghĩa là (423c) nói với nhau bằng những lời thân thiện với tâm ô nhiễm. Đó gọi là miệng quan hệ thân mật.

Thân miệng quan hệ thân mật thì như hai việc trên đã nói đầy đủ. Đó gọi là thân miệng quan hệ thân mật.

Khi ấy, các Tỳ-kheo khuyên can: “Trưởng lão, Thầy đừng dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật với kẻ bất năng nam.” Khuyên can như vậy đến ba lần mà không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cũng như trường hợp Ưu-đà-di ở trên đã nói rõ.

g. Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Ưu-đà-di với đệ tử đồng hành, dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật, cũng như trong trường hợp Tỳ-kheo Từ Địa ở trên đã nói rõ.

h. Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Xiển-đà dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan

hệ thân mật với đồng tử, cũng như trong trường hợp Tỳ-kheo Từ Địa ở trên đã nói rõ.

Trên đây là tám trường hợp sống quan hệ thân mật.

2/ Thường thường phạm tội

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà thường thường vi phạm các tội thuộc năm Thiên tội. Các Tỳ-kheo khuyên can rằng: “Trưởng lão, thầy đừng vi phạm các tội thuộc năm Thiên tội.” Được khuyên can như vậy một lần không bỏ, khuyên can lần thứ hai không bỏ, khuyên can đến lần thứ ba cũng không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Nếu ông Thi-lợi-da-bà thường thường phạm các tội trong năm Thiên tội, thì hãy làm pháp yết-ma chiết phục về việc thường thường phạm tội ấy. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà này thường thường phạm tội, đã được khuyên can ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, nay Tăng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma chiết phục về việc thường thường phạm tội. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà thường thường phạm tội, đã được khuyên can đến ba lần mà không bỏ. Nay Tăng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma chiết phục về việc thường thường phạm tội. Các đại đức nào bằng lòng Tăng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma chiết phục về việc thường thường phạm tội thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma chiết phục về việc thường thường phạm tội, vì Tăng đã im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Đó gọi là thường thường phạm tội.

3/ Đi vào thôn xóm quá sớm, đi về quá tối, làm bạn với kẻ xấu, kẻ ác, cùng đi đến những chỗ không nên đến

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo Ca-lộ đi vào thôn xóm quá sớm, đi về quá tối, kết bạn với kẻ ác, kẻ xấu, đi đến những nơi không nên đến.

Đi đến quá sớm nghĩa là đi vào thôn xóm quá sớm. Đi về quá tối nghĩa là rời khỏi thôn xóm quá tối. Kết bạn với kẻ ác nghĩa là kết bạn với kẻ quân tử, chằn ngựa, kẻ cắp, quân ăn cướp, đứa đánh xúc xắc, kết thân với những kẻ như vậy gọi là kết bạn với kẻ ác. (424a) Làm bạn với kẻ xấu thì cũng như các bạn ác kể trên. Đi đến chỗ không nên đến nghĩa là đến nhà đàn bà góa, nhà con gái lớn tuổi chưa có chồng, nhà dâm nữ, nhà kẻ lại cái, Tỳ-kheo-ni bị tiếng xấu, Sa-di-ni bị tiếng xấu. Đó gọi là đến chỗ không nên đến.

Trong các trường hợp ấy, các Tỳ-kheo khuyên can: “Trưởng lão, Thầy đừng ra đi quá sớm, trở về quá tối, (cho đến...) đi tới chỗ sa-di-ni bị tiếng xấu.” Nhưng khuyên can một lần, hai lần, ba lần vẫn không bỏ. Do vậy, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo: “Nếu Tỳ-kheo Ca-lộ ra đi quá sớm, trở về quá tối, cho đến đi tới những chỗ không nên đến, rồi được khuyên can đến ba lần mà không bỏ, thì Tăng nên làm yết-ma chiết phục về việc đi vào thôn xóm quá sớm. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Ca-lộ đi vào thôn xóm quá sớm, rồi được khuyên can đến ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lộ pháp yết-ma chiết phục về việc đi vào thôn xóm quá sớm này. Đây là lời tác bạch. (bạch xong, ba lần yết-ma, cho đến) Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

Vấn đề trở về quá tối, kết bạn với kẻ xấu, kẻ ác, đi đến những chỗ không nên đến (cách khuyên can và làm yết-ma) cũng như thế.

4/ Tranh chấp cãi vã nhau

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bảy giờ Tỳ-kheo Mã Túc tự cao, tự đại tranh luận cãi vã với người khác. Các Tỳ-kheo bèn khuyên can: “Trưởng lão Tỳ-kheo Mã Túc, Thầy đừng có tranh cãi.” Khuyên can như vậy một lần không bỏ, hai lần, ba lần cũng không bỏ. Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Khi năm điều sau đây hiện hữu thì biết là sự tranh cãi sẽ phát sinh. Đó là:

Yết-ma đúng pháp mà nói là phi pháp;
Tập hợp đúng pháp mà nói là phi pháp;
Xuất tội đúng pháp mà nói là phi pháp;
Xả vật đúng pháp mà nói là phi pháp;
Kết tội đúng pháp mà nói là phi pháp.

Đó gọi là năm điều phi pháp.

Trái với năm điều trên thì gọi là đúng pháp. Các Tỳ-kheo nên khuyên bảo như sau: “Này Trưởng lão, Tỳ-kheo cần phải thành tựu năm pháp sau đây khi vào trong chúng. Đó là: (1) Nói nhỏ nhẹ khi vào trong chúng; (2) Khi nghe yết-ma phải tin tưởng; (3) Đã tin tưởng thì phải tuân hành; (4) Nếu thấy yết-ma không đúng pháp mà không thể ngăn cản được thì nên gởi dục; (5) Nếu không thể gởi dục thì nên cho Tỳ-kheo ngồi bên cạnh biết là mình không bằng lòng.” Khi Tỳ-kheo nghe những lời khuyên bảo ấy liền nói: “Tôi biết nói năng khéo léo, vì sao phải nói nhỏ khi vào trong chúng? Tôi cũng là kẻ đa văn, vì sao nghe yết-ma liền phải tin? Tôi biết rõ phép tắc, vì sao nghe liền phải tuân hành? Tôi cũng thông thạo yết-ma, vì sao nghe yết-ma không đúng pháp lại không thể ngăn cản mà phải gởi dục? Tôi đã đến được, vì sao phải báo người ngồi bên cạnh biết là mình không bằng lòng? Tôi sẽ ngăn cản.”

Phật nói với các Tỳ-kheo: “Khi năm pháp hiện hữu khiến sự tranh chấp phát sinh, thì Tăng nên làm yết-ma chiết phục. Năm pháp

đó là: (1) Tự cao; (2) Tính tình thô lỗ, hung ác; **(424b)** (3) Nói những lời vô nghĩa; (4) Nói không đúng lúc; (5) Không thân cận với người thiện. Đó gọi là năm pháp hiện hữu Tăng nên làm yết-ma chiết phục. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mã Túc tự cao, tranh luận cãi vã với người khác, được khuyên can ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma chiết phục Tỳ-kheo Mã Túc về tính tự cao. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mã Túc tự cao, tranh luận cãi vã với người khác, đã được khuyên can ba lần mà không bỏ. Nay Tăng làm yết-ma chiết phục Tỳ-kheo Mã Túc về tính tự cao. Các đại đức nào bằng lòng Tăng làm yết-ma chiết phục Tỳ-kheo Mã Túc về tính tự cao thì im lặng. Ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã bằng lòng làm yết-ma chiết phục Tỳ-kheo Mã Túc về tính tự cao xong, vì Tăng im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Bốn việc sau cũng nói như thế.

5/ Tôn kính người nhỏ tuổi

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo Xiển-đà độ một chàng trai trẻ xuất gia, rồi tự mình lo cung cấp các thứ. Buổi sáng sớm Thầy đến vấn an, đem đồ đồ đại tiểu tiện và ống nhổ cho y, rồi đem để lại chỗ cũ. Thầy lại xoa bóp thân thể, trao cho y bát, rồi cùng vào xóm làng, nhường cho y đi trước. Khi đến nhà đàn việt, Thầy lại bảo y ngồi ở chỗ cao, nhận phần cúng dường trước. Khi y ăn xong, Thầy lấy bát đem rửa sạch rồi cất lại chỗ cũ, đồng thời nhuộm y, hơ bát, trải giường nệm cho y. Khi đêm đến, Thầy thắp đèn, đem ống nhổ và xô đại tiểu tiện đến cho y. Các Tỳ-kheo thấy thế bèn khuyên can: “Này trưởng lão, thầy đừng cung cấp cho người trẻ, người trẻ phải cung cấp cho thầy chứ.” Thầy đáp: “Đúng như trưởng lão nói. Nhưng chàng trai

trẻ này trước kia vốn là nhạc sĩ xuất gia, cho nên tôi rất ái mộ, tôn kính và tự thấy hổ thẹn, phải lo cung cấp cho y.”

Các Tỳ-kheo khuyên can như vậy một lần không bỏ, rồi khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cũng không bỏ. Do thế, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Xiển-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự việc kể trên:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Này kẻ ngu si! Đối với Như Lai, ông không ái mộ, tôn kính, hổ thẹn, tùy thuận, mà trái lại, đối với anh chàng tuổi trẻ, ông lại tỏ ra ái mộ, tôn kính, hổ thẹn, tùy thuận như thế.

Đoạn, Phật bảo các Tỳ-kheo: “Vì Tỳ-kheo Xiển-đà ái mộ người còn trẻ, vậy Tăng nên làm yết-ma chiết phục về việc ái mộ, cung cấp cho người còn trẻ. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà ái mộ, tôn kính cung cấp hầu hạ người còn trẻ, đã được khuyên can ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma chiết phục Tỳ-kheo Xiển-đà về việc ái mộ, cung cấp (424c) cho người còn trẻ. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà ái mộ, cung cấp cho người còn trẻ, đã được khuyên can ba lần mà không bỏ. Tăng nay làm yết-ma chiết phục Tỳ-kheo Xiển-đà về việc ái mộ, cung cấp cho người còn trẻ. Các đại đức nào bằng lòng Tăng làm yết-ma chiết phục Tỳ-kheo Xiển-đà về việc ái mộ, cung cấp cho người còn trẻ thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần yết-ma thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng làm yết-ma chiết phục Tỳ-kheo Xiển-đà về việc ái mộ, cung cấp cho người còn trẻ, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Về các vấn đề tôn kính, hổ thẹn, tùy thuận cũng nói như thế. Đó gọi là yết-ma chiết phục.

2. Yết-ma không nói chuyện

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo Mã Túc đã được Tăng làm yết-ma chiết phục mà không tuân hành, việc đáng làm mà không làm, việc đáng bỏ mà không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Nếu Tỳ-kheo Mã Túc đã được Tăng làm yết-ma chiết phục mà không tuân hành, việc nên làm thì không làm, việc nên bỏ thì không bỏ, thì Tăng nên làm yết-ma không nói chuyện. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mã Túc này đã được Tăng làm yết-ma chiết phục mà không tuân hành, việc nên làm thì không làm, việc nên bỏ thì không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm Yết-ma không nói chuyện với Tỳ-kheo Mã Túc. Đây là lời tác bạch. (Bạch xong, ba lần yết-ma, cho đến) Tăng bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ có một người lẩn thần xuất gia, thường phạm các giới nhỏ như ăn riêng chúng, ăn nhiều chỗ, cất thức ăn mà ăn, cùng ăn chung bát với người khác, ngủ cùng phòng với phụ nữ, ngủ chung với người khác quá ba đêm, cùng ngủ chung một giường, cùng ngồi một giường, ăn trái cây không hợp lệ, nhận thịt sống, nhận thóc, nhận vàng bạc. Các Tỳ-kheo bèn khuyên can: “Trưởng lão, không nên làm những việc đó.” Thầy đáp: “Trưởng lão đã bảo tôi, tôi sẽ tuân hành.” Các Tỳ-kheo tự nhủ: “Ông Thầy lẩn thần này có tâm tu hành.” Nhưng sau đó, Thầy thường thường phạm các tội nhỏ như ăn riêng chúng, cho đến nhận vàng bạc. Các Tỳ-kheo lại khuyên can: “Này ông thầy lẩn thần, Thầy không nên làm những việc ấy.” Thầy đáp: “Trưởng lão đã cho tôi biết, tôi sẽ tuân hành.” Thế nhưng, sau đó lại thường thường vi phạm. Các Tỳ-kheo tự nhủ: “Ông Thầy lẩn

thần này xuất gia mà không biết tri ân, không thuận theo lời chỉ bảo, quanh co, không thật, không muốn tu học.” Rồi các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Ông Thầy lẫn thần ấy xuất gia mà không biết tri ân, không thuận theo lời chỉ bảo, (425a) vậy Tăng nên làm yết-ma không nói chuyện. Người làm yết-ma nên nói như sau

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Ông Thầy lẫn thần này xuất gia mà không biết tri ân, không thuận theo lời chỉ bảo. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng làm Yết-ma không nói chuyện với ông thầy lẫn thần này. Đây là lời tác bạch. (bạch xong, ba lần yết-ma, cho đến) Vì Tăng bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Đó gọi là pháp yết-ma không cùng nói chuyện.

3. Pháp Yết-ma tẩn xuất

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo đang ở tại ấp Ca-thi, làm những việc trái oai nghi, nói những lời trái oai nghi, hành động và nói năng trái oai nghi; thân làm điều tai hại, miệng nói lời tai hại, thân miệng gây tai hại; thân làm việc tà vạy, miệng nói điều tà vạy, thân miệng đều tà vạy, như trong giới Tăng-già-bà-Thi-sa, (khi nhóm sáu Tỳ-kheo) ở thôn Hắc Sơn trên kia đã nói rõ. Đó gọi là yết-ma tẩn xuất.

4. Pháp yết-ma phát hi

Pháp yết-ma này gồm có các trường hợp: (1) Hỉ-ưu-bà-di; (2) Xá-na-giai; (3) Du-ngao-ngư-tử; (4) Ca-lộ; (5) Ma-ha-nam; 6/ Nhóm sáu Tỳ-kheo.

1/ Hỉ-ưu-bà-di

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy, Nan-đà du hành các nước, rồi trở về xá-vệ. Vào buổi sớm, thấy khoác y thường mặc, cầm bát, đi đến nhà Ưu-bà-di. Hỉ-ưu-bà-di trông thấy, rất hoan hỉ, đon đả

chào hỏi: “Lành thay sư phụ! Vì sao mà ít đến quá vậy?”, liền mời ngồi. Ngồi xong, Nan-đà nói:

Tôi ít khi đến, vậy bà định cúng dường thứ gì đây?

Tùy Thầy cần gì thì cúng dường nấy, hoặc bữa ăn trước, hoặc bữa ăn sau, hoặc cháo, bánh, trái, tùy Thầy cần thứ gì, thì con sẽ làm.

Tôi cần bữa ăn trước, hãy nấu cho ngon.

Y theo lời dạy, con sẽ nấu thật ngon, xin thầy sáng mai hãy đến sớm.

Nan-đà nói thế rồi, liền ra đi. Sau đó, Ưu-bà-di sáng sớm thức dậy, sắm sửa bữa ăn sớm ngon lành, trải chỗ ngồi, rồi lần hồi chờ đợi. Nhưng Nan-đà vì nhiều việc nên quên mất, không đến. Ưu-bà-di chờ đợi đã quá giờ mà không thấy đến, bèn chọn những thức ăn ấy thứ nào để dành được thì để dành, thứ nào không để dành được thì ăn. Đợi như thế đến ngày thứ hai, thứ ba vẫn không thấy đến, liền đem ra ăn hết. Tới ngày thứ tư, Nan-đà mới đến, hỏi: “Ưu-bà-di khỏe chứ?” Ưu-bà-di nổi sùng, nói:

Sư phụ đã nhận lời mời của con đến ăn bữa ăn sớm, vì sao không tới?

Ưu-bà-di tức giận sao?

Tức giận.

Nếu vậy, tôi xin sám hối.

Thầy hãy đến sám hối với đức Thế Tôn.

Nan-đà bèn đi đến sám hối với Phật. Phật hỏi: “Vì có gì mà sám hối?” Nan-đà liền đem sự việc kể trên bạch đầy đủ với Phật. Phật khiển trách: “Này kẻ ngu si! Ưu-bà-di này đối với Phật và các Tỳ-kheo Tăng không hề tiếc rẻ một thứ gì. Vậy, vì sao ông lại nhiều loạn người ta?” Thế rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo: “Ưu-bà-di này là một người có niềm tin kiên cố, thế mà Nan-đà đã nhiều loạn (425b) khiến cho bà không vui. Vậy nay Tăng nên cho Nan-đà pháp yết-ma phát hỉ. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Nan-đà đã nhiều loạn người thế tục sinh tâm không hoan hỷ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Nan-đà pháp yết-ma làm cho người thế tục sinh tâm hoan hỷ. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Nan-đà đã nhiều loạn người thế tục, làm cho họ không hoan hỷ. Tăng nay cho Nan-đà pháp yết-ma làm cho người thế tục sinh tâm hoan hỷ. Các đại đức nào bằng lòng Tăng cho Nan-đà pháp yết-ma làm cho người thế tục sinh tâm hoan hỷ thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Nan-đà pháp yết-ma làm cho người thế tục sinh tâm hoan hỷ, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Đó gọi là Hỷ-ưu-bà-di (làm cho Ưu-bà-di sinh tâm hoan hỷ).

2/ Xá-na-giai

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ, cư sĩ Chấ-đế-lệ mời Tăng về cúng dường thuốc. Nhóm sáu Tỳ-kheo nghe thế, liền bảo nhau: “Cư sĩ mời Tăng về cúng dường thuốc, chúng ta hãy đến thử nghiệm ông ta.” Thế rồi đến giờ khát thực, bèn khoác y thường mặc, cầm bát đi đến nhà ấy, chào hỏi nhau xong, liền hỏi:

Tôi nghe nói cư sĩ mời Tăng về cúng dường thuốc, có thật thế không?

Đúng như vậy. Thầy cần thuốc sao?

Tôi cần một gánh xá-na-giai.

Đợi con tìm có rồi sẽ đưa.

Kỳ quái, không chuẩn bị thuốc trước mà lại mời Tăng? Ông không biết sao? thuốc của một Tỳ-kheo uống bằng thức ăn của con voi chúa to lớn trên núi Tuyết. Ông không thực tâm cúng dường, mà chỉ cầu danh.

Thưa Thầy, trong kho của nhà vua cũng chưa đủ chùng ấy thuốc, huống gì nhà con, đợi con tìm có rồi sẽ đưa thầy.

Cho hay không cho tùy ý ông.

Nói xong, Thầy liền bỏ đi. Sau đó, cư sĩ sai người đến xóm Tượng, nước Câu-lân-đề, tìm được Xá-na-giai, bèn đến thưa: “Thưa thầy, con đã tìm được Xá-na-giai Thầy hãy tới lấy.” Nghe nói thế, họ bèn nhìn nhau cười khúc khích. Cư sĩ liền chê trách:

Vì sao lại nhìn nhau cười khúc khích mà không lấy? Những vật sở hữu trong nhà con, đối với Phật và Tỳ-kheo Tăng không hề tiếc bất cứ một thứ gì, tôn giả vì sao lại thử con?

Cư sĩ nổi giận sao?

Nổi giận chứ sao nữa.

Nếu nổi giận thì tôi xin sám hối.

Thầy hãy đến đức Thế Tôn mà sám hối.

Như trường hợp hỉ Ưu-bà-di ở trên đã nói rõ.

3/ Du ngao ngư tử

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ, cư sĩ Chất-đế-lệ, sắm một trăm món ăn dùng để đãi Tăng. Khi Tăng ăn xong trở về Tinh xá, cư sĩ bèn ra lệnh cho vợ con trong nhà: “(425c) Hãy xử lý các thức ẩm thực còn thừa, đem cho các nhà láng giềng, tôi muốn đến thăm viếng đức Thế Tôn.”

Lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo đang ở trước cổng Tinh xá Kỳ-hoàn, bàn luận về những việc thế tục. Cư sĩ thấy thế, suy nghĩ: “Đây là những kẻ phi giới luật, nhưng nếu ta không đến chào thì họ sẽ oán hận”, liền đi tới chào hỏi chúc tụng. Tỳ-kheo bèn đáp:

Lành thay đàn việt đã đến đây, giống như thót voi lớn.

Cư sĩ liền hỏi:

Hôm nay tôn giả có đến thọ trai nhà con không?

Có đến thọ trai.

Thưa tôn giả, thức ăn có vừa ý không?

Thật tuyệt vời, chỉ thiếu có một thứ thôi.

Thiếu thứ gì vậy?

Nếu được Du diêm ngao ngư tử – một thức ăn nổi danh thì thí chủ được tiếng tốt trọn vẹn.

Thưa tôn giả, trước đây con không biết. Nếu biết trước thì con sẽ sắm thật nhiều, để cho mỗi người một bát. Nhưng thưa tôn giả, hãy nghe con nói ví dụ: Trong thời quá khứ, có một bầy gà sống trong rừng Nại Lâm, rồi có một con chồn, bắt ăn thịt dần các con gà trống, cuối cùng, chỉ còn một con gà mái. Sau đó, có con quạ đến giao phối, bèn sinh một gà con. Khi gà con kêu, người chủ bèn đọc kệ:

“Gà này chẳng giống ai,
 Cha hoang, mẹ dân dã.
 Cả hai hợp lại sinh,
 Chẳng quạ, cũng chẳng gà.
 Nếu muốn học tiếng cha,
 Thì là do mẹ sinh.
 Nếu học theo tiếng mẹ,
 Thì cha lại là quạ.
 Học quạ thành tiếng gà,
 Học gà thành tiếng quạ,
 Quạ, gà đều cùng học,
 Cả hai hóa bất thành.”

Cũng vậy đó tôn giả, thầy không phải là người thế tục mà cũng chẳng phải kẻ xuất gia.

Cư sĩ nổi giận sao?

Nổi giận.

Nếu nổi giận, thì tôi xin lỗi.

Hãy đến Thế Tôn mà xin lỗi.

Thế rồi, nhóm sáu Tỳ-kheo bèn đi đến chỗ Phật, hướng về Ngài mà sám hối. Phật liền hỏi: “Vì có gì mà sám hối?” Nhóm sáu Tỳ-kheo bèn đem sự kiện trên bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật khiển trách: “Này kẻ ngu si, những vật sở hữu trong nhà của cư sĩ Chấ-đế-lê, đối với Phật và các Tỳ-kheo Tăng, ông không hề luyến tiếc bất cứ một thứ gì, vì sao lại quấy nhiễu ông?” Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: “Ông cư sĩ này dùng Túc mạng thông, thấy nhóm sáu Tỳ-kheo ngày xưa từng làm con của gà và quạ, cho nên nói như thế. Vậy, Tăng nên cho nhóm sáu Tỳ-kheo pháp yết-ma làm cho người thế tục vui lòng. Cách làm giống như trong trường hợp làm vui lòng Ưu-bà-di ở trên đã nói rõ.”

4/ Ca-lô

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ có Tỳ-kheo đến giờ khát thực, liền khoác y, cầm bát vào thành khát thực, lần lượt đến cổng một nhà kia, thấy ông chồng (426a) đang ngồi giữa sân, bảo bà vợ:

Bà hãy cúng dường thức ăn cho người xuất gia.

Xuất gia theo đạo nào?

Xuất gia theo dòng họ Thích.

Không cho.

Vì sao không cho?

Vì người ấy phi phạm hạnh.

Lúc ấy, Tỳ-kheo nói:

Này chị em, tôi không phải là người phi phạm hạnh.

Tôn giả Ca-lô còn không thể tu phạm hạnh, hưởng gì là ông mà có thể tu phạm hạnh được sao?

Tỳ-kheo nghe lời nói ấy, cảm thấy buồn bức không vui, bèn không đi khát thực, trở về tọa thiền. Đến xế, thầy xuất Thiền, thấy thân thể đói khát rã rời, bèn đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi đứng sang một bên. Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo, vì sao ông có vẻ đói lả như thế?

Vì con không được ăn, bạch Thế Tôn.

Ông không thể đi khát thực sao?

Thầy bèn đem sự kiện kể trên bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Tỳ-kheo Ca-lô này đã làm cho người thể tục không vui, vậy Tăng nên làm yết-ma khiến Ca-lô phải làm cho người thể tục hoan hỷ, như trong trường hợp làm vui lòng Ưu-bà-di ở trên kia đã nói rõ. Đó gọi là Ca-lô.”

5/ Ma-ha-nam

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ một người họ Thích là Ma-ha-nam mời Tăng về nhà cúng dường thuốc. Khi nghe thế, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà bảo nhau: “Chúng ta đến thử ông này chơi.” Thế rồi, đến giờ khát thực họ bèn khoác y, đi đến nhà ấy, cùng chào hỏi, rồi nói:

Tôi nghe nói đàn việt định mời Tăng về cúng dường thuốc, có đúng thế không?

Đúng vậy. Nhưng tôn giả cần thuốc sao?

Vâng. Tôi cần chừng ấy bình sữa, chừng ấy bình dầu, chừng ấy bình mật, chừng ấy đường phèn, chừng ấy rễ thuốc, lá thuốc, hoa thuốc, trái thuốc.

Thưa tôn giả, ngay ngày hôm nay thì không thể có chừng ấy thuốc, phải tìm rồi mới đưa được.

Nan-đà liền nói:

Sao kỳ vậy, Đàn việt không chuẩn bị thuốc trước mà lại mời các Tỳ-kheo Tăng. Ông không biết sao, thuốc một Tỳ-kheo uống bằng thức ăn của một thớt voi lớn trên núi tuyết kia chứ? Ông không muốn cúng dường mà chỉ mong cầu danh thôi.

Thưa tôn giả, trong kho của vua còn chưa đủ chùng ấy thuốc huống gì nhà con, để con tìm đủ rồi con sẽ đưa cho.

Cho hay không cho mặc ý ông.

Nói thế xong, thầy liền bỏ đi. Sau đó, cư sĩ tìm được thuốc, liền đến bạch: “Thưa tôn giả, hôm nay Thầy có thể đến lấy.” Hai người nghe thế, bèn nhìn nhau cười chúm chím. Đàn việt liền chê trách: “Vì sao lại thử con rồi nhìn nhau mà cười? Khi chưa có thì đến đòi gấp rút, bây giờ tìm có rồi thì lại không lấy.” Nan-đà nói:

Đàn việt nổi giận sao?

Nổi giận.

Nếu nổi giận thì tôi xin sám hối.

Thầy hãy đến Thế Tôn mà sám hối.

Nan-đà bèn đi đến chỗ Phật sám hối. Phật hỏi: “Vì có gì mà sám hối?” Thầy liền đem sự việc trên bạch đầy đủ với Thế Tôn. Đức Phật khiển trách: “Này kẻ ngu si. (426b) Những vật sở hữu trong nhà của Ma-ha-nam, đối với Phật và các Tỳ-kheo Tăng, ông không hề tiếc rẻ một thứ gì, vì sao lại quấy nhiễu ông ta?” Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: “Tăng nên cho Nan-đà pháp yết-ma làm cho người thế tục vui lòng, như trường hợp làm vui lòng Ưu-bà-di ở trên đã nói rõ.” Đó gọi là Ma-ha-nam.

6/ Nhóm sáu Tỳ-kheo

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo ở tại ấp Ca-thi, thân trái oai nghi, miệng trái oai nghi, thân miệng trái

oai nghi; thân làm hại, miệng làm hại, thân miệng làm hại; thân tà mạng, miệng tà mạng, thân miệng tà mạng, cho đến... làm cho người thế tục không hoan hỉ.

Phật liền bảo các Tỳ-kheo: “Tăng nên cho nhóm sáu Tỳ-kheo pháp yết-ma làm cho người thế tục vui lòng, như trường hợp làm vui lòng Ưu-bà-di ở trên đã nói rõ. Đó gọi là nhóm sáu Tỳ-kheo.

Tóm lại, trên đây là sáu pháp yết-ma phát hỉ.

Thọ Cụ túc phi pháp,

Chi mãi, không Thanh tịnh.

Yết-ma, sự yết-ma,

Chiết phục, không nói chuyện.

Tẩn xuất, phát hoan hỉ.

Hết Bạt-cử thứ nhất.

5. Yết-ma cử tội

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội trong năm Thiên tội. Các Tỳ-kheo liền nói:

Trưởng lão, Thầy có thấy tội này không?

Không thấy. Thầy hỏi tôi thấy hay không thấy để làm gì?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo: “Tỳ-kheo Xiển-đà này thường phạm các tội trong năm Thiên tội mà tự nói không thấy tội thì Tăng nên làm yết-ma cử tội không thấy tội. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội trong năm Thiên tội mà tự nói không thấy tội. Nếu thời gian của

Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo Xiển-đà về việc không thấy tội. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội trong năm Thiên tội mà tự nói không thấy tội, Tăng nay làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo Xiển-đà về việc không thấy tội. Đại đức nào bằng lòng thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo Xiển-đà về việc không thấy tội, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Sau khi Tăng làm yết-ma cử tội xong, Xiển-đà nói với các Tỳ-kheo: “Thưa trưởng lão, tôi thấy những việc cần phải làm đối với tội ấy nên đã tùy thuận chấp hành. Nay xin Tăng thương xót xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội cho tôi.”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy (426c) đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo: “Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội trong năm Thiên tội mà tự nói không thấy. Vì muốn cho ông được lợi ích, Tăng đã làm pháp yết-ma cử tội. Những việc cần làm, ông đã tùy thuận chấp hành. Tự nói đã thấy tội. Vậy Tăng nên xả pháp yết-ma cử tội về việc không thấy tội. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội trong năm Thiên tội, mà tự nói không thấy tội. Vì muốn cho Thấy được lợi ích nên Tăng đã cho pháp yết-ma cử tội về việc không thấy tội. Những việc cần làm Thấy đã tùy thuận chấp hành. Nay tự nói đã thấy tội. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo Xiển-đà vào giữa Tăng xin xả pháp yết-ma cử tội về việc không thấy tội.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà muốn vào giữa Tăng xin xả pháp yết-ma cử tội về việc không thấy tội. Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Thế rồi, người này nên vào giữa Tăng xin như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tôi là Tỳ-kheo Xiển-đà, thường phạm các tội trong năm Thiên tội, mà nói không thấy. Vì muốn cho tôi được lợi ích, Tăng đã làm pháp yết-ma cử tội không thấy tội. Những gì cần làm, tôi đã tùy thuận chấp hành. Nay tôi đã thấy tội, theo Tăng xin xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội. Kính mong đại đức Tăng thương xót, xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội cho tôi (xin như vậy ba lần).

Thế rồi, người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội thuộc năm Thiên tội, mà tự nói không thấy. Vì muốn cho Thầy được lợi ích, Tăng đã làm pháp yết-ma cử tội không thấy tội. Những gì cần làm Thầy đã tùy thuận chấp hành. Nay thầy tự nói đã thấy tội, nên theo Tăng xin xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội cho Tỳ-kheo Xiển-đà. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội thuộc năm Thiên tội, mà tự nói không thấy. Vì muốn cho Thầy được lợi ích, Tăng đã làm yết-ma cử tội không thấy tội. Những gì cần làm Thầy đã tùy thuận chấp hành. Nay tự nói đã thấy tội, nên theo Tăng xin xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội. Các đại đức nào bằng lòng Tăng xả pháp Yết-ma cử tội không thấy tội cho Tỳ-kheo Xiển-đà thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã bằng lòng xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội cho Tỳ-kheo Xiển-đà xong, vì im lặng. Tội ghi nhận việc này là như vậy.

Sau khi Tăng đã xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội xong, các Tỳ-kheo liền nói với Xiển-đà: “Này trưởng lão, tội này nên làm đúng như pháp.” (427a) Thầy đáp: “Ông dạy tôi làm đúng như pháp để làm gì? Tôi không thể làm.”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo: “Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội thuộc năm Thiên tội mà không thể cải hóa đúng như pháp, thì Tăng nên làm yết-ma về việc phạm tội mà không thể cải hóa. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội thuộc năm Thiên tội mà không chịu cải hóa đúng pháp. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo Xiển-đà pháp yết-ma cử tội về việc phạm tội mà không chịu cải hóa đúng như pháp. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội thuộc năm Thiên tội mà không chịu cải hóa đúng như pháp. Tăng nay cho Tỳ-kheo Xiển-đà pháp yết-ma cử tội về việc phạm tội mà không chịu cải tạo đúng như pháp. Các đại đức nào bằng lòng Tăng cho Tỳ-kheo Xiển-đà pháp yết-ma cử tội về việc phạm tội mà không chịu cải hóa đúng như pháp thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

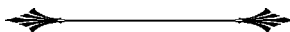
Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Xiển-đà pháp yết-ma về việc phạm tội mà không chịu cải hóa đúng như pháp xong, vì im lặng. Tội ghi nhận việc này là như vậy.

*

Hết quyển thứ hai mươi bốn

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 25

PHẨM TẠP TỤNG (tiếp theo)

TỘI TĂNG-GIÀ-BÀ-THI-SA

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ, Tỳ-kheo A-lê-tra hủy báng khế kinh, nói với các Tỳ-kheo như sau:

Thưa Trưởng lão, theo tôi biết pháp mà Thế Tôn thuyết giảng thì những gì gọi là chương đạo, khi thực hành chúng không có gì là chương đạo cả. Các Tỳ-kheo liền khuyên:

Trưởng lão! Thầy đừng hủy báng khế kinh, hủy báng khế kinh là hành vi ác tà kiến, rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục.

Thầy bèn đáp:

Đó là cái thấy tốt đẹp, cái thấy thuần thiện, cha mẹ, Thầy dạy của tôi kế thừa từ xưa đến nay, đều thấy như vậy cả.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

Nếu Tỳ-kheo A-lê-tra nói rằng: “Thế Tôn thuyết pháp, theo tôi hiểu, thì những gì gọi là chương đạo khi thực hành chúng không có gì là chương đạo cả”, (427b) thì nên khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần và khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần.

Khi khuyên can ở chỗ vắng, trước hết nên hỏi: “Trưởng lão A-lê-tra, có thật Thầy hủy báng khế kinh, nói rằng: “Thế Tôn thuyết pháp, theo tôi hiểu, thì thực hành những pháp gọi là chương đạo, không có gì là chương đạo cả” phải không?”

Nếu đáp: “Thật như vậy”, thì bấy giờ nên khuyên can ở chỗ vắng như sau: “Này Trưởng lão, Thầy đừng hủy báng khế kinh, hủy báng khế kinh là ác tà kiến, sẽ rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục. Vì lòng từ, muốn được lợi ích cho nên tôi khuyên can Thầy, Thầy hãy bỏ việc này đi. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, Thầy có bỏ việc này không?”

Nếu đáp: “Đó là cái thấy tốt đẹp, cái thấy thuần thiện, cha mẹ và thầy dạy của tôi đã kế thừa từ trước đến nay, đều thấy như vậy cả, tôi không thể bỏ”, thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba.

Nếu không bỏ thì nên khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần.

Nếu cũng không bỏ nữa, thì nên đem đến giữa Tăng làm yết-ma. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. “Tỳ-kheo A-lê-tra hủy báng khế kinh, nói như sau: “Theo tôi hiểu pháp mà Thế Tôn thuyết giảng, thì khi thực hành những pháp gọi là chương đạo, không có gì là chương đạo cả”, rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cũng nên khuyên can ba lần.

Thế rồi, nên hỏi Thầy ở giữa Tăng: “Này trưởng lão, có thật Thầy hủy báng khế kinh, nói rằng: “Theo tôi hiểu pháp do Thế Tôn thuyết giảng, thì khi thực hành những pháp gọi là chương đạo, không có gì là chương đạo cả” rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần, mà không bỏ việc ấy phải không?”

Nếu đáp: “Đúng như vậy”, thì nên khuyên can ở giữa Tăng như sau: “Trưởng lão, Thầy đừng hủy báng khế kinh, hủy báng khế kinh là việc ác tà kiến, bị rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục.

Tăng nay vì lòng từ, muốn làm lợi ích nên khuyên can Thầy. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, Thầy có bỏ việc này không?” Thầy đáp: “Đó là cái thấy tốt đẹp, cái thấy thuần thiện, cha mẹ, thầy dạy của tôi đã kế thừa từ trước đến nay, đều thấy như vậy, tôi không thể bỏ.” Rồi được khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba như vậy mà vẫn không bỏ.

Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

Nếu Tỳ-kheo A-lê-tra đã hủy báng khế kinh, rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ, thì Tăng nên làm yết-ma cử tội về việc hủy báng khế kinh mà không bỏ.

Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo A-lê-tra hủy báng khế kinh, nói như sau: “Theo tôi hiểu pháp do Thế Tôn Thuyết giảng, thì khi thực hành những điều gọi là chương đạo, không có gì là chương đạo cả”, rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần, khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo A-lê-tra về việc hủy báng khế kinh mà không bỏ.

Đây là lời tác bạch (bạch như vậy xong, làm yết-ma ba lần).

(427c) Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Thi-lợi-da-bà khởi lên ác tà kiến, nói rằng: “Tự mình sát sinh, dạy người sát sinh, cho đến làm ác không có tai họa, làm thiện không có phước báo, không có quả báo thiện ác trong đời này hay đời sau.”

Các Tỳ-kheo bèn khuyên: “Trưởng lão Thi-lợi-da-bà, thầy đừng khởi lên ác kiến, khởi lên ác kiến là bất thiện, sẽ rơi vào ác đạo, đọa xuống địa ngục.”

Thầy liền đáp: “Đó là cái thấy tốt đẹp, cái thấy thuần thiện, cha mẹ, thầy dạy của tôi kế thừa từ trước đến nay đều thấy như vậy.”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo:

Nếu Thi-lợi-da-bà khởi lên ác kiến, cho đến nói rằng: “Không có quả báo Thiện ác...”, thì nên khuyên can ba lần ở chỗ vắng, khuyên can ba lần ở chỗ nhiều người, khuyên can ba lần ở giữa chúng Tăng.

Khi khuyên can ba lần ở chỗ vắng, trước hết nên hỏi: “Trưởng lão Thi-lợi-da-bà, có thật Thầy khởi lên ác kiến, nói như sau: “Tự mình sát sinh, dạy người sát sinh, cho đến làm ác không có tai họa, làm thiện không có phước báo, không có quả báo thiện ác trong đời này và đời sau” phải không?”

Nếu đáp: “Đúng như vậy”, thì nên khuyên can: “Trưởng lão, Thầy đừng khởi lên ác kiến, khởi lên ác kiến là không tốt, sẽ rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục. Nay tôi vì lòng từ, muốn làm lợi ích nên khuyên can Thầy. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, Thầy có bỏ ác kiến này không?” Nếu đáp: “Đó là cái thấy tốt đẹp, cái thấy thuần thiện, cha mẹ, thầy giáo của tôi đã kế thừa từ trước đến nay, đều thấy như vậy, tôi không thể bỏ”, thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu cũng không bỏ, thì nên khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần cũng như vậy. Nếu vẫn không bỏ nữa, thì nên đem đến giữa Tăng, làm yết-ma cử tội. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Thi-lợi-da-bà khởi lên ác tà kiến, nói rằng: “Tự mình sát sinh, dạy người sát sinh, cho đến... làm ác không có tai họa, làm thiện không có phước báo, không có quả báo thiện ác trong đời này hay đời sau”, rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay nên khuyên can ba lần ở giữa chúng Tăng.

Bấy giờ Tăng nên hỏi:

Này Trưởng lão Thi-lợi-da-bà, có thật thầy nói như sau: “Tự mình sát sinh, dạy người sát sinh, cho đến làm ác không có tai họa,

làm thiện không có phước báo, không có quả báo thiện ác trong đời này hay đời sau”, rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần mà vẫn không bỏ việc ấy phải không?”

Nếu đáp: “Đúng như vậy”, thì nên khuyên can ở giữa Tăng: – Này trưởng lão, thầy đừng khởi lên ác tà kiến, khởi lên ác tà kiến như vậy là không tốt, sẽ rơi vào đường ác, đọa vào địa ngục. Chúng Tăng vì lòng từ, muốn làm lợi ích nên khuyên can thầy. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, Thầy có bỏ ác tà kiến này không? Nhưng Thầy vẫn đáp: “(428a) Đó là cái thấy tốt đẹp, cái thấy thuần thiện, cha mẹ, thầy giáo của tôi đã kế thừa từ trước đến nay, đều thấy như vậy. Tôi không thể bỏ.”

Khuyên can như vậy một lần không bỏ, cho đến ba lần khuyên can vẫn không bỏ.

Do vậy, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

Nếu Thi-lợi-da-bà khởi lên ác tà kiến, rồi được khuyên can ba lần mà không bỏ, thì Tăng nên làm yết-ma cử tội về việc không bỏ ác tà kiến. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà khởi lên ác tà kiến rồi được khuyên can ba lần ở chỗ vắng, khuyên can ba lần ở chỗ nhiều người, khuyên can ba lần ở giữa chúng Tăng mà vẫn không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma cử tội Thi-lợi-da-bà về việc không bỏ ác tà kiến.

Đây là lời tác bạch (bạch xong, ba lần yết-ma, cho đến).

Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo Ma-lâu-gia-tử khởi lên biên kiến, nói rằng:

Thế giới là hữu biên, thế giới là vô biên.

Các Tỳ-kheo khuyên:

Trưởng lão! Thấy đừng khởi lên biên kiến, biên kiến này là ác kiến, sẽ rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục.

Thầy đáp:

Đó là cái thấy tốt, cái thấy thiện; cha mẹ và thầy tôi từng kế thừa và đều thấy như vậy từ xưa đến nay. Tôi không thể bỏ.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

Nếu Tỳ-kheo Ma-lâu-già-tử khởi biên kiến, nói rằng: “Thế giới là hữu biên, thế giới là vô biên”, thì nên khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần và khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần.

Khi khuyên can ở chỗ vắng, nên hỏi:

Trưởng lão, có thật Thầy khởi lên biên kiến, nói rằng: “Thế giới là hữu biên, thế giới là vô biên” không?.

Nếu đáp: “Đúng như vậy”, thì bấy giờ nên khuyên can: “Trưởng lão, đó là ác kiến, sẽ rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục. Nay tôi vì lòng từ, muốn được lợi ích nên khuyên thầy. Một lần khuyên đã xong, còn hai lần khuyên nữa. Thầy có bỏ biên kiến này không?”

Nếu đáp: “Đó là cái thấy tốt, cái thấy thiện. Cha mẹ và thầy tôi từng kế thừa và đều thấy như vậy từ xưa đến nay, nên tôi không thể bỏ”, thì nên khuyên can như vậy đến lần thứ hai, thứ ba.

Nếu cũng không bỏ, thì nên khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần cũng như vậy. Nếu vẫn không bỏ, thì nên làm yết-ma cử tội ở giữa chúng Tăng. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Ma-lâu-già-tử này khởi lên biên kiến, nói: “Thế giới là hữu biên, thế giới là vô biên”, rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba

lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cũng nên khuyên can ba lần.

Bấy giờ, ở giữa Tăng trước hết nên hỏi:

Trưởng lão! Có thật thầy khởi lên biên kiến, nói: “Thế giới là hữu biên, thế giới là vô biên”, (428b) rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần, mà không bỏ biên kiến này phải không?

Nếu Thầy vẫn đáp: “Đúng như vậy”, thì bấy giờ nên khuyên can ở giữa chúng Tăng: “Trưởng lão! Thầy đừng khởi lên biên kiến. Biên kiến này là ác kiến, phải rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục. Tăng nay vì lòng từ, muốn được lợi ích, nên khuyên Thầy. Một lần khuyên đã xong, còn hai lần khuyên nữa, Thầy có bỏ biên kiến này không?”

Nhưng thầy vẫn đáp: “Đó là cái thấy tốt, cái thấy thiện. Cha mẹ và thầy tôi từng kế thừa và đều thấy như vậy từ xưa đến nay, nên tôi không thể bỏ.”

Rồi được khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy mà vẫn không bỏ. Do vậy, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

Nếu Tỳ-kheo Ma-lâu-gia-tử này khởi lên biên kiến, rồi được khuyên can ở chỗ vắng, ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ, thì Tăng nên làm yết-ma cử tội về việc không bỏ biên kiến, như trên đã nói. Đó gọi là yết-ma cử tội.

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà thường thường phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, liền nói với các Tỳ-kheo:

Thưa các Trưởng lão, cho tôi pháp Ma-na-đỏa.

Các Tỳ-kheo bèn hỏi:

Trưởng lão, vì sao thầy xin pháp Ma-na-đỏa?

Thầy đáp: “Vì tôi phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Các Tỳ-kheo trước đó đã biết Thầy thường phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, nên nói:

Trưởng lão Thi-lợi-da-bà, Tăng tập trung hòa hợp làm yết-ma chất vấn, những gì trưởng lão đã phạm thì nên trình bày tất cả trong một lần yết-ma. Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.

Thế rồi, Thầy đáp:

Chính tôi vi phạm tội đó.

Nhưng sau khi làm Yết-ma xong, thầy suy nghĩ: “Vì sao ta đợi làm yết-ma trở lại? Ta nên nói tất cả trong một lần làm yết-ma”, rồi nói với các Tỳ-kheo:

Thưa các Trưởng lão, cho tôi pháp Ma-na-đỏa.

Vì sao thầy lại đòi pháp Ma-na-đỏa?

Vì tôi phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Trưởng lão phạm khi nào?

Phạm vào khi ấy.

Trước đây chúng tôi đã nói với trưởng lão rằng Tăng đang tập trung hòa hợp làm yết-ma, trưởng lão có phạm những gì thì hãy nói ra tất cả trong một lần làm yết-ma, vì sao không nói?

Vì tôi hổ thẹn nên không nói ra tất cả.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thi-lợi-da-bà đến. Khi Thầy đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự kiện trên:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Này kẻ ngu si! Khi phạm không biết hổ thẹn, khi cầu thanh tịnh vì sao lại hổ thẹn? Đây là việc ác, phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.



TRÁCH NHIỆM CỦA TỖ-KHEO ĐOÁN SỰ

(428c) Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo:

Khi vị Tỳ-kheo trì Luật cho ai pháp xuất tội, thì họ có tội cũng biết, không tội cũng biết; che giấu cũng biết, không che giấu cũng biết; phát lồ cũng biết, không phát lồ cũng biết; nên cho biệt trú cũng biết, không nên cho biệt trú cũng biết; như pháp cho biệt trú cũng biết, không như pháp cho biệt trú cũng biết; như pháp hành Ba-lợi-bà-sa cũng biết, không như pháp hành Ba-lợi-bà-sa cũng biết; nửa chừng có tội cũng biết, nửa chừng không có tội cũng biết; đêm gián đoạn cũng biết, đêm không gián đoạn cũng biết; tùy thuận làm cũng biết, không tùy thuận làm cũng biết; nên cho pháp Ma-na-đỏa cũng biết, không nên cho pháp Ma-na-đỏa cũng biết; cho Ma-na-đỏa đúng pháp cũng biết, cho Ma-na-đỏa không đúng pháp cũng biết; hành Ma-na-đỏa rất ráo cũng biết, hành Ma-na-đỏa không rất ráo cũng biết; nên cho pháp xuất tội cũng biết, không nên cho pháp xuất tội cũng biết; cho pháp xuất tội đúng pháp cũng biết, cho pháp xuất tội không đúng pháp cũng biết; cùng che giấu cũng biết, không cùng che giấu cũng biết; che giấu vô lượng cũng biết, Tỳ-xá-già-cước cũng biết; hoặc có trường hợp tội hợp mà không phải đêm hợp; hoặc là đêm hợp mà không phải tội hợp; hoặc là tội hợp mà đêm cũng hợp; hoặc là tội không hợp mà đêm cũng không hợp; hoặc tội cũ, tội trung gian. Đó gọi là Tỳ-kheo trì luật.

Lại nữa, Tỳ-kheo thành tựu bốn pháp sau đây gọi là người giữ luật. Đó là: Biết có tội, biết không có tội, biết tội nặng, biết tội nhẹ. Đó gọi là bốn pháp.

Lại nữa, thành tựu bốn pháp sau đây gọi là người giữ luật: Biết có tội, biết không có tội, không xem tội nặng thành tội nhẹ, không xem tội nhẹ thành tội nặng. Đó gọi là bốn pháp.

Lại nữa, thành tựu bốn pháp: Biết có tội, biết không có tội, không bảo người không có tội là có tội, không bảo người có tội là không tội. Đó gọi là bốn pháp.

Lại, thành tựu bốn pháp: Không xem tội nặng là tội nhẹ, không xem tội nhẹ là tội nặng, không xem người không phạm tội là phạm tội, không xem người phạm tội là không phạm tội. Đó gọi là bốn pháp.

Lại, thành tựu năm pháp sau gọi là người giữ luật: Biết rõ sự tranh chấp, biết rõ nguyên nhân sự tranh chấp, biết rõ cách dập tắt sự tranh chấp, biết rõ cách phân biệt về việc chấm dứt tranh chấp, biết rõ cách dập tắt tranh chấp làm cho ngưng hẳn. Đó gọi là năm pháp.

Lại, thành tựu sáu pháp: tức năm việc trên, thêm việc khéo dập tắt sự tranh chấp đã tích lũy. Đó gọi là sáu pháp.

Lại, thành tựu bảy pháp: Biết có tội, biết không có tội, biết tội nặng, biết tội nhẹ, không đem tội nặng làm tội nhẹ, không đem tội nhẹ làm tội nặng, khéo biết cách làm yết-ma. (429a) Đó gọi là bảy pháp.

Lại, thành tựu tám pháp: Tức bảy việc trên, thêm việc biết rõ tình huống nào nên tụng giới đầy đủ hay giản lược. Đó gọi là tám pháp.

Lại, thành tựu chín pháp: Đó là tám việc trên, tăng thêm việc khéo tụng giới, khéo biết nghĩa, không quên, hiểu rõ, khéo biết pháp yết-ma. Đó gọi là chín pháp.

Lại, thành tựu mười pháp: Tức ngoài chín việc trên, thêm việc khéo điều phục các căn, phạm hạnh viên mãn, hiểu sâu pháp yết-ma. Đó gọi là mười pháp.

Lại, thành tựu năm pháp gọi là người giữ luật. Đó là: Trì giới, biết có tội, biết không có tội, biết rõ tình huống nào nên tụng giới đầy đủ hay giản lược, khéo biết pháp yết-ma. Đó gọi là năm pháp.

Lại, thành tựu bốn pháp. Đó là: Trì giới, biết rõ có tội, biết rõ không có tội, biết rõ pháp yết-ma. Đó gọi là bốn pháp.

Lại, thành tựu ba pháp: Biết có tội, biết không có tội, biết pháp yết-ma. Đó gọi là ba pháp.

Lại, thành tựu hai pháp. Đó là: Biết có tội, biết không có tội. Đó gọi là hai pháp.

Lại, thành tựu một pháp. Đó là: khéo biết pháp yết-ma. Đó gọi là người giữ luật, cho đến thành tựu mười bốn pháp thì gọi là người giữ luật bậc nhất; ngoại trừ đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri (thì không ai làm được). Mười bốn pháp đó như sau: (1) Biết có tội; (2) Biết không có tội; (3) Biết tội nặng; (4) Biết tội nhẹ; (5) Biết có che giấu; (6) Biết không che giấu; (7) Biết tội có thể trị; (8) Biết tội không thể trị; (9) Biết đã thanh tịnh; (10) Biết chưa được thanh tịnh; (11) Được công đức của bốn Thiên, hiện được an lạc; (12) Được Thiên nhãn, thiên nhĩ và túc mạng thông; (13) Dứt sạch hữu lậu; (14) Được Vô lậu (hết cấu uế). Đó gọi là mười bốn pháp. Người thành tựu mười bốn pháp này là bậc nhất trong tất cả các người giữ luật, ngoại trừ Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

Tỳ-kheo Ưu-ba-ly thành tựu mười bốn pháp kể trên, là người giữ luật bậc nhất, có tội cũng biết, không có tội cũng biết, cho đến dứt sạch hữu lậu, đạt được vô lậu tuệ giải thoát.

Có tội cũng biết: tức biết năm thiên tội: Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni.

Ba-la-di: Dâm, trộm, giết người, tự xưng được pháp hơn người.

Tăng-già-bà-thi-sa: Cố ý xuất tinh, xúc chạm người nữ, nói lời ô uế, cho đến làm hoen ố nhà người ở thôn xóm.

Ba-dạ-đề: Gồm ba mươi Ni-tát-kỳ, chín mươi hai Ba-dạ-đề thuần túy.

Ba-la-đề-đề-xá-ni: Ở nơi A-luyện-nhã, không bệnh mà nhận thức ăn của Tỳ-kheo-ni, ăn thức ăn do Tỳ-kheo-ni chỉ điểm, khát thực tại nhà học gia.

Việt-tỳ-ni: Gồm mười ba việc như sau: (1) A-già-dữ; (2) Thâu-lan-giá; (3) Xú Thâu-lan; (4) Không làm; (5) (429b) Không nói; (6) Đột-cát-la; (7) Ác thanh; (8) Oai nghi; (9) Phi oai nghi; (10) Ác oai nghi; (11) Ác tà mạng; (12) Ác kiến; (13) Tầm sinh hối Tỳ-ni.

A-già-dữ: Như ngoại đạo Thân ma, như Tôn giả Bạt-đà-lợi, như các Tỳ-kheo-ni ở thành vương-xá, các trường hợp như thế đều phải đến Phật sám hối. Đó gọi là A-già-dữ.

Thâu-lan-giá: Lấy trộm dưới năm tiền, đựng vào vật đáng giá năm tiền mà chưa dời khỏi chỗ. Đó gọi là Thâu-lan-giá.

Xú-thâu-lan: Dùng tâm nhiễm ô đùa giỡn với nam căn. Đó gọi là Xú-thâu-lan.

Không làm: Nếu Hòa thượng, A-xà-lê bảo làm việc gì mà đúng pháp thì phải làm; nếu không làm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu bảo gọi phụ nữ, lấy rượu đến, thì nên nói với Hòa thượng, A-xà-lê: “Con nghe nói trong giới luật (việc đó) không được làm.” Đó gọi là không làm.

Không nói: Nếu Hòa thượng, A-xà-lê cùng gọi, nghe mà không đáp, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu trong miệng đang ngậm cơm mà giọng nói không thay đổi thì nên đáp. Nếu không thể đáp được, thì nuốt cơm rồi mới đáp. Nếu Hòa thượng, A-xà-lê hỏi như sau: “Vì sao nghe ta gọi mà không trả lời”, thì nên thưa với Hòa thượng, A-xà-lê: “Trong miệng con đang ngậm cơm, cho nên không đáp được.” Đó gọi là không nói.

Đột-cát-la: Như Thế Tôn nói với nhóm sáu Tỳ-kheo Ưu-đà-di và các Tỳ-kheo khác rằng: “Làm việc đó không tốt.” Đó gọi là Đột-cát-la.

Ác thanh: Giả tiếng kêu của voi, tiếng của ngựa, bò, lừa, lạc đà v.v..., tất cả tiếng của loài súc sinh như thế; hoặc kéo dài hơi ra rồi kêu đứt đoạn, hoặc kêu gấp rồi kéo dài ra. Đó gọi là ác thanh (tiếng kêu chối tai).

Oai nghi: Sáng sớm thức dậy nên rửa dọn sạch nơi đại tiểu tiện, rồi đổ đầy nước tại nơi đại tiểu tiện, lại phải quét tháp, viện, phòng Tăng. Nếu lấy, cho, làm các việc, thậm chí buộc một sợi chỉ mà không bạch với Hòa thượng y chỉ, A-xà-lê thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là oai nghi.

Phi oai nghi: Như sửa tóc, trang điểm mắt, làm đẹp mặt mày, giữ y, làm cho dải lụa bóng sáng, buộc lưng, hơ bát làm cho sáng bóng, dùng gương soi mặt. Đó gọi là phi oai nghi (trái oai nghi).

Ác oai nghi: Thân có oai nghi xấu, miệng có oai nghi xấu, thân miệng có oai nghi xấu; thân tai hại, miệng tai hại, thân miệng tai hại; thân tà mạng, miệng tà mạng, thân miệng tà mạng. Đó gọi là ác oai nghi (oai nghi xấu).

Ác tà mạng: Thân quanh co, miệng quanh co, Tâm quanh co, hiện cử chỉ thân ái để hy vọng người ta cúng dường. Đó gọi là ác tà mạng.

Ác kiến: Tất cả các loại kiến giải như thường, đoạn v.v..., gọi là ác kiến.

Tâm sinh hối tỳ-ni: Pháp chúng học oai nghi, tâm niệm ác, không cố ý mà xúc chạm nữ nhân, đại loại như thế đều gọi là tâm hối. Đó gọi là (429c) Tâm sinh hối tỳ-ni.



CÓ TỘI CŨNG BIẾT

Lại nữa, hoặc có tội từ tham dục sinh; hoặc có tội từ giận dữ sinh; hoặc có tội từ ngu si sinh; hoặc có tội không từ tham dục, giận dữ, ngu si sinh; hoặc có tội do hành vi của thân, không phải hành vi của miệng; hoặc do hành vi của miệng, không phải hành vi của thân; hoặc do hành vi của thân và miệng, hoặc không phải do hành vi của thân và miệng; hoặc có tội từ bản thân mình sinh, không phải từ thân người khác; hoặc từ thân người khác, không phải từ thân mình; hoặc từ thân mình và thân người khác sinh; hoặc không phải từ thân mình, cũng không phải thân người khác; hoặc có tội từ miệng mình sinh, không phải từ miệng người khác; hoặc có tội từ miệng người khác, không phải từ miệng mình; hoặc có tội từ miệng mình cũng từ miệng người khác; hoặc không từ miệng mình cũng không từ miệng người khác; hoặc có tội căn cứ tâm, không căn cứ việc; hoặc có tội căn cứ việc, không căn cứ tâm; hoặc có tội sự nặng, không phải tâm nặng; hoặc có tội do tâm nặng, không phải sự nặng; hoặc có tội sự nặng, tâm cũng nặng; hoặc có tội không phải sự nặng, cũng không phải tâm nặng; hoặc có tội do vật của mình, không phải do vật người khác; hoặc có tội do vật người khác, không phải do vật của mình; hoặc do vật mình, cũng do vật người khác; hoặc có tội không do vật mình, cũng không do vật người khác; hoặc có tội tại một chỗ mà phạm nhiều thứ, hoặc tại nhiều chỗ mà phạm một tội; tại nhiều chỗ phạm nhiều tội; hoặc tại một chỗ phạm một tội; hoặc từ chỗ không có tội dẫn đến có tội; hoặc từ chỗ có tội dẫn đến không tội; hoặc từ chỗ có tội dẫn đến có tội; hoặc từ chỗ không tội dẫn đến không tội; hoặc từ nguyên nhân tội nặng dẫn đến tội nhẹ; hoặc từ tội nhẹ dẫn đến tội nặng; hoặc từ tội nặng dẫn đến tội nặng; hoặc từ tội nhẹ dẫn đến tội nhẹ; có khi nhận mà phạm tội, có khi ăn mà phạm tội; sự thành có tội, không thọ thì có tội, thọ thì không có tội; không thực hiện thì bị tội, thực hiện thì không bị tội; hoặc có tội thuộc xóm làng, không thuộc nơi hoang vắng; hoặc có tội thuộc nơi hoang vắng, không thuộc xóm làng; hoặc

có tội thuộc xóm làng, cũng thuộc nơi hoang vắng; hoặc có tội không thuộc xóm làng, cũng không thuộc nơi hoang vắng; hoặc có tội đúng thời, không phải phi thời; hoặc có tội phi thời, không phải đúng thời; hoặc có tội vừa đúng thời, vừa phi thời; hoặc có tội vừa không phải đúng thời, vừa không phải phi thời; hoặc có tội thuộc ban đêm, không phải ban ngày; hoặc có tội thuộc ban ngày, không phải ban đêm; hoặc có tội vừa thuộc ban đêm, cũng vừa thuộc ban ngày; hoặc có tội vừa không phải ban đêm, cũng không phải ban ngày; hoặc có tội ở chỗ che khuất, không phải chỗ trống trải; hoặc có tội ở chỗ trống trải, không phải chỗ che khuất; hoặc có tội vừa ở chỗ che khuất, vừa ở chỗ trống trải; hoặc có tội không ở chỗ che khuất, cũng không phải ở chỗ trống trải; hoặc có tội khi đi, không phải khi đứng; hoặc có tội khi đứng, không phải khi đi; hoặc có tội (430a) vừa khi đi, vừa khi đứng; hoặc có tội vừa không phải khi đi, vừa không phải khi đứng; hoặc có tội khi đứng, không phải khi ngồi; hoặc có tội khi ngồi, không phải khi đứng; hoặc có tội vừa khi ngồi, vừa khi đứng; hoặc có tội không phải khi ngồi, không phải khi đứng; hoặc có tội khi ngồi, không phải khi ngủ; hoặc có tội khi ngủ, không phải khi ngồi; hoặc có tội vừa khi ngồi, vừa khi ngủ; hoặc có tội không phải khi ngồi, cũng không phải khi ngủ; hoặc có tội khi ngủ, không phải khi đi; hoặc có tội khi đi, không phải khi ngủ; hoặc có tội vừa khi đi, vừa khi ngủ; hoặc có tội không phải khi ngủ, cũng không phải khi đi; hoặc có tội ở chỗ vắng, không phải chỗ đông người; hoặc có tội ở chỗ đông người, không phải ở chỗ vắng; hoặc có tội vừa ở chỗ vắng, vừa ở chỗ đông người; hoặc có tội không phải ở chỗ vắng, cũng không phải ở chỗ đông người; hoặc có tội ở chỗ đông người mà không phải ở giữa chúng Tăng; hoặc có tội ở chỗ giữa chúng Tăng, không phải chỗ đông người; hoặc có tội vừa ở chỗ đông người, vừa ở giữa chúng Tăng; hoặc có tội không phải ở chỗ đông người, cũng không phải ở giữa chúng Tăng; hoặc có tội ở giữa chúng Tăng mà không phải ở chỗ vắng vẻ; hoặc có tội ở chỗ vắng vẻ, không ở giữa chúng Tăng; hoặc có tội ở giữa chúng Tăng, cũng ở chỗ vắng vẻ; hoặc vừa không ở giữa chúng Tăng, cũng không ở

chỗ vắng vẻ; hoặc có tội vào mùa Đông, không phải mùa Xuân; hoặc có tội thuộc mùa Xuân, không phải mùa Đông; hoặc vừa mùa Đông, cũng vừa mùa Xuân; hoặc không phải mùa Đông, cũng không phải mùa Xuân; hoặc có tội về mùa Xuân, không phải mùa Hạ; hoặc tội thuộc mùa Hạ, không phải mùa Xuân; hoặc thuộc mùa Xuân, cũng thuộc mùa Hạ; hoặc có tội vừa không thuộc mùa Xuân, vừa không thuộc mùa Hạ; hoặc có tội thuộc mùa Hạ, không phải mùa Đông; hoặc thuộc mùa Đông, không phải mùa Hạ; hoặc thuộc mùa Hạ, cũng thuộc mùa Đông; hoặc không thuộc mùa Hạ, cũng không thuộc mùa Đông.

Có tội từ dục sinh: Như cố ý đùa giỡn với nam căn, ma sát, ác khẩu, tự khen mình, làm môi giới, nói với tâm hoàn toàn nhiễm ô. Đó gọi là tội sinh ra từ dục.

Có tội từ giận dữ sinh ra: Như vô cớ vu khống, hủy báng, nói hai lưỡi, đánh người, đuổi đi, biết người khác đã ăn no mà cố ý xúc nảo, xua đuổi người khác ở nơi xóm làng, đánh bằng nắm tay, giơ tay dọa đánh, đứng chỗ khuất lén nghe. Đó gọi là tội từ giận dữ sinh ra.

Có tội từ ngu si sinh ra: Do tâm ngu si mà cho rằng thế giới thực sự là thường hằng, hoặc thế giới là Vô thường, có các loại kiến giải như thế, đó gọi là tội từ ngu si sinh ra.

Có tội không do dục, giận dữ và ngu si sinh ra: Như trường hợp A-la-hán phạm tội. Đó gọi là tội không do dục, giận dữ và ngu si sinh ra.

Có tội do thân không phải do miệng: Như ở cùng phòng với người nữ, ngủ cùng phòng với người chưa thọ Cụ túc quá ba đêm, ngủ cùng giường, ngồi cùng giường, ăn nhiều chỗ, ăn riêng chung, ăn chung một bát. Đó gọi là tội do thân không phải do miệng.

Có tội do miệng không phải do thân: Nói chung những tội thuộc về phạm vi miệng. Đó gọi là tội do miệng, không phải do thân.

Có tội gồm cả thân và miệng: Như vô cớ vu khống, hủy báng, nói hai lưỡi, đấu tranh gây rối, đuổi đi, biết người đã ăn no mà cố tình xúc nảo, đuổi đi khi ở xóm làng, dùng tay đánh người, đưa tay dọa đánh, đứng chỗ khuất nghe lén. Đó gọi là tội gồm cả thân và miệng.

Có tội không do thân và miệng: Như (430b) các tội từ tâm sinh. Đó gọi là tội không do thân và miệng.

Có tội từ thân mình, không phải từ thân người khác: Như nổi giận tự đánh vào mình. Đó gọi là tội từ thân mình không phải từ thân người khác.

Có tội từ thân người khác không phải từ thân mình: Như thấy người khác phạm tội dâm, trộm, giết người mà che giấu. Đó gọi là tội từ thân người khác, không phải từ thân mình.

Có tội vừa từ thân mình vừa từ thân người khác phát sinh: Như ngủ cùng nhà với phụ nữ, ngủ với người chưa thọ Cụ túc quá ba đêm, ngủ cùng giường, ngồi cùng giường với người khác, ăn nhiều chỗ, ăn riêng chúng, ăn chung bát. Đó gọi là tội vừa từ thân mình vừa từ thân người khác phát sinh.

Có tội không từ thân mình, cũng không từ thân người khác: Như tất cả những tội thuộc lĩnh vực miệng, ngoại trừ việc dạy người chưa thọ Cụ túc đọc bài. Đó gọi là tội không từ thân mình, cũng không từ thân người khác.

Có tội từ miệng mình, không phải từ miệng người khác: Tất cả tội thuộc về miệng, trừ việc dạy người chưa thọ Cụ túc đọc bài. Đó gọi là tội từ miệng mình, không phải từ miệng người khác.

Có tội từ miệng người khác không phải từ miệng mình: Nếu Tăng giải quyết sự việc phi pháp mà Tỳ-kheo không gợi dục, cũng không cho người khác biết mình không đồng ý, im lặng lắng nghe. Đó gọi là tội từ miệng người khác, không phải từ miệng mình.

Có tội vừa từ miệng mình vừa từ miệng người khác: Như cùng đọc chung từng câu với người chưa thọ Cụ túc. Đó gọi là tội vừa từ miệng mình, vừa từ miệng người khác.

Có tội không do miệng mình, cũng không do miệng người khác: Như các tội từ thân và tâm phát sinh. Đó gọi là tội không do miệng mình, cũng không do miệng người khác.

Có tội căn cứ vào tâm không căn cứ vào sự: Như trường hợp nên hỏi: dùng tâm gì để trộm cắp? Dùng tâm gì để giết người? Dùng tâm gì để xúc chạm phụ nữ? Dùng tâm gì để làm hại cỏ tươi? Dùng tâm gì để đào đất? Đó gọi là căn cứ vào tâm, không căn cứ vào sự.

Có tội căn cứ vào sự, không căn cứ vào tâm: Chẳng hạn không nên hỏi: Dùng tâm gì để hành dâm? Dùng tâm gì để ăn phi thời? Dùng tâm gì để uống rượu? Dùng tâm gì để ngủ cùng nhà với người nữ? Dùng tâm gì để ngủ cùng phòng với người chưa thọ Cụ túc quá ba đêm? Nếu phạm thì nên trị phạt đúng pháp. Đó gọi là căn cứ vào sự, không căn cứ vào tâm.

Có tội sự nặng, không phải tâm nặng: Như Tỳ-kheo phi thời mà cho là đúng thời để ăn thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là sự nặng, không phải tâm nặng.

Có tội tâm nặng, không phải sự nặng: Tỳ-kheo đúng thời mà cho là phi thời rồi ăn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là tội tâm nặng, không phải sự nặng.

Có tội sự nặng, tâm cũng nặng: Như phi thời biết là phi thời mà vẫn ăn thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là sự nặng, tâm cũng nặng.

Có tội sự nhẹ, tâm cũng nhẹ: Như các pháp thuộc chúng học và oai nghi. Đó gọi là sự nhẹ, tâm cũng nhẹ.

Có tội từ vật của mình phát sinh, không phải từ vật người khác: Như Tỳ-kheo cố lấy trộm nhằm vật của chính mình, thì phạm tội

Thâu-lan-giá. Đó gọi là từ vật của mình phát sinh, không phải từ vật của người khác.

Có tội từ vật của người khác, không phải từ vật của mình: Như Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp lấy vật của người khác dưới năm tiền, (430c) thì phạm tội Thâu-lan-giá, nếu đủ năm tiền thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là từ vật của người khác phát sinh, không phải từ vật của mình.

Có tội vừa từ vật của mình vừa từ vật của người khác phát sinh: như Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp lấy vật chung của mình và người khác dưới năm tiền, thì phạm tội Thâu-lan-giá, đủ năm tiền thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là tội từ vật của mình và của người phát sinh.

Có tội không phải từ vật của mình, cũng không phải từ vật của người: Như Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp lấy vật không có chủ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là tội không phải từ vật của mình, cũng không phải từ vật của người khác.

Có tội tại một chỗ mà phạm nhiều tội: Như Tỳ-kheo xin tại một chỗ mà được tám món ăn ngon, rồi ăn mỗi thứ tại mỗi chỗ, thì phạm tám tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là tại một chỗ mà phạm nhiều tội.

Có trường hợp tại nhiều chỗ mà phạm một tội: Như Tỳ-kheo xin tại nhiều chỗ được tám thức ăn ngon, rồi ngồi ăn tại một chỗ thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là tại nhiều chỗ mà phạm một tội.

Có trường hợp tại nhiều chỗ phạm nhiều tội: Như Tỳ-kheo xin tại tám chỗ được tám món ăn ngon, rồi ăn tám lần, phạm tám tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là tại nhiều chỗ phạm nhiều tội.

Tại một chỗ phạm một tội: Như tại một chỗ xin được tám món ăn ngon, rồi ngồi ăn tại một chỗ. Đó gọi là tại một chỗ phạm một tội.

Từ nguyên nhân vô tội mà thành có tội: Như Tỳ-kheo vô tội mà xin sám hối về tội phạm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là từ nguyên nhân vô tội mà thành có tội.

Từ nguyên nhân có tội mà thành vô tội: Như làm phòng nhỏ, phòng lớn, rồi được ba lần khuyên can. Đó gọi là từ nguyên nhân có tội mà thành ra vô tội.

Từ nguyên nhân có tội dẫn đến có tội: Khi Tăng tụng giới, được hỏi đến ba lần rằng ai có tội thì sám hối như pháp, ai không có tội thì im lặng, mà bấy giờ người có tội không làm đúng pháp, lại không nói cho người khác biết, cũng không thâm nghĩ: “Để rồi tôi sẽ sám hối đúng pháp với người thanh tịnh và thông cảm”, vẫn cứ im lặng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là từ nguyên nhân có tội dẫn đến có tội.

Từ nguyên nhân không có tội dẫn đến không có tội: Như trường hợp không làm, không phạm. Đó gọi là từ nguyên nhân không có tội dẫn đến không có tội.

Từ nguyên nhân tội nặng dẫn đến tội nhẹ: Như Tỳ-kheo phạm tội Ba-dạ-đề mà đến sám hối với người ác tà kiến, biên kiến, người bị cử tội. Đó gọi là từ nguyên nhân tội nặng dẫn đến tội nhẹ.

Từ tội nhẹ dẫn đến tội nặng: Như Tỳ-kheo phạm tội Việt-tỳ-ni mà đến sám hối với người hủy báng khế kinh, người bị cử tội, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là từ tội nhẹ dẫn đến tội nặng.

Từ tội nặng dẫn đến tội nặng: Như Tỳ-kheo phạm tội Ba-dạ-đề mà đến sám hối với người hủy báng khế kinh, người bị cử tội, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là từ tội nặng dẫn đến tội nặng.

Từ tội nhẹ dẫn đến tội nhẹ: Tỳ-kheo phạm tội Việt-tỳ-ni mà đến sám hối với người chưa thọ Cụ túc, thì không được gọi là sám hối mà còn phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là từ tội nhẹ dẫn đến tội nhẹ.

(431a) Khi nhận phạm tội: Như nhận thịt sống, lúa thóc, vàng bạc, voi, ngựa, lạc đà, lừa, bò, dê, nô tì, phụ nữ, ruộng đất, nhà cửa. Đó gọi là khi nhận phạm tội.

Có trường hợp khi ăn phạm tội: Như ăn riêng chúng, ăn nhiều chỗ, ăn cùng bát, ăn trái cây không hợp pháp. Đó gọi là khi ăn phạm tội.

Việc thành tựu mà có tội: Như làm phòng nhỏ, phòng lớn, được khuyên can đến ba lần mà không sửa chữa. Đó gọi là việc thành tựu mà có tội.

Có trường hợp không thọ thì có tội, thọ thì không có tội: Như khi thọ y Ca-thi-na thì được giải tỏa năm giới là: ăn riêng chúng, ăn nhiều chỗ, đi đâu không cần thưa với người cùng ăn với mình, cất y dư lâu ngày, rời y mà ngủ. Đó gọi là không thọ thì có tội, thọ thì không có tội.

Không thực hiện thì có tội, thực hiện thì không có tội: Khi Tỳ-kheo được y mới mà không dùng ba màu để nhuộm cho hoại sắc, hoặc dùng một màu để nhuộm, tác tịnh rồi thọ dụng, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là không thực hiện thì có tội, thực hiện thì không có tội.

Có tội tại xóm làng không phải tại chỗ hoang vắng: Khi vào xóm làng không mặc y tăng-già-lê, không buộc đai, không cột dây lưng, không cầm bát, không thưa với người cùng ăn chung, vào xóm làng lúc phi thời. Đó gọi là tội tại xóm làng, không phải tại nơi hoang vắng.

Có tội tại nơi hoang vắng không phải tại xóm làng: Tỳ-kheo làm bạn với kẻ trộm, hẹn với phụ nữ, Tỳ-kheo-ni cùng đi chung đường. Đó gọi là tội tại nơi hoang vắng, không phải tại xóm làng.

Có tội vừa tại nơi hoang vắng, vừa tại xóm làng: Đấm người bằng nắm tay, đưa tay dọa đánh người. Đó gọi là tội vừa tại nơi hoang vắng, vừa tại xóm làng.

Có tội không phải nơi hoang vắng, không phải xóm làng: Tội xảy ra ở nơi cửa vua. Đó gọi là tội không phải nơi hoang vắng, cũng không phải tại xóm làng.

Có tội đúng thời chứ không phải phi thời: Như ăn riêng chúng, ăn tại nhiều nơi, ăn chung một bát, moi dưới bát mà ăn, ăn tám món ngon, ăn trái cây chưa tác tịnh. Đó gọi là tội đúng thời, chứ không phi thời.

Có tội phi thời chứ không phải đúng thời: Phi thời đi vào xóm làng mà không bạch, ăn phi thời, đi giáo giới Tỳ-kheo-ni đến chiều tối. Đó gọi là tội phi thời chứ không phải đúng thời.

Có tội vừa đúng thời, mà vừa phi thời: Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh. Đó gọi là tội vừa đúng thời, vừa phi thời.

Có tội vừa phi thời, vừa không phải phi thời: Như phạm tội đúng vào giữa trưa. Đó gọi là tội vừa phi thời, vừa không phải phi thời.

Có tội thuộc ban đêm, không phải ban ngày: Như ngủ cùng một nhà với người nữ, ngủ với người chưa thọ Cụ túc quá ba đêm, giáo giới Tỳ-kheo-ni cho đến chiều tối. Đó gọi là tội thuộc ban đêm, không thuộc ban ngày.

Có tội thuộc ban ngày, không thuộc ban đêm: Như ăn riêng chúng, cho đến ăn trái cây không hợp pháp. Đó gọi là tội thuộc ban ngày, không thuộc ban đêm.

Có tội vừa thuộc ban ngày, vừa thuộc ban đêm: Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh. Đó gọi là tội vừa thuộc ban ngày, vừa thuộc ban đêm.

Có tội vừa không thuộc ban ngày, vừa không thuộc ban đêm: Như tội xảy ra lúc rạng đông. Đó gọi là tội vừa không thuộc ban ngày, vừa không thuộc ban đêm.

Có tội tại chỗ khuất, không phải tại chỗ trống (431b): Như ngủ cùng nhà với người nữ, ngủ với người chưa thọ Cụ túc quá ba

đêm, trái đồ ở giữa phòng, ngồi ở chỗ người ta dùng hành lạc, ngồi ở chỗ khuất kín. Đó gọi là tội tại chỗ khuất, không phải tại chỗ trống.

Có tội tại chỗ trống, không phải chỗ khuất: Hoặc tự mình, hoặc sai người đem giường nệm của chúng Tăng ra trải ở chỗ trống, mà khi đi không thưa với chúng Tăng, đi chừng hai mươi lăm khuỷu tay, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là tội tại chỗ trống, không phải tại chỗ khuất.

Có tội vừa tại chỗ khuất, vừa tại chỗ trống: Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không ở chỗ khuất, cũng không ở chỗ trống? Đó là tội xảy ra ở dưới thềm nhà.

Thế nào là tội khi đi, không phải khi đứng? Tỳ-kheo kết bạn với bọn cướp, cùng với người nữ và Tỳ-kheo-ni hẹn đi chung đường; Tăng, Hòa thượng, A-xà-lê bảo đừng đi mà cứ đi thì phạm tội. Đó gọi là do đi, không do đứng.

Thế nào là tội khi đứng, không phải khi đi? Như đứng ở bên dâm nữ, đứng nơi quán rượu, đứng tại chỗ đánh bạc, đứng bên nhà tù, đứng giữa cửa, rồi được Tăng, Hòa thượng, A-xà-lê bảo đừng đứng mà cứ đứng, thì phạm tội. Đó gọi là tội do đứng, không phải do đi.

Thế nào là tội vừa do đi, vừa do đứng? Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không phải khi đi, không phải khi đứng? Như khi ngồi, khi ngủ.

Thế nào là tội do đứng, không phải do ngồi? Như đứng bên dâm nữ, rồi được Hòa thượng, A-xà-lê bảo đừng đứng mà vẫn đứng, thì phạm tội.

Thế nào là tội do ngồi, không phải do đứng? Như ngồi trên giường lớn quá cỡ, dùng bông nhồi làm nệm, dùng da làm tọa cụ và ngồi bên cạnh dâm nữ, bên quán rượu, bên chỗ đánh bạc, bên cạnh nhà tù, rồi được Tăng, Hòa thượng, A-xà-lê bảo đừng ngồi mà vẫn ngồi thì phạm tội.

Thế nào là tội vừa do đứng, vừa do ngồi? Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không phải do đứng, cũng không phải do ngồi? Đó là tội xảy ra khi đi và khi ngủ.

Thế nào là tội khi ngồi, không phải khi ngủ? Như ngồi trên giường quá lượng, rồi được Tăng, Hòa thượng, A-xà-lê bảo đừng ngồi mà cứ ngồi, thì có tội.

Thế nào là tội khi ngủ, không phải khi ngồi? Ngủ cùng nhà với phụ nữ, ngủ với người chưa thọ Cụ túc quá ba đêm, ngồi giường lớn quá lượng, dùng bông nhồi vào nệm để ngồi, dùng da làm tọa cụ.

Thế nào là tội khi ngồi cũng như khi ngủ? Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không phải khi ngồi, cũng không phải khi ngủ? Như phạm tội khi đi, khi đứng.

Thế nào là phạm tội khi ngủ, không phải khi đi? Như ngủ cùng một nhà với phụ nữ, cho đến ngủ trên nệm bằng da.

Thế nào là phạm tội khi đi, không phải khi ngủ? Như Tỳ-kheo làm bạn với kẻ cướp, với phụ nữ (cùng đi chung đường), rồi được Hòa thượng, A-xà-lê bảo đừng đi mà cứ đi, thì phạm tội.

Thế nào là phạm tội khi ngủ cũng như khi đi? Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là phạm tội không phải khi ngủ, cũng không phải khi đi? Như phạm tội khi ngồi, khi đứng.

Thế nào là phạm tội không phải chỗ vắng, cũng không phải chỗ nhiều người? Như được khuyên can ở chỗ vắng ba lần mà không bỏ.

Thế nào là phạm tội ở chỗ nhiều người, không phải ở chỗ vắng? (431c) Như được khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ.

Thế nào là phạm tội ở chỗ vắng, cũng như ở chỗ nhiều người? Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là phạm tội không phải chỗ vắng, không phải chỗ nhiều người? Như ở giữa chúng Tăng.

Thế nào là phạm tội ở chỗ nhiều người, không phải ở giữa chúng Tăng? Như được khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần không bỏ.

Thế nào là phạm tội ở giữa chúng Tăng, không phải ở chỗ nhiều người? Như được khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần mà không bỏ.

Thế nào là phạm tội ở chỗ nhiều người cũng như ở giữa chúng Tăng? Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không ở chỗ nhiều người, không ở giữa Tăng? Như được khuyên can ba lần ở chỗ vắng mà không bỏ.

Thế nào là tội ở giữa Tăng, không phải ở chỗ vắng? Như được khuyên ở giữa Tăng ba lần mà không bỏ.

Thế nào là tội ở chỗ vắng, không phải ở giữa Tăng? Như được khuyên ở chỗ vắng ba lần mà không bỏ.

Thế nào là tội vừa ở giữa Tăng, vừa ở chỗ vắng? Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không phải ở giữa Tăng, không phải ở chỗ vắng? Như được can ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ.

Thế nào là tội thuộc mùa đông, không phải mùa Xuân? Tỳ-kheo đến ngày 15 tháng 8 mà không xả y tắm mưa tới ngày 16 mới xả, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thế nào là tội thuộc mùa Xuân, không phải mùa Đông? Tỳ-kheo thọ y Ca-thi-na đến ngày 15 tháng chạp thì nên xả, nếu không xả, để đến ngày 16 thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thế nào là tội thuộc mùa Đông, cũng thuộc mùa Xuân? Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không thuộc mùa Đông, không thuộc mùa Xuân? Như thời gian an cư (tức mùa Hạ)

Thế nào là tội thuộc mùa Xuân, không thuộc mùa hạ? Tỳ-kheo thọ y Ca-thi-na mà không xả để đến ngày 16 tháng chạp thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thế nào là tội thuộc mùa Hạ, không phải mùa Xuân? Tỳ-kheo đến ngày 16 tháng tư phải an cư, mà không an cư thì phạm tội Việt-tỳ-ni; đến hậu an cư cũng không an cư, thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni.

Thế nào là tội thuộc mùa Xuân, cũng thuộc mùa hạ? Như đánh người bằng tay, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không thuộc mùa Xuân, không thuộc mùa hạ? Như tội phạm vào mùa Đông.

Thế nào là tội thuộc mùa Hạ, không thuộc mùa đông? Vào hai thời an cư mà không an cư, thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni.

Thế nào là tội thuộc mùa Đông, không phải mùa hạ? Đến ngày 15 tháng 8 nên xả y tắm mưa mà không xả, để đến ngày 16 thì phạm tội.

Thế nào là tội thuộc mùa Hạ, cũng thuộc mùa Đông? Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không thuộc mùa Hạ, cũng không thuộc mùa Đông? Đó là tội vào mùa Xuân, tức là tội không thuộc vào mùa Hạ, không thuộc mùa Đông.

Lại có tội do không kiểm chế thân, không kiểm chế miệng, không kiểm chế thân miệng; thân phạm, miệng phạm, thân miệng đều phạm; thân làm ác, miệng làm ác, thân miệng đều làm ác. Đó gọi là tội.

Trái lại, vô tội nghĩa là kiểm chế thân, kiểm chế miệng, kiểm chế thân miệng; thân không phạm, miệng không phạm, thân miệng đều không phạm; thân không làm ác, miệng không làm ác, thân miệng không làm ác. Đó gọi là không có tội.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

Tỳ-kheo giữ luật khi cho người xuất tội, thì có tội cũng biết, (432a), không có tội cũng biết, che giấu cũng biết, không che giấu cũng biết.



CHE GIẤU CŨNG BIẾT

Tỳ-kheo khi hừng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết đó là tội, không cố ý che giấu, nhưng đến lúc mặt trời mọc lại cố tình che giấu cho đến hừng đông sáng mai. Đó gọi là che giấu một đêm.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là có tội, không cố tâm che giấu, nhưng đến giờ ăn lại cố tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là che giấu một đêm. Đến lúc giữa trưa, vào buổi xế, lúc mặt trời lặn, đầu đêm, nửa đêm, cũng như vậy.

Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa biết là có tội mà không cố tâm che giấu, cho đến cuối đêm, vẫn biết là có tội

nhưng cố tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là hai thời một đêm che giấu.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà không biết là phạm tội, đến lúc mặt trời mọc mới biết là phạm tội mà không cố tâm che giấu, nhưng đến giờ ăn lại cố tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là một đêm che giấu. Vào giữa trưa, buổi xế, lúc mặt trời lặn và đầu đêm, cũng như vậy.

Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà không biết là phạm tội, cho đến nửa đêm mới biết là phạm tội nhưng không cố tâm che giấu, đến cuối đêm lại cố tình che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là ba thời một đêm che giấu.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà không biết là có tội, đến giờ ăn mới biết là có tội nhưng không cố tâm che giấu, đến giữa trưa lại cố tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là che giấu một đêm. Vào buổi xế, lúc mặt trời lặn, đầu đêm cũng như vậy.

Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, không biết là phạm tội, cho đến giữa đêm biết là có tội, mà không cố tâm che giấu, đến cuối đêm lại cố tình che giấu cho đến rạng đông thì gọi là bốn thời một đêm che giấu.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, nhưng do dự không biết nên che giấu hay không, đến lúc mặt trời mọc quyết tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là che giấu một đêm. Cũng vậy, vào giờ ăn, giữa trưa, buổi xế, lúc mặt trời lặn, đầu đêm, giữa đêm, cho đến cuối đêm quyết tâm che giấu đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là hai thời che giấu một đêm.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà không biết phạm tội, đến lúc mặt trời mọc mới biết là phạm tội, nhưng do dự không biết nên che giấu hay

không, tới bữa ăn thì quyết tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là che giấu một đêm. (432b) Cũng vậy, giữa trưa, buổi xế, khi mặt trời lặn, đầu đêm cũng thế.

Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà không biết là phạm tội, cho đến nửa đêm mới biết là phạm tội, nhưng do dự không biết nên che giấu hay không, đến cuối đêm mới quyết định che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là ba thời che giấu một đêm.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, mà không biết phạm tội, mãi đến giờ ăn mới biết là phạm tội, nhưng do dự không biết nên che giấu hay không, tới giữa trưa mới quyết định che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là che giấu một đêm. Vào buổi xế, lúc mặt trời lặn, đầu đêm, cũng như vậy.

Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà không biết là phạm tội, cho tới giữa đêm mới biết là phạm tội, nhưng do dự không biết nên che giấu hay không, đến cuối đêm mới quyết định che giấu cho tới rạng đông hôm sau. Đó gọi là bốn thời che giấu một đêm.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, đến khi mặt trời mọc lại quyết định không che giấu, cho đến cuối đêm lại quyết tâm che giấu cho tới rạng đông hôm sau. Đó gọi là che giấu một đêm.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, rồi lại ở cách vách, cách hào, ở chỗ tối nói nhỏ, xưng tên một Tỳ-kheo mỗi giáp khác phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Đó không gọi là phát lồ, vì biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là che giấu.

Trường hợp không che giấu: Nếu ở chỗ ngăn cách, hoặc cách hào, ở chỗ tối nói nhỏ, tự xưng tên của người khác phạm tội

Tăng-già-bà-thi-sa, thì được gọi là phát lồ, nhưng xảo trá, phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại có trường hợp không che giấu: Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, không ở chỗ cách vách, cách hào, chỗ tối, không nói nhỏ, không xưng tên người khác mà tự xưng tên mình phạm tội. Đó gọi là không che giấu.

Lại có trường hợp không che giấu: Không phải tội mà tưởng là tội, sinh nghi, nghi không biết nên che giấu hay không, nghi đêm. Nếu phát lồ thì gọi là không che giấu.

Lại có trường hợp không che giấu: Không cố tâm che giấu, chưa phát lồ được, rồi hoặc quên, hoặc bỏ đạo, hoặc nhập định, hoặc mệnh chung. Đó gọi là không che giấu.

Phật nói với các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo giữ luật khi cho ai xuất tội, thì có tội nên biết, không có tội nên biết, che giấu nên biết, không che giấu nên biết, phát lồ nên biết, không phát lồ nên biết; hoặc là che giấu không phát lồ, hoặc là phát lồ không che giấu, hoặc là vừa che giấu vừa phát lồ, hoặc là không che giấu cũng không phát lồ đều nên biết.

Thế nào là che giấu không phát lồ?

Tỳ-kheo phạm tội Việt-tỳ-ni, biết là phạm tội mà cố tâm che giấu (432c) không nói với người khác. Đó gọi là che giấu không phát lồ.

Thế nào là phát lồ, không che giấu?

Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội mà không cố tâm che giấu, nói với người khác. Đó gọi là phát lồ, không che giấu.

Thế nào gọi là vừa che giấu, vừa phát lồ?

Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, định che giấu, nhưng sau đó nói với người khác. Đó gọi là vừa che giấu, vừa phát lồ.

Thế nào là vừa không che giấu, vừa không phát lộ?

Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, không cố tâm che giấu, suy nghĩ: “Đợi đúng lúc, đúng chỗ, đúng người ta sẽ sám hối đúng pháp.” Đó gọi là vừa không che giấu vừa không phát lộ.



PHÁP BIỆT TRỤ

Phật bảo các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo giữ luật khi cho ai xuất tội, thì có tội phải biết, không có tội phải biết, che giấu phải biết, không che giấu phải biết, phát lộ phải biết, không phát lộ phải biết, nên cho Biệt trụ phải biết, không nên cho Biệt trụ phải biết.

Thế nào là không nên cho Biệt trụ?

Không có tội thì không nên cho; không che giấu, không nên cho; tội không quyết định, che giấu không quyết định, đêm không quyết định, đương sự không yêu cầu, không đòi hỏi, thì không nên cho Biệt trụ.

Thế nào là nên cho Biệt trụ?

Có tội thì nên cho; che giấu thì nên cho; chắc chắn có tội, chắc chắn che giấu, chắc chắn qua đêm, đương sự có yêu cầu thì nên cho.

Cho Biệt trụ không đúng pháp, cho Biệt trụ đúng pháp.

Thế nào là cho Biệt trụ không đúng pháp?

Tội không chắc chắn, che giấu không chắc chắn, đêm không chắc chắn, đương sự không yêu cầu, không đòi hỏi, chúng Tăng không thành tựu, tác bạch không thành tựu, yết-ma không thành tựu. Đó gọi là cho Biệt trụ không đúng pháp.

Thế nào là cho biệt trụ đúng pháp?

Có tội, tội chắc chắn, chắc chắn che giấu, chắc chắn trải qua đêm, đương sự có yêu cầu, chúng Tăng thành tựu, tác bạch thành tựu, yết-ma thành tựu. Nếu mỗi thứ đều thành tựu, đó gọi là cho Biệt trụ đúng pháp.

Hành Ba-lợi-bà-sa không đúng pháp, hành Ba-lợi-bà-sa đúng pháp.

Thế nào là hành Ba-lợi-bà-sa không đúng pháp?

Tại chùa không có Tỳ-kheo, nửa chừng phạm tội bị phát giác, cùng ở chung với Tỳ-kheo khác đồng phòng, đồng có ngăn cách, Tỳ-kheo khách đến không bạch, Tăng tập hợp đúng thời, phi thời không bạch. Đó gọi là hành Ba-lợi-bà-sa không đúng pháp.

Thế nào là hành Ba-lợi-bà-sa đúng pháp?

Tại chùa có Tỳ-kheo đang sống, trong thời gian hành Ba-lợi-bà-sa không tái phạm, không bị cử tội, ở phòng riêng, ngăn cách riêng với Tỳ-kheo khác, khi Tỳ-kheo khách đến có bạch, khi Tăng tập hợp đúng thời hay phi thời đều bạch. Đó gọi là hành Ba-lợi-bà-sa đúng pháp. Đêm không gián đoạn, đêm có gián đoạn.

Thế nào là đêm không gián đoạn?

Trong chùa có Tỳ-kheo đang ở, cho đến khi Tăng tập hợp đúng thời, phi thời đều có bạch. Đó gọi là đêm không gián đoạn.

Thế nào là đêm có gián đoạn?

Trong chùa không có Tỳ-kheo ở, cho đến khi Tăng tập hợp đúng thời, phi thời đều không bạch. Đó gọi là (433a) đêm có gián đoạn.

Ngoài ra còn có nửa chừng phạm tội, nửa chừng không phạm tội.

Thế nào gọi là nửa chừng phạm tội?

Sau khi phát lồ, Tăng chưa cho hành Ba-lợi-bà-sa, bèn phạm lại, hành Ba-lợi-bà-sa nửa chừng rồi tái phạm. Đó gọi là nửa chừng phạm tội.

Thế nào gọi là nửa chừng không phạm tội?

Trong khoảng thời gian ấy không tái phạm. Đó gọi là nửa chừng không phạm tội.

Tỳ-kheo hành Ba-lợi-bà-sa nên tùy thuận hành bảy việc sau đây:

(1) Việc thuộc Tỳ-kheo; (2) Việc thuộc Tỳ-kheo-ni; (3) Việc thuộc quyến thuộc; (4) Việc vào làng xóm; (5) Làm việc nhọc trong chúng; (6) Việc nhận người khác lễ bái; (7) Việc vương gia.

1/ Thế nào là việc thuộc Tỳ-kheo?

Không được nhận sự lễ bái của Tỳ-kheo; không được nói tội của Tỳ-kheo; không được bàn luận với Tỳ-kheo; không được nói tội của sa-di; không được thưởng phạt sa-di; không được bàn luận với sa-di; không được làm sứ giả cho Tỳ-kheo; không được đi trước sau cùng hàng với Tỳ-kheo vào thôn xóm; khi Tăng chúng tập hợp không được thay mặt cho chúng thuyết pháp, trừ khi sống một mình. Đó gọi là việc thuộc Tỳ-kheo.

2/ Thế nào là việc thuộc Tỳ-kheo-ni?

Không được nhận sự lễ bái của Tỳ-kheo-ni; không được nói tội của Tỳ-kheo-ni; không được bàn luận với Tỳ-kheo-ni; không được nói tội của Thúc-xoa-ma-ni, Sa-di-ni; không được Thưởng phạt Thúc-xoa-ma-ni, Sa-di-ni; không được luận bàn với Thúc-xoa-ma-ni, Sa-di-ni; không được ngăn Tỳ-kheo-ni bố-tát tự tứ; không được chặn Tỳ-kheo-ni đứng ngoài cổng; không được đến dạy bảo Tỳ-kheo-ni, dù trước đó Tăng đã sai cũng không được đến. Đó gọi là việc thuộc Tỳ-kheo-ni.

3/ Thế nào là việc thuộc về quyến thuộc?

Không được độ người, không được cho người thọ Cụ túc, không được nhận sự nương tựa của người khác và nuôi sa-di, không được nhận sự cung cấp của Tỳ-kheo, không được đưa kinh cho người khác, không được theo người khác nhận những bản kinh, khi tụng kinh phải tụng nhỏ tiếng. Nếu trước đó đã có đệ tử nên

bảo họ nương tựa người khác, phải cắt đứt sự thân thiết. Đó gọi là việc thuộc về quyền thuộc.

4/ Thế nào là việc đi vào xóm làng?

Không được đi vào xóm làng quá sớm, trở về quá trễ, không được đi trước hay sau trong hàng ngũ của sa-môn vào xóm làng, không được đến nhà đàn việt quen biết, không được ở những ngôi già-lam không có Tăng, khi ngồi, khi ăn đều ở dưới Tỳ-kheo, không được sai người đi đón thức ăn, không được cùng người đi đón thức ăn, trừ khi đến phiên mình. Đó gọi là việc vào xóm làng.

5/ Thế nào là làm những việc nhọc trong chúng?

Sáng sớm thức dậy quét Tháp, viện, phòng Tăng, đem nước đến cho Tăng, rửa ráy chỗ đại tiểu tiện của Tăng. Tất cả những việc có thể làm được như thế phải tùy sức mà làm. Không được gởi dục, không được nhận sự gởi dục của người khác, trừ khi đến phiên mình. Đó gọi là làm những việc nhọc trong chúng.

6/ Thế nào là nhận sự lễ bái?

(433b) Không được nhận tất cả sự lễ bái; bạch nhất yết-ma, bạch tam yết-ma đều không được nhận. Đó gọi là nhận sự lễ bái.

7/ Thế nào là việc thuộc nhà vua?

Không được ý thế lực của vua, đại thần, cư sĩ, kẻ hung ác; không được chê Phật, chê pháp, chê Tăng, chê người làm yết-ma; chỉ tự trách mình, không được chê người khác. Đó gọi là việc thuộc nhà vua.

Tỳ-kheo hành Ba-lợi-bà-sa phải chấp hành bảy việc này. Đó gọi là tùy thuận hành. Nếu không làm thì gọi là không tùy thuận chấp hành.



PHÁP MA-NA-ĐỎA

Ngoài ra, có các việc: không nên cho Ma-na-đỏa, nên cho Ma-na-đỏa.

Thế nào là không nên cho Ma-na-đỏa?

Không có tội thì không nên cho; che giấu mà chưa cho pháp Biệt trụ thì không nên cho; một nửa che giấu, một nửa không che giấu thì không nên cho; tội chưa quyết định, che giấu chưa quyết định, đêm chưa quyết định, thì không nên cho; Ba-lợi-bà-sa chưa quyết định thì không nên cho. Đương sự không đòi hỏi, không yêu cầu thì không nên cho Ma-na-đỏa.

Thế nào là nên cho Ma-na-đỏa?

Có tội, che giấu, hành Ba-lợi-bà-sa xong; tội quyết định, che giấu quyết định, đêm quyết định, Ba-lợi-bà-sa quyết định, đương sự có yêu cầu thì nên cho Ma-na-đỏa. Nhưng cho có hai trường hợp cho không đúng pháp và cho đúng pháp.

Thế nào là cho không đúng pháp?

Không có tội, cho đến đương sự không yêu cầu, không đòi hỏi; chúng không thành tựu, bạch không thành tựu, yết-ma không thành tựu. Nếu mỗi một việc nào không thành tựu thì gọi là cho không đúng pháp.

Thế nào là cho đúng pháp?

Có tội, cho đến đương sự có yêu cầu đòi hỏi, chúng thành tựu, bạch thành tựu, yết-ma thành tựu, mỗi thứ đều thành tựu. Đó gọi là cho đúng pháp.

Hành Ma-na-đỏa không rớt ráo và hành Ma-na-đỏa rớt ráo.

Thế nào là hành Ma-na-đỏa không rớt ráo?

Tăng chúng không đủ số thì không gọi là hành Ma-na-đỏa; nửa chừng tái phạm bị phát hiện; cùng ở với Tỳ-kheo trong một phòng,

một chỗ có che chắn; không bạch với Tỳ-kheo khách; khi Tăng tập hợp đúng thời hay phi thời không bạch; hằng ngày không bạch với chúng tăng trong cương giới. Đó gọi là thi hành Ma-na-đỏa không tốt ráo.

Thế nào là hành Ma-na-đỏa tốt ráo?

Chúng Tăng đủ số; nửa chừng không tái phạm, không bị cử tội; không ở với Tỳ-kheo khác cùng một phòng, một chỗ có che chắn; Tỳ-kheo khách đến có bạch; khi Tăng tập hợp đúng thời hay phi thời có bạch; hằng ngày có bạch với Tăng trong cương giới. Đó gọi là hành Ma-na-đỏa tốt ráo.

Đêm (sáu đêm Ma-na-đỏa) bị dở dang, đêm không bị dở dang.

Thế nào là đêm bị dở dang?

Trong khoảng sáu đêm Ma-na-đỏa chúng Tăng không đủ số, cho đến hằng ngày không bạch với Tăng trong cương giới. Đó gọi là sáu đêm Ma-na-đỏa bị dở dang.

Thế nào là sáu đêm Ma-na-đỏa không dở dang?

Trong khoảng sáu đêm Ma-na-đỏa chúng Tăng đủ số, cho đến hằng ngày có bạch với Tăng trong cương giới. Đó gọi là đêm Ma-na-đỏa không dở dang.

Nửa chừng phạm tội, nửa chừng không phạm tội.

Thế nào là nửa chừng phạm tội?

Trong khoảng thời gian chưa cho pháp Ma-na-đỏa mà phạm tội; trong lúc cho Ma-na-đỏa rồi, phạm tội; trong khoảng thời gian gần xong, phạm tội. Đó gọi là nửa chừng phạm tội.

Thế nào là nửa chừng không phạm tội?

Không có các việc kể trên, đó gọi là nửa chừng không phạm tội.

Tỳ-kheo hành Ma-na-đỏa (433c) phải tùy thuận chấp hành bảy việc như trên đã nói. Đó gọi là Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo phải tùy thuận chấp hành, nếu không chấp hành thì gọi là không tùy thuận hành.



PHÁP XUẤT TỘI

Có trường hợp không nên cho xuất tội, có trường hợp nên cho xuất tội.

Trường hợp không nên cho:

Không có tội thì không nên cho; che giấu, chưa cho pháp Biệt trụ thì không nên cho; hành Ma-na-đỏa chưa xong thì không nên cho; chưa hành Ma-na-đỏa thì không nên cho; vừa che giấu, vừa không che giấu thì không nên cho; tội chưa quyết định, che giấu không quyết định, đêm không quyết định, biệt trụ không quyết định, Ma-na-đỏa không quyết định, đương sự không yêu cầu, không đòi hỏi, thì không nên cho xuất tội.

Trường hợp nên cho:

Có tội thì nên cho; che giấu tội thì nên cho hành biệt trú, và khi hành Ma-na-đỏa xong thì nên cho; không che giấu, hành Ma-na-đỏa xong, thì nên cho; tội quyết định, che giấu quyết định, đêm quyết định, biệt trú quyết định, Ma-na-đỏa quyết định và đương sự có yêu cầu, thì nên cho xuất tội. Cho xuất tội đúng pháp, cho xuất tội không đúng pháp.

Cho xuất tội không đúng pháp:

Không có tội, không nên cho, cho đến chúng không thành tội, bạch không thành tội, yết-ma không thành tội. Nếu mỗi một thứ không thành tội thì đó gọi là cho xuất tội không đúng pháp.

Cho xuất tội đúng pháp:

Có tội, trường hợp nên cho, cho đến chúng thành tựu, bạch thành tựu, yết-ma thành tựu. Nếu mỗi mỗi việc đều thành tựu thì đó gọi là cho xuất tội đúng pháp.

Trường hợp cùng che giấu:

Tỳ-kheo vào ngày mồng một trong tháng phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội mà không cố tâm che giấu, cũng thế, đến ngày mồng hai, mồng ba cho đến mồng mười, tất cả đều biết là có tội, rồi cố tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó là mười tội. Tất cả các tội ấy đều có cùng một đêm che giấu, nên làm mười lần yết-ma Biệt trụ, mười lần xuất tội; nhưng cũng được làm một lần yết-ma Biệt trụ, một lần Ma-na-đỏa, một lần xuất tội. Đó gọi là cùng chung che giấu.

Lại có trường hợp cùng chung che giấu:

Tỳ-kheo, ngày mồng một trong tháng phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội mà không cố tâm che giấu, cũng thế, ngày mồng hai phạm hai tội, ngày mồng ba phạm ba tội, cho đến ngày mồng mười phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa. Tất cả đều biết là phạm tội và đều cố tâm che giấu tất cả cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là 55 tội Tăng-già-bà-thi-sa. Tất cả đều có một đêm che giấu, nên làm 55 lần yết-ma biệt trụ, 55 lần Ma-na-đỏa, 55 lần xuất tội; nhưng cũng được làm một lần yết-ma Biệt trụ, một lần Ma-na-đỏa, một lần xuất tội. Đó gọi là cùng chung che giấu.

Lại có trường hợp cùng chung che giấu:

Tỳ-kheo ngày mồng một trong tháng phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, không biết (434a) là phạm tội, cũng thế, ngày mồng hai, ngày mồng ba cho đến ngày mồng mười, tất cả đều biết là phạm tội, và cố tâm che giấu tất cả đến rạng đông hôm sau. Đó là mười tội cùng chung một đêm che giấu, cho đến... cũng được làm yết-

ma Biệt trụ một lần, Ma-na-đỏa một lần, xuất tội một lần. Đó gọi là cùng chung che giấu.

Lại có trường hợp cùng chung che giấu:

Tỳ-kheo ngày mồng một trong tháng phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, không biết là phạm tội, không có tâm che giấu, cho đến ngày mồng mười phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, tất cả đều biết là phạm tội, cố tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Trong 55 tội ấy đều có cùng một đêm che giấu, cho đến... cũng có thể làm yết-ma Biệt trụ một lần, Ma-na-đỏa một lần, xuất tội một lần. Đó gọi là cùng chung che giấu.

Trường hợp che giấu sai khác:

Tỳ-kheo vào ngày mồng một trong tháng phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, tới ngày thứ hai đến nói với người khác, rồi lại phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, cho đến ngày thứ mười tới nói với người khác rồi lại phạm tội và biết là phạm tội, nhưng cố tâm che giấu cho đến ngày mười một mới nói với người khác. Như vậy, trong mười tội Tăng-già-bà-thi-sa ấy tất cả đều có một đêm che giấu sai khác, nên làm mười lần yết-ma Biệt trụ, mười lần Ma-na-đỏa, mười lần xuất tội; nhưng cũng có thể làm một lần yết-ma Biệt trụ, một lần Ma-na-đỏa, một lần xuất tội. Đó gọi là che giấu sai khác.

Lại có trường hợp che giấu sai khác:

Tỳ-kheo vào ngày mồng một trong tháng phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, đến ngày mồng hai nói với người khác, rồi lại phạm tội như vậy, cho đến ngày mười phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, đến ngày 11 tới nói với người khác. Trong 55 tội Tăng-già-bà-thi-sa này tất cả đều có một đêm che giấu sai khác, nên làm 55 lần yết-ma Biệt trụ, 55 lần Ma-na-đỏa, 55 lần xuất tội; nhưng cũng có thể làm một lần yết-ma Biệt trụ, một lần Ma-na-đỏa, một lần xuất tội. Đó gọi là trường hợp che giấu sai khác.

Trường hợp che giấu vô lượng:

Hoặc nhớ tội, không nhớ số đêm; hoặc nhớ số đêm, không nhớ tội; hoặc vừa nhớ tội, vừa nhớ số đêm; hoặc không nhớ tội cũng không nhớ số đêm.

1. Nhớ tội, không nhớ số đêm: Nhớ biết có phạm tội nhiều hay ít, nhưng không nhớ là mấy đêm.
2. Nhớ số đêm, không nhớ tội: Nhớ biết bao nhiêu đêm, nhưng không nhớ tội nhiều hay ít.
3. Vừa nhớ tội, vừa nhớ số đêm: Nhớ biết số tội nhiều hay ít, đồng thời cũng nhớ bao nhiêu đêm.
4. Không nhớ tội, cũng không nhớ số đêm: Không nhớ phạm tội nhiều hay ít, cũng không nhớ là bao nhiêu đêm.

Trong trường hợp nhớ tội mà không nhớ số đêm này, nên hỏi:

Ông phạm tội khi nào, (434b) từ lúc chưa có tuổi (hạ) phải không?

Nếu đương sự im lặng, thì tùy theo năm (thọ giới) mà cho pháp Biệt trụ.

Nếu đáp: “Không phải vậy”, thì hỏi tiếp: “Một tuổi chẳng? Hai tuổi chẳng? Năm tuổi chẳng?” Nên tùy theo họ im lặng ở khoảng nào mà cho pháp Biệt trụ ở khoảng đó. Đó là trường hợp nhớ tội mà không nhớ số đêm.

Trong trường hợp nhớ số đêm mà không nhớ tội thì tùy theo đêm nhiều ít mà cho pháp Biệt trụ vô lượng tội. Đó gọi là nhớ đêm mà không nhớ tội.

Trong trường hợp vừa nhớ tội vừa nhớ đêm thì khi đã nhớ tội nhiều hay ít, tùy theo nhớ đêm bao nhiêu mà cho pháp Biệt trụ. Đó gọi là vừa nhớ tội, vừa nhớ đêm.

Trong trường hợp không nhớ tội cũng không nhớ đêm, thì nên hỏi: “Ông phạm tội khi chưa có tuổi (hạ) phải không?”

Nếu im lặng, thì tùy theo số năm mà cho pháp Biệt trụ vô lượng tội.

Nếu đáp: “Không phải vậy”, thì hỏi tiếp: “Từ lúc chưa có tuổi hạ phải không? hay một tuổi, hai, ba, bốn, năm tuổi?”

Tùy theo họ im lặng ở chỗ nào thì cho pháp Biệt trụ vô lượng tội ở chỗ đó. Đó gọi là che giấu vô lượng.

Cùng chung che giấu, che giấu sai khác, che giấu vô lượng, ba loại này đều gọi là che giấu.

Che giấu riêng:

Tỳ-kheo ngày mồng một trong tháng phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, không nói với người khác, ngày thứ hai lại phạm, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, không nói với người khác, cho đến ngày thứ mười lại phạm, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, không nói với người khác. Mười tội này mỗi tội đều che giấu riêng, nhưng tội cuối cùng chỉ có một đêm che giấu, như vậy hai đêm, ba đêm tính ngược lên đến tội đầu tiên thành mười đêm che giấu, do vậy nên làm mười pháp yết-ma Biệt trụ, mười Ma-na-đỏa, mười lần xuất tội; nhưng cũng có thể làm một lần Biệt trụ, một lần Ma-na-đỏa, một lần xuất tội.

Lại có trường hợp che giấu riêng: Tỳ-kheo ngày Mồng một trong tháng phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, không nói với người khác, cho đến ngày thứ mười phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, không nói với người khác. Trong 55 tội này mỗi tội đều che giấu riêng, nhưng tội cuối cùng chỉ che giấu có một đêm, như vậy hai đêm, ba đêm, tính ngược lên đến tội đầu tiên thành ra 55 đêm che giấu, do đó, nên cho pháp yết-ma Biệt trụ 55 đêm, 55 Ma-na-đỏa, 55 lần xuất tội; nhưng cũng có thể cho một pháp Biệt trụ, một Ma-na-đỏa, một lần xuất tội. Đó gọi là che giấu riêng.

Hai loại cùng che giấu, che giấu riêng này đều gọi là che giấu.

Tỳ-xá-già-cước

Hoặc là tội dài không phải đêm dài; hoặc đêm dài không phải tội dài; hoặc tội dài, đêm cũng dài; hoặc không phải tội dài cũng không phải đêm dài.

Có trường hợp tội dài, không phải đêm dài: Tỳ-kheo suốt ngày phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, đến nói với người khác. Đó gọi là tội dài, không phải đêm dài.

Có trường hợp đêm dài, (434c) không phải tội dài: Tỳ-kheo phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, không đến nói với người khác. Đó gọi là đêm dài, không phải tội dài.

Có trường hợp tội dài, đêm cũng dài: Tỳ-kheo hằng ngày đều phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là có tội, nhưng che giấu một nửa, phát lồ một nửa. Đó gọi là tội dài, đêm cũng dài.

Có trường hợp không phải tội dài cũng không phải đêm dài: Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là có tội, không cố tâm che giấu, đến nói với người khác, rồi không phạm nữa. Đó gọi là không phải tội dài cũng không phải đêm dài.

Ở đây hai trường hợp tội dài đêm không dài và tội dài đêm cũng dài thì khi hành Ba-lợi-bà-sa nên cho ăn ít mà bắt làm việc nhiều, nếu cố tình không chấm dứt, thì nên bảo tịnh nhân cột tay chân, đặt trên giường, rồi nói: “Nếu còn tái phạm thì Tăng sẽ trị tội ông nặng hơn nữa.” Đó gọi là Tỳ-xá-già-cước.

Hoặc có trường hợp tội hợp, không phải đêm hợp; hoặc có trường hợp hợp đêm hợp, không phải tội hợp; hoặc có trường hợp tội hợp mà đêm cũng hợp; hoặc có trường hợp không phải tội hợp cũng không phải đêm hợp:

Tội hợp, không phải đêm hợp: Tỳ-kheo phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, tất cả đều che giấu mười đêm. Tăng gom lại làm yết-ma cho một trăm đêm Biệt trụ.

Tỳ-kheo liền thưa: “Thưa trưởng lão, tôi bị bệnh hoạn ốm yếu không thể kham nổi, có thể cho hành tóm lược pháp Ba-lợi-bà-sa được không?” Tăng nên nói: “Được”, rồi làm yết-ma gom một trăm đêm Biệt trụ thành mười đêm Biệt trụ. Đó gọi là tội hợp, không phải đêm hợp.

Đêm hợp, không phải tội hợp: Tỳ-kheo phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, tất cả đều che giấu mười đêm. Tăng gom lại cho mười đêm Biệt trụ. Tỳ-kheo bèn thưa: “Thưa trưởng lão, tôi thấy xấu hổ, muốn hành Ba-lợi bà-sa đầy đủ.” Tăng nên nói: “Được.” Đó gọi là đêm hợp, không phải tội hợp.

Tội hợp, đêm cũng hợp: Tỳ-kheo phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, tất cả đều che giấu mười đêm. Tăng gom lại cho mười đêm Biệt trụ. Đó gọi là tội hợp, đêm cũng hợp.

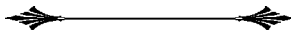
Không phải tội hợp, cũng không phải đêm hợp: (Như trường hợp trên) nhưng tất cả đều làm yết-ma cho pháp ba-lợi-bà-sa riêng. Đó gọi là không phải tội hợp, cũng không phải đêm hợp.



Hết quyển thứ hai mươi lăm

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 26

PHẨM TẠP TỤNG

(tiếp theo)

TỘI CŨ

Tỳ-kheo che giấu tội rồi xin biệt trụ, đoạn, nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão, tôi còn có tội Tăng-già-bà-thi-sa khác.

Tội cũ hay tội trung gian?

Tội cũ.

Có che giấu hay không che giấu?

Có che giấu.

Này trưởng lão, pháp Biệt trụ trước Thầy đã hành đúng pháp, còn tội mà hôm nay nói có che giấu phải xin lại pháp Biệt trụ, rồi gộp lại hai tội cùng hành Ba-lợi-bà-sa, cùng hành Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, hành chung Ba-lợi-bà-sa, hành chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, xin pháp Biệt trụ, làm được một nửa, bèn nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão, tôi còn có tội Tăng-già-bà-thi-sa khác.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

Tội cũ.

Có che giấu hay không?

Có che giấu.

Pháp Biệt trụ của thầy đã làm đúng pháp còn tội che giấu hôm nay phải xin lại pháp Biệt trụ, rồi gộp hai tội lại hành chung Ba-lợi-bà-sa, hành chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, hành chung Ba-lợi-bà-sa, hành chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội rồi xin Biệt trụ, khi làm xong lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão, tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tôi cũ hay tội trung gian?

Tội cũ.

Có che giấu hay không?

Có che giấu.

Pháp biệt trụ trước thầy đã làm đúng pháp, tội che giấu hôm nay phải xin lại Biệt trụ, khi làm xong, gộp hai tội lại cùng xin Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, hành riêng Ba-lợi-bà-sa, hành chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội rồi hành Ba-lợi-bà-sa xong, đồng thời xin Ma-na-đỏa xong, lại nói:

Thưa trưởng lão, Tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tội cũ hay tội trung gian?

Tội cũ.

Có che giấu hay không?

Có che giấu.

Pháp Ba-lợi-bà-sa và Ma-na-đỏa trước đã làm đúng pháp, (435b) còn tội che giấu hôm nay phải xin lại pháp Ba-lợi-bà-sa, khi làm xong, lại xin Ma-na-đỏa, hai tội này gộp lại làm chung, rồi cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, hành Ba-lợi-bà-sa, xin riêng, làm chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, làm xong Ba-lợi-bà-sa, xin Ma-na-đỏa, làm được nửa chừng, lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão, tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa. (cho đến nên nói):

Pháp Ma-na-đỏa trước đã làm đúng pháp, còn tội che giấu hôm nay phải xin lại pháp Ba-lợi-bà-sa, khi làm xong lại xin Ma-na-đỏa. Hai tội này hợp lại làm chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, làm chung Ba-lợi-bà-sa, xin riêng, làm chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi làm Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão, tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa. (cho đến nên nói):

Pháp Ba-lợi-bà-sa và Ma-na-đỏa trước đã làm đúng pháp, còn tội che giấu hôm nay phải xin lại pháp Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa, khi làm xong sẽ xin xuất tội một lần.

Đó gọi là xin riêng Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa và xuất tội chung.

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi hành Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa và xuất tội xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão, tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa. (cho đến nên nói):

Các pháp Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa, xuất tội trước đã làm đúng pháp, còn tội che giấu hôm nay phải xin lại pháp Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa và xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, hành riêng Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa và xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, được cho pháp Ba-lợi-bà-sa xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão, tôi lại có hai tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

Đó là tội cũ.

Có che giấu hay không?

Một tội che giấu, một tội không che giấu.

Pháp Ba-lợi-bà-sa trước đã làm đúng pháp, còn nay tội không che giấu thì để yên, tội có che giấu thì phải xin lại pháp Ba-lợi-bà-sa, hợp lại làm xong, rồi cùng hành Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Như vậy, pháp Biệt trụ đoạn giữa và đoạn cuối, pháp Ma-na-đỏa đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối, pháp xuất tội đoạn cuối, cũng nói như trên.

Tỳ-kheo che giấu tội, được cho pháp Ba-lợi-bà-sa xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão, Tôi lại có ba tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

Đó là tội cũ.

Có che giấu hay không?

Một tội che giấu, một tội không che giấu (435c) và một tội còn nghi ngờ.

Pháp Ba-lợi-bà-sa trước đã làm đúng pháp, giờ đây tội không che giấu thì để yên, tội nghi ngờ thì hãy quyết định, còn tội che giấu thì phải xin lại pháp Ba-lợi-bà-sa, rồi cùng hành Ma-na-đỏa và cùng xuất tội. Như vậy, đoạn giữa Biệt trụ, đoạn cuối biệt trụ, đoạn đầu, giữa và cuối Ma-na-đỏa, đoạn cuối xuất tội cũng nói như trên. Đó gọi là tội cũ.



TỘI TRUNG GIAN

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi hành Biệt trụ xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão, tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

Đó là tội trung gian.

Phạm vào khi nào?

Phạm trong lúc hành Biệt trụ.

Có che giấu hay không?

Có che giấu.

Này trưởng lão, pháp Biệt trụ trước đã làm đúng pháp, nhưng còn thiếu một đêm, nay tội che giấu phải xin lại pháp Biệt trụ, rồi hợp lại mà làm, và cùng làm Ma-na-đỏa, cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, làm chung Biệt trụ, làm chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, làm Biệt trụ xong, khi hành Ma-na-đỏa lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão, Tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

Tội trung gian.

Phạm vào lúc nào?

Phạm trong lúc hành Ma-na-đỏa.

Có che giấu hay không?

Có che giấu.

Này trưởng lão, pháp Biệt trụ và Ma-na-đỏa trước đã làm đúng pháp, nhưng trong Ma-na-đỏa còn thiếu một đêm. Giờ đây tội che giấu phải xin lại pháp Biệt trụ, rồi khi làm xong lại xin pháp Ma-na-đỏa, hợp lại mà làm, rồi cùng xuất tội. Đó gọi là xin riêng, hành Biệt trụ riêng, xin riêng Ma-na-đỏa, làm chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi hành Biệt trụ, Ma-na-đỏa và xuất tội xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão! Tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

Tội trung gian.

Phạm vào lúc nào?

Phạm trong lúc Biệt trụ.

Có che giấu hay không?

Có che giấu.

Này trưởng lão! Pháp Biệt trụ đầu tiên hành đúng pháp, nhưng còn thiếu một đêm, do đó, Ma-na-đỏa và xuất tội không thành tựu; giờ đây tội che giấu phải xin lại Biệt trụ, rồi hợp lại mà làm, làm xong lại hợp xin pháp Ma-na-đỏa rồi cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, hành chung Biệt trụ, xin chung Ma-na-đỏa, rồi cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội rồi hành Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa và xuất tội xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão! Tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

(436a) Tội trung gian.

Phạm vào lúc nào?

Phạm trong lúc Ma-na-đỏa.

Có che giấu hay không?

Có che giấu.

Pháp Biệt trụ và Ma-na-đỏa trước đã làm đúng pháp, nhưng trong Ma-na-đỏa còn thiếu một đêm. Do đó, việc xuất tội không thành. Giờ đây, tội che giấu phải xin lại pháp Biệt trụ. Khi làm xong, xin lại Ma-na-đỏa rồi hợp lại mà làm, làm xong cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, làm riêng Biệt trụ, xin riêng, làm chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi trong khi hành Biệt trụ, nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão! Tôi lại có hai tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

Tội trung gian.

Phạm vào lúc nào?

Phạm trong lúc Biệt trụ.

Có che giấu hay không?

Một tội che giấu, một tội không.

Pháp biệt trụ đầu đã làm đúng pháp, nhưng còn thiếu một đêm. Tội không che giấu thì để yên, còn tội che giấu phải xin lại Biệt trụ, hợp lại mà làm, và hành chung Ma-na-đỏa, rồi cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, hợp hành Biệt trụ, hành chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi hành Biệt trụ xong, đến lúc hành Ma-na-đỏa thì nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão! Tôi lại có hai tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

Tội trung gian.

Phạm vào lúc nào?

Phạm trong lúc Ma-na-đỏa.

Có che giấu hay không?

Một tội che giấu, một tội không.

Pháp Biệt trụ và Ma-na-đỏa trước đã làm đúng pháp, nhưng trong Ma-na-đỏa còn thiếu một đêm. Tội không che giấu thì để yên, còn tội che giấu phải xin lại Biệt trụ. Khi hành xong lại hợp xin Ma-na-đỏa, rồi cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, làm riêng Biệt trụ, xin chung, làm chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội rồi hành Biệt trụ, Ma-na-đỏa và xuất tội xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão! Tôi lại có hai tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

Tội trung gian.

Phạm vào lúc nào?

Phạm trong lúc Biệt trụ.

Có che giấu hay không?

Một tội che giấu, một tội không.

Pháp Biệt trụ đầu làm như pháp, nhưng còn thiếu một đêm, do đó, Ma-na-đỏa và xuất tội không thành. Giờ đây, tội không che giấu thì dễ yên, còn tội che giấu thì phải xin lại pháp Biệt trụ rồi hợp lại mà làm. Khi làm xong, lại hợp xin Ma-na-đỏa, rồi cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi hành Biệt trụ, Ma-na-đỏa và xuất tội xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão! Tôi lại có hai tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội (436b) trung gian?

Tội trung gian.

Phạm vào lúc nào?

Phạm vào lúc Ma-na-đỏa.

Có che giấu hay không?

Một tội che giấu, một tội không.

Pháp Biệt trụ và Ma-na-đỏa đầu đã làm đúng pháp, nhưng trong Ma-na-đỏa còn thiếu một đêm, do đó, việc xuất tội không thành. Giờ đây, tội không che giấu thì dễ yên, tội có che giấu phải xin lại Biệt trụ, khi làm xong, hợp xin Ma-na-đỏa rồi cùng xuất tội.

Lại có Tỳ-kheo che giấu tội, rồi trong khi hành Biệt trụ, nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão! Tôi lại có ba tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

Tội trung gian.

Phạm vào lúc nào?

Phạm trong lúc Biệt trụ.

Có che giấu hay không?

Một tội che giấu, một tội không và một tội còn ngờ.

Phần Biệt trụ đầu đã làm đúng pháp, nhưng còn thiếu một đêm. Giờ đây, tội không che giấu thì để yên, tội nghi ngờ cần phải quyết định, còn tội che giấu phải xin lại Biệt trụ, hợp lại mà làm, rồi cùng làm Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Đến phần Ma-na-đỏa cũng nói như thế.

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi hành Biệt trụ, Ma-na-đỏa và xuất tội xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão, tôi lại có ba tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

Tội trung gian.

Phạm vào lúc nào?

Phạm trong lúc Biệt trụ.

Có che giấu hay không?

Một tội che giấu, một tội không và một còn ngờ.

Phần Biệt trụ đầu đã làm đúng pháp, nhưng còn thiếu một đêm, do đó, Ma-na-đỏa và xuất tội không thành tựu. Tội không che giấu thì để yên, tội nghi ngờ cần phải quyết định, còn tội che giấu phải xin lại Biệt trụ, gộp lại mà làm, đồng thời làm chung Ma-na-đỏa, rồi cùng xuất tội.

Nếu trong phần Ma-na-đỏa mà phạm lại ba tội thì cũng như trên. Đó gọi là xin riêng, hành Biệt trụ riêng, hành Ma-na-đỏa và xuất tội chung.

Trên đây gọi là tội Trung gian.

Nếu Tỳ-kheo cố ý xuất tinh, phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa rồi che giấu, nhưng sau đó muốn hành Biệt trụ, thì nên xin với một Tỳ-kheo thông thạo yết-ma như sau: “Thưa trưởng lão! Xin trưởng lão cho tôi pháp yết-ma Ba-lợi-bà-sa.” Đoạn, đưa vị Tỳ-kheo mà mình tâm đắc đến giới trường để làm yết-ma cầu thính. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mổ giáp cố ý xuất tinh, phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo mổ giáp – cố ý xuất tinh, phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm – vào giữa Tăng xin mười đêm Biệt trụ.

Các đại đức đã bằng lòng cho Tỳ-kheo mổ giáp – cố ý xuất tinh, phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, (436c) che giấu mười đêm – vào giữa Tăng xin mười đêm Biệt trụ, vì Tăng đã im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Người này phải trích vai áo bên phải, quỳ gối, chắp tay, nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tôi là Tỳ-kheo mổ giáp cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, nay theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Kính mong Tăng xót thương cho tôi mười đêm Biệt trụ (xin như vậy ba lần).

Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mổ giáp cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo mổ giáp – cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm – mười đêm Biệt trụ. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mổ giáp cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tăng nay cho Tỳ-kheo mổ giáp – cố ý xuất tinh, phạm

một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm – mười đêm Biệt trụ. Đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo mổ giáp – cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm – mười đêm Biệt trụ thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo mổ giáp – cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm – mười đêm Biệt trụ đã xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Khi yết-ma xong, người này liền vào trong giới trường, trật vai áo phải, quỳ gối chấp tay, bạch Tăng như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tôi là Tỳ-kheo mổ giáp cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm. Tôi đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tăng đã thương xót cho tôi mười đêm Biệt trụ.

Thưa đại đức Tăng! Tôi là Tỳ-kheo mổ giáp, cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, nay tôi thi hành pháp Biệt trụ, xin Tăng ghi nhớ cho. (nói như vậy ba lần rồi bạch): Tôi xin tùy thuận chấp hành bảy việc.

Nếu phạm hai, ba cho đến mười tội thì đều hợp xin một lần yết-ma Biệt trụ như vậy. Rồi người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mổ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo mổ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh (437a) cho đến tội thứ mười, tất cả đều che giấu mười đêm – theo Tăng xin Tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mổ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, muốn theo Tăng xin tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Thế rồi, người này nên trật vai áo bên phải, quỳ gối, chấp tay, xin như sau:

Thưa đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười, tất cả đều che giấu mười đêm, nay theo Tăng xin tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Kính xin Tăng xót thương cho tôi tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ (xin như vậy ba lần).

Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo mỗ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm – tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười, tất cả đều che giấu mười đêm, theo Tăng xin tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Tăng nay cho Tỳ-kheo mỗ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa – tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Các đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp-phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm – tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm – tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Nếu muốn làm liền thì ngay trong ngày ấy trật vai áo bên phải, quỳ gối, chấp tay, bạch Tăng như sau:

Thưa đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười tất cả đều

che giấu mười đêm, theo Tăng xin tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Tăng đã thương xót cho tôi tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ.

Thưa đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm – nay tôi làm (437b) chung pháp Biệt trụ, xin Tăng ghi nhớ cho (nói như vậy ba lần, rồi tiếp), tôi xin tùy thuận làm bảy việc.

Thế rồi, người này nên nhớ đếm từng ngày, khi làm đủ, nên bạch như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm. Tôi đã theo Tăng xin tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Tăng đã cho tôi mười đêm Biệt trụ. Tôi đã làm mười đêm Biệt trụ xong, xin Tăng ghi nhớ cho (nói như vậy ba lần).

Nếu nơi đây Tăng chúng đủ số thì nên hành Ma-na-đỏa. Nếu không đủ thì nên xin nơi nào Tăng đủ số, rồi mời một Tỳ-kheo thông thạo yết-ma mà mình tâm đắc, đưa đến giới trường. Nếu không có giới trường, không có đất làm yết-ma thì việc của Tăng không làm được. Đất làm yết-ma như trên đã nói.

Rồi người làm yết-ma nên hỏi: “Hành Biệt trụ đủ chưa? Không làm Biệt trụ tại già-lam không có Tăng đầy chứ? Không phạm tội cũ và tội trung gian đầy chứ? Không ở cùng một phòng, một nơi được che kín với Tỳ-kheo đầy chứ? Khách Tỳ-kheo đến có bạch không? Khi Tăng tập hợp đúng thời và phi thời có bạch không?” Khi kiểm tra như vậy mà thấy đúng pháp, thì nếu phạm một tội, hai tội, ba tội cho đến mười tội, nên hợp lại xin (một lần) Ma-na-đỏa. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tỳ-kheo mỗ giáp đã làm xong mười đêm Biệt trụ. Nếu thời gian của Tăng đã

đến, Tăng cho Tỳ-kheo mổ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, làm Biệt trụ xong – theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mổ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, đã hành xong Biệt trụ, muốn theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này như thế.

Thế rồi, người này nên trật vai áo bên phải, quỳ gối chấp tay, xin Tăng như sau:

Thưa đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo mổ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm. Tôi đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ, và tôi đã làm xong mười đêm Biệt trụ, nay theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Kính mong Tăng xót thương cho tôi tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. (xin như vậy ba lần).

Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mổ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, (437c) đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tỳ-kheo mổ giáp đã làm xong mười đêm Biệt trụ, đã theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo mổ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười, tất cả đều che giấu mười đêm, làm Biệt trụ xong – tổng hợp tất cả sáu đêm Ma-na-đỏa. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mổ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Tỳ-kheo mổ giáp đã làm xong mười đêm Biệt trụ, đã theo Tăng xin tổng hợp tất cả sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng nay cho Tỳ-kheo mổ giáp

phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, làm xong Biệt trụ – tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Các đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo mổ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, làm xong Biệt trụ – tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói.

Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo mổ giáp-phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, làm xong Biệt trụ – tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Khi yết-ma xong, ngay trong ngày ấy nên vào trong Tăng, bạch như sau:

Thưa đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo mổ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tôi đã làm xong mười đêm Biệt trụ, đã theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi sáu đêm Ma-na-đỏa.

Thưa đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo mổ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, đã làm xong Biệt trụ, tổng hợp làm sáu đêm Ma-na-đỏa, xin Tăng ghi nhớ cho (nói như thế ba lần rồi tiếp). Tôi xin tùy thuận làm bảy việc (nói như thế ba lần).

Đến ngày thứ hai, nên bạch như sau:

Thưa đại đức Tăng! Tôi là Tỳ-kheo mổ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm. Tôi đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tăng đã cho tôi mười đêm Biệt trụ. Tôi đã làm xong mười đêm Biệt trụ, đã theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi sáu đêm Ma-na-đỏa. Tôi đã làm xong một đêm Ma-na-đỏa, (438a) còn lại năm đêm, xin Tăng ghi nhớ cho (nói như vậy ba lần).

Thế rồi hằng ngày nên bạch như thế, cho đến đêm thứ sáu nên bạch như sau:

Thưa đại đức Tăng! Tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thú mười tất cả đều che giấu mười đêm. Tôi đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tăng đã cho tôi mười đêm Biệt trụ. Tôi đã làm xong mười đêm Biệt trụ, và đã xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi sáu đêm Ma-na-đỏa. Tôi đã làm xong sáu đêm Ma-na-đỏa, giờ đến lúc xuất tội, xin Tăng ghi nhớ cho.

Nếu nơi đây Tăng đủ số thì nên mời một vị thông thạo yết-ma rồi bạch như sau: “Thưa trưởng lão, xin trưởng lão làm yết-ma cho tôi.”

Người làm yết-ma nên hỏi: “Khi hành Ma-na-đỏa Tăng không thiếu túc số đấy chứ? Ma-na-đỏa đã rốt ráo chưa? Có phạm lại tội cũ và tội trung gian không? Không ở với Tỳ-kheo cùng một phòng, một nơi có ngăn che đấy chứ? Khi Tỳ-kheo khách đến có bạch không? Khi Tăng tập hợp đúng thời và phi thời có bạch không? Hằng ngày có bạch với Tăng trong trú xứ không?.” Nếu mỗi mỗi việc đều làm đúng pháp thì người làm yết-ma nên bạch như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thú mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tăng đã cho mười đêm Biệt trụ. Mỗ giáp đã làm xong mười đêm Biệt trụ và đã theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo mỗ giáp đã làm xong sáu đêm Ma-na-đỏa. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo mỗ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, đã làm xong mười đêm Biệt trụ và Ma-na-đỏa – theo Tăng xin tổng hợp xuất tội.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp - phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, tổng hợp làm Biệt trụ và Ma-na-đỏa xong – theo Tăng xin tổng hợp xuất tội.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, người này nên trật vai áo bên phải, quỳ gối, chấp tay, đến trước Tăng xin như sau:

Thưa đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp, phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin tổng hợp mười đêm Biệt trụ. Tăng đã cho tôi mười đêm Biệt trụ. Tôi đã làm xong mười đêm Biệt trụ, và đã theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi sáu đêm Ma-na-đỏa. Tôi đã làm xong sáu đêm Ma-na-đỏa. Nay theo Tăng xin (438b) tổng hợp xuất tội về các tội đã che giấu mười đêm. Kính mong Tăng xót thương cho tôi xuất tội về các tội đã che giấu mười đêm (xin như vậy ba lần).

Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin tổng hợp mười đêm Biệt trụ. Tăng đã cho mười đêm Biệt trụ. Tỳ-kheo mỗ giáp đã làm xong mười đêm Biệt trụ, và đã theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo mỗ giáp đã làm xong sáu đêm Ma-na-đỏa, đã theo Tăng xin tổng hợp xuất tội về các tội đã che giấu mười đêm. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo mỗ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười, tất cả đều che giấu mười đêm, đã tổng hợp làm xong Biệt trụ và Ma-na-đỏa – tổng hợp xuất tội. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin tổng hợp mười đêm Biệt trụ. Tăng đã cho mười đêm Biệt trụ. Tỳ-kheo mỗ giáp đã làm xong mười đêm Biệt trụ, và đã theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo mỗ giáp đã làm xong sáu đêm Ma-na-đỏa và đã theo Tăng xin tổng hợp xuất tội về các tội đã che giấu mười đêm. Tăng nay cho Tỳ-kheo mỗ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều

che giấu mười đêm, đã tổng hợp làm xong mười đêm Biệt trụ và sáu đêm Ma-na-đỏa – tổng hợp xuất tội. Các đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, đã làm xong mười đêm Biệt trụ và Ma-na-đỏa – tổng hợp xuất tội thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói.

Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp – mười đêm che giấu, tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ và Ma-na-đỏa – xuất tội xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Bấy giờ người làm yết-ma xoay qua nói với người phạm tội: “Thiện nam tử hãy lắng nghe. Thầy đã được xuất tội đúng pháp, một lần bạch, ba lần yết-ma, chúng Tăng đủ hai mươi người hòa hợp. Việc tập hợp Tăng làm yết-ma rất khó khăn. Thầy phải cẩn thận, chớ có tái phạm.”

Đó gọi là Biệt trụ, Ma-na-đỏa và xuất tội thuộc về Tỳ-kheo, đã xong.



VIỆC NÊN LÀM YẾT-MA (438C) VÀ KHÔNG NÊN LÀM YẾT-MA

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba tranh chấp cãi vã nhau, sống không hòa hợp. Một người cử tội một người, hai người cử tội hai người, nhiều người cử tội nhiều người. Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba sống phi pháp. Một Tỳ-kheo cử tội một Tỳ-kheo, hai Tỳ-kheo cử tội hai Tỳ-kheo, nhiều Tỳ-kheo cử tội nhiều Tỳ-kheo.” Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

Có bốn pháp yết-ma. Thế nào là bốn? Đó là: (1) Yết-ma phi pháp, không hòa hợp; (2) Yết-ma phi pháp hòa hợp; (3) Yết-ma như pháp không hòa hợp; (4) Yết-ma như pháp hòa hợp.”

Yết-ma phi pháp không hòa hợp: Tỳ-kheo không có việc gì mà Tăng làm yết-ma chiết phục. Các Tỳ-kheo biết là phi pháp nên ngăn cản. Những Tỳ-kheo không đến thì không gởi dục, còn người nhận dục đến thì không nói.

Tỳ-kheo không có việc gì mà Tăng làm yết-ma chiết phục, rồi không tùy thuận làm mà cho xả (tội). Các Tỳ-kheo biết là phi pháp nên ngăn cản. Những Tỳ-kheo không đến thì không gởi dục, còn người nhận dục đến thì không nói.

Hai trường hợp trên được gọi là yết-ma phi pháp không hòa hợp.

Yết-ma phi pháp hòa hợp: Tỳ-kheo không có việc gì mà Tăng làm yết-ma chiết phục. Các Tỳ-kheo không biết là phi pháp nên không ngăn cản. Các Tỳ-kheo không đến thì gọi dục, người nhận dục đến thì trình bày.

Tỳ-kheo không có việc gì mà Tăng làm yết-ma chiết phục, rồi không tuân hành mà cho xả (tội). Các Tỳ-kheo không biết là phi pháp nên không ngăn cản. Các Tỳ-kheo không đến thì gọi dục, còn người nhận dục đến thì trình bày.

Hai trường hợp trên đều gọi là yết-ma phi pháp hòa hợp.

Yết-ma như pháp không hòa hợp: Tỳ-kheo có việc nên Tăng làm yết-ma chiết phục. Các Tỳ-kheo không biết là đúng pháp nên ngăn cản. Các Tỳ-kheo không đến mà không gọi dục, còn người nhận dục đến thì không trình bày.

Tỳ-kheo có việc nên Tăng làm yết-ma chiết phục, tùy thuận chấp hành và được xả (tội). Các Tỳ-kheo không biết là đúng pháp nên ngăn cản. Những Tỳ-kheo không đến mà không gọi dục, còn người nhận dục đến thì không trình bày.

Hai trường hợp trên đều gọi là yết-ma như pháp không hòa hợp.

Yết-ma như pháp hòa hợp: Tỳ-kheo có tội, Tăng làm yết-ma chiết phục. Các Tỳ-kheo biết là đúng pháp nên không ngăn cản. Những Tỳ-kheo không đến thì gọi dục, còn người nhận dục đến thì trình bày.

Tỳ-kheo có việc, Tăng làm yết-ma chiết phục, tùy thuận chấp hành rồi được xả (tội). Các Tỳ-kheo biết là đúng pháp nên không ngăn cản. Những Tỳ-kheo không đến thì gọi dục, còn người nhận dục đến thì trình bày.

Hai trường hợp trên đều gọi là Yết-ma như pháp hòa hợp.

(439a) Ở đây, yết-ma như pháp hòa hợp thì gọi là yết-ma thích hợp. Ngoài ra, các yết-ma khác thì không thích hợp.

Lại có yết-ma không thích hợp:

Tỳ-kheo không có việc đáng chiết phục mà làm yết-ma chiết phục. Các Tỳ-kheo biết là phi pháp nên ngăn cản. Đương sự không hiện diện, không hỏi, không dẫn chứng lỗi lầm, làm phi pháp không hòa hợp, chúng không thành tựu, bạch không thành tựu, yết-ma không thành tựu. Nếu mỗi một việc nào không thành tựu thì gọi là Yết-ma không thích hợp.

Nếu tùy thuận làm xong thì nên xả. Xả có sáu việc: (1) Làm yết-ma chiết phục; (2) Làm yết-ma không nói chuyện; (3) Làm yết-ma tấn xuất; (4) Làm yết-ma phát hỉ; (5) Làm yết-ma cử tội; (6) Làm yết-ma Biệt trụ, Ma-na-đỏa.

Làm yết-ma chiết phục: Nên tùy thuận làm năm việc: Việc thuộc Tỳ-kheo; Việc thuộc Tỳ-kheo-ni; Việc thuộc quyền thuộc; Việc thuộc yết-ma; Việc thuộc nhà vua. Sau khi làm yết-ma xong, nên nói: “Này trưởng lão, Thầy chớ có tái phạm. Nếu tái phạm thì Tăng sẽ trị phạt nặng hơn. Năm việc này nên tùy thuận làm tất cả.” Khi làm xong, tâm ý đã được chiết phục nhũn nhận thì Tăng nên cho yết-ma xả (tội). Đó gọi là xả tác (không làm nữa).

Làm yết-ma không nói chuyện: Nên tùy thuận làm năm việc: Việc thuộc Tỳ-kheo; Việc thuộc Tỳ-kheo-ni; Việc thuộc quyền thuộc; Việc thuộc yết-ma; Việc thuộc nhà vua. Khi làm yết-ma xong, nên tùy thuận làm năm việc trên. Tuy người một trăm tuổi cũng phải theo y chỉ với vị Tỳ-kheo trì giới, biết hai bộ luật, ít nhất mười tuổi (hạ). Sáng sớm thức dậy phải vấn an, đem đồ bỏ đại tiểu tiện, ống nhổ, rồi cất lại chỗ cũ, đưa đồ chà răng, quét phòng, đưa thức ăn, giặt y, hong bát; cung cấp tất cả mọi thứ, chỉ trừ việc lễ bái, xoa bóp. Nhưng nếu Thầy y chỉ bệnh thì được sai xoa bóp. Thầy y chỉ nên dạy hai bộ luật. Nếu không có khả năng thì dạy một bộ. Nếu không có khả năng nữa, thì nên dạy rõ về năm thiên tội, nên dạy cho biết rõ về ẩm, giới, nhập, mười hai nhân duyên, nên dạy cho biết thế nào là tội, thế nào là không phải tội, khi thấy có oai nghi

nên khích lệ, trái oai nghi nên ngăn cản. Nếu học xong thì được gọi là xả.

Làm yết-ma tấn xuất: Nên tùy thuận làm năm việc, từ việc thuộc Tỳ-kheo, cho đến việc thuộc nhà vua. Khi làm yết-ma xong, nên cho ở bên cạnh Tăng già-lam, để tùy thuận làm năm việc. Nếu mỗi mỗi việc đều làm đúng pháp xong thì nên cho xả tội. Đó gọi là xả tấn xuất.

Làm yết-ma phát hỉ: Nên tùy thuận làm năm việc, từ việc thuộc Tỳ-kheo cho đến việc thuộc nhà vua. Khi làm Yết-ma xong, nên sai đến nhà thế tục mà đương sự đã sai phạm xin lỗi. Nếu người thế tục hỏi: “Tôn giả vẫn còn ở Tinh xá cũ sao? Tôi sẽ cắt đứt thực phẩm, y phục, tiền bạc và các phẩm vật khác tại nơi đó”, thì Tăng nên nói (với người phạm lỗi): “Đây không phải là lỗi của Tăng, thầy nên trở lại chỗ người ấy làm cho họ nguôi giận, khiến họ vui vẻ.” (439b) Nếu người ấy hoan hỉ thì gọi là xả.

Làm yết-ma cử tội: Nên tùy thuận làm năm việc, từ việc thuộc Tỳ-kheo đến việc thuộc nhà vua. Sau khi làm yết-ma xong, nên an trí tội nhân ở ngoài cửa Tăng già-lam, hướng về nơi hoang vắng. Nếu người ấy vào quét tước nơi Tháp, Viện, tăng phòng, thì Tỳ-kheo nên quét dấu chân của họ. Nếu người ấy đến mức nước đổ vào thùng nước dùng rửa chân, thùng nước dùng đi đại tiểu tiện thì nên mức đổ ra. Nếu là đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ thì không được gọi là đệ tử của Hòa thượng, A-xà-lê. Không ai nên nói chuyện với người bị cử tội, chỉ nên nói với những người khác: “Hãy tùy thuận làm, hãy bỏ ác tà” nhưng không nên nói chuyện với Tỳ-kheo ác tà, không nên sống chung, không nên cùng ăn chung, không nên cùng sinh hoạt chung trong Phật, pháp, Tăng, không bố-tát chung, không Tự tứ chung, không yết-ma chung; có thể nói với ngoại đạo: “Ông muốn ngồi cứ ngồi”, mà không được bảo người bị cử tội ngồi. Nếu người ấy bị bệnh thì không nên chăm sóc, nhưng được bảo đàn việt hay thân quyến của người ấy: “Người bị cử tội đang lâm bệnh, ông hãy đến chăm sóc.” Nếu

vô thường (sự chết) xảy đến thì không nên dùng hương hoa cúng dường tử thi, không nên sắm các thứ ẩm thực, nước uống phi thời để cúng dường. Tăng không nên chia y bát, không nên cho thiêu thân, lấy y bát buộc vào cổ tử thi, đặt tử thi trên giường mà ông ta ngủ rồi khiêng ra ngoài, nói: “Việc của chúng Tăng đã thanh tịnh, việc của chúng Tăng đã thanh tịnh.” Đối với Tỳ-kheo ác tà này không nên khởi ác tâm. Vì sao vậy? Vì dù bị thiêu đốt (?) cũng không nên khởi ác tâm. Nên suy nghĩ thế này: “Đừng để cho người đời sau bắt chước theo tà kiến này.” Nếu những kẻ chăn bò, những người đi lấy củi đem y bát (của người ấy) đến cúng dường thì được lấy, vì xem họ là thí chủ.

Nếu người bị cử tội tùy thuận làm năm việc, được chánh kiến, tâm ý nhu nhuyễn thì nên cho họ xả tội. Làm yết-ma Biệt trú, Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo hành Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa nên tùy thuận làm bảy việc, từ việc thuộc Tỳ-kheo cho đến việc thuộc nhà vua, đã được giải thích rõ ở trên. Đó gọi là xả (tội).



GIẢI QUYẾT VIỆC BÁT HOÀN (LÀM THA-LA-THA)

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, cư sĩ Tu Đạt nói với người chị:

Chị ở trong thôn này hãy chăm sóc khách Tăng giúp tôi.

Khi thấy các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba đến, bà rất hoan hỷ, niềm nở chào hỏi:

Lành thay các đại đức đã đến đây.

Thế rồi, bà trải giường nệm, mời chư Tăng đến ngồi. Khi Tăng ngồi xong, bà đưa nước rửa chân, dầu thoa chân, nước giải khát, ban đêm bà đốt đèn, đoan, cúi đầu đánh lễ dưới chân, quỳ gối

chắp tay, nói như sau: “Xin đại đức Tăng nhận lời mời của con ngày mai đến thọ trai.”

Chư Tăng liền nhận lời mời. Bỗng chốc, chúng thứ hai lại đến, bà lại trải giường nệm, mời họ vào ngồi, rồi đưa nước rửa chân, dầu thoa chân và nước giải khát, đoạn, cúi đầu (439c) đánh lễ dưới chân, quỳ gối chắp tay, nói như sau: “Xin đại đức Tăng nhận lời mời của con ngày mai đến nhà con thọ trai.” Chúng này nói:

Chúng tôi không ăn chung với những người ấy.

Vì sao vậy?

Vì họ là những người bị cử tội.

Các Tỳ-kheo ấy nói:

Chúng tôi không phải là những người bị cử tội.

Chúng Tăng kia lại nói:

Các ông là những người bị cử tội, tại sao bảo là không?

Cứ như vậy cãi nhau suốt đêm về việc bị cử hay không bị cử, khiến cho những người thế tục ở gần đó sinh tâm không vui. Bà chị ông cư sĩ nghe thế, liền trách cứ:

Vì sao sa-môn lại cãi nhau suốt đêm về việc bị cử hay không bị cử.

Rồi bà thấy lòng không vui. Do thế, buổi sáng, bà không cho bữa ăn trước, bữa ăn sau, rồi lên xe ngựa đi về thành xá-vệ, đến chỗ cư sĩ Tu Đạt, trình bày lại đầy đủ sự việc kể trên, cho đến việc bà không thềch đấi. Cư sĩ nghe rồi, lòng bồi hồi không vui, nói với chị:

Đây là việc ác, cứ cho (họ ăn), vì sao lại không cho? Việc đúng pháp hay phi pháp là chuyện của sa-môn (chứ can hệ gì!).

Thế rồi, Tu Đạt bèn đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân, ngồi sang một bên, trình bày lại đầy đủ sự việc kể trên, cho đến bị cử, không bị cử cho Thế Tôn nghe, rồi bạch:

Bạch Thế Tôn! Chúng con phải cung kính cúng dường như thế nào đối với những người vị cử, kính xin Thế Tôn phân biệt dạy rõ?

Phật nói với cư sĩ:

Đúng nghĩa nên biết, không đúng nghĩa cũng nên biết, đúng pháp, phi pháp, đúng luật, phi luật đều nên biết. Trong đây những ai làm đúng nghĩa, như pháp, như luật nên cung cấp. Nếu không có phương tiện thì đối với những Tỳ-kheo bị cử nên giúp bằng sức lực. Nay cư sĩ, chỉ nên bố thí làm các công đức, còn việc đúng pháp hay phi pháp thì để các sa-môn tự biết lấy.

Thế rồi, Tỳ-kheo-ni Đại-ái-đạo đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Chúng con phải làm sao...?

Cuối cùng Phật dạy: “Nếu không có phương tiện thì đối với những Tỳ-kheo bị cử nên giúp họ bằng sức lực.”

Bấy giờ, tôn giả A-nan, Ưu-ba-ly đi đến chỗ Thế Tôn, cũng hỏi như thế.

Khi ấy, tôn giả Xá-lợi-phất bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Những Tỳ-kheo bị cử tội chúng con làm sao biết được?

Cho đến (Phật dạy:) “Nếu không có phương tiện thì đối với những Tỳ-kheo bị cử nên giúp họ bằng công việc.”

Thế rồi, Xá-lợi-phất bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tha-la-tha? Phật nói với Xá-lợi-phất:

Có bảy việc, bao gồm chẳng phải Tha-la-tha mà tự hồ Tha-la-tha và nhị Tha-la-tha. Bảy việc đó là: Hoặc do điên cuồng nên không bệnh vực chúng này cũng không bệnh vực chúng kia. Đó là Tha-la-tha sớm nhất, thuộc loại không phải Tha-la-tha mà tự hồ Tha-

la-tha. Cũng thế, hoặc do tâm loạn, dẫn độn, ngu si, bị bệnh nên không bệnh vực chúng này hay chúng kia.

Lại nữa Xá-lợi-phất, hoặc có người vì muốn lợi ích, nên suy nghĩ:

Nếu ta bệnh vực (440a) chúng này thì chúng kia mất lợi ích. Nếu ta bệnh vực cho chúng kia thì chúng này mất lợi ích.

Do đó, cả hai đều không bệnh vực.

Lại nữa, có người vì được lợi ích cả hai bên nên suy nghĩ: “Vì ta được lợi cả hai bên nên không bệnh vực chúng này, cũng không bệnh vực chúng kia.”

Này Xá-lợi-phất! Đó gọi là bảy việc, không phải Tha-la-tha mà tợ Tha-la-tha.

Nhị tha-la-tha: Gồm có: Tự giữ lòng mình, đợi thời gian.

Tự giữ lòng mình: Khi thấy người ta thị phi, liền suy nghĩ: “Do nghiệp vận hành, ai làm nấy biết. Ví như khi bị lửa cháy, ta chỉ lo tự cứu mình, hơi đâu lo việc người khác.” Đó gọi là tự giữ lòng mình.

Đợi thời gian: Có người khi thấy kẻ khác tranh chấp cãi nhau, liền suy nghĩ: “Việc tranh chấp cãi vã này khi nào đến lúc, nó sẽ tự kết thúc.” Đó gọi là Nhị tha-la-tha.

Bấy giờ Xá-lợi-phất bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Trung tha-la-tha?

Phật nói với Xá-lợi-phất: Có một người cùng hưởng chung pháp vị và thức ăn với chúng này, đồng thời cũng hưởng chung pháp vị và thức ăn với chúng kia, rồi được mời đứng ra giải quyết việc (tranh chấp).

Lại nữa này Xá-lợi-phất, có người cùng hưởng chung pháp vị và thức ăn với chúng này, đồng thời cũng hưởng chung pháp vị và

thức ăn với chúng kia, người ta không mời mà đứng ra giải quyết việc tranh chấp. Đó gọi là Trung Tha-la-tha.

Khi ấy, Xá-lợi-phất bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Tha-la-tha muốn xử lý Tỳ-kheo bị cử thì phải làm sao?

Phật nói với Xá-lợi-phất:

Nếu người bị cử tỏ ra tùy thuận chấp hành, tâm nhu nhuyến mà mình muốn xử lý họ thì không nên xử lý vào lúc Tăng tập hợp đúng thời và phi thời mà trước hết nên vào nơi phòng riêng hay tại phòng sưởi, trên giảng đường, hay tại chỗ đông người tụ tập, hỏi Tỳ-kheo trẻ tuổi:

Trưởng lão có nghe Hòa thượng A-xà-lê của thầy nói: “Nếu trung gian có người đứng ra giải quyết, thì người bị cử nên nghe lời”, hay không?

Nếu đáp:

Tôi nghe Hòa thượng A-xà-lê nói rằng nếu người bị cử tùy thuận chấp hành, tâm nhu nhuyến mà có người còn moi móc thì phải trừng trị người này.

Nếu nghe nói như thế thì cứ làm thỉnh để yên. Còn nếu đáp:

Tôi nghe Hòa thượng A-xà-lê nói rằng người bị cử đã tùy thuận chấp hành, tâm nhu nhuyến đáng thương mà không có ai giúp giải quyết.

Khi nghe nói như thế thì này Xá-lợi-phất, không được cố ý tập hợp chúng, mà hãy nhân lúc chúng tập hợp đúng thời hay phi thời, hoặc vào những ngày bố-tát tự tứ, người bị cử nên đến trước Tăng xin như sau:

Tôi là Tỳ-kheo bị cử đã tùy thuận chấp hành, tâm nhu nhuyến, xin xả (tội) cho tôi.

Nói như thế ba lần, rồi đi ra. Nhưng lúc đi ra, không được im lặng mà nên trịch vai áo bên phải, chấp tay lại mà đi. Nếu trong chúng có người còn bối mốt thì Tỳ-kheo Tha-la-tha nên hỏi:

Này trưởng lão, người này vốn do việc gì mà bị cử?

Nếu có người trách: “Người này bị cử (440b) mà vì sao không biết?”, thì nên phối hợp trị tội cả hai. Còn nếu nghe mình chất vấn mà im lặng, hay nói: “Thưa trưởng lão! Người này bị cử tội, đã tùy thuận chấp hành, tâm nhu nhuyễn mà không có người giúp giải quyết xả tội”, thì Tỳ-kheo Tha-la-tha nên nói: “Thưa trưởng lão! Đức Thế Tôn dạy rằng có hai hạng người cương cường, chưa trị thì nên trị, đã trị mà nhu nhuyễn thì nên xả.”

Nếu trưởng hợp được Tăng chúng đồng tình thì nên làm yết-ma cầu thỉnh, khi đã cho phép xin thì người làm yết-ma nên nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp có việc như thế, Tăng muốn được lợi ích nên đã làm yết-ma cử tội. Vị ấy đã tùy thuận chấp hành, tâm nhu nhuyễn. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo mỗ giáp theo Tăng xin bỏ pháp yết-ma cử tội.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp muốn theo Tăng xin bỏ pháp yết-ma cử tội.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, người này nên trật vai áo bên phải, quỳ gối chấp tay, xin như sau:

Thưa đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp có việc như thế, Tăng vì muốn được lợi ích đã làm yết-ma cử tội. Tôi đã tùy thuận chấp hành, tâm nhu nhuyễn, bỏ ác kiến cũ, nay theo Tăng xin bỏ pháp yết-ma cử tội. Kính mong Tăng xót thương cho tôi pháp yết-ma bỏ việc cử tội. (xin như vậy ba lần)

Người làm yết-ma nên nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mổ giáp có tội như thế, Tăng muốn được lợi ích nên đã làm yết-ma cử tội. Vị ấy đã tùy thuận chấp hành, tâm đã nhu nhuyến, bỏ ác kiến cũ, đã theo Tăng xin phép yết-ma bỏ việc cử tội. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo mổ giáp pháp yết-ma bỏ việc cử tội. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mổ giáp có việc như thế, Tăng muốn được lợi ích nên đã làm yết-ma cử tội. Vị ấy đã tùy thuận chấp hành, tâm đã nhu nhuyến, bỏ ác kiến cũ, đã theo Tăng xin pháp yết-ma bỏ việc cử tội. Tăng nay cho Tỳ-kheo mổ giáp pháp yết-ma bỏ việc cử tội. Các đại đức nào bằng lòng Tăng cho Tỳ-kheo mổ giáp pháp yết-ma bỏ việc cử tội thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo mổ giáp pháp yết-ma bỏ việc cử tội, vì Tăng đã im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Đó gọi là tha-la-tha.



PHÁ YẾT-MA TĂNG

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ cư sĩ Tu Đạt nói với người chị:

Chị ở thôn này, vậy khi có khách Tăng đến nhờ chị cung cấp giúp cho tôi.

Thế rồi, các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba đến. Thấy họ, bà hoan hỉ mời vào chỗ ngồi, rồi tùy nghi cung cấp. Đoạn, bà quỳ gối chấp tay thưa:

Kính xin các đại đức ngày mai đến thọ bữa cúng dường của con.

(440c) Trong chốc lát, chúng thứ hai lại đến, bà cũng mời vào nhà ngồi, rồi cung cấp các thứ, đồng thời mời họ ngày mai thọ trai. Chúng này nói:

Chúng tôi không ăn chung với những người ấy.

Bà hỏi:

Vì có sao?

Họ đáp:

Vì những người ấy phá Tăng.

Chúng này liền đáp:

Chúng tôi không phá Tăng.

Chúng kia nói lại:

Các vị phá Tăng thật, vì sao nói là không? Cứ như thế cãi nhau suốt đêm, khiến những người thế tục ở gần nghe xong phát chán. Bà chị ông cư sĩ không vui, nên không cung cấp thứ gì cả. Sáng sớm bà thức dậy, ngồi xe ngựa trở lại thành xá-vệ, trình bày lại đầy đủ sự việc trên với Tu Đạt. Cư sĩ nghe xong, liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, đem việc trên trình bày lại đầy đủ với Thế Tôn; rồi bạch:

Bạch Thế Tôn! Những người phá Tăng này chúng con có nên cung kính cúng dường hay không, kính xin Thế Tôn phân biệt chỉ rõ?

Phật nói với cư sĩ:

Những người hợp nghĩa nên biết, những người không hợp nghĩa cũng nên biết, như pháp, phi pháp, như luật, phi luật, tất cả đều nên biết. Trong đây, những ai hợp nghĩa, như pháp, như luật thì nên cung cấp. Nếu không có phương tiện thì đối với những người phá Tăng nên cho họ ở chung. Nay cư sĩ, chỉ nên bố thí, làm các công đức, còn việc đúng pháp hay phi pháp thì mặc sa-môn.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Đại-ái-đạo bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Những người phá Tăng này chúng con làm sao biết được?

Như ở trên đã nói rõ.

Khi ấy, tôn giả A-nan, Xá-lợi-phất và Ưu-ba-ly đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi đứng sang một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Những người phá Tăng chúng con làm sao biết được?

Phật nói với Ưu-ba-ly: Những ai hợp nghĩa nên biết, không hợp nghĩa cũng nên biết, hoặc như pháp phi pháp, đúng luật phi luật, đều nên biết. Trong đây, những người hợp nghĩa, như pháp, như luật thì nên cung cấp. Nếu không có phương tiện thì đối với những người phá Tăng nên cho họ ở chung.

Thế rồi, tôn giả Ưu-ba-ly bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là phá Tăng?

Phật nói với Ưu-ba-ly: Có hai việc gọi là phá Tăng. Đó là: (1) Thêm pháp ác; (2) Thêm người ác.

Chúng phi pháp đông người, chúng như pháp ít người, có gọi là phá Tăng không?

Không.

Chúng như pháp đông người, chúng phi pháp ít người, có gọi là phá Tăng không?

Không.

Chúng phi pháp đông người, chúng như pháp hoặc thiếu mười người, hoặc thiếu mười lăm người, có gọi là phá Tăng không?

Không.

Chúng phi pháp đủ người, chúng như pháp cũng đủ người, nhưng nếu thiếu mười, mười lăm người mà trong số những người còn ngồi lại tất cả đều nói đúng pháp, có gọi là phá Tăng không?

Không.

Nếu chúng phi pháp đủ số, chúng như pháp cũng đủ số, nhưng nếu thiếu mười, mười lăm người, mà trong đó tất cả những người nói đúng pháp không ngồi, không gọi dục, cũng không cho biết là mình không bằng lòng, thì có gọi là phá Tăng không?

Không

(441a) Nếu chúng phi pháp đủ số, chúng như pháp cũng đủ số, nhưng nếu thiếu mười, mười lăm người mà tất cả những người nói đúng pháp không ngồi, không gọi dục, cũng không cho biết là mình không bằng lòng, rồi miễn cưỡng đem những người chưa thọ Cụ túc vào cho đủ số, thì có gọi là phá Tăng không?

Không!

Nếu chúng phi pháp đủ số, chúng như pháp cũng đủ số, nhưng nếu thiếu mười, mười lăm người, mà tất cả những người nói đúng pháp không ngồi, không gọi dục, cũng không cho biết là mình không bằng lòng, không miễn cưỡng đem những người chưa thọ Cụ túc vào cho đủ số, nhưng tất cả đều muốn phá Tăng, thì có gọi là phá Tăng không?

Không! Đây Ưu-ba-ly! Nếu chúng phi pháp đủ số, chúng như pháp cũng đủ số, hoặc thiếu mười, mười lăm người, mà tất cả những người nói đúng pháp không ngồi lại, không gọi dục, không cho biết là mình không bằng lòng, không miễn cưỡng đem người chưa thọ Cụ túc vào tính cho đủ số, cũng không phải tất cả đều muốn phá Tăng; nhưng nếu một trú xứ, cùng một cương giới mà bố-tát riêng, tự tứ riêng, làm việc tăng riêng, thì gọi là phá Tăng. Nếu biết người kia muốn phá Tăng, thì các Tỳ-kheo nên khuyên: “Đây trưởng lão! Thầy đừng phá Tăng, phá Tăng là tội rất nặng, sẽ đọa

vào đường ác, rơi xuống địa ngục. Tôi sẽ cho Thầy y bát, trao cho kinh, dạy kinh, hỏi han công việc, chỉ bảo Thầy.” Nếu đã khuyên như thế mà vẫn cố tình không bỏ thì nên nói với người Ưu-bà-tắc có thể lực: “Này lão trượng! Người này muốn phá Tăng. Ông nên đến khuyên để ông ta hiểu, bảo phải chấm dứt.”

Thế rồi, Ưu-bà-tắc nên khuyên:

Này tôn giả! Thầy đừng phá Tăng, phá Tăng là trọng tội, sẽ đọa vào đường ác, rơi xuống địa ngục. Tôi sẽ cho tôn giả y bát và cung cấp thuốc thang chữa bệnh. Nếu không thích tu phạm hạnh nữa thì có thể hoàn tục. Tôi sẽ cưới vợ cho thầy và cung cấp những thứ cần thiết.

Nếu vẫn cố tình không chấm dứt thì nên rút thăm rồi đuổi đi. Đuổi rồi cần phải tuyên bố như sau:

Này các đại đức! Có người phá Tăng đến đây, các vị nên coi chừng.

Nếu đã làm đủ cách như vậy mà vẫn cố tình phá Tăng thì gọi là phá Tăng. Nhưng nếu bố thí cho họ thì gọi là việc phước điền tốt. Nếu thọ giới với họ thì gọi là khéo thọ Cụ túc. Nếu đã biết họ phá Tăng thì nên bỏ đi. Nếu không bỏ đi tức là bạn của kẻ phá Tăng, là bè đảng phá Tăng. Do thế, Tăng suốt đời không nên cùng nói chuyện với họ, không cùng ăn chung, không cùng sinh hoạt chung trong Phật pháp Tăng, không bố-tát, an cư, Tự tứ chung và không làm yết-ma chung.

Có thể nói với những người xuất gia của ngoại đạo:

Có các chỗ ngồi, các vị muốn ngồi cứ ngồi.

Nhưng không được mời những người phá Tăng ngồi. Đó gọi là dị trụ.



CHO PHÁP HỌC HỐI BA-LA-DI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, trong thành xá-vệ có Nan-đề không thích sống ở nhà, bỏ nhà xuất gia, đi cũng Thiền, đứng cũng Thiền, ngồi cũng Thiền, (441b) nằm cũng Thiền. Lúc ấy cũng có nhiều Nan-đề khác làm như vậy, cho nên những người này được gọi là Thiền Nan-đề, như trong giới Ba-la-di đã nói rõ. Do thế, các Tỳ-kheo bèn đuổi đi. Sau khi bị đuổi, họ ra đứng trước cổng Tinh xá Kỳ hoàn khóc lóc, nói với Tỳ-kheo:

Thưa trưởng lão, tôi phạm giới Ba-la-di, nhưng không có một chút tâm ý che giấu. Tôi thích mặc Ca-sa, không muốn rời bỏ Phật pháp.

Thế rồi, mẹ của A-nan-đề đến, cũng khóc, nói:

Con tôi thích xuất gia nhưng đức Thế Tôn đuổi đi.

Rồi chị Nan-đề đến, cũng khóc, nói:

Em tôi thích làm sa-môn mà Thế Tôn đuổi đi.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Ông Nan-đề này phạm giới Ba-la-di nhưng không hề có một chút tâm niệm che giấu, vậy, Tăng nên cho pháp yết-ma học hối Ba-la-di. Người này nên trích vai áo bên phải, quỳ gối chấp tay, theo Tăng xin như sau:

Thưa đại đức Tăng! Tôi là Nan-đề, phạm giới Ba-la-di mà không có một chút tâm niệm che giấu. Nay theo Tăng xin pháp học hối Ba-la-di. Kính mong Tăng xót thương cho tôi pháp yết-ma học hối Ba-la-di. (xin như vậy ba lần).

Người làm yết-ma nên nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Nan-đề phạm giới Ba-la-di mà không có một chút tâm niệm che giấu, đã theo Tăng xin pháp

yết-ma học hối Ba-la-di. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Nan-đề pháp yết-ma học hối Ba-la-di. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Nan-đề phạm giới Ba-la-di mà không có một chút tâm niệm che giấu, đã theo Tăng xin pháp yết-ma học hối Ba-la-di. Tăng nay cho Tỳ-kheo Nan-đề pháp yết-ma học hối Ba-la-di. Các đại đức nào bằng lòng Tăng cho Tỳ-kheo Nan-đề pháp yết-ma học hối ba-la-di thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Nan-đề pháp yết-ma học hối Ba-la-di xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, người này nên ngồi dưới tất cả Tỳ-kheo, ngồi trên tất cả sa-di, không được ngủ cùng phòng với Tỳ-kheo quá ba đêm, cũng không được ngủ với sa-di quá ba đêm. Những món ăn nào không hợp pháp đối với Tỳ-kheo, thì với vị này cũng không hợp pháp. Những món ăn nào không hợp pháp đối với vị này, thì với Tỳ-kheo cũng không hợp pháp. Vị này được Tỳ-kheo trao cho thức ăn, ngoại trừ năm thứ thực vật hỏa tịnh và vàng bạc. Vị này được theo sa-di nhận thức ăn. Tỳ-kheo không được nói với vị này về giới bản, về tội Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, cho đến tội Việt-tỳ-ni. Nhưng được nói:

Không được làm điều phi phạm hạnh, không được trộm cắp, không được sát sinh, không được nói dối, không được uống rượu; (441c) tất cả đều được dạy bảo như thế.

Nếu trước đó là người tụng giới thì (giờ đây) không được tụng lớn tiếng.

Nếu tôn kính pháp thì được tụng thầm. Tăng không được cho bố-tát tự tứ. Vào ngày bố-tát, tự tứ, vị này nên vào giữa Tăng nói như sau:

Tôi thanh tịnh, xin Tăng ghi nhận cho.

Nói như vậy ba lần rồi lui ra. Trong bốn giới Ba-la-di, nếu vi phạm thì phải đuổi đi; còn các giới Tăng-già-bà-thi-sa trở xuống mà phạm thì tất cả đều cho sám hối tội Đột-cát-la. Đó gọi là cho pháp yết-ma học hối Ba-la-di.



TÙY THUẬN HÀNH MỊCH TỘI TƯỚNG

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà thường phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Tăng tập hợp định làm yết-ma thì Thi-lợi-da-bà không đến. Tăng bèn sai sứ đến gọi:

Trưởng lão! Chúng Tăng tập hợp định làm yết-ma vì sao không đến?

Thi-lợi-da-bà nói: “Ắt hẳn Tăng vì ta mà làm yết-ma chứ gì!”, liền cảm thấy trong lòng hoảng sợ, rồi đi đến. Các Tỳ-kheo hỏi:

Trưởng lão! Thầy phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa phải không?

Thầy đáp:

Phạm.

Rồi, trong lòng sinh hoan hỷ, thâm nghĩ:

Các vị phạm hạnh khởi từ tâm đối với ta, nêu ra tội có thể sám hối, chứ không phải không thể sám hối.

Liền bạch:

Cho tôi ra ngoài một lát.

Sau khi thấy ra rồi, các Tỳ-kheo bàn nhau:

Vị Tỳ-kheo này khinh suất, không quyết định, đi rồi, lát nữa thế nào cũng nói dối, cần phải hỏi lại ba lần cho chắc chắn rồi mới làm yết-ma.

Thi-lợi-da-bà ra ngoài rồi suy nghĩ: “Vì sao ta lại nhận tội ấy? Các Tỳ-kheo thường thường trị tội ta, ta không nên nhận.”

Các Tỳ-kheo liền gọi Thi-lợi-da-bà vào, rồi hỏi:

Thầy có phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa thật không?

Không phạm.

Vì sao lúc ở giữa Tăng Thầy nói có tội đó, mà giờ lại bảo là không phạm?

Tôi không nhớ việc đó.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thi-lợi-da-bà đến. Khi thầy đến, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc trên:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Ông Thi-lợi-da-bà này lúc ở giữa Tăng nói là thấy tội, rồi lại nói là không thấy, không thấy lại nói là thấy, còn nói rằng không nhớ. Vậy Tăng nên làm yết-ma mịch tội tướng (tìm dấu vết của tội). Người làm yết-ma nên nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà khi ở giữa Tăng thấy tội thì nói là không thấy, không thấy lại nói là thấy, rồi nói không nhớ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma mịch tội tướng. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo (442a) Thi-lợi-da-bà khi ở giữa Tăng thấy tội thì nói là không thấy, không thấy lại nói là thấy, rồi nói mình không nhớ. Tăng nay cho pháp yết-ma mịch tội tướng. Các đại đức nào bằng lòng Tăng cho Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma mịch tội tướng thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma mịch tội tướng, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, người này suốt đời nên làm tám việc sau đây:

1. Không được độ người;
2. Không được cho người thọ Cụ túc;
3. Không được cho người y chỉ;
4. Không được nhận sự cung cấp và xoa bóp của Tỳ-kheo;
5. Không được làm sứ giả cho Tỳ-kheo;
6. Không được nhận Tăng sai theo thứ tự;
7. Không được làm người thuyết pháp cho Tăng;
8. Suốt đời không cho xả tội.

Khi Tăng hòa hợp làm yết-ma mịch tội tướng xong thì phải thi hành tám việc này suốt đời mà không được bỏ. Đó gọi là mịch tội tướng tùy thuận làm.

Kệ tóm tắt:

Cử yết-ma, Biệt trụ,
Ma-na-đỏa, xuất tội.
Nên, không nên tùy thuận,
Tha-la-tha, dị trụ.
Học hỏi, Mịch tội tướng,
Kết thúc phẩm thứ hai.

*

VIỆC CỬ TỘI (NÊU TỘI)

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba đấu tranh, cãi vã nhau, sống không hòa hợp. Một Tỳ-kheo nêu tội một Tỳ-kheo, hai Tỳ-kheo nêu tội hai Tỳ-kheo, nhiều Tỳ-kheo nêu tội nhiều Tỳ-kheo, nói như sau:

Tôi nêu tội trưởng lão, tôi nêu tội trưởng lão.

Bấy giờ tôn giả Ưu-ba-ly bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba khởi lên việc phi pháp. Một Tỳ-kheo nêu tội một Tỳ-kheo, cho đến nhiều Tỳ-kheo nêu tội nhiều Tỳ-kheo. Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu việc thì Tỳ-kheo được nêu tội người khác?

Phật nói với Ưu-ba-ly:

Khi có ba việc, ba nhân duyên thì Tỳ-kheo được nêu tội người khác.

Thế nào là ba việc? Đó là: Giới không thanh tịnh, kiến không thanh tịnh, mạng không thanh tịnh.

Thế nào là ba nhân duyên? Đó là: Thấy, nghe và nghi. Đó gọi là ba.

Lại nữa, khi bản thân Tỳ-kheo thành tựu năm pháp thì được nêu tội người khác. Thế nào là năm pháp? Đó là:

1. Sự việc có thật không hư dối;
2. Nói đúng lúc, không phải không đúng lúc;
3. Vì lợi ích, không phải không lợi ích;
4. Nói nhỏ nhẹ, không nói thô lỗ;
5. Vì lòng từ, không phải vì giận dữ.

Đó gọi là năm pháp được nêu tội người khác.

Lại nữa, thành tựu năm pháp, được nêu tội người khác. Thế nào là năm? Đó là:

1. Thân nghiệp thanh tịnh;
2. Khẩu nghiệp thanh tịnh;
3. Mạng sống chân chánh;
4. Am tường luận tạng;
5. Thông thạo Luật tạng.

Này Ưu-ba-ly, nếu thân nghiệp không thanh tịnh mà nêu tội người khác, thì người đó nên nói: Này trưởng lão! Thân nghiệp thầy (442b) không thanh tịnh, vì sao nêu tội người khác? Trước hết nên làm cho thân nghiệp mình thanh tịnh rồi mới nêu tội người khác.

Thế nên, này Ưu-ba-ly, muốn nêu tội người khác, trước hết thân nghiệp mình phải thanh tịnh, khẩu nghiệp phải thanh tịnh, và mạng sống phải chân chánh. Nếu người nào ít nghe luận điển mà cử tội người khác thì người đó nên nói:

Này trưởng lão! Vì sao Thầy ít nghe luận điển mà cử tội người khác? Lành thay trưởng lão, trước hết Thầy hãy nghe nhiều luận điển rồi mới cử tội người khác.

Thế đó Ưu-ba-ly, khi muốn nêu tội ai, trước hết mình phải nghe nhiều luận điển. Nếu ít nghe Luật tạng mà muốn nêu tội người khác thì người ấy nên nói:

Này trưởng lão! Vì sao Thầy ít nghe Luật tạng mà nêu tội người khác? Trưởng lão cũng không biết do việc gì mà chế giới này, tại thành ấp xóm làng quốc gia nào chế giới này. Lành thay trưởng lão! Khi muốn nêu tội ai, trước hết Thầy phải nghe nhiều Luật tạng rồi mới nêu tội họ.

Thế nên, này Ưu-ba-ly! Khi muốn nêu tội ai, trước hết phải nghe nhiều Luật tạng.

Đó gọi là bản thân mình phải thành tựu năm pháp, mới được nêu tội người khác.

Lại nữa, này Ưu-ba-ly, có năm trường hợp nêu tội người phi pháp. Thế nào là năm? Đó là:

1. Mắng rồi mới nêu tội;
2. Nêu tội rồi mới mắng;
3. Nêu tội, vừa mắng;

4. Mắng mà không nêu tội;

5. Nêu tội mà không mắng.

Mắng rồi mới nêu tội: Trước tiên mắng xối xả rồi mới nêu ra một tội nào đó trong năm Thiên tội. Đó gọi là mắng rồi mới nêu tội.

Nêu tội rồi mới mắng: Trước hết nêu ra một tội nào đó trong năm Thiên tội, rồi mới mắng. Đó gọi là nêu tội rồi mới mắng.

Vừa nêu tội vừa mắng: Mắng xối xả, rồi nói: “Ông phạm Ba-la-di.” Mắng xối xả, rồi nói: “Ông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa cho đến tội Việt-tỳ-ni.” Đó gọi là vừa nêu tội vừa mắng.

Mắng mà không nêu tội: Mắng nhiếc đủ thứ mà không nêu tội. Đó gọi là mắng mà không nêu tội.

Nêu tội mà không mắng: Nêu một tội nào trong năm Thiên tội mà không mắng mỗ. Đó gọi là nêu tội mà không mắng.

Trong đây, các trường hợp trước mắng rồi sau nêu tội; nêu tội rồi mới mắng; vừa nêu tội vừa mắng thì Tăng không nên hỏi, không nên chấp nhận. Trái lại, trường hợp nêu tội mà không mắng thì Tăng nên kiểm tra.

Khi muốn nêu tội ai, trước hết nên nói:

Này trưởng lão! Tôi muốn nêu một sự việc Thầy có chịu nghe không?

Bị cáo nên nói:

Thầy muốn nêu tội thì được thôi.

Nếu không hỏi bị cáo có chịu nghe không mà nêu tội thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Này Ưu-ba-ly, nếu bị cáo có giới thể không thanh tịnh mình không thấy, không rõ sự thật, không đúng lúc, không vì sự lợi ích, nói thô lỗ không nhỏ nhẹ, giận dữ, không có lòng từ mà nêu tội người ta, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Về vấn đề nghe, nghi cũng như thế.

Lại nữa, nếu bị cáo có kiến giải không thanh tịnh, mình không thấy, không rõ sự thật, không đúng lúc, không vì lợi ích, nói thô lỗ không dịu dàng, giận dữ, không có lòng từ mà nêu tội người ta thì phạm tội Việt-tỳ-ni. (442c) Về vấn đề nghe, nghi cũng như thế.

Lại nữa, nếu bị cáo có mạng sống không thanh tịnh, mình không thấy, không rõ sự thật, không đúng lúc, không vì lợi ích, nói thô lỗ không dịu dàng, giận dữ, không có lòng từ mà nêu tội người ta thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Về vấn đề nghe, nghi cũng như thế.

Này Ưu-ba-ly, nếu bị cáo có giới thể không thanh tịnh mình thấy đúng sự thật, vì lợi ích, nói dịu dàng không thô lỗ, có từ tâm, không giận dữ, nhưng không nói với bị cáo, bị cáo không ứng thuận mà nêu tội, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Về việc nghe, nghi cũng như thế.

Nếu bị cáo có kiến giải không thanh tịnh mà khi mình thấy đúng, vì lợi ích, nói dịu dàng không thô lỗ, có từ tâm, không giận dữ, nhưng không nói với bị cáo, bị cáo không ứng thuận, mà nêu tội, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Về vấn đề nghe, nghi cũng như thế.

Nếu bị cáo có mạng sống không thanh tịnh, khi mình thấy đúng, vì lợi ích, nói dịu dàng không thô lỗ, có từ tâm, không giận dữ, nhưng không nói với bị cáo, bị cáo không ứng thuận mà nêu tội, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Về vấn đề nghe, nghi cũng như thế.

Lại nữa, người nào có năm tính xấu sau đây thì không được nêu tội người khác ở giữa chúng Tăng. Đó là: Thiên vị; giận dữ; sợ hãi; si mê và vụ lợi. Nếu có năm tính xấu đó mà nêu tội người khác thì sau khi thân hoại mệnh chung, sẽ đọa vào đường ác, rơi xuống địa ngục.

Lại nữa, người nào thành tựu năm pháp sau đây thì được nêu tội người khác. Đó là: Không Thiên vị; không giận dữ; không sợ hãi; không ngu si và không vụ lợi. Người nào thành tựu năm pháp đó mà nêu tội người khác thì sau khi thân hoại mệnh chung được

sinh vào đường Thiện, được các bậc phạm hạnh ca ngợi. Đó gọi là cử (tội).



VIỆC TRỊ PHẠT

Thế nào gọi là Trị phạt?

Người phạm tội Ba-la-di thì Tăng nên đuổi về làm người thế tục, hoặc làm sa-di. Người phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, nếu che giấu thì Tăng cho pháp Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa rồi xuất tội, nếu không che giấu thì hành Ma-na-đỏa rồi xuất tội. Người phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề thì phải đem vật đã cất ra xả bỏ giữa Tăng, rồi đến trước Tỳ-kheo trưởng lão trật vai áo bên phải, quỳ gối chấp tay, bạch như sau:

Thưa trưởng lão! Tôi đã cất y Thừa quá mười ngày, nay đem xả bỏ giữa chúng Tăng và sám hối tội Ba-dạ-đề.

Vị Tỳ-kheo thụ sám nên hỏi:

Thầy có thấy tội này không?

Dạ thấy.

Đừng tái phạm nhé.

Tôi xin cúi đầu vâng giữ.

Thế rồi Tăng làm yết-ma, giao y đó cho một người giữ, sau đó nên trả lại (chủ cũ). Còn phạm tội Ba-dạ-đề cho đến Việt-tỳ-ni thì cũng sám hối như thế.



ĐUỔI ĐI

Gồm bảy trường hợp:

1. Hủy hoại tịnh hạnh của Ni;
2. Sống trong chúng để trộm pháp;
3. Lừa đảo;
4. Phạm ngũ nghịch;
5. Bất năng nam;
6. Phạm bốn tội Ba-la-di;
7. Sa-di có ác kiến.

Đó gọi là bảy việc nên đuổi đi.

**PHÁ PHÁP LUÂN TĂNG**

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, đã xảy ra vụ Đề-bà-đạt-đa phá Tăng, như ở trước đã nói rõ. Thế rồi, (443a) Đề-bà-đạt-đa đi đến thành Già-da. Sau đó, Phật cũng đi tới thành Già-da. Hôm ấy nhằm ngày bố-tát, Phật bảo A-nan:

Ông đến gọi Đề-bà-đạt-đa về, hôm nay Tăng làm yết-ma bố-tát.

A-nan bèn đến đó, nói:

Thưa trưởng lão! Hôm nay Tăng làm yết-ma bố-tát, đức Thế Tôn cho gọi Trưởng lão.

Đề-bà-đạt-đa đáp:

Tôi không đến. Từ nay về sau tôi không sinh hoạt chung trong Phật pháp Tăng, không bố-tát, tỳ tứ, yết-ma chung. Từ nay về sau,

đối với giới luật điều nào muốn học hay không muốn học đều do ý tôi quyết định.

A-nan nghe nói thế, liền suy nghĩ: “Đây là việc kỳ quái, thốt ra lời nói ác này lẽ nào không thương tổn đến Tăng?”

Đoạn, A-nan trở về, đem việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật nói với A-nan:

Ông hãy trở lại chỗ Đề-bà-đạt-đa một lần nữa.

Cho đến A-nan suy nghĩ: “Thật là kỳ quái, thốt ra lời nói ác này chẳng lẽ không tổn thương đến Tăng sao?”

Sau khi A-nan trở về, nhóm sáu Tỳ-kheo bàn nhau: “Chắc chắn sa-môn Cù-đàm sẽ sai sứ đến lần thứ ba. Tất cả chúng ta phải giữ chánh niệm bố-tát trước. Chúng ta hãy để lại danh dự cho hậu thế biết rằng khi Phật còn tại thế mà Đề-bà-đạt-đa và nhóm sáu Tỳ-kheo đã cùng nhau phá Tăng”, bèn thực hiện bố-tát. Thế rồi, A-nan liền đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo:

Ông hãy trở lại lần thứ ba, bảo Đề-bà-đạt-đa đến, vì hôm nay Tăng làm yết-ma bố-tát.

A-nan liền đến đó, nói:

Đức Thế Tôn gọi các vị. Hôm nay Tăng làm yết-ma bố-tát.

Họ đáp:

Chúng tôi không đi. Từ hôm nay trở đi, chúng tôi không sinh hoạt chung trong Phật pháp Tăng, không bố-tát tự tứ và yết-ma chung. Từ nay về sau, đối với giới luật, điều nào muốn học hay không muốn học đều do ý tôi quyết định. Nhưng chúng tôi đã bố-tát xong rồi.

A-nan nghe thế, suy nghĩ: “Thực là kỳ lạ, thế là họ đã phá hoại Tăng thật rồi”, bèn trở về, đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Đức Thế Tôn nghe xong, bèn đọc kệ:

Thanh tịnh như trăng tròn,
Thanh tịnh được bố-tát.
Thân khẩu nghiệp thanh tịnh,
Thế mới nên bố-tát.

Đoạn, Phật nói với A-nan:

Những người phi pháp đã bố-tát xong, vậy những người như pháp nên bố-tát.

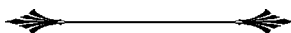
Khi ấy Đề-bà-đạt-đa phá Tăng, còn nhóm sáu Tỳ-kheo là bè đảng phá Tăng. Đó gọi là Dị trụ.

*

Hết quyển thứ hai mươi sáu

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 27

PHẨM TẠP TỤNG (tiếp theo)

PHÁP YẾT-MA

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba tranh cãi với nhau, sống không hòa hợp. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Từ hôm nay Tăng nên làm yết-ma. Ưu-ba-ly sẽ xử đoán sự việc của các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba. Người làm yết-ma nên nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Trưởng lão Ưu-ba-ly thành tựu năm pháp, nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng để cử trưởng lão Ưu-ba-ly xử đoán việc của các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Trưởng lão Ưu-ba-ly thành tựu năm pháp, Tăng nay để cử Ưu-ba-ly xử đoán việc của các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba. Các đại đức nào bằng lòng Tăng cử Ưu-ba-ly xử đoán việc của các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế)

Tăng đã để cử Ưu-ba-ly xử đoán việc của các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Pháp yết-ma gồm có hai mươi trường hợp. Tám trường hợp bạch nhất yết-ma như trên đã nói. Còn tám trường hợp bạch tam yết-ma (một lần bạch ba lần yết-ma) thì như sau:

1. Cử người xử đoán sự việc;
2. Cử người dạy bảo Tỳ-kheo-ni;
3. Cử người làm yết-ma một tháng;
4. Yết-ma chiêm;
5. Yết-ma cuồng si;
6. Yết-ma phát lồ;
7. Yết-ma phú bát;
8. Yết-ma xác định học gia.

Đó gọi là tám trường hợp một lần bạch ba lần yết-ma.

Trong đây, cử người xử đoán, dạy bảo Tỳ-kheo-ni thì chúng Tăng phải thỉnh cầu, còn yết-ma rời y mà ngủ, yết-ma một tháng và yết-ma chiêm thì đương sự phải theo Tăng xin. Ngoài ra, Yết-ma cuồng si, yết-ma nói tội người khác, các yết-ma này nên làm trong cương giới với sự hiện diện của Tăng, không được làm ngoài cương giới. Cũng thế, yết-ma học gia, yết-ma phú bát cũng nên làm trong cương giới với sự hiện diện của Tăng, không được làm ở ngoài cương giới.

Người xử đoán, sau khi được đề cử không được chần chừ. Nếu được đề cử buổi sáng thì buổi xế nên khởi hành. Nếu được đề cử vào lúc xế thì sáng sớm hôm sau thức dậy nên lên đường. Lúc đi, không được theo đàn việt đi những con đường vòng vo mà phải đi theo con đường thẳng. Nếu con đường thẳng có chướng nạn thì đi con đường vòng vo không có tội. Khi đến nơi đó rồi (443c) thì không được chần chừ đợi Tỳ-kheo khách ăn. Nếu đến buổi xế thì sáng sớm hôm sau nên xử đoán. Nếu đến vào buổi sáng thì lúc xế nên xử đoán. Không được nhuộm y, hơ bát, ngồi Thiền, tụng kinh. Nếu sự việc khó giải quyết, trong lúc đang rối rảnh thì làm các

việc trên không có tội. Khi xử đoán sự việc xong rồi trở về cũng như vậy. Đó gọi là pháp yết-ma.



VẤN ĐỀ RUỘNG VƯỜN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo đem ruộng đất của chúng Tăng cho người thuê mướn, hoặc đem bán, hoặc dùng làm của riêng. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật nói với các Tỳ-kheo:

Từ nay về sau ruộng đất của chúng Tăng không được cho người thuê mướn, không được đem bán, không được dùng làm của riêng. Giả sử Tăng tập hợp tất cả đồng ý cũng không được cho người thuê mướn, không được đem bán, không được sử dụng riêng. Nếu tập hợp Tăng lại cho người thuê mướn, đem bán hay sử dụng riêng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu ruộng đất của Tăng tốt, bị kẻ ác xâm chiếm thì nên bảo đàn việt coi sóc giúp. Nếu đàn việt nói: “Đây là ruộng đất tốt vì sao bảo tôi chăm sóc?”, thì nên đáp: “Ruộng đất này tuy tốt nhưng kẻ ác muốn xâm chiếm, nên nhờ đàn việt trông coi giúp.”

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, đất của Tăng và đất của vua lẫn lộn vào nhau, vua Ba-tư-nặc nói với tôn giả A-nan:

Đất của vua lẫn lộn vào trong đất của Tăng, vậy nên đem dây đến đo để chia ra.

A-nan đáp:

Đợi tôi bạch với Phật đã.

Thế rồi, A-nan đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật nói với A-nan:

Ông hãy đến nói với nhà vua rằng: Đại vương là chủ đất, sa-môn Thích tử dựa vào đại vương mà sống, do thế, không nên chia đất đại vương.

A-nan thọ giáo, đi đến chỗ vua, nói:

Phật dạy rằng: “Đại vương là chủ đất, sa-môn Thích tử nương vào đại vương mà sống, do thế không nên chia đất với đại vương.” Vua nói: “Nếu như thế thì xin cúng tất cả cho chúng Tăng. Hôm nay đặt tên là vườn của vua để cho người sau được biết.”

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ Tăng có đám đất trống, rồi một trưởng giả đến hỏi:

Đám đất trống này của ai vậy?

Tăng đáp:

Đất của Tăng đó.

Trưởng giả nói:

Nếu đất của Tăng thì nên giao cho tôi, tôi muốn làm phòng cho chúng Tăng. Tăng bèn giao đất, nhưng trải qua lâu ngày mà ông không làm phòng.

Rồi có một cư sĩ đến hỏi:

Đám đất trống này của ai vậy?

Tăng đáp:

Đất của Tăng đó.

Nên giao cho tôi, tôi muốn làm phòng cho chúng Tăng.

Trước đây đã có một trưởng giả xin làm phòng nhưng chưa làm.

Thưa tôn giả, tôn giả cứ giao cho tôi, lo gì không làm!

Tỳ-kheo liền giao đất. Cư sĩ vì muốn tạo công đức nên dốc hết gia tài châu báu làm những phòng ốc tốt đẹp, rồi sắm sửa (444a) mọi thứ ẩm thực cúng dường chúng Tăng. Đoạn, đem các phòng

ốc đó cúng dường cho chúng Tăng, đồng thời mời vị trưởng giả trước kia đến để cùng chung vui. Trưởng giả thấy thế hỏi:

Thưa tôn giả, ai làm phòng vậy?

Vị cư sĩ này đây.

Đám đất này trước đã giao cho tôi, vì sao còn giao cho cư sĩ?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Vì sao không ra điều kiện trước mà đem đất giao cho người ta? Từ nay về sau không nên không ra điều kiện trước mà đem đất giao cho người ta. Nếu Tăng có đất trống rồi có người đến xin làm phòng thì nên ra điều kiện phải làm trong thời gian chừng ấy.

Nếu đương sự nói: “Tôi sẽ làm trong khoảng thời gian chừng đó”, thì nên nói: “Nếu đến thời gian đó mà chưa làm thì tôi sẽ giao cho người khác.”

Nếu hai người đến xin làm mà một người nói: “Tôi sẽ làm cho chúng Tăng một tầng lầu”, còn người kia nói: “Tôi sẽ làm hai tầng lầu”, thì Tăng nên giao cho người xin làm hai tầng; cũng thế, ba, bốn tầng cho đến bảy tầng.

Nếu hai người cùng nói xin làm bảy tầng, thì lúc ấy nên xem tướng coi người nào có thể làm được thì giao cho họ. Nếu hai người đều có thể làm được thì nên giao cho người có nhiều quyền thuộc. Nếu không bắt làm cam kết trước mà giao đất cho họ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo làm Thảo am trên đất của chúng Tăng, rồi Thượng tọa đến, theo thứ tự giao phòng thì Tỳ-kheo không giao. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Nếu ai làm phòng trên đất của chúng Tăng mà Thượng tọa đến theo thứ tự không giao phòng, thì nên đem các vật liệu cây cỏ ấy

đến chỗ khác. Nếu ai làm phòng trên đất của chúng Tăng mà khi Thượng tọa đến theo thứ tự không giao phòng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.



VẤN ĐỀ NHÀ ĐẤT

Nếu chúng Tăng có đất cất nhà có giá trị mà có kẻ ác ở lân cận muốn xâm chiếm, thì nên bảo đàn việt trông coi giúp đất đó. Nếu đàn việt nói: “Đất làm nhà này quý giá, vì sao lại muốn cho tôi trông coi?”, thì nên nói: “Đất làm nhà này tuy tốt nhưng kẻ ác ở gần thường muốn chiếm đoạt.”

Nếu đàn việt nói: “Muốn hoán đổi sao?”, thì hãy đáp: “Tùy ý đàn việt quyết định.” Nếu đàn việt hoán đổi thì không có tội. Đó gọi là nguyên tắc về nhà đất.



VẤN ĐỀ TĂNG GIÀ-LAM

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo chiếm đoạt đất già-lam để làm phòng, Thầy cựu Tri sự nói:

Trưởng lão đừng có chiếm đoạt chỗ ở của Tăng để làm phòng.

Tỳ-kheo ấy nói:

Này trưởng lão, tôi làm phòng cho chúng Tăng, thầy đừng có gây trở ngại.

Thế rồi hai người cùng tranh luận, không giải quyết được, bèn dẫn nhau đến chỗ Phật, trình bày lại đầy đủ sự việc trên với Thế Tôn. (444b) Phật dạy:

Từ nay về sau không được cưỡng chiếm chỗ ở cũ của Tăng để làm phòng cho chúng Tăng. Vị cụu Tỳ-kheo cũng không được gây trở ngại việc đó. Nếu hai Tỳ-kheo tri sự đồng ý nhau thì nên làm một phòng cùng mái lợp mà ngăn chia khác vách; hoặc mái lợp cách biệt mà cùng một tường vách; hoặc cùng một mái lợp, cùng một tường vách; hoặc mái lợp riêng biệt, tường vách riêng biệt.

Nếu hai người không vui vẻ với nhau, thì nên làm phòng có mái lợp riêng, tường vách riêng. Nếu cưỡng chiếm phòng cũ để làm nhà mới cho Tăng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Còn kẻ nào gây trở ngại đối với người làm phòng cho Tăng cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo xây Tháp cho Thanh văn tại chỗ có nhiều người đi, khiến các cư sĩ đi đến lễ bái Thế Tôn, thấy thế, chê trách:

Chúng ta đến đây để đánh lễ đức Thế Tôn, mà chưa thấy Thế Tôn đâu đã thấy năm mồ người chết.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Vì sao các ông không làm yết-ma trước mà xây tháp Thanh văn tại chỗ đất có nhiều người đi? Từ nay về sau Ta không cho phép không làm yết-ma trước mà xây tháp cho Thanh văn tại chỗ đất có nhiều người đi. Muốn xây tháp trước hết nên làm yết-ma cầu thỉnh. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mồ giáp vì vô thường đã nhập Niết-bàn. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho xây tháp Thanh văn cho Tỳ-kheo mồ giáp – Vì sự vô thường đã nhập Niết-bàn – tại chỗ này.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tăng nay cho xây tháp Thanh văn cho Tỳ-kheo mồ giáp tại chỗ này. Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Nếu không hòa hợp thì nên nói:

Thưa trưởng lão, đức Thế Tôn nói có bốn hạng người nên xây tháp, đắp tượng luân (hình bánh xe), treo tràng phan bảo cái, đó là đức Như Lai, các Thanh văn, Phật Bích-chi và Chuyển luân thánh vương. Nếu Tỳ-kheo viên tịch là Tu-đà-hoàn thì nên gọi là Tu-đà-hoàn. Nếu Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán thì nên gọi là A-la-hán. Hoặc gọi là Tỳ-kheo giữ luật, hoặc gọi là Pháp sư, hoặc gọi là Tỳ-kheo doanh sự có đức vọng.

Thế rồi, nên tiếp:

Thưa trưởng lão, vị ấy giữ giới, hiền thiện, cúng dường cho Tăng rất nhiều, làm việc cực nhọc, nên xây tháp cho Thầy.

Trình bày như thế rồi, mới xây Tháp cho vị ấy. Khi xây tháp Thanh văn không được để cho nhìn thấy tháp trước rồi mới thấy Phật sau, mà phải làm sao để thấy Thế Tôn trước rồi mới thấy tháp sau. Không được làm ở chỗ có nhiều người đi mà phải làm ở chỗ vắng vẻ. Cũng không được làm tại chỗ các Tỳ-kheo đi kinh hành. Nếu ai xây tháp Thanh văn tại chỗ có nhiều người đi thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ tôn giả Ca-lô ở tại thôn ấp lớn Ca-thi-kỳ-lê, lúc ấy có Tỳ-kheo Thượng tọa đến, theo thứ tự giao phòng (444c) mà thầy không chịu giao, còn nổi giận cầm búa đập phá căn phòng. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến thưa hỏi Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo này phạm vào tội gì?

Phật dạy:

Phá hoại sáu loại sau đây thì phạm tội Thâu-lan-giá, đó là: phá bát, phá y, phá tháp, phá phòng, phá Tăng, phá cương giới.

Phá bát: Bát có ba loại thượng, trung và hạ. Nếu vì giận dữ mà phá một loại nào đó thì phạm tội Thâu-lan. Nếu bát bị mẻ muốn hàn lại mà lỡ tay rớt bể thì không có tội. Nếu vì tức giận mà đập bể tô, chén thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Phá y: Nếu vì tức giận mà xé rách một trong ba y thì phạm tội Thâu-lan. Nhưng nếu muốn cắt miếng ngoài biên may vào giữa, cắt miếng ở giữa may ngoài biên, hoặc vá thêm hai lớp thì không có tội. Nếu vì tức giận mà đem xé tọa cụ hoặc các loại vải vóc khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Phá tháp: Nếu vì tức giận mà phá tháp của đức Thế Tôn thì phạm tội Thâu-lan, bị nghiệp hành tội báo rất nhiều. Nếu muốn sửa chữa để làm lại tốt hơn thì không có tội. Nếu vì tức giận mà phá Tháp của Ni-kiến và các ngoại đạo khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Phá phòng: Nếu vì tức giận mà phá phòng của Tăng thì phạm tội Thâu-lan. Nếu muốn làm lại tốt hơn thì không có tội. Nếu vì giận dữ mà phá phòng của tu sĩ ngoại đạo thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Phá Tăng: Nếu vì tức giận mà phá sự hòa hợp của Tăng thì phạm tội Thâu-lan, bị nghiệp hành mang quả báo phải rơi vào trong địa ngục một kiếp.

Phá cương giới: Nếu vì giận dữ mà làm (phòng) ngoài phạm vi cương giới thì không thể gọi là làm (phòng), phạm tội Thâu-lan, nhưng được bỏ cương giới cũ rồi làm yết-ma lại cương giới khác.

Đó gọi là sáu loại phá hoại phạm tội Thâu-lan.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ tôn giả La-hầu-la đang du hành đến nước Bạt-kỳ, dần dần đi tới thôn Ba-la-nại. Thế rồi, có một cư sĩ ở thôn này xây phòng cho La-hầu-la. La-hầu-la nhận xong lại tiếp tục du hành, cư sĩ bèn đem căn phòng này cúng cho các Tỳ-kheo khác. Đến khi La-hầu-la trở về... như trong tuyển kinh đã nói rõ, cho đến La-hầu-la bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, căn phòng này nên thuộc về ai?

Phật nói với La-hầu-la:

Nếu cư sĩ, con cư sĩ có lòng tin hoan hỉ làm phòng cúng dường cho chúng Tăng, nhưng khi cúng cho Tăng rồi, lại đem cúng cho

nhiều người khác thì đó là cách cúng phi pháp và thọ dụng phi pháp. Nếu cúng cho nhiều người rồi đem cúng cho một người, thì đó là cách cúng phi pháp và thọ dụng phi pháp. Hoặc đem cúng cho một người rồi lại đem cúng cho nhiều người; hoặc đem cúng cho nhiều người rồi lại đem cúng cho chúng Tăng, thì đó là cách cúng phi pháp và thọ dụng phi pháp. Ngoại trừ, khi đem cúng cho Tăng rồi không đem cúng cho nhiều người, khi đem cúng cho nhiều người rồi không đem cúng cho một người thì đó là cách cúng đúng pháp và (445a) thọ dụng đúng pháp.

Này La-hầu-la, cách cúng trước là cúng đúng, cách cúng sau là không đúng. Nếu Tăng ở tại đất của vua, rồi người làm phòng trước đem cúng dường trước, thì công đức ngày đêm càng tăng thêm.

Này La-hầu-la, ông đương nhiên được phòng, còn người sau thì đương nhiên không được. Đó gọi là phép tắc của Tăng-già-lam.



PHÉP TẮC VỀ DOANH SỰ

Khi Phật an trú tại thành vương-xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn giả Đạt-nị-ca con của người thợ gốm làm phòng, như trong giới Ba-la-di thứ hai đã nói, cho đến thốt lời oán trách như sau: Ta làm phòng gian khổ, không nài nóng lạnh, làm mới vừa xong thì Thượng tọa đoạt mất, giống như mèo rình chuột.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Vị Tỳ-kheo doanh sự ấy làm phòng rất gian khổ, Tăng nên làm yết-ma cho Thầy cư trú năm năm. Người làm yết-ma nên nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp muốn làm phòng cho Tăng. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo doanh sự mỗ giáp làm phòng cho Tăng, theo Tăng xin cư trú năm năm.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo doanh sự mỗ giáp muốn theo Tăng xin cư trú năm năm. Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, Vị Tỳ-kheo này nên trích vai áo bên phải, quỳ gối chấp tay, xin như sau:

Thưa đại đức Tăng! Tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp làm phòng cho Tăng, nay theo Tăng xin cư trú năm năm do công lao làm phòng. Kính mong Tăng xót thương cho tôi cư trú năm năm do công lao làm phòng (xin như vậy ba lần).

Người yết-ma nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp làm phòng cho Tăng, theo Tăng xin cư trú năm năm do công lao làm phòng. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo mỗ giáp cư trú năm năm do công lao làm phòng. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp làm phòng cho Tăng, theo Tăng xin cư trú năm năm do công lao làm phòng. Tăng nay cho Tỳ-kheo mỗ giáp cư trú năm năm do công lao làm phòng. Các đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp cư trú năm năm do công lao làm phòng thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp cư trú năm năm do công lao làm phòng xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Sau khi Tăng đã làm yết-ma cho cư trú năm năm, Tỳ-kheo doanh sự trở về chỗ mình đã làm phòng, theo thứ tự được một phòng. Nếu có Thượng tọa đến thì nên giao phòng theo thứ tự, còn căn phòng đã yết-ma cho mình thì không nên giao. Nếu muốn đi du

hành thì phải giao hai căn phòng ấy lại cho Tăng, tùy thứ tự cư trú. Đồng thời gởi gắm: “Khi nào tôi trở về thì phải giao phòng lại cho tôi.” Sau khi trở về, Tăng phải giao phòng lại theo lời giao ước trước. (445b) Nếu phòng Tăng cũ bị hư hỏng rồi làm cửa lại, thì tùy theo công lao nhiều ít mà làm yết-ma cho cư trú hai năm hay ba năm. Nếu phòng bỏ trống không ai ở thì nên cho người ở để trông coi một thời gian.

Nếu giường ghế mền gối bị dơ bẩn, rách nát mà đem giặt nhuộm sửa chữa lại, thì nên cho ở một thời gian.

Nếu trong thời gian ấy có Tỳ-kheo nào xoi bói, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phép tắc về doanh sự.



PHÉP TẮC VỀ GIƯỜNG NỆM

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, trong lúc Tỳ-kheo an cư, Thượng tọa đến, rồi theo thứ tự lấy phòng. Đoạn, Thầy chớ đồ đạc ra khỏi phòng. Phật biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Đó là Tỳ-kheo khách phải không?

Thưa không phải, bạch Thế Tôn.

Đó là Tỳ-kheo ra đi luôn phải không?

Thưa không phải, bạch Thế Tôn.

Thế thì Tỳ-kheo nào mà chớ đồ đạc đi?

Bạch Thế Tôn, đó là người theo thứ tự nhận phòng, thế rồi chớ đồ đạc đi.

Vì sao lúc nào các ông cũng giao phòng theo thứ tự từ Thượng tọa trở xuống? Từ nay về sau, Ta không cho phép bất cứ lúc nào cũng

giao phòng từ Thượng tọa trở xuống. Tăng nên cử một người thành tựu năm pháp trông coi việc giao phòng xá, giường nệm.

Thế nào là năm pháp?

Đó là: Không thiên vị; không giận dữ; không sợ hãi; không ngu si, biết ai được rồi, ai chưa được. Đó gọi là năm pháp.

Người làm yết-ma nên nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗi giáp thành tựu năm pháp. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cử Tỳ-kheo mỗi giáp trông coi việc giao phòng ốc giường nệm. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗi giáp thành tựu năm pháp, Tăng nay cử Tỳ-kheo mỗi giáp trông coi việc giao phòng ốc, giường nệm. Các đại đức nào bằng lòng Tăng cử Tỳ-kheo mỗi giáp trông coi việc giao phòng ốc giường nệm, thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng cử Tỳ-kheo mỗi giáp trông coi việc giao phòng ốc, giường nệm xong, vì Tăng đã im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Sau khi làm yết-ma xong, từ ngày 16 tháng 3 trở đi, nên bảo đàn việt giặt rửa giường nệm phòng ốc, sửa chữa phòng ngồi Thiền, giảng đường, phòng sưởi, cầu tiêu, sửa chữa nhà ngõ, nhà che giếng thuộc Tăng già-lam và ghi chép tất cả những bữa ăn thuộc ngày trai cũng như y an cư. Nếu trú xứ của Tăng xa thành ấp xóm làng thì đến ngày 13 tháng tư nên giao phòng. Nếu người nào không được dung nạp thì nên đi đến nơi khác. Nếu trú xứ gần xóm làng, thì nên giao phòng vào ngày 15, đồng thời đọc biên bản đã ghi chép: Tăng già-lam mỗi giáp có chừng ấy phòng ốc, chừng ấy giường nệm, chừng ấy bữa ăn thuộc ngày trai, chừng ấy y. Thượng tọa nên bảo:

Hãy giao phòng cho những ai cùng an cư một chỗ.

Nói như thế rồi, mới giao phòng. Nhưng không được (445c) giao phòng cho sa-di. Ngoại trừ, Hòa thượng A-xà-lê bảo: – “Cứ giao phòng để mặc tôi xử lý” thì mới giao.

Nếu phòng nhiều thì nên giao mỗi người hai phòng. Nếu vị ấy không chịu nhận hai phòng, mà nói: “Tôi chỉ cần một phòng là đủ”, thì khi ấy, nên bảo: “Đây không phải là giao để sử dụng mà là giao để trông coi.”

Nếu Tỳ-kheo nhiều mà phòng ít, thì nên giao cho hai người, ba người cùng ở chung một phòng. Nếu vẫn không đủ, thì nên giao năm người, mười người ở chung một phòng.

Nếu có một ngôi nhà lớn thì tất cả Tỳ-kheo nên vào ở trong đó. Thượng tọa nên giao cho giường nằm, còn những người khác thì giao cho giường ngồi.

Nếu không đủ, thì Thượng tọa nên giao cho giường ngồi, những người khác thì ngồi trên nệm cỏ.

Nếu vẫn không đủ, thì Thượng tọa nên ngồi nệm cỏ, còn những người khác thì ngồi không.

Nếu vẫn không đủ nữa, thì Thượng tọa nên ngồi kiết già, còn những người khác thì đứng.

Nếu vẫn không đủ, thì Thượng tọa nên đứng, còn những người khác thì ra ngoài gốc cây hay chỗ đất trống.

Nếu giao phòng vào mùa Đông, hoặc là để trông coi, hoặc là để ở, thì khi Thượng tọa đến nên theo thứ tự mà ở.

Nếu giao phòng vào mùa Xuân hoặc là để trông coi, hoặc là để ở, thì khi Thượng tọa đến nên theo thứ tự mà ở.

Nếu giao phòng vào lúc an cư hoặc để trông coi, hoặc là để ở, thì khi Thượng tọa đến không nên theo thứ tự mà ở.

Nếu Tỳ-kheo không biết phép tắc, trong lúc an cư đòi phòng theo thứ tự mà không được, bèn khiển trách, thì nên nói: “Hãy đợi đây, để tôi đi hỏi người coi phòng đã”, rồi nên đến nói với người coi phòng: “Thưa trưởng lão, có Tỳ-kheo khách là bậc Thượng tọa đến, bảo tôi dời đi.”

Bấy giờ, người coi phòng phải khiển trách Tỳ-kheo khách:

Này trưởng lão! Thầy không am tường giới luật. Vì sao trong lúc an cư mà bảo người khác dời đi? Thầy không hiểu sao? Không phải lúc nào cũng đuổi người khác được.

Nhưng nếu mùa Đông, mùa Xuân có Thượng tọa đến, theo thứ tự nên nhường phòng mà không nhường, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu Tỳ-kheo không am tường giới luật, trong lúc an cư mà đuổi người khác đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phép tắc về giường nệm.



PHÉP CUNG KÍNH

Khi Phật du hành đến nước Câu-tát-la, vào lúc đầu đêm, Thế Tôn thuyết pháp cho các Thanh văn, đến nửa đêm Ngài trở về phòng. Bấy giờ, các Tỳ-kheo có người cung cấp nên đã lấy phòng trước, đến khi nghe pháp xong, ai nấy trở về phòng an nghỉ. Lúc ấy, tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên, không có người cung cấp, đầu đêm nghe pháp đến nửa đêm, bèn tới phòng gõ cửa, thì những người ở trong phòng hỏi:

Ai đó?

Xá-lợi-phất đây.

Phòng đã đầy rồi, thưa bậc đại trí.

Thế rồi, hai người đến gõ cửa phòng khác. Người trong phòng hỏi:
Ai đó?

Tôi là Đại Mục-liên đây.

Phòng đã đầy rồi, thưa bậc đại thần túc.

Thế là cả hai đều không có phòng, nên một người đến ngồi dưới
thềm nhà, còn một người ra ngồi dưới gốc cây. (446a) Đêm ấy trời
mưa, người ngồi dưới thềm nhà đọc kệ:

“Ngồi kiết già dưới thềm,
Mưa ướt hai đầu gối.
Đã sống trong an lạc,
Sẽ đoạn thân đời sau.”

Đoạn, người ngồi dưới gốc cây cũng đọc kệ:

“Dưới cây sống tri túc,
Khất thực, ngồi nệm cỏ.
Cả hai không tham trước,
Sẽ đoạn thân đời sau.”

Lúc ấy có Ưu-bà-tắc buổi sáng thức dậy, đi đến thăm viếng Thế
Tôn, thấy thế bèn chê trách: Vì sao sa-môn Thích tử lại không biết
phép cung kính? Bậc đại đức như thế mà không cho phòng nghỉ.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật
liền dạy:

Việc như thế thật đáng bị người đời chê cười.

Rồi Phật nói với các Tỳ-kheo:

Đội Ta du hành nước Câu-tát-la xong trở về lại thành xá-vệ, rồi
nhắc lại cho Ta, Ta sẽ chế định phép cung kính cho các Tỳ-kheo.

Khi Phật trở về, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc trước bạch lại với
Thế Tôn. Phật liền hỏi các Tỳ-kheo:

Ai là bậc Thượng tọa lớn nhất đáng được lấy nước trước, được nhận cơm trước?

Ai đáng được nhận sự lễ bái?

Ai đáng được đứng dậy tiếp nước?

Ai đáng được chấp tay, cúi đầu, cung kính? Khi nghe thế, các Tỳ-kheo nói:

Con của Thế Tôn đáng được nhận.

Tỳ-kheo khác nói:

Những người thân quyến của Thế Tôn đáng được nhận.

Lại có người nói:

Thị giả của Thế Tôn đáng được nhận.

Lại có người nói:

Bậc A-la-hán đáng được nhận.

Thế rồi, người Sát-lợi xuất gia nói:

Người Sát-lợi đáng được nhận.

Người Bà-la-môn xuất gia lại nói:

Người Bà-la-môn đáng được nhận.

Người Tì-xá xuất gia thì nói:

Người Tì-xá đáng được nhận.

Còn người Thủ-đà-la xuất gia thì nói:

Người Thủ-đà-la đáng được nhận.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Các ông ai nấy đều vì tính kiêu mạn cho nên nói rằng: Đáng cho con của Thế Tôn, cho đến người Thủ-đà-la. Nhưng ở đây không phải là phép tắc của người đời. Như Lai Ứng cúng Chánh biến

tri sẽ nói cho các ông biết về phép tắc của người đời... như trong Tuyền Kinh đã nói rõ, cho đến Phật nói với các Tỳ-kheo:

Từ nay về sau Ta chế giới: Người xuất gia trước phải được hưởng sự lễ bái, đứng dậy đón rước, chấp tay cúi đầu cung kính. Người xuất gia trước phải được ngồi trên, phải được nhận lời mời trước, ngồi trước, lấy nước trước, thọ trai trước.

Các Tỳ-kheo liền tán thán:

Đức Thế Tôn đã khéo trình bày về cách thức tôn kính trưởng lão.

Phật nói:

Không những ngày nay Ta khéo trình bày về cách thức tán thán trưởng lão mà trong thời quá khứ Ta cũng đã từng nói như thế.

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

Chúng con muốn được nghe.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

Trong thời quá khứ xa xưa có ba con vật là chim trĩ, khỉ và voi cùng sống với nhau dưới cây Ni-câu-loại. Con voi nói:

Ba chúng ta cùng sống với nhau (446b) tại một chỗ, trong đây ai lớn nhất? Ai đáng được tôn kính?

Rồi voi tiếp:

Tôi đã cỡi trên đầu cây này đi qua.

Khỉ nói:

Ngày trước tôi đã từng hái trên đầu cây này.

Chim trĩ nói:

Ngày xưa tôi ăn quả loại cây này trên núi Tuyết rồi xuống ịa nơi đây mà mọc ra cây này.

Bấy giờ chim trĩ là lớn nhất, hai con vật kia tôn kính nó, nên sau khi chết đều được sinh về cõi lành. Con voi khi ấy chính là Ta đây. Các ông cũng nên tôn kính các Thượng tọa như vậy, thì giới luật mới được thăng hoa.

Đó gọi là phép tắc cung kính.

Nhận lời mời trước

Nếu có người đến mời thì nên mời Thượng tọa trước. Nếu đàn việt chưa từng làm phước, mời Tỳ-kheo trẻ, thì nên bảo họ đến chỗ Thượng tọa. Đó gọi là nhận lời mời trước.

Phép ngồi của Thượng tọa

Khi sắp chỗ ngồi, không được sắp chỗ ngồi của người nhỏ tuổi ở trên cao, chỗ ngồi của Thượng tọa ở dưới thấp, mà phải sắp chỗ ngồi của Thượng tọa ở trên cao, chỗ ngồi của người nhỏ tuổi ở dưới thấp; đồng thời phải trải tọa cụ ngay ngắn tề chỉnh; những cái tốt thì dành cho Thượng tọa, những cái không tốt thì để cho Hạ tọa. Nếu nhà đàn việt mời Tỳ-kheo quen biết rồi dành cho giường nệm tốt thì cứ để mặc ý thí chủ, không được tranh giành. Nếu vào dịp năm năm đại hội số người đông đúc tạp nhạp, thì tối thiểu phải sắp chỗ ngồi tương tất cho tám người ngồi ở trên cao, còn các chỗ ngồi dưới thì tùy nghi. Đó gọi là phép ngồi của Thượng tọa.

Nhận thức ăn trước

Khi dọn thức ăn phải dọn cho Thượng tọa trước. Nếu đàn việt chưa từng làm phước dọn cho người nhỏ tuổi trước, thì nên bảo họ bưng tới chỗ Thượng tọa. Khi dọn cơm, nên dọn cơm ngon cho Thượng tọa; cũng thế, khi dọn tất cả các thức ăn uống khác cũng phải bảo dọn món ngon cho Thượng tọa. Nếu nhà đàn việt mời thọ trai, mà họ dọn sai biệt, thì tùy theo ý họ, không nên tranh luận làm chi. Nếu vào dịp năm năm đại hội một lần, số người đông đúc tạp nhạp, thì tối thiểu phải dọn món ngon cho

tám Thượng tọa hàng đầu, còn các hạ tọa thì tùy nghi mà dọn. Đó gọi là nhận thức ăn trước.

Lễ bái cung kính đứng dậy đón rước, cúi đầu chấp tay

Bấy giờ, khi đánh lễ ai thì đánh lễ khoảng đầu gối, bắp chân. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau nên đánh lễ dưới bàn chân.

Thế rồi, các Tỳ-kheo bảo bậc tôn túc đưa bàn chân ra để đánh lễ, làm nhiều loạn người tu hành. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau phải nói tiếng “xin chào.”

Khi ấy có Tỳ-kheo chơi đùa, nói:

Xin chào tôn giả, xin chào tôn giả.

Lại làm nhiều loạn người ta. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau chào hỏi có ba cách:

Dùng thân, miệng và tâm. Dùng thân nghĩa là khi đương sự đang ngồi hay đứng, mình cúi đầu đánh lễ dưới chân. Đó gọi là dùng thân.

Dùng miệng nghĩa là khi đương sự ở từ xa, mình chấp tay, cúi đầu nói: “Xin chào ngài.” (446c) Đó gọi là dùng miệng.

Dùng tâm nghĩa là khi đương sự quay lưng đi, mình chấp tay tỏ thái độ cung kính. Đó gọi là dùng tâm bày tỏ sự cung kính.

Nếu thấy Thượng tọa đến mà không đứng dậy đón rước chào hỏi cung kính, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phép tôn kính Thượng tọa.

Kệ tóm tắt:

Cử tội và trị tội,
 Đuổi đi cùng Biệt trụ.
 Người xử đoán, ruộng đất,
 Làm phòng, cho năm năm.
 Giường nệm, phép cung kính,
 Đó là phẩm thứ ba.



PHÉP BỐ-TÁT

Khi Phật an trú tại thành vương-xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, chín mươi sáu loại người xuất gia đều cử hành bố-tát, mà Tỳ-kheo không bố-tát. Vì thế, bị người đời chê bai:

Vì sao chín mươi sáu loại người xuất gia đều có bố-tát mà sa-môn Thích tử không bố-tát?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Như thế thật đáng bị người ta chê trách. Từ nay về sau phải bố-tát, gồm các việc: (1) Đọc kệ; (2) Ngày 14 ngày 15; (3) Chỉ chỗ bố-tát; (4) Bố-tát ban ngày; (5) Trong nhà; (6) Bọn cướp; (7) Vua; (8) A-na-luật; (9) Hai cách đếm; (10) Không tụng thuộc; (11) Không tụng thuộc tất cả; (12) Thuận nghịch; (13) Muốn nghe từ đầu; (14) Người chưa thọ Cụ túc; (15) Tụng giới sớm quá; (16) Một trú xứ; (17) Hai chúng; (18) Hai chúng đã tụng, hai chúng chưa tụng; (19) Gởi dục; (20) Nhận dục; (21) Gởi dục nhiều; (22) Gởi dục bằng; (23) Cù-sư-la; (24) Đại-ái-đạo; (25) Xiển-đà; (26) Bệnh; (27) A-luyện-nhã; (28) Không nên cho mà cho; (29) Sông A-chi-la; (30) Mười một việc không được gọi là gởi dục: Chuyển dục; gởi dục ban đêm; ở ngoài giới; Tỳ-kheo-ni; người chưa thọ Cụ túc; Nhận dục rồi ra đi; gởi dục rồi ra đi; Nhận dục rồi trả giới; gởi dục rồi trả giới; mất dục; phá hoại chúng; (31) Bốn cách bố-tát;

(32) Bốn cách tụng giới; (33) Bảy việc nên ngăn cản; (34) hai việc nên ngăn cản.

1/ Đọc kệ

Phật nói với các Tỳ-kheo:

(1) Đức Phật Tỳ-bà-thi Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì chúng Tăng tịch tĩnh, nói giới bản đầu tiên:

“Nhẫn, khổ hạnh bậc nhất,
Niết-bàn, đích tối thượng.
Tu hành còn hại người,
Không thể gọi sa-môn.”

(2) Đức Phật Thi-khí Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì chúng Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

“Vị như người sáng mắt,
Tránh được đường nguy hiểm.
Bậc thông minh trên đời,
Tránh được mọi điều ác.”

(3) Đức Phật Tỳ-bà-thi Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì chúng Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

“Không nói dối, hại người,
Vâng hành theo giới pháp.
Ăn uống có điều độ,
Thường thích nơi thanh vắng.
Tâm thanh tịnh chuyên cần,
Đó là lời Phật dạy.”

(4) Đức Phật Câu-lưu-tôn Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri (447a) vì chúng Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

“Tỳ-kheo vào thôn xóm,
Như ong đi tìm hoa.

Lấy mật rồi bay đi,
 Không hại gì hương sắc.
 Không nhìn việc người khác,
 Xem có làm hay không.
 Chỉ xét hành vi mình,
 Có tốt hay không tốt.”

(5) Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì chúng Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

“Muốn tâm mình tốt chớ buông lung,
 Thiện pháp Thánh nhân luôn gắng học.
 Những người trí tuệ tâm chuyên chú,
 Khổ não ưu sầu dứt tuyệt ngay.”

(6) Đức Phật Ca-diếp Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì chúng Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

“Không làm các việc ác,
 Tuân hành các hạnh lành.
 Giữ tâm ý trong sạch,
 Chư Phật dạy như vậy.”

(7) Đức Phật Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì chúng Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

“Lành thay gìn giữ thân,
 Gìn giữ miệng cũng vậy.
 Lành thay giữ tâm ý,
 Giữ vẹn toàn tất cả.
 Tỳ-kheo giữ tất cả,
 Ất xa lìa khổ não.
 Tỳ-kheo giữ miệng ý
 Thân không làm điều ác,

Ba nghiệp đều thanh tịnh,
Sẽ đạt được Thánh quả.”

Đó gọi là đọc kệ khi bố-tát.

2/ Ngày 14, ngày 15

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ đệ tử đồng hành của tôn giả A-nan đang hành Ma-na-đỏa, tôn giả bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Đệ tử đồng hành của con muốn đến một căn lều nhỏ ở thôn xóm để hành Ma-na-đỏa vào ngày 14.

Phật nói với A-nan:

Hôm nay nhằm ngày 14 tinh tú thuận hòa, thời tiết thuận hòa, Tăng chúng thuận hòa, nên bố-tát xong rồi mới đi.

Ngày 14: Lần bố-tát thứ ba và thứ bảy của mùa Đông, lần bố-tát thứ ba và thứ bảy của mùa Xuân và lần bố-tát thứ ba, thứ bảy của mùa Hạ.

Ngày 15: Gồm có mười tám lần bố-tát. Trong một năm có hai mươi bốn kỳ bố-tát, sáu kỳ vào ngày 14 và 18 kỳ vào ngày 15.

Đó gọi là bố-tát ngày 14, ngày 15.

3/ Chỉ chỗ Bố-tát

Khi Phật an trú trong núi kỳ-xà-quật nơi thành vương-xá, lúc ấy các Tỳ-kheo không biết chỗ bố-tát, nên có người thì được bố-tát, có người thì không. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Nên làm yết-ma chỉ rõ chỗ bố-tát trong núi kỳ-xà-quật.

Người làm yết-ma nên bạch:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Nếu thời gian của Tăng đã đến, kể từ hôm nay Tăng dùng nơi này trong núi kỳ-xà-quật làm chỗ bố-tát thường xuyên. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tăng nay dùng nơi này trong núi Kỳ-xà-quật (447b) làm chỗ bố-tát thường xuyên. Các đại đức nào bằng lòng Tăng dùng nơi này làm chỗ bố-tát thường xuyên thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng dùng nơi này làm chỗ bố-tát thường xuyên, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Đó gọi là chỉ chỗ bố-tát.

4/ Bố-tát ban ngày

Khi Phật an trú trong núi kỳ-xà-quật nơi thành Vương-xá, lúc ấy các Tỳ-kheo bố-tát vào ban đêm. Vì đường xá hiểm trở, triển dốc khó đi, đến nơi bố-tát cực khổ, các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn, rồi hỏi:

Bạch Thế Tôn, có thể bố-tát ban ngày được không?

Phật dạy:

Được. Nếu bố-tát ban ngày mà Tăng ở xa thì nên tuyên bố: “Thưa các trưởng lão, kỳ này Tăng sẽ bố-tát vào ngày 14, hoặc ngày 15, hoặc trước bữa ăn, hoặc sau bữa ăn, vào lúc bóng mặt trời chùng ấy, phải tập hợp tại chỗ mổ xú, hoặc tại giảng đường, phòng Thiền, phòng sưởi, dưới gốc cây (để bố-tát).” Nếu không tuyên bố thì phạm tội Việt-tỳ-ni.” Đó gọi là bố-tát ban ngày.

5/ Nhà

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy vua A-xà-thế làm nhà bố-tát trong núi Kỳ-xà-quật, rồi trang trí bằng các cánh sen dát vàng. Sau khi Tăng ngồi xong, đức Thế Tôn mới đến ngồi. Các Tỳ-kheo vào hết, chuẩn bị bố-tát, thì bỗng dưng một cánh hoa sen dát vàng rơi xuống đất. Lúc ấy, một ác Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp, bèn lấy

cánh sen kẹp dưới nách. Vì Phật và Tỳ-kheo Tăng ngồi lâu mà không bố-tát nên tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, trật vai áo bên phải, quỳ gối, chấp tay bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, đầu đêm đã qua, Tăng ngồi lâu mỗi một, kính xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà thuyết giới bố-tát.

Khi ấy Thế Tôn im lặng. Tình hình như thế kéo dài sang nửa đêm rồi đến cuối đêm, tôn giả lại bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn rạng đông đã xuất hiện, chúng Tăng ngồi lâu, kính xin Thế Tôn thuyết giới bố-tát.

Phật liền nói với A-nan:

Chúng Tăng không thanh tịnh.

Khi ấy tôn giả Đại Mục-liên suy nghĩ:

Vì ai mà Thế Tôn nói rằng chúng Tăng không thanh tịnh?

Đoạn, Mục-liên nhập định, liền thấy được ác Tỳ-kheo đang ngồi xếp ro trong chúng. Tôn giả bèn từ chỗ ngồi đứng dậy đến chỗ vị ấy, dùng tay trái nắm cổ lỏi đến cửa, rồi dùng tay phải đẩy ra, nói: Này ác Tỳ-kheo, từ hôm nay ông không phải là sa-môn, không phải là Tỳ-kheo, không được ở trong chúng nữa.

Sau khi Thầy đuổi đi, Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép lòi người đi.

Rồi Phật nói với A-nan:

Từ nay về sau, các Thầy hãy tự tụng giới. Vì sao vậy? Vì Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri không tụng giới cho một chúng không thanh tịnh. Này A-nan, trong pháp luật của Như Lai (447c) cũng giống biển lớn có tám việc chưa từng có, như trong Tuyến Kinh đã nói rõ. Do thế, các đệ tử của ta thấy rồi, liền sinh tâm thích thú. Đó gọi là nhà.

6/ Bọn cướp

Khi Phật an trú tại núi kỳ-xà-quật nơi thành Vương-xá, lúc ấy các Tỳ-kheo bố-tát tụng giới. Khi tụng đến phần cuối của Ba-dạ-đề, đọc: “Cắt bỏ rồi Ba-dạ-đề, phá bỏ rồi Ba-dạ-đề, lòi ra rồi Ba-dạ-đề”, thì bọn cướp đến. Người tụng giới liền im lặng. Bọn cướp đứng một lát rồi bỏ đi. Người tụng giới lại tiếp tục; như vậy đến ba lần. Bọn cướp suy nghĩ: “Đây là ác sa-môn, nên nói như sau: Cắt bỏ, phá bỏ, lòi ra rồi Ba-dạ-đề. Họ đang định cắt chúng ta, phá chúng ta, lòi chúng ta đây”, bèn xông vào đánh các Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo sinh tâm nghi hoặc, hay là bọn cướp vừa rồi đã nghe tụng giới? Thế rồi, họ đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Bọn cướp là vua ở trong rừng, chúng có thể làm những việc bất lợi, vì sao các ông lại tụng lại những lời cũ? Từ nay về sau khi Tỳ-kheo bố-tát tụng giới mà có bọn cướp đến thì Ta cho phép được đọc sang kinh khác, hoặc là kinh Ba-la-diên, hoặc kinh Bát bát-kỳ, hoặc kệ Mâu-ni, hoặc kinh Pháp cú.

Nếu bọn cướp biết phép tắc của Tỳ-kheo, nói: “Này sa-môn, chúng tôi đã biết rồi”, thì hãy tụng tiếp giới đã tụng trước. Khi ấy, Tỳ-kheo nên tụng gấp, khiến không thể phân biệt được chương cú, để cho bọn chúng không biết là đoạn đầu, đoạn giữa hay đoạn cuối. Nếu tụng lại những lời cũ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bọn cướp.

7/ Vua

Khi Phật an trú tại vườn kỳ-xà Am-bà-la nơi thành vương-xá, như trong kinh Sa-môn đã nói rõ, cho đến tự nhủ:

Không biết có thể tụng giới trước nhà vua hay không?

Rồi họ đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Vua có thể làm những việc bất lợi.

Như trong trường hợp bọn cướp ở trên đã nói rõ. Đó gọi là vua.

8/ A-na-luật

Khi Phật an trú trong núi kỳ-xà-quật, nơi thành vương-xá, lúc ấy các Tỳ-kheo làm yết-ma bố-tát thì tôn giả A-na-luật không đến. Các Tỳ-kheo bèn cho sứ giả đến gọi:

Thưa trưởng lão A-na-luật, các Tỳ-kheo đang vân tập định làm yết-ma bố-tát.

Thầy đáp:

Đức Thế Tôn dạy rằng Thanh tịnh tức là bố-tát. Kẻ thanh tịnh trong đời này chính là tôi đây. Tôi không đi.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Ông hãy đi gọi A-na-luật lại đây. Nhưng không được dùng Thiên nhân mà đến.

Vì trưởng lão này đã hồng nhục nhân nên phải vượt qua núi non hiểm trở đến một cách cực khổ.

Phật liền nói với A-na-luật:

Ông không tôn kính bố-tát thì ai sẽ tôn kính? Từ nay về sau, khi bố-tát thì tất cả đều phải đến. Nếu không đến, (448a) hoặc bị bệnh mà không gọi dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là A-na-luật.

9/ Hai cách đếm

Khi ấy Phật hỏi Ưu-ba-ly:

Ông tụng giới được không?

Bạch Thế Tôn, tụng được, nhưng những câu chi li rất khó ghi nhớ.

Nên làm thẻ đếm để mà tụng.

Thế rồi, Ưu-ba-ly liền làm thẻ đếm mỗi khi tụng. Phật lại hỏi:

Ông có làm thẻ để đếm mỗi khi tụng giới không?

Bạch Thế Tôn, khi tụng những câu chi li con có đếm thẻ, nhưng cũng khó nhớ.

Từ nay về sau hãy làm hai loại thẻ, một loại năm trăm và một loại bảy trăm. Khi muốn tụng, phải rửa tay sạch rồi cầm thẻ bỏ xuống đếm đến năm, lại rửa tay nữa. Nếu còn thẻ thì phải dùng nước thơm để rửa. Người khác muốn cầm thẻ cũng phải như vậy. Đó gọi là hai cách đếm.

10/ Không tụng thuộc

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy trong thôn có các Tỳ-kheo đang sống, khi Tăng vân tập sắp làm yết-ma bố-tát, liền thưa với Thượng tọa:

Xin Thượng tọa tụng giới.

Thầy đáp:

Tôi không thuộc.

Vị thứ hai, thứ ba cũng thế, cho đến Hạ tọa cũng nói như thế. Các Tỳ-kheo sinh tâm nghi hoặc, bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau, thọ Cụ túc rồi nên đọc hai bộ Luật. Nếu không thể đọc cả hai bộ thì nên đọc một bộ. Nếu cũng không thể đọc được thì nên đọc năm thiên giới. Nếu cũng không thể đọc được thì nên đọc bốn, ba, hai hay một thiên. Khi bố-tát nên đọc rộng năm bộ Diên Kinh. Nếu có nhân duyên không thể đọc được, thì nên đọc bốn, ba, hai hay một, cho đến bốn Ba-la-di và các bài kệ, (rồi nói) các phần khác như Tăng đã thường nghe. Nếu bố-tát mà không tụng giới thì phạm tội Việ-tỳ-ni. Giả như cả chúng đều không có ai tụng thuộc, thì nên bảo Thượng tọa ra ngoài giới trường, tâm nghĩ, miệng nói:

Kẻ dư thừa khi bố-tát.

Rồi ba người còn lại trong giới trường nói ba lần bố-tát. Làm như vậy là phạt Thượng tọa. Đó gọi là không tụng thuộc.

11/ Không tụng thuộc tất cả

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo đang ở trong thôn xóm tập hợp định bố-tát, liền thưa với Thượng tọa:

Xin Thượng tọa hãy tụng giới.

Thầy đáp:

Tôi chỉ tụng thông thạo có một thiên.

Tăng lại thưa Thượng tọa thứ hai, thì Thầy đáp:

Tôi chỉ tụng thuộc có hai thiên.

Như vậy, mỗi người chỉ tụng thuộc có một thiên, họ bèn tuần tự tụng mỗi người một thiên để bố-tát. Nhưng khi bố-tát xong sinh nghi, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau, ta không cho phép cùng lần lượt tụng để bố-tát. Nếu gặp trường hợp như thế thì cùng ủy thác cho một người thông minh tụng thuộc để tụng. Khi tụng đến chỗ nào mà quên, thì người khác được tụng tiếp. (448b) Nếu phối hợp nhau lần lượt tụng để bố-tát thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là không tụng thuộc tất cả.

12/ Tụng xuôi, tụng ngược

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, có các Tỳ-kheo đang sống trong thôn xóm, vân tập bố-tát. Có một Tỳ-kheo tụng thuộc giới bản xuôi và ngược. Thầy bắt đầu tụng từ bài tựa cho đến pháp tùy thuận, rồi tụng ngược từ pháp tùy thuận lên giới bản để bố-tát. Nhưng khi bố-tát xong tâm sinh nghi ngờ, các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau Ta không cho phép tụng ngược mà phải tụng xuôi. Nếu lúc tụng mà lỡ quên thì được tụng bỏ khuyết. Người nào tụng xuôi rồi tụng ngược để bố-tát thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là tụng xuôi, ngược.

13/ Muốn nghe từ đầu

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo vân tập bố-tát, tụng giới bản cho đến pháp tùy thuận thì có Tỳ-kheo khách tới, nói:

Thưa trưởng lão, tôi sống trong xóm làng này mà chưa từng nghe tụng giới bản đầy đủ, xin trưởng lão tụng đầy đủ cho tôi nghe.

Người tụng bèn đọc lại từ bài tựa của giới cho đến pháp tùy thuận. Các Tỳ-kheo sinh tâm nghi ngờ, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật khiển trách:

Vì sao các ông tụng lại giới bản cho người muốn nghe lại từ đầu? Từ nay về sau ta không cho phép làm như thế. Nếu Tỳ-kheo Tăng vân tập bố-tát tụng giới đến pháp tùy thuận mà có Tỳ-kheo khách đến rồi vào ngồi nghe, tức được gọi là bố-tát. Nếu Tỳ-kheo khách nói: “Tôi sống trong xóm làng này mà chưa từng nghe tụng giới bản đầy đủ, xin trưởng lão tụng đầy đủ cho tôi nghe”, thì hãy đợi Tăng giải tán rồi hãy tụng cho vị ấy. Nếu Tăng chưa giải tán mà tụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là muốn nghe từ đầu.

14/ Chưa thọ Cụ túc

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo nói cho người chưa thọ Cụ túc về năm thiên tội từ tội Ba-la-di, đến tội Việt-tỳ-ni. Sau đó, vị Tỳ-kheo ấy vào thôn xóm, người thế tục nói:

Trưởng lão, Thầy phạm tội Ba-la-di cho đến tội Việt-tỳ-ni.

Các Tỳ-kheo nghe thế lấy làm xấu hổ, bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật khiển trách:

Vì sao các ông lại nói giới bản năm Thiên tội cho người chưa thọ Cụ túc nghe? Từ nay về sau ta không cho phép đem nói với người chưa thọ Cụ túc. Chỉ được nói: “Ông không được làm điều phi phạm hạnh, không được trộm cắp, không được sát sinh, không được nói dối v.v...”, như vậy mà thôi. Nếu ai đem nói tên của năm Thiên tội thuộc giới bản cho người chưa thọ Cụ túc nghe (448c) thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là chưa thọ Cụ túc.

15/ Tụng giới quá sớm

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy có một Tỳ-kheo sống trong thôn xóm, sáng sớm thức dậy liền bố-tát. Khi làm xong, có Tỳ-kheo khách đến, nói: Trưởng lão hãy đến cùng tôi bố-tát.

Thầy đáp:

Tôi đã bố-tát rồi.

Tỳ-kheo khách nói:

Trưởng lão bố-tát như thế là quá sớm.

Rồi thầy đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau không nên bố-tát quá sớm. Nếu một Tỳ-kheo sống trong thôn xóm thì đến ngày bố-tát nên quét tháp và trú xứ của Tăng.

Nếu có người đến thì dùng nước hoa rưới trên đất, rải hoa, đốt đèn, đợi Tỳ-kheo khách đến rồi cùng nhau bố-tát. Nếu không có Tỳ-kheo khách đến mà bản thân mình có tội thì nên suy nghĩ: “Nếu gặp được Tỳ-kheo thanh tịnh thì sẽ đoạn trừ tội này đúng như pháp.”

Sau khi nghĩ thế xong, nên tâm niệm, miệng nói:

Hôm nay ngày 15, Tăng bố-tát, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp thanh tịnh thọ bố-tát.

Nói như vậy ba lần. Nếu khi bố-tát xong mà có Tỳ-kheo khách đến, thì vị này nên nói lời tùy hỷ: – Trưởng lão đã bố-tát, tôi là mỗ giáp xin tùy hỷ.

Nếu không thể tùy hỷ thì phải ra ngoài cương giới bố-tát. Nếu ai bố-tát lúc sáng sớm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bố-tát quá sớm.

16/ Một trú xứ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo đang đi trên đường, vì trời u ám, tưởng trời đã tối nên vào trú xứ của Tỳ-kheo trong thôn bố-tát. Khi bố-tát xong thì trời quang tạnh, thấy mặt trời hầy còn sớm, các Tỳ-kheo thầm nghĩ: “Chúng ta nên ra đi.” Khi họ đi rồi, bỗng chốc chúng thứ hai lại đến. Thế rồi, họ bố-tát tại đó, đồng thời nghỉ đêm luôn ở đây đến sáng hôm sau mới đi. Lúc đi trên đường bèn gặp nhóm Tỳ-kheo bố-tát trước, liền hỏi:

Thưa trưởng lão, đêm rồi trưởng lão nghỉ ở đâu?

Nghỉ tại mỗ xứ.

Vậy chứ bố-tát nơi nào?

Tại mỗ xứ.

Chúng tôi cũng bố-tát tại nơi đó.

Các Tỳ-kheo sinh tâm nghi hoặc, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau tại một chỗ không được bố-tát hai lần. Nếu Tỳ-kheo đi xa, đến ngày bố-tát vào trú xứ của Tỳ-kheo trong Thôn để bố-tát, thì lúc bố-tát xong không được im lặng bỏ đi, mà phải dặn lại sa-di, hoặc người làm vườn, hoặc kẻ chăn bò rằng: “Nếu có Tỳ-kheo đến thì nên nói cho họ biết rằng ở đây đã có bố-tát rồi.”

Nếu không có ai cả thì nên viết nơi cột hay cánh cửa, hoặc rải hoa làm dấu. Nếu mình đến sau thì nên hỏi, nên tìm dấu vết, không được bố-tát liền. Nếu đoàn người trước (449a) không dặn, không

làm dấu, đoàn người sau không hỏi, không tìm dấu vết, thì cả hai đều phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là một trú xứ.

17/ Hai chúng

Nếu hai chúng Tỳ-kheo khách đến, một chúng bố-tát vào ngày 14, một chúng bố-tát vào ngày 15, vậy thì nên theo ai? Nên theo chúng đến trước.

Nếu hai chúng cùng vào một lúc thì nên theo chúng có Thượng tọa. Nếu không phân biệt lớn nhỏ được thì nên theo người giữ luật.

Nếu hai chúng cùng có người giữ luật như nhau thì nên theo chúng nào ngõ lời trước, hoặc là ngày 14, hoặc ngày 15, nên theo họ bố-tát. Đó gọi là hai chúng.

18/ Cả hai đều đã tụng, cả hai đều chưa tụng

Khách Tỳ-kheo bố-tát ngày 14, còn cฤu Tỳ-kheo bố-tát ngày 15. Nếu khách Tỳ-kheo đến chỗ cฤu Tỳ-kheo, cฤu Tỳ-kheo nói với khách Tỳ-kheo: “Thưa trưởng lão, chúng ta cùng hợp tác bố-tát”, thì lúc đó, khách Tỳ-kheo không được nói: “Chúng tôi đã Bố-tát xong” (rồi ở yên trong trú xứ), mà nên đi ra ngoài cương giới để giữ tính chất hòa hợp.

Nếu cฤu Tỳ-kheo bố-tát ngày 14, khách Tỳ-kheo bố-tát ngày 15 mà khách Tỳ-kheo nói: “Trưởng lão, hãy bố-tát”, thì cฤu Tỳ-kheo nên nói:

Chúng tôi đã bố-tát rồi.

Lúc ấy, khách Tỳ-kheo nên nói lời tùy hỷ:

Trưởng lão đã bố-tát rồi, chúng tôi xin tùy hỷ.

Nếu không tùy hỷ thì nên ra ngoài cương giới bố-tát. Đó gọi là cả hai đều đã tụng hoặc cả hai đều chưa tụng.

19/ Gởi dục

Khi chúng tăng vân tập bố-tát, thì có một Tỳ-kheo vì việc y bát không đến dự được, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau, Ta cho phép gởi dục. Người gởi dục nên nói thế này:

Xin Trưởng lão hãy lắng nghe. Hôm nay (hoặc ngày 14, hoặc ngày 15) chúng Tăng bố-tát, tôi là Tỳ-kheo mổ giáp xin gởi dục bố-tát thanh tịnh. Xin trưởng lão hãy nói giúp tôi (nói như vậy ba lần).

Khi gởi dục, không được gởi cho người mù mờ, mà nên gởi cho người có thể nhận dục vào giữa chúng Tăng nói rành mạch. Nếu vì bận việc y bát mà lúc bố-tát không gởi dục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là gởi dục.

20/ Nhận dục

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo Tăng vân tập làm yết-ma bố-tát, thì có một Tỳ-kheo đang bệnh và lo việc y bát, gởi dục cho Tỳ-kheo khác, nhưng vị này không nhận. Do đó, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau phải nhận dục. Khi nhận dục phải tự suy nghĩ xem mình có thể truyền dục được không. Không được nhận dục nhiều người, chỉ nhận tối đa ba người. Khi gởi dục, nên nói như sau: Xin trưởng lão ghi nhớ cho, hôm nay chúng Tăng bố-tát, tôi là Tỳ-kheo mổ giáp xin gởi dục bố-tát thanh tịnh.

Nếu quên tên thì nên nhớ số tuổi, rồi nói:

Vị Tỳ-kheo chừng ấy tuổi.

Nếu đó là Tỳ-kheo khách thì nói là khách; bệnh thì nói là bệnh, rằng:

Tỳ-kheo... gởi dục bố-tát thanh tịnh.

Nếu ai đang bệnh và lo việc y bát gởi dục mà không nhận (449b) thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là nhận dục.

21/ Gởi dục nhiều

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo Tăng bố-tát, những người gởi dục thì nhiều mà những người tập hợp thì ít. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau Ta không cho phép khi bố-tát mà những người gởi dục thì nhiều, còn những người tập hợp thì ít. Nếu bố-tát trong trường hợp ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là gởi dục nhiều.

22/ Gởi dục bằng số người kia

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo Tăng bố-tát, thì số người gởi dục bằng số người tập hợp làm bố-tát. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau Ta không cho phép làm bố-tát mà số người gởi dục bằng số người tập hợp. Số người tập hợp phải nhiều hơn, nếu bằng số người gởi dục mà bố-tát thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là số người gởi dục bằng số người tập hợp.

23/ Cù-sư-la

Khi Phật an trú tại vườn Cù-sư-la ở Câu-diệm-di, lúc ấy Tỳ-kheo Tăng vân tập bố-tát, vị làm yết-ma xử đoán nói lớn tiếng, cư sĩ Cù-sư-la nghe thế bèn đi vào giới trường. Tăng liền im lặng. Chốc lát, ông ta bước ra, thì Tăng tiếp tục giải quyết sự việc lại nói lớn tiếng như trước. Đến ba lần như vậy, rồi cư sĩ thầm nghĩ: “Khi Ta vào thì im lặng, khi Ta ra thì lại lớn tiếng, giờ ta hãy vào mà không trở ra nữa”, như trường hợp Cù-sư-la hỏi tôn giả A-nan, mà trong Lục Nhập diên Kinh đã nói rõ.

Lúc ấy các Tỳ-kheo sinh tâm nghi hoặc, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

Nếu đó là người có đức hạnh cao quý muốn nghe chúng Tăng giải quyết công việc thì nên để cho ông ta nghe. Đồng thời, nếu trong chúng có người tài giỏi, nói năng lưu loát, giải quyết sự việc phân minh thì cứ tự nhiên tiến hành. Trái lại, nếu giải quyết sự việc trước kẻ phạm phu tầm thường thì phạm tội Việt-tỳ-ni: Đó gọi là Cù-sư-la cư sĩ.

24/ Đại-ái-đạo

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy Đại-ái-đạo Cù-đàm-di gợi dục mà Tỳ-kheo không nhận. Thế rồi, Đại-ái-đạo Cù-đàm-di đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân rồi đứng hầu một bên, đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo không nhận dục con gợi thì ai nhận?

Bấy giờ Thế Tôn tùy thuận thuyết pháp cho Đại-ái-đạo Cù-đàm-di khiến bà sinh tâm hoan hỷ, bèn cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi cáo lui. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo kia đến. Khi thấy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Tỳ-kheo-ni gợi dục thì nên nhận. Nếu mình là Thượng tọa thì nên nói:

Tôi là Thượng tọa của chúng Tăng nên không nhận dục.

Hoặc là người dạy bảo Ni, hoặc là người tụng giới thì phải tự trình bày rõ, không nên nhận dục. Nếu là người coi phòng, (449c) người có bệnh thì nên nói:

Tôi không đến trong Tăng, nên gợi dục người khác.

Trái lại nếu nói: “Tôi là Tỳ-kheo khát thực, tôi là người ở A-luyện-nhã, tôi là người mặc y phẩn tảo, tôi là hàng đại đức, rồi không nhận dục”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nhưng nếu nói: “Tôi là Thượng tọa, là người dạy bảo Ni, là người tụng giới”, rồi không nhận dục, thì không có tội. Đó gọi là Cù-đàm-di Đại-ái-đạo.

25/ Xiển-đà

Khi Phật an trú tại vườn Cù-sư-la ở Câu-diệm-di, lúc ấy Tăng vân tập bố-tát, thì Tỳ-kheo Xiển-đà không chịu đến. Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch với Thế Tôn, rồi hỏi:

Bạch Thế Tôn, trường hợp ấy phạm vào tội gì?

Phật dạy:

Phạm tội Thâu-lan. Nếu bố-tát mà Tỳ-kheo không chịu đến như thế thì phạm Thâu-lan. Nếu vì việc y bát nên không đến mà không gởi dục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

26/ Bị bệnh

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc Tỳ-kheo vân tập định bố-tát thì có một Tỳ-kheo bệnh phong lên cơn động kinh, bèn nói với người ở phòng bên cạnh:

Thưa trưởng lão, tôi bị bệnh phong đang lên cơn, xin gởi dục thanh tịnh cho trưởng lão.

Nhưng Tỳ-kheo ấy không nhận, thầy bèn đi đến trước Thượng tọa, cúi đếp, quỳ gối chấp tay, bạch như sau:

Con là Mỗ giáp, thanh tịnh, xin Thượng tọa ghi nhớ cho.

Nói như vậy ba lần, rồi đi. Các Tỳ-kheo sinh tâm nghi ngờ, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn, rồi hỏi:

Bạch Thế Tôn, như vậy có được không?

Phật dạy:

Gởi dục như thế là tốt, đã làm đúng pháp. Nhưng người không nhận dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là bị bệnh.

27/ A-luyện-nhã

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, các Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã và trong thôn xóm thường làm bố-tát chung. Khi ấy, các Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã vào trong thôn bố-tát xong, liền đi. Họ đi không bao lâu thì có Tỳ-kheo khách đến, lại cũng bố-tát tại đó, rồi nghỉ đêm luôn ở đây. Sáng hôm sau, hai bên gặp nhau, liền hỏi:

Đêm hôm qua trưởng lão nghỉ ở đâu?

Nghỉ tại đây.

Thế còn bố-tát tại đâu?

Cũng tại đây.

Họ nghe thế, lòng sinh nghi, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép tại một chỗ mà bố-tát hai lần. Nếu ở A-luyện-nhã vào trong thôn bố-tát thì khi ra đi không được làm thỉnh mà phải dặn lại sa-di, hoặc người làm vườn, hoặc kẻ chăn bò, rằng: “Nếu sau đó có Tỳ-kheo đến thì nói cho họ biết là ở đây đã làm bố-tát rồi.” Nếu không có người, thì nên viết trên cột hoặc trên cánh cửa, hoặc rải hoa làm dấu. Người đến sau thì nên hỏi, tìm dấu vết. Nếu người ra đi không dặn dò, không làm dấu, còn người đến sau không hỏi, không tìm dấu vết thì cả hai đều phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là A-luyện-nhã.

28/ Không nên gọi dục mà gọi

(450a) Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo tập hợp đúng lúc thì gọi dục yết-ma, tập hợp phi thời thì gọi dục thanh tịnh. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau Ta không cho phép khi tập hợp đúng thời thì gọi dục yết-ma, khi tập hợp phi thời thì gọi dục thanh tịnh; trái lại, khi tập hợp phi thời nên gọi dục yết-ma, khi tập hợp đúng thời

nên gọi dục thanh tịnh. Đồng thời khi tập hợp đúng thời cũng có thể gọi cả hai loại dục, nói như sau: “Xin trưởng lão ghi nhớ cho, hôm nay Tăng bố-tát – ngày 14, hoặc ngày 15 – tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp xin gọi dục bố-tát thanh tịnh, mong trưởng lão nói giúp cho tôi.” (nói như vậy ba lần). Khi gọi dục yết-ma cũng nói ba lần. Nếu lúc tập hợp phi thời mà gọi dục thanh tịnh, lúc tập hợp đúng thời mà gọi dục yết-ma thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là không nên gọi dục mà gọi.

29/ Sông A-chi-la

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy, các Tỳ-kheo đi đến gần sông A-chi-la trải tọa cụ ngồi tụng giới. Thế rồi, nước sông dâng lên dần dần đến đầu gối, rồi lên cao ngang miệng, khiến họ cực khổ tận độ. Sau đó, họ trở về chỗ Phật, đem sự việc trên trình bày đầy đủ với Thế Tôn, rồi hỏi:

Bạch Thế Tôn, có thể đứng bố-tát được không?

Phật dạy:

Được. Được đi, đứng, ngồi, nằm bố-tát.

Đi bố-tát: Nếu Tỳ-kheo đi với khách buôn, đến ngày bố-tát mà gặp đoạn đường nguy hiểm, khách buôn không dám chờ, thì được vừa đi vừa bố-tát. Trước hết phải trừ tính xem đi đến chỗ nào mới tụng xong giới bản, hoặc dãy núi, hoặc tảng đá, thì lấy đó làm tiêu xí, rồi đưa cánh tay ra chạm vào nhau làm yết-ma định cương giới bố-tát. Khi làm yết-ma xong mới bố-tát. Đó gọi là bố-tát khi đi.

Đứng bố-tát: Nếu Tỳ-kheo đông mà không có giường ghế để ngồi thì tất cả đứng đưa cánh tay ra chạm vào nhau mà bố-tát. Đó gọi là đứng bố-tát.

Ngồi bố-tát: Có giường ghế dùng để ngồi bố-tát. Đó gọi là ngồi bố-tát.

Nằm bố-tát: Nếu Tỳ-kheo già bệnh không thể ngồi lâu, mà giường kê sát bên nhau, thì có thể nằm bố-tát. Đó gọi là nằm bố-tát. Tóm lại, đó gọi là sông A-chi-la.

30/ Mười một trường hợp không được gọi là gọi dục

1. Chuyển dục: Chẳng hạn nói: “Thưa trưởng lão, trước đây tôi có nhận dục của mõ giáp giờ xin chuyển lại trưởng lão, gồm luôn cả dục của tôi.” Đó gọi là chuyển dục.
2. Gởi dục qua đêm: Chẳng hạn ngày mai mới bố-tát mà hôm nay đã gởi dục. Đó gọi là gởi dục qua đêm.
3. Ở ngoài cương giới: Ra ngoài cương giới gởi dục. Đó gọi là ở ngoài cương giới.
4. Tỳ-kheo-ni: Gởi dục cho Tỳ-kheo-ni. Đó gọi là Tỳ-kheo-ni.
5. Chưa thọ Cụ túc: Gởi dục cho người chưa thọ Cụ túc. Đó gọi là chưa thọ Cụ túc.
6. Nhận dục rồi ra đi: Nhận dục rồi ra khỏi cương giới. Đó gọi là nhận dục rồi ra đi.
7. Gởi dục rồi ra đi: Gởi dục rồi ra khỏi cương giới. Đó gọi là gởi dục rồi ra đi.
8. Nhận dục rồi trả giới: Nhận dục xong rồi trả lại giới Cụ túc đã Thọ (hoàn tục). Đó gọi là nhận dục rồi trả giới.
9. (450b) Gởi dục rồi trả giới: Gởi dục cho người khác rồi trả giới cụ túc mà mình đã Thọ. Đó gọi là gởi dục rồi trả giới.
10. Mất dục: Tỳ-kheo bị bệnh gởi dục xong rồi, nghe trong Tăng có pháp sư thuyết pháp, luật sư giảng luật, liền thân hành đến nghe. Nhưng ngồi lâu mỗi mệt, liền lạng lẽ rời chỗ ngồi ra về, vì nghĩ rằng trước đây mình đã gởi dục rồi. Trường hợp này không thể gọi là gởi dục, phải gởi dục lại. Đó gọi là mất dục.
11. Hủy hoại chúng: Đến ngày bố-tát, Tỳ-kheo Tăng vân tập, các Tỳ-kheo không đến liền gởi dục thanh tịnh. Thế rồi,

gặp mưa gió dữ dội, hoặc bị lửa cháy, giặc cướp, do vậy, các Tỳ-kheo kinh hoàng bỏ đi hết. Trường hợp này không thể gọi là mang dục đến trong Tăng. Nhưng nếu còn một người ngồi lại, thì được gọi là mang dục đến trong Tăng. Tóm lại, đó là mười một trường hợp không được gọi là gởi dục.

31/ Bốn cách bố-tát

1. Một người thọ: Khi một Tỳ-kheo sống trong thôn xóm, đến ngày bố-tát cần phải quét Tháp và Thiền viện của Tăng. Nếu có người khác đến, thì nên dùng nước thơm rưới trên đất, đốt đèn, rải hoa, rồi chờ Tỳ-kheo khách. Nếu không ai đến mà mình có tội thì nên thầm nghĩ: “Khi nào gặp Tỳ-kheo thanh tịnh Ta sẽ đoạn trừ tội này đúng như pháp.” Thầm nghĩ thế rồi, quỳ gối, chắp tay, tâm niệm miệng nói: “Hôm nay Tăng bố-tát (hoặc ngày thứ 14, hoặc ngày thứ 15), tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp thanh tịnh thọ bố-tát.” (nói như thế ba lần). Đó gọi là một người thọ.
2. Hai người nói: Khi hai Tỳ-kheo ở trong thôn xóm, đến ngày bố-tát phải quét Tháp và Thiền viện của Tăng. Nếu có người đến thì nên dùng nước thơm rưới trên đất, rải hoa, đốt đèn. Nếu có tội thì phải sám hối lẫn nhau đúng pháp, rồi quỳ gối chắp tay, nói như sau: “Xin trưởng lão ghi nhớ cho, hôm nay Tăng bố-tát (hoặc ngày thứ 14, hoặc ngày thứ 15), tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp thanh tịnh.” Đó gọi là hai người nói.
3. Ba người nói: Cũng như trường hợp hai người ở trên.
4. Bốn người tụng đầy đủ: Khi bố-tát bốn người thì nên tụng đầy đủ giới bản. Đó gọi là tụng đầy đủ.

32/ Bốn cách tụng giới

1. Tụng từ bài tựa của giới cho đến hết bốn pháp Ba-la-di, (rồi nói:) “Những vấn đề khác Tăng đã thường nghe”, đoạn, tụng kệ kết thúc.

2. Tụng từ đầu đến hết mười ba pháp Tăng tàn, hai pháp Bất định, (rồi nói): “Còn những giới khác như Tăng đã thường nghe”, đoạn, tụng kệ kết thúc.
3. Tụng từ đầu đến hết ba mươi pháp Ni-tát-kỳ, (rồi nói): “Còn những giới khác như Tăng đã thường nghe”, đoạn, tụng kệ kết thúc.
4. Tụng từ đầu đến chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề, rồi tiếp tụng đầy đủ cho đến hết.

Đó gọi là bốn cách tụng.

33/ Khi bố-tát có bảy trường hợp nên ngăn cản

1. Người không ở chung;
2. Người hành Biệt trụ;
3. Người chưa thọ Cụ túc;
4. Chưa Thuyết dục;
5. Chưa điểm danh;
6. Vì vấn đề hòa hợp;
7. Sự hòa hợp chưa hoàn toàn.

Đó gọi là bảy trường hợp nên ngăn cản khi bố-tát.

34/ Khi bố-tát có hai trường hợp nên ngăn cản

1. Nếu thực hiện bố-tát thì (450c) Tăng sẽ đấu tranh nhau;
2. Tăng bị phá.

Đó gọi là hai trường hợp nên ngăn cản.

Tóm lại, trên đây là vấn đề bố-tát, gởi dục và nhận dục.



PHÉP AN CƯ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo du hành vào mùa mưa, dẫm đạp làm hại nhiều sinh vật, bị người đời chê trách rằng:

Chín mười sáu loại người xuất gia còn biết an cư, như chim ẩn mình nơi tổ, còn sa-môn Thích tử tự cho mình là tốt đẹp mà không an cư.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Như thế thật đáng bị người đời chê trách. Từ nay về sau, vào mùa mưa nên an cư. Phép an cư, cứ đến ngày 16 tháng tư, Tỳ-kheo nên trật vai áo bên phải, quỳ gối, chắp tay, nói với Tỳ-kheo khác như sau:

Xin trưởng lão ghi nhớ cho, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp, sẽ an cư ba tháng đầu mùa mưa tại Tăng già-lam này (nói như vậy ba lần). Nếu Tỳ-kheo đang đi đường chưa đến trú xứ mà tới ngày an cư, thì nên thọ an cư ở bên lề đường, hoặc nơi gốc cây, hoặc trên xe, rồi rạng đông hôm sau sẽ đến trú xứ.

Khi đến sau ngày an cư, nên trật vai áo bên phải, quỳ gối, chắp tay, nói như sau:

Xin trưởng lão ghi nhớ cho, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp, an cư ba tháng sau mùa mưa tại Tăng già-lam này. (nói như vậy ba lần).

Nếu Tỳ-kheo đi đường, đến ngày an cư mà không thọ tiền an cư thì phạm một tội Việt-tỳ-ni. Khi đến trú xứ tới ngày hậu an cư mà không thọ an cư thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni. Thế là người đó đã phá an cư, không được nhận y cúng dường.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ có Tỳ-kheo nương tựa thôn xóm để an cư mùa mưa, rồi người đàn việt trông coi

công việc của Tăng cần xả nước vào ruộng, bèn nhờ Tỳ-kheo đến xin vua tháo nước.

Lúc ấy, Tỳ-kheo mang theo y bát bên mình, đến cửa vua mấy lần mà không được yết kiến. Hơn nữa, đường xá lại xa xôi, nên thầy càng sợ trễ thời gian an cư. Đức Thế Tôn thấy thế, tuy biết, nhưng vẫn hỏi:

Ông là khách Tỳ-kheo phải không?

Thưa không phải, bạch Thế Tôn.

Ông là Tỳ-kheo ra đi phải không?

Thưa không phải, bạch Thế Tôn.

Thế thì vì sao mang theo y bát?

Tỳ-kheo bèn đem sự kiện kể trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau, khi an cư mùa mưa, nếu có người bận công việc của Tháp, của Tăng thì nên làm yết-ma cầu thỉnh. Người làm yết-ma nên bạch:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp an cư mùa mưa tại đây. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo mỗ giáp an cư mùa mưa tại đây – Vì công việc của Tháp của Tăng – được đi ra ngoài cương giới lo công việc rồi trở về lại trú xứ này.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp vì công việc của Tháp, của Tăng đi ra ngoài cương giới lo công việc rồi trở về lại trú xứ này an cư.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Nếu có trường hợp như trên vì tháp, vì Tăng, đi tìm kiếm các thứ như y, bát, bát nhỏ, tô, dây thắt lưng và tất cả các vật khác, thì ít nhất cũng phải tìm được một vật. Nếu không được gì cả, thì phạm tội Vi-et-tỳ-ni. Khi công việc xong nên trở về, hoặc nửa tháng, một

tháng, hai tháng, cho đến sau khi Tụ tứ phải trở về. Nếu không trở về thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu trên đường có bọn cướp nguy hiểm vì sợ mất mạng, phải Tụ tứ ở đó, thì không có tội. Đó gọi là phép An cư.



PHÉP TỤ TỨ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo du hành đến nước Câu-tát-la, thấy một khu rừng ở gần sông Cừ-ma-đế. Trong rừng có một cây tát-la to lớn, rỗng ruột, tàng cây rậm rạp sum sê, dưới cây bằng phẳng rộng rãi, cách thôn xóm không xa, không gần. Thấy thế, các Tỳ-kheo thầm nghĩ: “Ở đây an cư rất tốt.” Kể trước, người sau, ai nấy trông thấy cũng đều nghĩ thế. Đến ngày an cư, một Tỳ-kheo đến đó trước, dọn dẹp xung quanh cây khoảng khoát, đặt y bát, rồi trải cỏ mà ngồi. Trong chốc lát lại có Tỳ-kheo khác đến, hỏi:

Trưởng lão muốn an cư ở đây sao?

Thầy đáp:

Vâng, ở đây rất tốt.

Cứ tiếp tục như vậy đến sáu mươi người. Thế rồi, người đến trước hỏi các Tỳ-kheo đến sau:

Các trưởng lão đều muốn An cư ở đây cả sao?

Họ đáp:

Vâng, ở đây rất tốt. Trong cây này có thể cất được y bát, còn xung quanh bên trái bên phải thì đủ chỗ để an cư.

Khi thọ an cư xong, họ bàn nhau:

Thưa các trưởng lão, chúng ta nên quy định điều gì để được sống an lạc?

Mọi người đáp:

Đời sống phải lo âu khổ não đều do thân và miệng. Chúng ta đã được nơi yên tịnh thể này hãy cùng nhau im lặng, vậy hãy cam kết không được nói chuyện.

Sau khi cam kết không nói chuyện, họ tuân thủ suốt ba tháng, rồi an cư xong họ trở về thành xá-vệ, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng hầu một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Này các Tỳ-kheo, các ông an cư ở đâu?

Bạch Thế Tôn, tại chỗ xứ.

Có ít bệnh, ít khổ não, khát thực không khó khăn, hành đạo đúng pháp, sống an lạc không?

Bạch Thế Tôn, ít bệnh, ít khổ não, khát thực dễ dàng, sống an lạc, im lặng trong ba tháng, rồi từ biệt nhau ra đi.

Đó là việc xấu. Như thế chẳng khác gì oan gia sống với nhau, lẽ ra nên nói chuyện với nhau mới phải.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, A-na-luật, Kim-tì-lư, Bạt-đề cùng nhau an cư tại núi Thập. Khi an cư xong, họ trở về thành xá-vệ, đi đến chỗ Phật cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi đứng hầu một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Các ông an cư ở đâu?

Bạch Thế Tôn, tại chỗ xứ.

Này các Tỳ-kheo, có ít bệnh, ít khổ não, khát thực không khó khăn, hành đạo (451b) đúng pháp, sống an lạc không?

Bạch Thế Tôn, ít bệnh, ít khổ não, khát thực dễ dàng, sống im lặng an lạc ba tháng không nói chuyện, rồi từ biệt nhau.

Đó là việc xấu, giống như oan gia sống với nhau. Từ nay về sau Ta không cho phép không nói chuyện với nhau. Nếu muốn thuận lợi, ít việc thì có thể không nói trong nửa tháng; nhưng đến ngày bố-tát thì phải nói năng, chào hỏi, vấn an chúc tụng nhau. Qua

ngày bố-tát thì lại tiếp tục như trước. Nếu vì kiêu căng, giận dữ mà không nói chuyện với nhau thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo:

Kể từ hôm nay vì các đệ tử ta chế định phép Tụ tứ gồm các vấn đề: (1) Ba tháng; (2) Nói ba việc; (3) Kết thúc an cư; (4) An cư ở đâu Tụ tứ ở đó; (5) Từ Thượng tọa; 6/ Hòa hợp.

1/ Ba tháng: Từ ngày 16 tháng Tư đến ngày 15 tháng bảy.

2/ Nói ba việc: Thấy, nghe và nghĩ.

3/ Kết thúc an cư: Tiền an cư từ ngày 16 tháng Tư đến ngày 15 tháng bảy. Hậu an cư từ ngày 16 tháng năm đến ngày 15 tháng tám. Nếu trong chúng an cư có một người tiền an cư thì đến ngày 15 tháng bảy tất cả chúng đều đồng loạt thọ tụ tứ với người này. Nhưng khi Tụ tứ xong phải ở lại cho đến ngày 15 tháng tám. Nếu tất cả đều hậu an cư thì tất cả đều phải Tụ tứ vào ngày 15 tháng tám. Đó gọi là kết thúc an cư.

4/ An cư ở đâu Tụ tứ ở đó: Nếu Tỳ-kheo an cư trong thôn xóm rồi nghe trong thành đến ngày Tụ tứ có cúng dường các phẩm vật và thuyết pháp suốt đêm, mà cả chúng đều muốn đến dự thì nên Tụ tứ ngày 14 xong rồi mới đi. Nếu an cư nơi này mà Tụ tứ nơi khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

5/ Từ Thượng tọa: Không được theo thứ tự ngược từ nhỏ trở lên mà phải theo thứ tự từ Thượng tọa trở xuống; không được đặt người từng hàng theo lối sát thêm thức ăn; không được viết vế; không được xưng tổng quát rằng:

Tất cả đại đức Tăng nếu thấy nghe nghĩ tội thì tự do nói. Đó gọi là từ Thượng tọa.

Tăng nên cử một người thành tựu năm pháp làm người nhận Tụ tứ. Hoặc một, hoặc hai người, không thể nhiều hơn. Rồi người làm yết-ma nên bạch:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp, mỗ giáp thành tựu năm pháp. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cử Tỳ-kheo mỗ giáp, mỗ giáp làm người nhận Tự tứ.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp mỗ giáp làm người nhận Tự tứ, vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Người nhận yết-ma rồi nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Thời gian Tự tứ đã đến. Nếu thời gian của Tăng thích hợp thì tất cả Tăng đều thọ Tự tứ. Đây là lời tác bạch.

Thế rồi, người Tự tứ trước nhất bắt đầu từ Thượng tọa. Thượng tọa phải trật vai áo bên phải (451c) quỳ gối, chấp tay nói (với người nhận Tự tứ) như sau:

Xin trưởng lão ghi nhớ cho. Hôm nay ngày 15 Tăng Tự tứ. Tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp, nếu có tội do thấy, nghe hay nghi xin trưởng lão và Tăng xót thương nói cho Tôi biết. Nếu thấy biết mình có tội, tôi sẽ đoạn trừ đúng pháp” (nói như thế ba lần).

Kế tiếp đến người thứ hai. Người thứ hai này nếu là Hạ tọa thì phải cúi đầu sát dưới chân, nói (như trên, chỉ có tiếng Đại đức là khác). Nếu hai người cùng làm người nhận Tự tứ, thì một người nhận Thượng tọa Tự tứ, còn một người nên rời khỏi chỗ ngồi xuống đứng phía trước. Khi Thượng tọa nói Tự tứ xong thì tiếp đến Hạ tọa nói. Cứ như thế lần lượt theo thứ tự đến người cuối cùng. Bản thân người nhận Tự tứ phải Tự tứ trước, chứ không được nhận Tăng Tự tứ rồi mình mới Tự tứ sau.

6/ Hòa hợp: Không được thọ Tự tứ trong lúc Tăng không hòa hợp. Không được gởi dục thọ Tự tứ. Nếu có người bệnh thì phải đem họ đến. Nếu đem đến e nguy đến tính mạng thì Tăng nên tế tỳu bên giường (để Tự tứ). Nếu bệnh nhân nhiều thì nên khiêng cả giường đến, rồi đặt cạnh giường liên tiếp nhau. Nếu khiêng giường đến e lâm nguy đến tính mạng, thì các Tỳ-kheo không

bệnh nên ngồi nối tiếp nhau (từ chỗ người bệnh đến chỗ Tự tứ). Nếu ngồi không tiếp giáp, thì những Tỳ-kheo không bệnh nên ra ngoài cương giới Tự tứ; còn Tỳ-kheo bệnh thì Tự tứ trong cương giới. Trong trường hợp đại chúng đông, hoặc một vạn, hai vạn, thì nên vân tập tất cả một chỗ, hoặc là giảng đường, trai đường, nhà tắm để *thọ Tự tứ*. Còn những người khác thì vừa rửa răng, vừa đi đại tiểu tiện, vừa ăn, cứ như thế suốt ngày thông qua đêm, đều phải ở nơi đó mà Tự tứ cho đến trước rạng đông hôm sau, không được rời khỏi chỗ, không được đi xa. Nếu đại chúng đông đến sáu vạn, tám vạn người, sợ làm không rốt ráo, thì nên đem bớt một số ra ngoài cương giới Tự tứ. Hoặc một người thọ Tự tứ, hoặc hai người nói, hoặc ba người, bốn người nói Tự tứ. Còn trường hợp năm người thì phải Tự tứ đầy đủ.

Một người thọ: Khi một Tỳ-kheo An cư trong thôn xóm, đến ngày Tự tứ phải quét Tháp và Tăng viện. Nếu có người đến thì nên dùng nước thơm rưới trên đất, rải hoa, đốt đèn. Nếu bản thân có tội thì nên thẩm nhủ: “Nếu gặp được Tỳ-kheo thanh tịnh đến thì ta sẽ đoạn trừ tội này đúng như pháp.” Thẩm nhủ như thế rồi, phải quỳ gối, chấp tay, tâm niệm, miệng nói: “Nay Tăng Tự tứ ngày 15, tôi là Tỳ-kheo mổ giáp thanh tịnh thọ Tự tứ” (nói như vậy ba lần).

Hai người nói: Khi có tội thì sám hối với nhau đúng pháp, rồi trật vai áo bên phải, quỳ gối, chấp tay, nói: “Xin trưởng lão ghi nhớ cho, hôm nay Tăng Tự tứ ngày 15, nếu tôi có tội do thấy, nghe hoặc nghĩ, xin trưởng lão xót thương nói cho tôi biết. Nếu tôi tự thấy hay biết mình có tội, tôi sẽ đoạn trừ đúng pháp” (nói như thế ba lần).

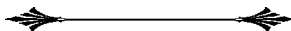
Trường hợp ba người, bốn người cũng nói như trên. Nhưng trường hợp năm người thì nên Tự tứ đầy đủ. (452a) Tóm lại, trên đây là phép Tự tứ.

*

Hết quyển thứ hai mươi bảy

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 28

PHẨM TẠP TỤNG (tiếp theo)

VẤN ĐỀ Y CA-HI-NA

Khi Phật an trú tại Câu-thiểm-di, vườn Cù-sư-la, được Chư Thiên và người đời cúng dường. Bấy giờ, phu nhân của vua Câu Thiểm Di đem 500 tấm lụa dâng cúng cho Thế Tôn. Phật bèn bảo A-nan:

Ông đem các tấm lụa này cho các Tỳ-kheo.

Nhưng các Tỳ-kheo không lấy, nói với A-nan:

Đức Thế Tôn không cho phép cắt vải thừa, dùng lụa này để làm gì? Hơn nữa, nó cũng chưa được giặt nhuộm, lại càng không hợp pháp.

A-nan bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với A-nan:

Từ nay trở về sau, Ta cho phép cắt vải thừa trong 10 ngày.

Thế rồi, các Tỳ-kheo cắt các vải ấy đủ 10 ngày, bèn cầm đến bạch với Phật:

Các vải này đã cắt đủ 10 ngày, bạch Thế Tôn!

Phật liền dạy:

Từ nay trở về sau, Ta cho phép thọ y Ca-hi-na. Y Ca-hi-na có các trường hợp: thời gian; chúng Tăng nhiều người, một người; năm

việc lợi ích; mới; chưa thọ; bất định; tiết tịnh; nhiễm tịnh; điểm tịnh; đao tịnh.

1/ Thời gian: Thời gian thọ y Ca-hi-na từ 16 tháng 7 đến 15 tháng 8. Đó gọi là thời gian.

2/ Chúng Tăng: Chúng Tăng làm y Ca-hi-na thì không được cho nhiều người, không được cho một người; nhiều người làm y Ca-hi-na thì không được cho một người.

3/ Năm việc lợi ích: Khởi phạm năm tội sau đây: được ăn riêng chúng; được ăn nhiều chỗ; trước bữa ăn, sau bữa ăn đi đâu không cần bạch với chúng; được cất vải lâu ngày; được rời y mà ngủ. Đó gọi là năm việc lợi ích.

4/ Mới: Vải mới.

5/ Chưa thọ: Chưa từng dùng làm ba y.

6/ Bất định: Y tịnh thí khi xả rồi được dùng làm y Ca-hi-na. Đồng thời các loại y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, y che ghê, y tắm mưa và những tấm vải được may thêu mà chưa sử dụng đều được dùng làm y Ca-hi-na.

7/ Tiết tịnh: Cắt các tua để tác tịnh.

8/ Nhiễm tịnh: Nhuộm để tác tịnh.

9/ Điểm tịnh: Chấm ở góc để tác tịnh.

10/ Đao tịnh (452b): Dùng dao cắt ba nhát, đứt ba sợi, cách đầu góc tấm vải chừng bốn ngón tay, đó gọi là đao tịnh.

Nếu đàn việt cúng dường cho Tăng vải may y Ca-hi-na, thì không được im lặng thọ nhận, mà người thọ nhận nên nói như sau:

Nay tôi nhận vải để may y Ca-hi-na này cho Tăng.

Khi nhận xong, đem vào giữa Tăng, tay cầm tấm vải căng ra, giơ cao lên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Nay Tăng được tẩm vải này, nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nhận lấy tẩm vải này để may y Ca-hi-na. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Nay Tăng được tẩm vải này, Tăng nhận tẩm vải này để may y Ca-hi-na này. Các đại đức nào bằng lòng nhận lấy tẩm vải này để may y Ca-hi-na này thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Tăng đã bằng lòng nhận lấy tẩm vải này để may y Ca-hi-na xong, vì im lặng, tôi ghi nhận việc này như vậy.

Khi nhận xong, xem trong Tăng ai có thể may y Ca-hi-na được thì làm yết-ma giao cho một, hai hoặc ba người. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Nay Tăng được tẩm vải này. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cử Tỳ-kheo mổ giáp, mổ giáp và những người khác may y Ca-hi-na cho Tăng. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức tăng lắng nghe. Nay Tăng được tẩm vải này, Tăng nay cử Tỳ-kheo mổ giáp, mổ giáp và những người khác may y Ca-hi-na cho Tăng. Các đại đức nào bằng lòng Tỳ-kheo mổ giáp, mổ giáp và những người khác may y Ca-hi-na cho Tăng thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng cử Tỳ-kheo mổ giáp, mổ giáp may y Ca-hi-na cho Tăng xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Một người làm chủ trong số những người làm yết-ma, khi nhận tẩm vải này, nên nói như sau:

Nhận tẩm vải may y Ca-hi-na này, Tăng nên nhận (nói như vậy ba lần).

Khi giặt nên nói như sau:

Giặt y Ca-hi-na này, Tăng nên nhận.

Khi cắt, khi may, khi nhuộm, khi điểm tịnh tùy theo việc làm gì đều nói như trên.

Người dùng dao điểm tịnh, khi hạ dao cắt cách đầu góc tám vải bốn ngón tay, nên nói như sau:

Y Ca-hi-na này Tăng nên thọ (nói ba lần như thế).

Khi làm các việc khác cũng phải nói như thế. Nếu tác tịnh mà không nói thì cũng được gọi là y Ca-hi-na, nhưng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu làm các việc đều nói mà không tác tịnh, thì không được gọi là y Ca-hi-na, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu mỗi việc làm đều khởi tâm tác tịnh, thì được gọi là y Ca-hi-na, không có tội.

Nếu Tăng được y đúng thời, làm xong, thì tất cả nên hòa hợp. Người làm yết-ma nên cầm y xổ ra, đưa cao lên, nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Nay Tăng được y này đã làm xong. Nếu thời gian của Tăng đã đến, (452c) Tăng nay thọ y Ca-hi-na này. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức tăng lắng nghe. Nay Tăng được y này đã làm xong. Tăng nay thọ y Ca-hi-na này. Các đại đức nào bằng lòng thọ y Ca-hi-na này thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng thọ y Ca-hi-na xong, vì im lặng; tôi ghi nhận việc này như vậy.

Khi thọ y xong, nên xếp lại bỏ vào rương, rải hoa lên trên, rồi từ Thượng tọa trở xuống theo thứ tự, nói lời tùy hỷ như sau:

Xin trưởng lão ghi nhớ cho, Tăng ở trú xứ này thọ y Ca-hi-na, tôi Tỳ-kheo mỗi giáp xin tùy hỷ thọ cho đến hết bốn tháng mùa Đông. Khi ở trú xứ này hết thời hạn, tôi sẽ xả (nói như vậy ba lần).

Nếu đại chúng đông đến một vạn, hai vạn người, tập hợp khó khăn, thì nhiều người được thọ y Ca-hi-na riêng, nhưng tất cả phải làm như đại chúng, chỉ có gọi tiếng nhiều người là khác thôi. Tuy nhiên, từ bốn người trở lên thì không được làm riêng. Nếu chỉ có một người làm thì khi thọ nên nói:

Nay tôi xin nhận tám vải làm y Ca-hi-na này (nói như vậy ba lần).

Khi cắt nên nói như sau:

Y Ca-hi-na này nay tôi xin thọ.

Khi may, khi giặt, khi nhuộm, khi điểm tịnh, khi cắt làm dấu tác tịnh đều nói như trên.

Khi làm hoàn thành, tâm nghĩ miệng nói:

Tôi là Tỳ-kheo mổ giáp, thọ y Ca-hi-na này (nói như vậy ba lần).

Vấn đề thọ y Ca-hi-na có các trường hợp: Có trường hợp khi làm mà không phải khi thọ; Có trường hợp khi thọ mà không phải khi làm; Có trường hợp khi làm cũng là khi thọ; Có trường hợp không phải khi làm, cũng không phải khi thọ.

1. Khi làm mà không phải khi thọ: Trong đây có khi cầm để làm mà không phải cầm để thọ trì, cũng được gọi là thọ.
2. Khi thọ mà không phải khi làm: Khi cầm để thọ trì mà không phải cầm để làm, cũng được gọi là thọ.
3. Khi làm cũng là khi thọ: Khi cầm để làm cũng là khi cầm để thọ. Đó gọi là khi làm cũng là khi thọ.
4. Không phải khi làm, cũng không phải khi thọ: Không phải thọ ngay khi cầm để làm, cũng không phải thọ khi thọ.

Khi thọ nên tùy hỷ, nói: Xin trưởng lão ghi nhớ cho, trú xứ này Tăng thọ y Ca-hi-na, tôi là Tỳ-kheo mổ giáp xin tùy hỷ thọ đến hết bốn tháng mùa đông, tùy theo trú xứ này mãn hạn, tôi sẽ xả. Đó là những vấn đề thuộc y Ca-hi-na.

*

CHẲNG PHẢI Y CA-HI-NA

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ tôn giả Tôn-đà-la-nan-đa dùng vải thừa làm y Ca-hi-na. Phật dạy:

Ta không cho phép dùng vải thừa làm y Ca-hi-na.

Khi ấy tôn giả A-nan-đà dùng nhung kiếp bối làm y Ca-hi-na. Lại có Tỳ-kheo dùng một miếng vải nhỏ để làm. Lại có Tỳ-kheo dùng vải cũ để làm. Lại có Tỳ-kheo dùng mền bằng lông dê để làm (453a) Lại có Tỳ-kheo dùng mền bằng tóc để làm. Lại có Tỳ-kheo dùng áo bằng cỏ để làm. Lại có Tỳ-kheo dùng áo bằng da để làm. Lại có Tỳ-kheo dùng áo bằng vỏ cây để làm. Lại có Tỳ-kheo dùng áo bằng miếng gỗ để làm. Phật dạy:

Tất cả những thứ vừa kể trên đều không nên làm. Tất cả những thứ ấy đều chẳng phải là y, không thể gọi là y Ca-hi-na.

Lại có các trường hợp không thể gọi là y Ca-hi-na như sau:

Làm lúc phi thời.

Không cắt bỏ các tua cho sạch.

Không nhuộm cho sạch.

Không điểm tịnh.

Không dùng dao tác tịnh.

Những trường hợp như vậy đều không được gọi là y Ca-hi-na.



THỂ THỨC XẢ Y CA-HI-NA

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo thường thường thay y, trước bữa ăn, mặc một y khác, sau bữa ăn, mặc một y khác. Phật biết nhưng vẫn hỏi: Những y mà ông thường thường thay đổi là y của ai vậy?

Bạch Thế Tôn! Đó là y của con.

Vì sao nhiều quá vậy?

Vì con thọ y Ca-hi-na.

Vì sao lúc nào ông cũng thọ y Ca-hi-na? Từ nay về sau phải xả bỏ. Có 10 trường hợp xả y như sau: (1) Y cánh xả; (2) Thọ thời xả; (3) Thời cánh xả; (4) Văn xả; (5) Tổng xả; (6) Hoại x; (7) Thất xả; (8) Xuất khứ xả; (9) Thời quá xả; (10) Cứu cánh xả.

Y cánh xả: Khi thọ y Ca-hi-na, nghĩ như sau: “Khi ta may y xong sẽ xả y Ca-hi-na”, thì khi may y hoàn thành, tức là xả. Đó gọi là y cánh xả.

Thọ thời xả: Khi thọ y, suy nghĩ: “Khi ta thọ y này sẽ xả y Ca-hi-na”, thì khi thọ y tức là xả. Đó gọi là thọ thời xả.

Thời cánh xả: Nếu suy nghĩ: “Đến thời gian ấy ta sẽ xả y Ca-hi-na”, thì khi tới thời gian ấy tức là xả. Đó gọi là thời cánh xả.

Văn xả: Nếu suy nghĩ: “Khi nào ta nghe Hòa thượng, A-xà-lê xả y Ca-hi-na thì ta sẽ xả.” Sau đó nghe Hòa thượng, A-xà-lê nói: “Hôm nay Tăng xả y Ca-hi-na”, thì khi ấy tức là xả. Đó gọi là văn xả.

Tổng xả: Nếu suy nghĩ: “Khi nào ta đem cái y này cho người khác xong thì sẽ xả y Ca-hi-na”, sau đó đem cho cái y của mình, tức là xả. Đó gọi là tổng xả.

Hoại xả: Trong thời gian sau khi thọ y Ca-hi-na rồi, bỗng nhiên một hôm nói: “Nay ta xả y Ca-hi-na”, thì khi nói lời ấy tức là xả. Đó gọi là hoại xả.

Thất xả: Nếu suy nghĩ: “Khi nào cái y này hư, hoặc mất không còn nữa thì ta sẽ xả y Ca-hi-na”, sau đó chiếc y ấy bị hư hoặc mất, tức là xả. Đó gọi là thất xả.

Xuất khứ xả: Nếu suy nghĩ: “Khi nào ta rời khỏi đây thì sẽ xả y Ca-hi-na”, thì khi ra đi tức là xả. Đó gọi là xuất khứ xả.

Thời quá xả: (453b) Nếu tới ngày 15 tháng chạp mà không xả, để đến ngày 16 đương nhiên là xả, nhưng phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là thời quá xả.

Cứu cánh xả: Đến ngày 15 tháng chạp đương nhiên phải xả. Một người nên xướng ở giữa Tăng như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Hôm nay Tăng xả y Ca-hi-na. (nói như vậy ba lần). Đó gọi là Cứu cánh xả. Trên đây là 10 trường hợp xả y Ca-hi-na.



VẤN ĐỀ Y PHÁP

Có các trường hợp sau đây: (1) Trong lúc an cư chưa xong; (2) Khi an cư xong; (3) Trong lúc đang an cư; (4) Vì sợ mất mạng; (5) Vì sợ mất phạm hạnh; (6) Y phi thời; (7) Y đúng thời; (8) Việc xảy ra ở Câu-thiểm-di.

1. Trong lúc an cư chưa xong

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo an cư trong thôn xóm chưa kết thúc mà đến nhà đàn việt, nói như sau:

Này lão trượng! Hãy cúng dường y an cư cho tôi.

Thưa tôn giả! Nay chưa đúng lúc, đợi khi an cư kết thúc, mùa màng thu hoạch xong, nhân dân hoan hỷ nghĩ nhớ công ơn, phát tâm bố thí, thì bấy giờ mới có thể bố thí được.

Này lão trượng! Ông không biết rằng cuộc đời này vốn vô thường, hoặc bị nạn vua quan, nạn nước lửa, hoặc bị cướp bóc, lúc ấy tôi sẽ mất lợi mà ông cũng mất phước.

Tôn giả chỉ cho tôi thấy lẽ vô thường mà không tự thấy chính mình. Tôn giả muốn được gấp phẩm vật an cư để đem đi nơi khác, hay là muốn thôi tu mà gấp gáp đến như vậy? Kỳ thay, quái gở, nhiều tham dục không biết chán.

Ông nói thế rồi, sinh tâm không hoan hỷ, bèn bỏ đi. Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bèn hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy. Bạch Thế Tôn!

Này các Tỳ-kheo! Vì sao an cư chưa kết thúc mà các ông đòi cúng dường y an cư? Từ nay về sau, Ta không cho phép an cư chưa kết thúc mà đòi cúng dường y an cư. Nếu ai làm như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là trường hợp an cư chưa xong.

2. Khi an cư xong

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở Tinh xá Kỳ hoàn an cư xong bèn chia y An cư. Lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo an cư tại chỗ khác xong, liền đến giữa Tăng chúng Kỳ hoàn, nói như sau: “Thưa trưởng lão, đức Thế Tôn chế định khi an cư xong sẽ được phần y an cư. Tôi cũng đã an cư xong, đương nhiên phải được y an cư. Vậy hãy chia phần y an cư cho tôi.”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

An cư nơi khác thì đương nhiên không được phần y an cư nơi này. Tùy theo an cư nơi nào thì nhận phần nơi đó. Đó là trường hợp an cư xong.

3. Trong lúc đang an cư

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo đến ngày an cư, (453c) bèn nhận phòng xá, rồi đem giày da, dụng cụ để nhuộm và các vật linh tinh khác bỏ vào trong phòng, đoạn, nói như sau:

Thưa các trưởng lão, tôi an cư nơi đây. Các vị chớ có chán ghét tôi. Tôi biết các vị thường không ưa tôi.

Thế rồi, họ thuê người nhận phần y an cư. Đoạn, tìm nơi khác an cư.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Hễ an cư ở nơi nào thì nhận phần y ở nơi đó.

4. Vì sợ mất mạng

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tại Tỳ-xá-ly gặp nạn đói lớn, khát thực khó khăn. Các Tỳ-kheo bèn đi đến thành xá-vệ, gặp lúc các Tỳ-kheo ở Tinh xá Kỳ hoàn vừa an cư xong, đang chia y. Các Tỳ-kheo ở Tỳ-xá-ly bèn vào tham dự. Các Tỳ-kheo ở Kỳ-hoàn hỏi:

Thưa các trưởng lão! Đức Thế Tôn chế định hễ an cư ở nơi nào thì được nhận phần y ở nơi đó. Vậy các vị an cư ở đâu?

Thưa trưởng lão! Chúng tôi sợ mất mạng nên mới đến đây. Nếu không đến đây thì e đói chết mất.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Nếu vì sợ mất mạng mà đến thì nên chia phần y. Đó gọi là trường hợp sợ mất mạng.

5. Vì sợ mất phạm hạnh

Bấy giờ tại thành Vương-xá có một người con của ngoại đạo xuất gia. Khi ấy, cha mẹ muốn đến đem con về nhà thì những người khác nói:

Sa-môn rất trọng việc an cư, trong lúc an cư ắt hẳn không gây trở ngại gì, bấy giờ hãy đem về.

Người chị vì thâm tín Phật pháp nên nói với em:

Cha mẹ muốn đem em về nhà, vậy hãy nhanh chóng lánh đi nơi khác.

Người em bèn đi đến thành xá-vệ, gặp lúc các Tỳ-kheo ở Tinh xá Kỳ hoàn vừa an cư xong, đang chia y. Thấy Tỳ-kheo ấy bèn vào tham dự. Các Tỳ-kheo ở Kỳ hoàn hỏi:

Này trưởng lão! Đức Thế Tôn chế định hễ an cư ở nơi nào thì được nhận phần y ở nơi đó, (ngoại trừ trường hợp ở nơi khác) sợ bị mất mạng mà đến mới được chia phần. Còn thấy thì như thế nào?

Vì cha mẹ muốn đem tôi về nhà, nếu tôi không đến đây thì sẽ mất phạm hạnh.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Nếu vì sợ mất phạm hạnh mà đến thì nên cho phần y. Đó gọi là sợ mất phạm hạnh.

6. Y phi thời

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo đi du hành trong nhân gian, chở đầy xe y đi đến. Phật biết mà vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Y của ai thế?

Bạch Thế Tôn! Đó là y của con.

Đây là y đúng thời hay y phi thời?

Bạch Thế Tôn! Đây là y phi thời.

Đã tịnh thí chưa?

Bạch, chưa.

Tất cả các y đó nên cho chúng Tăng.

Đó gọi là y phi thời.

7. Y đúng thời

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo đi du hành trong nhân gian, chở đầy xe y đi đến. Phật biết mà vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Đó là y của ai vậy?

(454a) Bạch Thế Tôn! Đó là y của con.

Đây là y đúng thời hay y phi thời?

Đây là y đúng thời.

Y này nhiều quá, đem cho Tăng bớt một nửa.

Đó gọi là y đúng thời.

8. Việc xảy ra tại Câu Thiểm Di

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Lúc ấy, quân của nước Câu-tát-la cướp lấy xóm làng Câu Thiểm Di, rồi kéo về thành xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo ở Tinh xá Kỳ hoàn (thuộc xá-vệ) đến xóm làng này đòi y cúng dường an cư. Các Tỳ-kheo ở Câu Thiểm Di trước đó đã an cư tại xóm làng này, bèn nói:

Này trưởng lão! Trước đây tôi nương nơi xóm làng này mà an cư, lẽ ra tôi phải đòi trước.

Thế là hai người cãi nhau, rồi cùng kéo đến chỗ Phật, đem sự việc trên trình bày đầy đủ với Thế Tôn. Phật liền dạy:

Ai an cư tại đó thì được quyền đòi trước, rồi mới đến người khác. Nếu hai người cùng đòi thì nên cùng chia đều. Nếu Tỳ-kheo an cư tại đó chưa đòi mà người khác đòi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại nữa, lúc bấy giờ có hai đệ tử đồng hành của tôn giả Kiếp Tân Na nhân vì có việc bất bình nên xả giới, nhưng không hủy hoại phạm hạnh, rồi sau đó thọ Cụ túc trở lại. Khi ấy, các Tỳ-kheo ở Kỳ hoàn an cư xong, chia y mà không chia cho họ, nên họ nói:

Thưa trưởng lão! Vì có việc bất bình nên tôi xả giới, nhưng không hủy hoại phạm hạnh, rồi thọ Cụ túc trở lại. Vậy nên chia phần cho chúng tôi.

Thế rồi họ cùng đi đến, bạch với Phật. Phật dạy:

Nếu người nào có việc bất bình mà xả giới, nhưng không hủy hoại phạm hạnh, rồi thọ Cụ túc trở lại, thì nên chia phần đồng đều. Thế nhưng, có năm trường hợp không nên cho. Đó là: (1) Bị cử; (2) Thôi tu; (3) Qua đời; (4) Phá an cư; (5) Đi không dặn lại.

Bị cử: Phạm một trong ba kiến giải, hủy báng Kinh điển, tà kiến, biên kiến, được khuyên can mà không bỏ lỗi, bị làm yết-ma cử tội. Đó gọi là bị cử.

Thôi tu: Người nào xả giới thì không nên cho. Nhưng nếu họ dựa thế lực của nhà vua, đại thần hay đảng cướp, nói như sau: Nếu sa-môn không chia phần cho tôi, thì tôi sẽ gây ra chuyện rắc rối.

Với hạng người như thế tuy không đáng cho ta cũng nên cho. Đó gọi là người thôi tu.

Qua đời: Người chết thì đương nhiên không được chia phần. Tuy nhiên, khi y an cư đã tập trung chưa chia, mà có người sắp mệnh chung rồi căn dặn đem phần mình cho người nào đó, thì khi người ấy qua đời, nên đem cho người đó. Đó gọi là qua đời (vô thường).

Phá an cư: Tỳ-kheo không tiền an cư, không hậu an cư đương nhiên không được chia phần. Nhưng nếu họ dựa thế lực của nhà vua, đại thần hay bọn giặc mà nói rằng: “Nếu không cho tôi, tôi sẽ gây ra chuyện rắc rối”, thì hạng người như vậy tuy không đáng cho, cũng nên cho. Đó gọi là phá an cư.

Đi không dặn lại: Người ra đi mà không dặn ai lấy giúp phần y của mình, thì không nên cho. Khi chia, người chia phẩm vật nên hỏi: “Ai nhận phần cho mỗi giáp?” Nếu có người nhận thì nên hỏi: “Khi vị ấy đi có dặn thầy nhận không?” Nếu trả lời: “Không dặn”, (454b) thì nên nói: “Thầy đừng lo về việc ấy.” Nếu nói: “Có dặn”,

thì nên xem tướng người ấy. Nếu là người đáng tin, thì nên đưa. Nếu là người không đáng tin thì nên nói: “Thầy đừng lo về việc ấy.” Nếu hai người ấy trước đây đồng chí hướng, thường nhận giúp cho nhau, thì nên đưa. Đó gọi là năm trường hợp.



PHẨM VẬT THUỘC TĂNG HIỆN TIỀN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có một Tỳ-kheo an cư xong, trở về thăm quê hương của mình. Những người bà con bèn thiết lễ cúng dường rộng rãi các y vật nhân dịp Tỳ-kheo này về thăm. Chư Tăng trước đây an cư nơi xóm làng này nghĩ rằng vì mình an cư nên được cúng dường, do đó, không chia phần cho vị Tỳ-kheo kia. Các người bà con bèn hỏi thầy:

Thầy có được phần y không?

Không được.

Chúng tôi vì thầy mà thiết lễ cúng dường này, tại sao lại không được?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Đàn việt vì Tỳ-kheo này mà thiết lễ cúng dường, vậy nên chia phần cho thầy ấy.

Rồi Phật tiếp:

Có năm cách nói khi cúng dường như sau: Y này cúng dường cho chúng Tăng an cư; Tiền sắm y này cúng dường cho chúng Tăng an cư; Phẩm vật này cúng dường cho chúng Tăng an cư; Số tiền sắm vật dụng này cúng dường cho chúng Tăng an cư; Cúng dường cho những người an cư ở trú xứ này.

Đó gọi là năm cách nói cúng dường.

Nếu gia đình bố thí muốn cúng dường chung cho các Tỳ-kheo khác, thì tùy theo ý nguyện của đàn việt, nên cho đều.

Lại có bốn thứ phẩm vật tùy theo thí chủ nói mà thuộc về Tăng hiện tiền. Đó là khi họ nói:

Tôi cúng dường y; tiền sắm y; phẩm vật; tiền sắm vật dụng.

Đó gọi là bốn thứ phẩm vật thuộc Tăng hiện tiền.

Lại có mười loại khi nhận được phải thuộc về Tăng hiện tiền. Đó là: (1) Thuốc dùng đúng thời; (2) Thuốc dùng ban đêm; (3) Thuốc dùng trong bảy ngày; (4) Thuốc dùng suốt đời; (5) Vật của Tỳ-kheo qua đời; (6) Vật bố thí cho trú xứ; (7) Vật cúng dường trong các dịp đại hội; (8) Y phi thời; (9) Vật linh tinh; (10) Mời thọ trai.

Thuốc dùng đúng thời: bữa ăn trước, bữa ăn sau, bữa ăn a ba na, Tăng hiện tiền có quyền thọ hưởng. Đó gọi là thuốc (thức ăn) đúng thời.

Thuốc dùng ban đêm: Gồm 14 loại nước uống như trước kia đã nói. Đó gọi là thuốc dùng ban đêm.

Thuốc dùng trong bảy ngày: Sữa, dầu, mật, đường phèn, sữa tươi, mỡ, như trước kia đã nói rõ. Đó gọi là thuốc dùng trong bảy ngày.

Thuốc dùng suốt đời: Ha-lê-lặc, Bì-hê-lặc, A-ma-lặc như trong giới thứ hai đã nói rõ. Đó gọi là thuốc dùng suốt đời.

Vật của Tỳ-kheo qua đời: Khi Tỳ-kheo qua đời, thì y bát và các vật linh tinh thuộc quyền thừa hưởng của Tăng chúng hiện tiền. Đó gọi là vật của Tỳ-kheo qua đời.

Vật cúng dường cho trú xứ: Nếu đàn việt xây phòng Tăng, Tinh xá, rồi mở đại hội đem trú xứ ấy và các vật khác cúng dường, thì Tăng hiện tiền được quyền thừa hưởng. Đó gọi là vật cúng dường cho trú xứ.

Vật thu nhận trong dịp đại hội: Trong các dịp đại hội như Phật đản sinh, Phật thành đạo, Chuyển pháp luân, A-nan, La-hầu-la, năm năm đại hội một lần, các vật cúng dường trong những dịp ấy, Tăng (454c) hiện tiền được quyền thừa hưởng.

Y phi thời: Nếu không có y Ca-hi-na thì 11 tháng, nếu có y Ca-hi-na thì 7 tháng; những vật cúng dường trong thời gian ấy, Tăng hiện tiền được quyền hưởng dụng. Đó gọi là y phi thời.

Những vật linh tinh: Bát, sớng đựng bát, đai lưng, dao, hộp sắt, giày da, chai đựng dầu, túi da, chén, bình tưới, những vật cúng dường linh tinh như thế, Tăng hiện tiền được quyền nhận. Đó gọi là vật linh tinh.

Mời thọ trai: Đàn việt mời Tăng theo thứ tự đến nhà họ cúng dường trai phạn. Đó gọi là mời thọ trai.

Trên đây là 10 trường hợp Tăng hiện tiền được quyền hưởng dụng.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy các Tỳ-kheo may y mà không cắt các tua vải, như đã nói rõ về ba loại hoại sắc trong giới Ba-dạ-đề ở trên.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có một Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Cho phép con mặc một y để ít ham muốn, ít bận bịu.

Phật nói với thầy:

Ông giữ gìn ba y, bình bát, là ít ham muốn, ít bận bịu rồi.

Lại có Tỳ-kheo nói:

Cho phép con mặc hai y.

Lại có Tỳ-kheo nói:

Cho phép con dùng mền bằng lông dê.

Lại có Tỳ-kheo nói:

Cho phép con dùng mền bằng tóc.

Lại có Tỳ-kheo nói:

Cho phép con dùng mền bằng lông đuôi ngựa.

Lại có Tỳ-kheo nói:

Cho phép con mặc y phục bằng cỏ.

Lại có Tỳ-kheo nói:

Cho phép con mặc y phục bằng vỏ cây.

Lại có Tỳ-kheo nói:

Cho phép con mặc y phục bằng da.

Phật dạy:

Tất cả các loại y phục kể trên đều không được mặc.

Lại có Tỳ-kheo nói:

Cho phép con sống lỏa thể, ít ham muốn, ít bận bịu.

Phật dạy:

Này Tỳ-kheo! Đó là phép tắc của ngoại đạo. Chỉ cần giữ gìn ba y, bình bát tức là ít ham muốn, ít bận bịu rồi.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo mặc y màu sắc lộng lẫy, bị người đời chê trách rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mặc y màu sắc lộng lẫy chẳng khác gì người thế tục.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền dạy:

Ta không cho phép mặc y có màu sắc lộng lẫy. Màu sắc lộng lẫy tức là nhuộm bằng khâu khur, nhuộm bằng Ca-di-già, Câu-bỉ-la, Lặc-xoa, Lô-đà-la, Phi-uất-kim, hồng lam, màu xanh, màu trắng, màu hoa, tất cả những màu sắc lộng lẫy đều không cho dùng. Chỉ

nên dùng rễ, lá, hoa, vỏ cây để nhuộm, tối thiểu là dùng nước của đá mài để nhuộm.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành vương-xá, Ngài đi kinh hành trước hang đá của trời Đế thích, thấy những bờ ruộng lúa ở Ma-kiệt-đề rõ ràng, chênh lệch nhau rất hợp lý. Thấy thế, Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Y pháp của chư Phật Như Lai Ứng cúng Chánh biến tritrong quá khứ đều như thế đó. (455a) Từ nay về sau khi may y nên theo cách thức ấy.

Lại nữa, khi ấy tôn giả Đại Ca-diếp may y Tăng-già-lê, đức Thế Tôn tự tay cầm lấy, tôn giả A-nan cắt, rồi có Tỳ-kheo khâu lại, có Tỳ-kheo may đường ngắn, có Tỳ-kheo may đường dài, có Tỳ-kheo may đường viền, có Tỳ-kheo kết khuy.

Lại nữa, có Tỳ-kheo may y rồi vẽ lá cây lên y. Phật dạy:

Ta không cho phép vẽ lá cây trên y.

Lại có Tỳ-kheo may y nhiều lớp. Phật dạy:

Ta không cho phép may y nhiều lớp, phải cắt bỏ đi.

Lại có Tỳ-kheo may y kết dính hai đầu lại. Phật dạy:

Ta không cho phép may kết dính hai đầu lại mà nên may kết lại từng tấm. Tấm rộng nhất bằng bốn ngón tay, tấm hẹp nhất bằng hạt lúa lớn.

Lại có Tỳ-kheo may các điệp hướng về một bên. Phật dạy:

Ta không cho phép như vậy cần phải rẽ các điệp ra hai bên.

Lại có Tỳ-kheo may y các điều tương bằng nhau. Phật dạy: Ta không cho phép như vậy. Y năm điều nên một dài một ngắn. Y bảy điều cho đến 13 điều nên may hai dài, một ngắn. Y 15 điều nên may ba dài, một ngắn.

Lại có Tỳ-kheo may y rồi khâu dính các biên vải vào y. Phật dạy: Ta không cho phép như vậy. Y ở phía sau nên để thông thoáng; nên làm như răng ngựa.

Có Tỳ-kheo y ở biên trên và biên dưới bị rách. Phật dạy: Nên may viền ở các mép y.

Có Tỳ-kheo may y bốn màu sắc. Phật dạy: Ta không cho phép như vậy. Chỉ nên dùng một màu sắc.

Có Tỳ-kheo được y với màu sắc rực rỡ muốn giặt cho hoại sắc. Phật biết mà vẫn hỏi: Này Tỳ-kheo! Ông định làm gì đó?

Bạch Thế Tôn! Vì Thế Tôn chế giới không cho phép mặc y có màu sắc rực rỡ, nên con muốn giặt cho hoại sắc.

Không cần phải giặt. Ta cho phép dùng những màu khác nhuộm cho hoại sắc.

Y gồm có bảy loại: (1) Y khâm bà la; (2) Y kiếp bối; (3) Y sô ma; (4) Y câu xá da; (5) Y xá na; (6) Y ma; (7) Y khu mâu đề. Đó gọi là y pháp.

Kệ tóm tắt:

“Bố-tát và yết-ma
Gởi dục nói thanh tịnh.
An cư cùng Tự tứ,
Thọ y Ca-hi-na
Phi y Ca-hi-na
Xả y Ca-hi-na
An cư xong, dâng y,
Kết thúc phẩm thứ tư.”



VẤN ĐỀ TỖ-KHEO BỊ BỆNH

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Phật bảo A-nan:

Ông hãy lấy cái khóa cửa lại đây, Như Lai muốn đi thanh tra phòng của chư Tăng.

A-nan đáp:

Lành thay Thế Tôn.

Rồi thầy cầm cái khóa cửa đi theo sau Thế Tôn. Đoạn Thế Tôn đi đến một căn phòng bị hư nát, thấy có một Tỳ-kheo bị bệnh, nằm trên phân tiểu, không thể đứng dậy nổi. Phật bèn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Khí lực ông như thế nào? Cơn đau tăng hay giảm?

Bạch Thế Tôn! Cơn đau chỉ có tăng (455b) mà không giảm.

Hôm nay có ăn được không? Không được, bạch Thế Tôn!

Hôm qua ăn có được không?

Không được, bạch Thế Tôn!

Hôm kia ăn có được không?

Cũng không được, bạch Thế Tôn! Con không được ăn nay đã 7 ngày.

Có thức ăn mà không ăn được hay không có thức ăn nên không ăn?

Không có thức ăn, bạch Thế Tôn!

Ở đây, có Hòa thượng của ông không?

Không có, bạch Thế Tôn!

Có đồng Hòa thượng không?

Không có, bạch Thế Tôn!

Có thầy giáo thọ không?

Không có, bạch Thế Tôn!

Có đồng thầy giáo thọ không?

Không có, bạch Thế Tôn!

Phòng bên cạnh không có Tỳ-kheo sao?

Bạch Thế Tôn! Vì con hơi thối, họ không thích nên đã dời đi nơi khác, do đó, con cô độc đau khổ lắm, bạch Thế Tôn! Con cô độc lắm Thiện Thệ.

Ông đừng sầu não, Ta sẽ làm bạn với ông. Này Tỳ-kheo! Hãy lấy y đưa đây, Ta sẽ giặt cho ông.

Khi ấy, A-nan bạch với Phật: Để đây, thưa Thế Tôn! Y của Tỳ-kheo bệnh để con giặt cho!

Ông giặt y đi, để Ta xối nước cho.

Thế rồi, A-nan đem ra giặt, Thế Tôn xối nước. Khi giặt xong, thấy đem đi phơi nắng. Xong rồi, A-nan bồng Tỳ-kheo bệnh đặt trên chỗ đất trống, lau chùi phân uế, đem giường gối và các vật bất tịnh ra ngoài, rưới nước trong phòng, quét dọn sạch sẽ, dùng giẻ lau lau sàn nhà, giặt giũ giường nệm, vá lại giường dây, đặt vào chỗ cũ, tắm rửa cho Tỳ-kheo bệnh, rồi đem thầy đặt nằm lại trên giường.

Khi ấy, Thế Tôn dùng bàn tay mềm mại, sắc vàng óng ánh được trang nghiêm bằng vô lượng công đức xoa trên trán Tỳ-kheo, hỏi:

Con đau tăng hay giảm?

Nhờ ơn Thế Tôn dùng bàn tay đặt trên trán con, nên mọi nỗi thống khổ đều dứt hết.

Bấy giờ Thế Tôn bèn tùy thuận thuyết pháp cho Tỳ-kheo bệnh khiến thầy sinh tâm hoan hỷ. Rồi Thế Tôn tiếp tục thuyết pháp làm cho thầy đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Sau khi Tỳ-kheo khỏi bệnh Thế Tôn bèn đi đến chỗ đông đúc các Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, rồi đem sự việc trên trình bày lại đầy đủ với các Tỳ-kheo. Đoạn, ngài hỏi thầy Tỳ-kheo ở phòng bên cạnh là ai. Vị ấy đáp:

Chính là con đây, bạch Thế Tôn!

Phật liền nói với Tỳ-kheo:

Những người đồng phạm hạnh với các ông bị đau ốm, các ông không săn sóc cho nhau thì ai săn sóc? Các ông mỗi người đều khác họ, khác nhà, vì niềm tin mà bỏ nhà xuất gia, sống không nhà, đều cùng một họ sa-môn Thích tử, đồng tu phạm hạnh, nếu không săn sóc lẫn nhau thì ai săn sóc? Này Tỳ-kheo! Ví như con sông Hằng, sông Diêu phù na, Tát la, Ma hê chảy vào biển lớn, liền mất tên cũ mà hợp lại thành một vị, gọi là biển lớn. Các ông cũng như vậy. Ai nấy đều bỏ họ cũ mà cùng chung một họ sa-môn Thích tử. Các ông không săn sóc cho nhau thì ai sẽ săn sóc? Ví như các chủng tộc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Phệ xá, Thủ-đà-la, mỗi người đều khác họ, cùng vào (455c) trong biển lớn thì được gọi là người đi buôn trên biển. Cũng như thế đó Tỳ-kheo. Các ông mỗi người đều khác họ, khác nhà, vì niềm tin, bỏ nhà xuất gia, sống không nhà, đều cùng một họ sa-môn Thích tử, nếu không săn sóc lẫn nhau thì ai săn sóc? Nếu Tỳ-kheo bệnh thì Hòa thượng phải săn sóc. Nếu không có Hòa thượng thì đồng Hòa thượng phải săn sóc. Nếu ai không săn sóc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu có thầy giáo thọ thì thầy giáo thọ phải săn sóc. Nếu không có thầy giáo thọ thì thầy giáo thọ đồng hành phải săn sóc. Nếu ai không săn sóc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu có người cùng phòng thì người cùng phòng phải săn sóc. Nếu không có người cùng phòng, thì người ở phòng bên cạnh phải săn sóc. Nếu không săn sóc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cũng không có người ở phòng bên cạnh thì Tăng phải sai người chăm sóc. Tùy người bệnh cần bao nhiêu người thì phải sai bấy nhiêu. Nếu không săn sóc thì tất cả Tăng đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Này các Tỳ-kheo! Các ông hãy trở về săn sóc Tỳ-kheo ở phòng bên cạnh mình.

Thế rồi, Phật biến hóa một sa-di bệnh ở cách Phật không xa, rồi Ngài bảo:

Các ông hãy săn sóc luôn cả sa-di bệnh ấy. Đó là cách phạt các ông làm phước vậy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có hai Tỳ-kheo ở phương Nam cùng đi đến thăm viếng Thế Tôn. Khi đi đến giữa đường, một Tỳ-kheo lâm bệnh, một Tỳ-kheo chờ đợi hai, ba ngày, bèn nói với Tỳ-kheo bệnh:

Tôi muốn đi trước, đến thăm viếng Thế Tôn, thấy khỏi bệnh rồi sẽ đi sau.

Này trưởng lão! Đợi tôi khỏi bệnh rồi hãy cùng đi.

Thưa trưởng lão! Tôi không gặp Thế Tôn đã lâu ngày, ngưỡng mộ như khát nước không thể đợi nhau được nữa, khi nào khỏi bệnh thầy sẽ đi sau.

Thế rồi, Tỳ-kheo ấy đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi:

Ông từ đâu đến?

Tỳ-kheo bèn đem sự kiện trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật khiển trách:

Này Tỳ-kheo! Đó là việc ác. Nếu có Tỳ-kheo lòng đầy phóng dật, lười biếng không chuyên cần, không thể kiểm chế các căn, rong ruổi theo lục dục, dù ở gần Ta mà chẳng thấy Ta và Ta cũng không thấy người ấy. Trái lại, nếu có Tỳ-kheo kiểm chế các căn, tâm không phóng dật, chuyên nghĩ về đạo, thì dù cách xa Ta vẫn thấy được Ta và Ta cũng thấy người ấy. Tại sao vậy? Vì tùy thuận pháp thân của Như Lai, phá hoại các việc ác, lìa bỏ tham dục, tu tập tịch tĩnh. Này Tỳ-kheo! Cùng xuất gia tu phạm hạnh, các ông không săn sóc lẫn nhau thì ai săn sóc? Ông hãy trở lại trông nom vị Tỳ-kheo bệnh ấy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có hai Tỳ-kheo ở nước Bát La Chân cùng kết bạn đi đến thăm

viếng Thế Tôn. Khi đến thôn Ong, một Tỳ-kheo lâm bệnh, vị Tỳ-kheo kia đợi được hai, ba ngày, rồi nói với Tỳ-kheo bệnh:

Tôi muốn đến thăm viếng đức Thế Tôn trước (456a) khi nào thầy khỏi bệnh rồi sẽ đến sau.

Này trưởng lão! Đợi tôi khỏi bệnh rồi cùng đi luôn.

Thưa trưởng lão! Tôi không gặp Thế Tôn đã lâu ngày, ngưỡng mộ như khát nước, không thể đợi nhau được nữa.

Nếu thầy nhất quyết muốn đi, vậy hãy vì tôi nhắn giùm cư sĩ Chấ-đế-lợi.

Thế rồi, thầy bèn đi đến chỗ cư sĩ, nói:

Này lão trượng! Hai chúng tôi từ xa đến, muốn viếng thăm Phật, nhưng nay một người lâm bệnh, phải tạm thời ở lại đây, xin lão trượng chăm sóc giúp giùm tôi. Tôi muốn đi trước đến vấn an Thế Tôn.

Thưa tôn giả! Nên ở lại chăm sóc nhau, khi khỏi bệnh rồi cùng đi luôn.

Này cư sĩ! Không thể được. Tôi không gặp Phật đã lâu ngày, trông mong như người khát nước.

Tôn giả có đến đó thì Thế Tôn cũng bảo thầy trở lại, chỉ uống công nhọc sức mà thôi.

Tỳ-kheo vẫn nhất quyết đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi:

Ông từ đâu đến?

Tỳ-kheo bèn đem sự việc kể trên trình bày đầy đủ với Thế Tôn. Phật khiển trách:

Này Tỳ-kheo! Đó là việc ác. Các ông đều là những người khác họ, vì có lòng tin bỏ nhà xuất gia sống không nhà, cùng là họ Thích,

lúc đau ốm không săn sóc nhau thì ai săn sóc? Ông hãy trở lại săn sóc cho Tỳ-kheo bệnh ấy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ phương Bắc đến, muốn thăm viếng Thế Tôn nhưng nghe nói bên đường có Tỳ-kheo bị bệnh, bèn suy nghĩ: “Đức Thế Tôn chế giới hễ gặp người bệnh thì phải chăm sóc. Nếu ta gặp người ấy thì không thể bỏ đi.” Nghĩ thế, thầy bèn quay lại đi con đường khác đến chỗ Thế Tôn, rồi cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng hầu một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Ông từ đâu đến?

Bạch Thế Tôn! Con từ phương Bắc đến.

Đi đến bằng con đường nào?

Đi đến từ con đường mỡ.

Vì lý do gì mà bỏ con đường chính để đi con đường vòng vo?

Thầy bèn đem sự việc kể trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền khiển trách:

Này Tỳ-kheo! Đó là việc ác v.v... (cho đến): Ông hãy trở lại chăm sóc cho Tỳ-kheo bệnh.

*

PHƯƠNG PHÁP CHĂM SÓC TỖ-KHEO BỆNH

Nếu Tỳ-kheo đi chung với người đi buôn, đến nơi hoang vắng rồi lâm bệnh thì Tỳ-kheo đồng bạn không được bỏ đi, mà phải dẫn theo, đồng thời mang giúp y bát, lại phải gần gũi giúp đỡ, không được rời xa. Nếu đi không nổi thì nên đến thương nhân thuê mướn họ chở đi, nói như sau:

Này lão trượng! Người xuất gia này lâm bệnh không thể đi theo kịp bạn, hãy chờ giúp giùm tôi để thoát khỏi hiểm nạn.

Nếu được thì tốt, còn nếu như họ nói: “Này tôn giả, xe tôi đã chở nặng rồi”, thì nên nói:

Này lão trượng! Tôi sẽ hoàn lại tiền lúa, cỏ cho ông.

Nếu được, thì không nên để ngồi trên xe trâu cái chở cỏ ngựa v.v..., mà nên để ngồi trên xe trâu đực chở các thứ. (456b). Nếu bệnh nặng không phân biệt được gì, thì ngồi xe không có tội. Nếu đi xe không thể được thì nên để lại người nào có thể săn sóc bệnh nhân hoặc một, hai hay ba người, và bảo:

Thầy hãy chăm sóc người bệnh, để tôi vào trong thôn tìm xe cộ đến đón.

Đồng thời để lại lương thực, cho người ở lại không bị thiếu thốn. Nếu ai cũng từ chối, nói: “Ai mà có thể hy sinh thân mạng mình ở nơi hoang vắng này”, rồi không chịu ở lại, thì cũng không được bỏ đi mà phải che chòi rạp, rải cỏ làm nệm, đốt lửa, lấy củi nước giúp, để lại thuốc đúng thời, thuốc dùng ban đêm, thuốc dùng bảy ngày, thuốc dùng suốt đời, rồi nói với bệnh nhân: “Trưởng lão hãy yên tâm ở đây. Tôi tới thôn phía trước tìm xe đến đón.” Khi đến trong thôn, không được nhiều tháp, thăm hỏi Hòa thượng, A-xà-lê mà chỉ nên nói với các Tỳ-kheo ở trong thôn:

Ở nơi hoang dã có Tỳ-kheo bệnh, chúng ta cùng đến đón về đây.

Nếu họ hỏi: “Ở nơi nào?”, thì hãy đáp: “Ở tại chỗ này.”

Nếu họ nói: “Nơi đó có nhiều cọp sói, e rằng chúng ăn thịt hết cả, đâu để sót mống nào!”, dù nghe nói như thế cũng không được ở lại đó mà phải trở lại xem. Nếu từ xa thấy chim quạ, cũng không được trở lui mà phải đi tới nơi đó. Nếu thấy đã chết thì nên lễ bái nhục thân. Nếu còn sống thì nên đem vào trong thôn, nói với Tỳ-kheo thường trú:

Thưa trưởng lão! Đây là Tỳ-kheo bị bệnh ở nơi đó, tôi đã chăm sóc. Giờ đưa đến đây, xin trưởng lão trông nom giúp cho.

Nếu Tỳ-kheo ấy không chịu trông nom thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu không có Tỳ-kheo, thì nên nói với Ưu-bà-tắc:

Này lão trượng! Ở nơi hoang vắng kia có Tỳ-kheo bị bệnh, cho tôi mượn xe đến đón vị ấy.

Nếu đàn việt hỏi: “Ở đâu?”, v.v..., cho đến đón về nhà đàn việt, đặt nằm ở một phòng riêng kín đáo. Nếu nhiều người thì nên nhờ hai, ba người biết nuôi bệnh chăm sóc giúp.

Nếu bệnh nhân nói: “Cần nhiều người cho vui”, thì nên ở hết nơi đó để an ủi khuyên lơn; hoặc bệnh nhân đòi hỏi bữa ăn trước, bữa ăn sau, thuốc đúng thời, thuốc dùng ban đêm, thuốc dùng bảy ngày, thuốc dùng suốt đời thì hãy cung cấp dùng để cho thiếu thốn. Nếu có Tỳ-kheo khách đến thì không được nói liền: “Trưởng lão! Thầy hãy trông nom Tỳ-kheo bệnh”, mà nên nói: “Lành thay! Trưởng lão đến đây.”

Thế rồi, mang giúp y bát, chuẩn bị giường ghế, đưa nước rửa chân và dầu thoa chân. Nếu họ đến đúng giờ thì nên cung cấp bữa ăn trước, bữa ăn sau. Nếu họ đến không đúng lúc thì nên cung cấp nước trái cây phi thời. Sau khi họ nghỉ ngơi rồi, nên nói:

Trưởng lão! Vị Tỳ-kheo bệnh này tôi chăm sóc đã lâu rồi, giờ đến phiên trưởng lão trông nom giúp. Nếu bệnh nhân qua đời thì nên cúng dường xá-lợi.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cùng đi với khách buôn mà Tỳ-kheo-ni lâm bệnh, thì Tỳ-kheo không được bỏ đi mà nên bảo họ rằng chị em cùng đi chung phải giúp đỡ lẫn nhau, như trường hợp của Tỳ-kheo đã nói ở trên, chỉ trừ việc bông dỡ. Nếu cần xoa bóp, (456c) xúc dầu vào thân thì nên thuê phụ nữ làm. Nếu họ qua đời mà có y bát để lại thì nên dùng y bát trả công cho người hỏa thiêu. Nếu họ không có y bát thì nên bỏ đi. Nếu bị người thế tục chê trách

rằng: “Vì sao để tử thi lại rồi bỏ đi?”, mà mình có thể tưởng tượng thi thể đó như đất thì nên khiêng vác đi tới một nơi xa xôi.

Lúc bấy giờ, tôn giả Ưu-ba-ly bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Nếu vị Tỳ-kheo có đức lớn lâm bệnh thì phải chăm sóc như thế nào?

Phật nói với Ưu-ba-ly:

Nếu vị Tỳ-kheo có đức lớn lâm bệnh thì không được để nằm trong phòng xếp, nhỏ, xấu xí; không được để nằm ở gần lối đi mà nên để nằm trong một căn phòng thông thoáng, rộng rãi. Các đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ phải thường xuyên hầu hạ hai bên, quét dọn trong phòng, rải đá, lau chùi sàn nhà, đốt các loại hương thơm cho đảm mùi hôi hám và sắp đặt giường ghế tươm tất.

Nếu có Tỳ-kheo đến thăm bệnh, nên dọn thức ăn trước, thức ăn sau.

Nếu họ đến không đúng lúc, nên cung cấp thức uống phi thời.

Nếu họ có hỏi việc gì thì người bệnh nên trả lời. Nếu người bệnh yếu sức thì thị giả nên trả lời thế.

Nếu Ưu-bà-tắc đến thăm hỏi thì nên nói:

Lành thay! Lão trượng đến đây.

Đoạn, mời họ ngồi rồi giảng giải:

Ông được công đức rất lớn, như đức Thế Tôn nói:

Thăm hỏi Tỳ-kheo trì giới bị bệnh thì chẳng khác gì thăm hỏi Ta.

Nếu có người cúng dường thì hãy chú nguyện rồi nhận lấy.

Nếu người bệnh muốn đi tiểu đại, đòi đi gấp, thì không được để lâu mà phải đưa đi tức tốc.

Nếu người bệnh không ra ngoài được thì nên dùng ba cái bô đựng phân tiểu: một cái trao cho người bệnh, một cái mang ra ngoài, một cái đem rửa sạch, bôi dầu rồi đem phơi nắng, để thay đổi mà dùng. Đồng thời để một người giữ cửa, không cho ai vào đột

ngọt; một người ở gần người bệnh, tùy thời thuyết pháp an ủi. Như thế đó Ưu-ba-ly, vị Tỳ-kheo có đức lớn bị bệnh, nên chăm sóc như vậy.

Thế rồi, tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi Thế Tôn:

Vị Tỳ-kheo có đức hạnh nhỏ khi bệnh nên chăm sóc như thế nào?

Phật nói với Ưu-ba-ly:

Vị Tỳ-kheo có đức hạnh nhỏ khi bệnh không nên đặt nằm nơi căn phòng rộng rãi, thông thoáng, e mùi hôi hám bốc ra ngoài; cũng không nên để nằm ở chỗ khuất kín, sợ khi chết không ai biết, nên để nằm ở giữa mọi người. Nếu người bệnh có Hòa thượng, A-xà-lê, hoặc là đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ thì những người này nên chăm sóc. Nếu không có thì chúng Tăng nên sai người nuôi bệnh, hoặc một, hai, ba người lo trông nom. Nếu người bệnh ngoài y bát ra còn có tiền mua thuốc thì nên lấy đem đi mua thuốc cho thầy. Nếu không có thì chúng Tăng nên cho tiền. Nếu Tăng không có mà người bệnh có y bát đáng giá thì nên đem bán lấy tiền mua những thứ cần thiết cho thầy. Nếu người bệnh tiếc của, thì nên bạch với chúng Tăng:

Bạch đại đức Tăng! Tỳ-kheo mỗ giáp bị bệnh mà không hiểu lẽ vô thường, tiếc rẻ y bát không cho đem đổi thứ khác.

Bạch Tăng rồi, nên dùng lời dịu ngọt thuyết phục để thầy hiểu rõ, rồi mới đem y bát đi trao đổi. Nếu cũng không có thì nên đi xin những thứ cần thiết về cho thầy. Nếu xin cũng không được thì nên lấy thức ăn ngon nhất của Tăng (457a) đưa cho. Nếu cũng không có thì người nuôi bệnh nên cầm theo hai cái bát vào thôn khát thực, rồi đem cái bát ngon hơn đưa cho thầy. Đây Ưu-ba-ly! Đó là cách thức chăm sóc một Tỳ-kheo ít đức bị bệnh.

Nếu người bệnh có đầy đủ năm yếu tố sau đây thì rất khó săn sóc. Đó là:

1. Không thể uống thuốc phù hợp với bệnh và ăn thức ăn phù hợp với bệnh.
2. Không nghe lời khuyên của người nuôi bệnh.
3. Bệnh tăng giảm không biết.
4. Không kham nhẫn nỗi sự đau đớn.
5. Lười biếng vô trí.

Đó gọi là năm yếu tố của người bệnh khiến cho người nuôi bệnh khó mà săn sóc.

Nếu người bệnh có đầy đủ năm yếu tố sau đây thì dễ dàng săn sóc. Đó là:

1. Có thể uống thuốc phù hợp với bệnh, ăn thức ăn phù hợp với bệnh.
2. Theo lời khuyên của người nuôi bệnh.
3. Nếu có ai hỏi thì biết bệnh tăng hay giảm.
4. Kham nhẫn được sự đau đớn.
5. Tinh tấn, có trí tuệ.

Đó gọi là năm yếu tố của người bệnh khiến cho người nuôi bệnh dễ dàng chăm sóc.

Nếu ai đầy đủ năm yếu tố sau đây thì không thể nuôi bệnh. Đó là:

1. Hay nhòem gớm, không thể đem đồ bỏ đựng phân tiểu, ống nhỏ, v.v...
2. Không thể xin thuốc hợp với bệnh, thức ăn hợp với bệnh giúp cho bệnh nhân.
3. Không thể thường thường tùy thuận thuyết pháp cho bệnh nhân nghe.
4. Có tâm hy vọng (về lợi lộc).
5. Tiếc rẻ công việc của mình.

Đó gọi là năm yếu tố khó mà nuôi bệnh.

Ai thành tựu năm yếu tố sau đây thì có thể chăm sóc người bệnh. Đó là:

1. Ít nhờm gớm, có thể đem đồ bỏ đựng phân tiểu, ống nhổ, v.v...
2. Có thể xin thuốc hợp bệnh, thức ăn hợp cho người bệnh.
3. Có thể thường thường tùy thuận thuyết pháp cho bệnh nhân nghe.
4. Không có tâm hy vọng (về lợi lộc).
5. Không tiếc rẻ công việc của mình.

Đó gọi là năm yếu tố có thể trông nom người bệnh.

Nếu bệnh nhân có đủ chín yếu tố sau đây thì tuy chưa hết thọ mạng ắt hẳn sẽ chết đột ngột. Đó là:

1. Biết những thức ăn có hại mà vẫn tham ăn.
2. Sống không có điều độ.
3. Thức ăn trong bụng chưa tiêu hóa mà ăn nữa.
4. Thức ăn chưa tiêu hóa mà móc họng cho mửa ra.
5. Thức ăn đã tiêu hóa muốn đi cầu mà vẫn cố kiềm chế.
6. Ăn thức ăn không hợp với bệnh.
7. Ăn thức ăn hợp với bệnh nhưng không có điều độ.
8. Luôi biếng.
9. Không trí tuệ.

Đó gọi là đầy đủ chín yếu tố ắt hẳn sẽ chết đột ngột.

Lại nữa, nếu ai đầy đủ chín yếu tố sau đây thì sẽ không thể chết đột ngột. Đó là:

1. Biết thức ăn không ích lợi nên ăn ít.
2. Biết sống có điều độ.
3. Thức ăn trong bụng tiêu hóa hết, mới ăn nữa.

4. Không cưỡng bách mưa ra.
5. Không cố giữ lại.
6. Không ăn thức ăn không hợp với bệnh.
7. Ăn thức ăn hợp với bệnh và ăn có điều độ.
8. Không biếng nhác.
9. Có trí tuệ.

Đó gọi là người có đủ 9 yếu tố sẽ không chết đột ngột.

Phật nói với Ưu-ba-ly: Có ba loại người bệnh. Đó là:

Có loại người bệnh được thuốc hợp bệnh, được thức ăn hợp bệnh, có người nuôi bệnh đúng pháp mà chết.

Có loại người bệnh không được thuốc hợp bệnh, không được thức ăn hợp bệnh, có người nuôi bệnh đúng pháp mà sống.

Có người bệnh được uống thuốc hợp bệnh, được thức ăn hợp bệnh, được người nuôi bệnh đúng pháp, bệnh ắt hẳn bớt không đến nỗi bị chết.

Này Ưu-ba-ly! Trong số Tỳ-kheo bị bệnh, vì không có người nuôi bệnh đúng pháp (457b) mà chết, vì được người nuôi bệnh đúng pháp mà sống. Do vậy cần khéo chăm sóc khiến cho bệnh nhân được yên ổn, tức là bố thí mạng sống vậy. Thế nên, chăm sóc bệnh được công đức rất lớn, chư Phật đều hoan hỷ. Đó gọi là cách thức chăm sóc người bệnh.

*

VẤN ĐỀ THUỐC

Khi Phật đang du hành tại nước Câu-tát-la, tôn giả Xá-lợi-phất bị lên cơn động phong. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền hỏi:

Này Tỳ-kheo! Cần phải dùng thuốc gì?

Bạch Thế Tôn! Cần dùng ha lê lặc.

Từ nay về sau Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được uống ha lê lặc.

Thế rồi Phật nói với các Tỳ-kheo:

Đội khi Ta trở về lại thành xá-vệ, nhắc lại Ta, Ta sẽ quy định về vấn đề thuốc men cho các đệ tử.

Khi Phật trở về thành xá-vệ, các Tỳ-kheo bèn bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn hãy vì các đệ tử mà chế định về việc thuốc men, giờ đây là đúng lúc.

Này các Tỳ-kheo! Từ nay về sau Ta cho phép các Tỳ-kheo bệnh được uống thuốc. Về thuốc có các loại: Củ đúng thời, củ phi thời. Cũng vậy, cọng, vỏ, lá, quả, nước uống.

Củ đúng thời: Củ cải, củ hành, củ khản xoa, củ A-lam-phù, củ khoai nước, củ ma đậu la, củ sen. Các thứ đó ăn chung với thức ăn, nên gọi là củ đúng thời.

Củ (rễ) phi thời: Rễ cây bà tra, rễ cây lá lốt, rễ cây dương liễu, rễ cây khu đề la, rễ cây tô kiện xà. Các loại như vậy không ăn chung với thức ăn, nên gọi là rễ phi thời. Ngoài ra, các loại cọng, vỏ, lá, hoa, trái cũng như vậy.

Nước uống: Gồm có nước uống đúng thời, nước uống phi thời.

Nước uống đúng thời: Tất cả nước gạo, nước bột gạo, sữa, sữa chua, nước trong. Đó gọi là nước uống đúng thời.

Nước uống phi thời: Tất cả loại đậu, tất cả ngũ cốc, tất cả loại thóc đem ngâm nước mà đầu không nứt ra, và tô, dầu, mật, đường phèn. Đó gọi là nước uống phi thời.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh mà thầy thuốc nói: “Cho ăn sẽ sống, không cho ăn sẽ chết”, thì nên đem một cái nồi rửa 7 lần cho thật sạch,

rồi lấy một nắm thóc đãi kỹ bỏ vào một cái túi buộc chặt lại, để vào trong nồi nấu mà đầu hạt thóc không nứt ra, đoạn đưa cho người bệnh uống.

Tất cả đất cũng có loại đúng thời, có loại phi thời; trừ 8 loại tro, ngoài ra các loại tro khác cũng có loại đúng thời, có loại phi thời. Đó gọi là vấn đề thuốc men.



TRÁCH NHIỆM LIÊN QUAN GIỮA THẦY VÀ TRÒ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo một tuổi hạ dẫn theo một đệ tử chưa có tuổi hạ, hai vai mang mỗi vai một túi y, trên đầu đội một túi, tay trái cầm bát và giày da, tay phải xách bình nước và túi da đựng dầu, cùng đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ. Cái túi y trên đầu thầy rơi trên đầu gối Phật, Phật bèn gạt ra, tuy Ngài biết nhưng vẫn hỏi:

Vật này của ai vậy?

(457c) Bạch Thế Tôn! Của đệ tử cùng đi với con.

Ông được mấy tuổi hạ?

Dạ một tuổi, bạch Thế Tôn!

Đệ tử mấy tuổi?

Dạ chưa có tuổi hạ.

Ông mới một tuổi hạ mà đã nuôi đệ tử chưa có tuổi hạ thì cũng giống như người yếu đuối mà lại cứu người yếu đuối.

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo:

Bản thân mình không tự hàng phục được mà muốn hàng phục người khác thì không có lẽ đó. Bản thân mình không tự chế ngự

được mà muốn chế ngự người khác, thật không có lẽ đó. Bản thân mình chưa tự độ được mà muốn độ người khác, thật không có lẽ đó. Bản thân mình chưa giải thoát mà muốn giải thoát cho người khác, thật không có lẽ đó.

Này các Tỳ-kheo! Tự hàng phục được mình rồi mới hàng phục người khác, điều đó có thể. Tự chế ngự được mình rồi mới chế ngự người khác, điều đó có thể. Tự độ được mình rồi mới độ người khác, điều đó có thể. Tự mình đã giải thoát rồi mới giải thoát cho người khác, điều đó có thể. Này các Tỳ-kheo! Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo dưới mười tuổi hạ độ người xuất gia thọ Cụ túc.

Sau khi Phật đã chế giới không cho phép Tỳ-kheo dưới mười tuổi hạ độ người xuất gia thọ Cụ túc, rồi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đủ mười tuổi hạ, độ người xuất gia thọ Cụ túc mà không dạy dỗ. Họ giống như trâu trời, dê trời, sống phóng túng không kỷ cương, không biết chế ngự, thiếu sự trong sạch, uy nghi không đầy đủ, không biết phụng sự Hòa thượng, A-xà-lê, không biết vâng lời Tỳ-kheo trưởng lão, không biết phép tắc vào thôn xóm, không biết phép tắc ở nơi hoang vắng, không biết phép tắc vào trong chúng, không biết cách thức khoác y cầm bát. Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau, ai thành tựu mười điều kiện sau đây, Ta mới cho phép độ người xuất gia thọ Cụ túc. Mười điều kiện đó là:

1. Giữ giới.
2. Nghe nhiều A-tỳ-đàm.
3. Nghe nhiều Tỳ-ni.
4. Học giới.
5. Học định.
6. Học tuệ.
7. Có thể xuất tội và sai người khác xuất tội.

8. Có thể nuôi người bệnh và nhờ người khác nuôi người bệnh.
9. Khi đệ tử gặp nạn có thể giải cứu, hoặc nhờ người giải cứu.
10. Đã đủ mười tuổi hạ.

Đó gọi là mười điều kiện để Ta cho phép độ người xuất gia thọ Cụ túc. Tối thiểu là đủ mười tuổi hạ, biết hai bộ Luật thì cũng được phép làm thầy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo mệnh chung, hai người đệ tử cộng trú vì nhớ thương sâu thắm, cùng ngồi dưới gốc cây, như khách buồn bị mất của. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Đó là Tỳ-kheo nào vậy?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau, Ta cho phép thỉnh thầy y chỉ và tôn kính vị này như Hòa thượng. Thế thức thỉnh cầu thầy y chỉ bằng cách trật vai áo bên phải, quì gối, vịn tay vào bàn chân, nói như sau:

“Kính xin Hòa thượng (tôn giả) thương xót. Con là mỗ giáp, nay thỉnh cầu Hòa thượng (458a) làm thầy y chỉ. Mong Hòa thượng vì con làm thầy y chỉ. Con nương vào Hòa thượng mà an trú.” (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Lại nữa, có Tỳ-kheo mới một tuổi hạ đã nhận Tỳ-kheo chưa có tuổi hạ y chỉ, cho đến Tỳ-kheo chín tuổi hạ mà nhận Tỳ-kheo tám tuổi hạ y chỉ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép người dưới mười tuổi hạ mà nhận người khác y chỉ.

Thế rồi, nhóm sáu Tỳ-kheo đủ mười tuổi hạ nhận người khác y chỉ mà không dạy dỗ, khiến họ giống như trâu trời, dê trời, cho đến không biết phép tắc khoác y cầm bát. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau, ai thành tựu mười điều kiện sau đây, Ta mới cho phép nhận người y chỉ. Đó là: Giữ giới v.v... cho đến đủ mười tuổi hạ. Đó gọi là mười điều kiện được nhận người y chỉ. Tối thiểu là đủ mười tuổi hạ, biết hai bộ Luật cũng được nhận. Khi muốn cầu thỉnh thầy y chỉ, không được hấp tấp đến thỉnh ngay mà phải xem người nào thành tựu năm điều kiện sai đây mới nên thỉnh. Đó là:

1. Có tấm lòng từ ái.
2. Cung kính.
3. Biết tự thẹn với mình.
4. Biết xấu hổ với người.
5. Sống an lạc.

Đó gọi là năm điều kiện nên thỉnh cầu làm thầy y chỉ.

Lại có bốn hạng A-xà-lê. Thế nào là bốn? Đó là:

1. Thầy (A-xà-lê) y chỉ.
2. Thầy dạy giáo pháp.
3. Thầy dạy giới Luật.
4. Thầy dạy mình ở nơi vắng vẻ.

Lại có bốn hạng A-xà-lê khác như sau:

1. Có A-xà-lê không cần thừa mà nên bỏ đi.
2. Có A-xà-lê nên thừa rồi mới ra đi.
3. Có A-xà-lê dù ở đó khổ cũng phải đeo đuổi suốt đời.
4. Có A-xà-lê sống được an lạc thì dù có bị xua đuổi, suốt đời cũng không rời bỏ.

Hạng thầy không thừa mà đi: Có những vị thầy sống nương tựa với họ không có y phục ẩm thực, khi đau ốm không có thuốc men, cũng không thể thuyết giảng về quả vị sa-môn vô thượng của người xuất gia tu phạm hạnh. Hạng thầy như vậy không cần thừa mà nên bỏ đi.

Hạng thầy thừa rồi mới đi: Có những vị thầy sống nương tựa với họ, tuy có y phục ẩm thực, khi đau ốm có thuốc men nhưng không thể thuyết giảng về quả sa-môn vô thượng của người xuất gia tu phạm hạnh. Hạng thầy như vậy nên thừa rồi mới đi.

Hạng thầy dù khổ vẫn ở: Có những vị thầy sống nương tựa với họ, tuy không có y phục ẩm thực, khi đau ốm không có thuốc men, nhưng khéo thuyết giảng về quả vị sa-môn vô thượng của hạnh xuất gia tu phạm hạnh. Hạng thầy như vậy tuy sống với họ cực khổ suốt đời cũng không nên rời bỏ.

Hạng thầy sống gần được an vui: Có những vị thầy sống nương tựa với họ, họ có thể cung cấp y phục ẩm thực, khi đau ốm có thuốc men, có thể thuyết giảng về quả vị sa-môn Vô thượng của người xuất gia tu phạm hạnh. Hạng thầy như vậy, dù có bị xua đuổi, suốt đời cũng không nên rời bỏ. Đó gọi là bốn hạng A-xà-lê.

Lại có bốn hạng thầy nữa như sau:

Dạy về phép tắc; làm chỗ nương tựa cho mình; điều phục tham dục sân hận ngu si. Trong đây, hạng thầy có thể vì đệ tử khéo thuyết pháp để đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si (**458b**) được xem là hạng thầy tối thượng tối thắng. Ví như từ sữa được sữa đông váng, từ sữa đông váng được sữa chua, từ sữa chua được để hồ; để hồ là tối thượng, tối thắng.



TRÁCH NHIỆM THẦY ĐỐI VỚI ĐỆ TỬ

Hòa thượng, A-xà-lê nên dạy bảo đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ. Phương pháp dạy dỗ là: (1) Họ không thanh tịnh nên ngăn cản; (2) Khuyến đừng đến những nơi không nên đến. (3) Họ bị yết-ma phải giúp đỡ; (4) Họ sinh tà kiến, mình phải giải tỏa, hay nhờ người giải tỏa; (5) Tự mình xuất tội, hay nhờ người xuất tội; (6) Khi họ bệnh, tự mình hoặc nhờ người chăm sóc; (7) Khi họ gặp nạn, tự mình hoặc nhờ người giải cứu; (8) Khi họ gặp nạn vua, giặc, mình phải hóa giải.

1/ Khi đệ tử không thanh tịnh, nên ngăn cản: Khi đệ tử phạm các giới nhỏ như: ăn riêng chúng, ăn nhiều chỗ, ở cùng nhà với phụ nữ, ngủ chung với người chưa thọ Cụ túc quá ba đêm, làm tổn hại cỏ tươi, ăn trái cây không thanh tịnh, thì nên dạy: “Ông đừng làm như thế.”

Nếu đệ tử nói: “Thưa Hòa thượng, A-xà-lê, con sẽ không làm nữa”, thì tốt.

Nếu họ nói: “Hòa thượng, A-xà-lê hãy tự dạy mình, chứ dạy người khác làm gì!”, thì nên bảo người coi việc giường nệm lấy lại giường nệm, bảo người coi việc ăn uống cắt đứt phần ăn.

Nếu người đó hung ác, dựa vào thế lực của nhà vua, của đại thần, có thể gây ra rắc rối, thì hoặc là chính Hòa thượng nên lánh đi nơi khác, hoặc là thầy y chỉ nên mang theo y bát ra khỏi cương giới ngủ một đêm rồi trở về, như vậy tức là cắt đứt sự y chỉ.

Nếu đệ tử sống chung, đệ tử y chỉ có những hành vi bất tịnh mà Hòa thượng, A-xà-lê không dạy bảo thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là nên ngăn ngừa những hành vi bất tịnh.

2/ Ngăn đệ tử đến những nơi không nên đến: Như nhà của đồng nữ lớn tuổi, nhà quả phụ, nơi cờ bạc, chỗ quán rượu, Tỳ-kheo-ni có tiếng xấu, sa-di-ni có tiếng xấu. Nếu đệ tử lui tới những nơi ấy

thì Hòa thượng, A-xà-lê nên bảo họ đừng tới lui những chỗ ấy, vì đó là nơi không nên đến gần.

Nếu họ vâng lời thì tốt, cho đến ra khỏi cương giới ngủ một đêm rồi trở về, tức là cắt đứt sự y chỉ.

Nếu đệ tử sống chung, đệ tử y chỉ lui tới những nơi không nên đến mà không dạy dỗ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là những nơi không nên đến.

3/ Giúp đỡ khi đệ tử bị yết-ma: Nếu trường hợp đệ tử bị Tăng xử đoán làm các pháp yết-ma chiết phục, không cùng nói chuyện, phát hỉ, tấn xuất; hoặc đệ tử phạm một trong ba kiến chấp là hủy báng kinh điển, ác kiến, biên kiến; hoặc bị yết-ma cử tội vì khuyên can mà không bỏ lỗi, thì Hòa thượng, A-xà-lê nên vì đệ tử xin lỗi mọi người rằng:

Thưa các trưởng lão! Kẻ này trước đây có ác kiến, bây giờ đã bỏ, tùy thuận vâng lời. Kẻ phạm phu ngu si làm sao khỏi lầm lỗi! Đứa nhỏ mới học muộn màng này quả thực có lỗi đó. Từ nay tôi sẽ dạy bảo để y không tái phạm nữa.

Sau khi đã làm cho tâm ý của đại chúng vui vẻ, hãy xin Tăng giải pháp yết-ma. Nếu đệ tử cùng sống chung, đệ tử y chỉ bị Tăng làm yết-ma mà thấy không giải tỏa cho họ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là đệ tử bị làm yết-ma.

4/ Khi ác tà kiến sinh khởi (458c) tự mình hoặc nhờ người hóa giải: Nếu đệ tử có những kiến chấp như hủy báng kinh điển, hoặc ác tà kiến, hoặc biên kiến thì Hòa thượng, A-xà-lê nên dạy:

Ông đừng sinh khởi kiến giải như thế. Đó là việc ác, sẽ rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục chịu khổ lâu dài.

Nếu dạy bảo y các điều như vậy mà y bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì nên nhờ người quen biết với y rằng: “Xin trưởng lão hãy khuyên người ấy từ bỏ ác kiến.” Nếu không tự mình hoặc nhờ người hóa

giải thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là đệ tử có ác kiến, tự mình hoặc nhờ người hóa giải.

5/ Tự mình xuất tội hoặc nhờ người xuất tội: Nếu đệ tử phạm tội có thể sửa trị, như phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà che giấu, thì nên tự mình cho pháp Ba lợi bà sa.

Nếu y không che giấu, thì nên cho pháp Ma-na-đỏa. Cho đến phạm tội Việt-tỳ-ni, thì nên tự mình trị phạt.

Nếu mình không trị được thì nên nhờ người khác trị.

Nếu đệ tử cùng sống chung, đệ tử y chỉ phạm tội mà thầy không tự mình xuất tội, không nhờ người khác xuất tội cho họ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là tự mình hoặc nhờ người xuất tội.

6/ Khi đệ tử bệnh, tự mình hoặc nhờ người chăm sóc: Nếu đệ tử bị bệnh thì tự mình phải săn sóc hoặc nhờ người khác săn sóc. Không được sai người khác săn sóc mà bản thân mình không quan tâm đến. Mỗi ngày nên đến thăm ba lần, và cổ vũ người nuôi bệnh: “Ông chớ nên uể oải, chăm sóc lẫn nhau là điều mà Phật rất khen ngợi.” Nếu đệ tử cùng sống chung, đệ tử y chỉ lâm bệnh mà thầy không trông nom thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là đệ tử bị bệnh, tự mình hoặc sai người chăm sóc.

7/ Khi đệ tử lâm nạn, tự mình hoặc nhờ người đưa đi: Nếu thân nhân của đệ tử muốn lôi kéo đệ tử trở về nhà, thì thầy nên bảo họ lánh đi xa, để hoàn thành công đức xuất gia, và nên tự mình đưa đi. Nếu vì già bệnh hoặc bận công việc của Tăng thì nên nhờ người khác đưa đi giúp.

Nếu không tự mình hoặc nhờ người đưa đi thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là khi gặp nạn, hoặc tự mình hoặc nhờ người đưa đi.

8/ Khi đệ tử gặp nạn vua, nạn giặc: Nếu đệ tử bị vua bắt đi thì thầy không nên bỏ mặc như vậy mà phải ở bên ngoài thăm dò tin tức. Nếu nhà vua hỏi: “Ai là Hòa thượng, A-xà-lê?”, thì khi ấy nên đi vào.

Nếu sự việc bị hàm oan thì nên tìm người quen biết làm chứng. Nếu cần tiền của để theo đuổi công việc thì nên cho y bát. Nếu không có thì nên xin để cho. Nếu đệ tử bị giặc bắt đem bán nơi phương xa thì thầy nên tìm kiếm chuộc về. Nếu đệ tử bị nhà vua, bị bọn giặc bắt mà Hòa thượng, A-xà-lê không cứu chuộc thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Hòa thượng, A-xà-lê (gặp các trường hợp trên) thì đệ tử cộng trụ, đệ tử y chỉ cũng phải can gián như vậy. Nhưng không được nói thô lỗ như để dạy bảo, mà phải dùng lời nhã nhặn khuyên can Hòa thượng, A-xà-lê không nên làm việc đó.

Nếu thầy nói: “Ta sẽ không làm nữa”, thì tốt. Nếu (459a) Hòa thượng nói: “Im, im đi. Người không phải Hòa thượng, A-xà-lê của ta. Lẽ ra ta dạy bảo người mà người lại dạy bảo ta giống như vượt mắt tre ngược chiều, người chớ nói nữa”, thì nên bỏ đi xa.

Nếu đó là thầy y chỉ thì nên mang y bát ra ngoài cương giới ngủ qua một đêm rồi trở về y chỉ người khác.

Nếu thầy có thể lực thì nên bỏ đi xa.

Nếu không bỏ đi thì nên y chỉ người có đức độ. Nếu thầy đến những nơi không nên đến, hoặc bị yết-ma thì phải lo giúp đỡ.

Nếu thầy khởi ác kiến thì phải tự mình giải tỏa hoặc nhờ người giải tỏa; tự mình hay nhờ người xuất tội. Thấy bệnh hay không bệnh đều phải cung cấp.

Nếu thầy gặp nạn thì nên đưa đi.

Nếu bị vua, giặc bắt thì phải theo cứu giúp. Nếu đệ tử cộng trụ, đệ tử y chỉ thấy thầy phạm những giới nhỏ mà không can gián, cho đến bị vua, giặc bắt mà không theo cứu giúp thì phạm tội Việt-tỳ-ni.



NHỮNG CÔNG VIỆC ĐỆ TỬ PHẢI LÀM

Đệ tử cộng trú, đệ tử y chỉ ở gần Hòa thượng, A-xà-lê phải làm các việc sau đây: (1) Đứng dậy đón tiếp; (2) trả lời; (3) làm việc; (4) làm việc cho mình, làm giúp người khác; (5) vấn đề y bát; (6) tự cạo đầu, cạo đầu cho người; (7) dùng dao chữa trị; (8) cho và nhận; (9) lấy thức ăn cho mình, lấy thức ăn cho người; (10) tự mình trì kinh, dạy kinh cho người; (11) gởi dục, nhận dục; (12) uống thuốc; (13) rời khỏi cương giới; (14) tổ chức cúng dường; (15) đi không thừa.

1/ Đứng dậy tiếp đón: Đệ tử thấy Hòa thượng, A-xà-lê từ xa nên đứng dậy đón tiếp.

Nếu đang ăn năm món ăn chính hoặc thọ trì hạnh ăn một lần không thể đứng dậy được thì nên cúi đầu xuống.

Nếu thọ trì hạnh ăn một lần thì nên bạch với thầy. Thầy nên hỏi: “Ông có thể ăn một lần không? Nếu chịu đựng được thì nên thọ trì.” Nếu đáp: “Không chịu đựng nổi”, thì nên bảo đừng thọ trì.

Nếu đệ tử thấy thầy mà không đứng dậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là không đứng dậy đón tiếp.

2/ Trả lời: Khi Hòa thượng, A-xà-lê gọi thì đệ tử phải đáp. Nếu trong miệng đang ngậm cơm mà tiếng nói không khác thì nên đáp. Nếu không thể được thì đợi nuốt xong rồi mới đáp.

Nếu thầy trách: “Vì sao nghe ta gọi mà không đáp”, thì nên nói: “Vì trong miệng đệ tử đang ngậm cơm.” Nếu thầy gọi mà không đáp thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là trả lời.

3/ Làm việc: Nếu Hòa thượng, A-xà-lê bảo đệ tử làm việc ấy mà đúng pháp thì nên làm. Nhưng nếu bảo: “Gọi cô gái ấy đến, lấy rượu đem lại”, thì nên dùng lời nhỏ nhẹ thưa lại: “Con nghe nói rằng các việc như vậy là phi pháp, không nên làm.” Nếu thầy bảo làm việc đúng pháp mà không làm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bảo làm việc.

4/ Làm việc cho mình và làm việc với người: Nếu muốn làm việc gì thì nên hỏi thầy: “Con muốn làm việc ấy với mõ giáp.” Thầy nên xem tướng người ấy, nếu y không khéo trì giới thì nên bảo đừng làm việc với y. Nếu thấy kẻ ấy khéo trì giới thì nên cho phép cộng tác. Nếu đến phiên mình làm Duy na trực nguyệt thì nên bạch với thầy. Như trong Thiên uy nghi (459b) đã nói rõ. Đó gọi là tự mình làm việc và làm việc với người.

5/ Vấn đề y bát: Khi muốn hơ bát hoặc kê đá làm lò để hơ thì mỗi việc đều nên thưa với thầy. Nếu không thể thưa từng việc một, thì chỉ cần nói: “Con muốn hơ bát.” Một lần thưa là gồm tất cả. Khi hơ bát nên thưa Hòa thượng, A-xà-lê có muốn hơ hay không. Nếu bảo hơ, thì nên hỏi cái nào hơ trước, cái nào hơ sau hay là hơ chung một lần. Nếu bảo hơ một lần thì nên hỏi cái nào để trên, cái nào để dưới, tùy thầy dạy nên làm theo ý. Khi muốn nhuộm y, nên thưa với thầy; hoặc khi giặt, vá, nấu, tất cả đều nên thưa. Nếu không thể thưa từng việc một thì chỉ cần nói: “Con muốn nhuộm y.” Một lần thưa là gồm tất cả. Khi nhuộm y, trước hết nên hỏi Hòa thượng, A-xà-lê có muốn nhuộm y hay không. Nếu nói: “nhuộm” thì nên hỏi cái nào nhuộm trước, cái nào nhuộm sau hay nhuộm cùng lúc. Nếu bảo “cùng nhuộm một lần”, thì nên nhuộm y Hòa thượng, A-xà-lê trước. Cũng vậy, khi vá, khi nhuộm, khi cầm, không được dùng y của thầy gói y của mình mà nên lấy y mình gói y thầy. Khi làm các việc về y bát mà không thưa với thầy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là những việc thuộc về y bát.

6/ Tự cạo đầu và cạo đầu cho người khác: Khi mình muốn cạo đầu, nên thưa thầy. Thầy nên hỏi:

Ai cạo cho ông?

Dạ thưa mõ giáp.

Mõ giáp có biết cạo không?

Việc đó dễ như trở bàn tay.

Thầy nên nói: Không nên.

Nhưng nếu nói “biết” thì thầy nên quan sát người ấy. Nếu y không khéo trì giới thì cũng nên bảo: “Không nên.”

Nếu thấy y khéo trì giới, thì nên nói: “Cạo được.”

Khi muốn cạo đầu cho người khác, nên thưa với thầy: – Con cạo đầu cho Tỳ-kheo mỗ giáp.

Thầy nên hỏi: Ông có cạo được không?

Nếu đáp: “Việc đó dễ như trở bàn tay có gì mà không làm được”, thì thầy nên nói: “Không nên làm.”

Nếu đệ tử nói: “Con có thể làm được”, thì thầy nên xem tướng y, nếu y không khéo trì giới thì nên nói: “Không nên làm.”

Nếu thấy y khéo trì giới thì thầy nên nói: “Ý kiến ấy rất hay.” Nếu Hòa thượng, A-xà-lê vào xóm làng, rồi thợ cạo đầu đến muốn cạo đầu thì mình nên bạch với các trưởng lão Tỳ-kheo khác rằng: “Con muốn cạo đầu.” Sau khi thầy trở về, nên thưa lại cho thầy biết. Khi thầy đi khỏi thì mình được nhờ thợ cạo, cạo đầu cho mình. Đó gọi là cạo đầu cho mình và cạo đầu cho người khác.

7/ Dùng dao chữa bệnh: Khi muốn mổ mụn nhọt cho người khác nên thưa với thầy:

Con mổ mụn nhọt cho Tỳ-kheo mỗ giáp.

Thầy nên hỏi:

Ông làm có được không?

Nếu đáp: “Việc này dễ như trở bàn tay mà có gì làm không được”, thì thầy nên nói:

Không nên làm.

Nếu nói: “Con có thể làm”, thì thầy nên xem tướng, nếu y không khéo trì giới thì nên nói:

Không nên làm.

Nếu thấy y khéo trì giới, thì nên hỏi mụn nhọt ở chỗ nào. Nếu nói: “Ở chỗ bắn thiú”, thì nên nói:

Trong phạm vi cách cốc đạo (hậu môn) bốn ngón tay không nên chạm đến. Nếu lễ đầu ra máu, hoặc chữa trị các mụn ở chỗ khác (459c) thì nên làm.

Khi muốn phá mụn nhọt của mình, nên thưa với thầy. Thầy nên hỏi ở chỗ nào. Nếu cho biết ở chỗ bắn thiú thì nên bảo không nên làm. Nếu nói rằng ở những nơi khác thì cách xử trí như ở trên. Đó gọi là dùng dao để chữa bệnh.

8/ Cho và lấy: Khi muốn cho ai vật gì, nên thưa với thầy. Thầy nên hỏi:

Cho ai?

Nếu nói: “Cho quả phụ, đồng nữ, dâm nữ, bọn vô lại, kẻ hung ác, Tỳ-kheo-ni mang tiếng xấu, sa-di-ni mang tiếng xấu, Tỳ-kheo không khéo giữ giới”, thì nên bảo:

Không nên cho và thân cận với những hạng người như vậy.

Nếu cha mẹ không tin Tam bảo, thì nên ít lui tới. Nếu có lòng tin thì nên cung cấp tận tình đừng để thiếu thốn.

Khi muốn lấy vật của người khác nên thưa với thầy. Thầy nên hỏi:

Ai cho ông?

Nếu đáp: “Do đồng nữ, cho đến Tỳ-kheo không khéo giữ giới cho con”, thì nên bảo:

Chớ nên giao du thân mật với những hạng người này.

Nếu đáp: “Người đó khéo giữ giới”, thì nên bảo: “Cứ lấy.”

Hỏi:

Khi cho hay nhận vật chừng cỡ nào thì không cần thưa với thầy?

Đáp:

Như chừng nửa sợi chỉ hay nửa bữa ăn. Đó là các trường hợp cho và lấy không cần thừa.

9/ Lấy thức ăn cho người, lấy thức ăn cho mình: Khi người khác nhờ mình đi lấy thức ăn thì phải thưa với thầy rằng:

Con lấy thức ăn giúp cho Tỳ-kheo mỗ giáp.

Thầy nên hỏi:

Vì Tỳ-kheo ấy vì sao không đi lấy?

Đáp: “Ăn ở đó cực khổ, ăn ở đây sướng hơn”, thì nên nói:

Nếu vì muốn sướng thì đừng có nhờ người ta.

Nếu lấy giúp cho Duy na hay người bệnh thì nên xem tướng người ấy. Nếu y không khéo trì giới thì nên nói:

Không nên đi.

Nếu nói: “Đến phiên con đi lấy”, thì nên bảo:

Lấy bát của người ấy rửa cho sạch rồi hợp chung với bát của mình cầm theo.

Nếu thấy người ấy khéo trì giới, thì nên bảo:

Hãy lấy giúp cho ông ta.

Nếu muốn nhờ người khác đi lấy giúp thức ăn thì nên thưa với thầy. Thầy nên hỏi:

Vì sao ông không đi?

Nếu đáp: “Ăn ở đó cực khổ, ăn ở đây sướng hơn”, thì nên nói: “Ông vì thích sướng nên không thể được.”

Nếu (người đệ tử này) đang làm Duy na hay bị bệnh, thì nên hỏi: Ông nhờ ai đi lấy?

Đáp: Mỗ giáp.

Nếu thấy y không khéo trì giới, thì nên nói: – Không thể được.

Nếu đáp: “Đến phiên người ấy lấy phần cho con”, thì nên bảo:

Nên nhờ người khác, hoặc là người cùng một Hòa thượng, A-xà-lê, hoặc là người khéo trì giới đi lấy giúp.

Đó gọi là đi lấy thức ăn cho mình, lấy thức ăn cho người.

10/ Đọc kinh, dạy kinh cho người: Khi muốn dạy Kinh cho ai nên thưa với thầy. Thầy nên hỏi:

Dạy Kinh cho ai?

Đáp:

Dạy Kinh cho Tỳ-kheo mổ giáp.

Lại hỏi:

Dạy Kinh gì?

Nếu đáp: Kinh sa-lộ-da-đà, thì nên nói:

Không được, đức Thế Tôn không cho phép.

Nếu nói: “Chú Kinh”, thì nên nói:

Được, nhưng hãy bảo ông ta dùng dùng Kinh này để làm kế sinh sống.

Nếu đáp: “Kinh A-hàm”, thì thầy nên xem tướng anh ta, nếu không khéo trì giới, thì nên nói:

Không được.

Nếu thấy khéo trì giới thì nên hỏi:

Người đọc Kinh có trôi chảy không?

Đáp: “Không (**460a**) trôi chảy, để con hỏi lại ông ta rồi con sẽ dạy”, thì nên nói:

Không nên dạy.

Nếu đáp: “Đọc trôi chảy”, thì nên bảo:

Cứ dạy.

Khi mình muốn đọc Kinh cũng phải thưa với thầy, như cách thức ở trên. Đó gọi là tự mình đọc Kinh, dạy Kinh cho người.

11/ Gởi dục, nhận dục: Khi gởi dục hay nhận dục nên thưa với thầy, như vấn đề lấy thức ăn.

12/ Uống thuốc: Khi muốn ống thuốc trước hết phải thưa với thầy. Nếu đã ngồi rồi muốn uống sữa trước rồi ăn sau thì dù không thưa mà uống, cũng không có tội.

13/ Rời khỏi cương giới: Khi muốn rời khỏi Tăng già lam chừng 25 khuỷu tay nên thưa với thầy rồi mới đi. Nếu đi kinh hành hoặc ngồi thiền nên thưa để thầy biết chỗ. Nếu đang ở trước thầy mà muốn đi đại tiểu thì nên cúi đầu tỏ sự cung kính rồi mới đi. Nếu không ở trước thầy thì không tỏ sự cung kính, không có tội.

14/ Tổ chức bố thí rộng rãi: Nếu muốn tổ chức bố thí lớn, nên thưa với thầy rằng:

Con muốn bố thí hết tất cả những vật sở hữu của con.

Thầy nên nói:

Người xuất gia cần phải có ba y, bình bát, tọa cụ, túi lọc nước, giày da.

Nếu đệ tử nói: “Ngoại trừ các vật vừa kể, còn tất cả các thứ khác con muốn bố thí hết”, thì thầy nên xem tướng người ấy, nếu y không khéo trì giới, không chịu tụng Kinh, hành đạo, nên nói:

Đồng ý.

Nếu thấy y khéo trì giới, thường đọc tụng hành đạo, thì nên nói:

Bố thí chẳng phải là giải pháp tốt nhất. Ông nhờ các vật ấy làm phương tiện (như là món thuốc) để mà tọa thiền, tụng kinh, hành đạo.

Nếu nói: “Con có thân nhân cung cấp cho y phục ẩm thực và thuốc chữa bệnh rồi”, thì thầy nên nói:

Nếu thế thì thấy đồng ý.

Đó gọi là bố thí rộng rãi.

15/ Thừa thấy rồi mới đi: Khi muốn đi đâu phải thừa trước với Hòa thượng, A-xà-lê không được để đến lúc đi rồi mới thừa, mà phải thừa trước chừng một tháng, nửa tháng rằng:

Đệ tử muốn đến quốc độ ở chỗ phương.

Thầy nên hỏi:

Vì việc gì mà đi?

Nếu nói: “Ở đây Tăng làm việc cực khổ, đọc Kinh, tụng Kinh cực khổ quá; Hòa thượng, A-xà-lê còn bảo: ăn ít, uống ít, thức nhiều còn ở nơi kia thì sống sướng hơn”, thì thầy nên nói:

Ông vì thế mà xuất gia, vì sao lại khước từ sự cực khổ?

Nếu nói: “Hòa thượng, A-xà-lê lo việc kinh doanh, không dạy Kinh cho con, nên con phải đi”, mà mình có thể dạy được thì nên bảo:

Đừng đi.

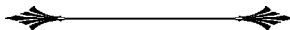
Nếu mình không thể dạy được mà trong chúng có người khéo trì giới, tụng Kinh lưu loát thì nên bảo đến người đó thụ giáo. Nếu cũng không có mà ở nơi kia có Tỷ-kheo quen biết đa văn thì nên gởi gắm cho họ. Nếu lúc đi không thừa với Hòa thượng, thầy y chỉ mà đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Ở đây, đệ tử cộng trú, đệ tử y chỉ đối với Hòa thượng, A-xà-lê phải làm những việc ấy. Đó gọi là thừa với Hòa thượng, A-xà-lê rồi mới đi.

*

Hết quyển thứ hai mươi tám

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 29

PHẨM TẬP TỤNG (tiếp theo)

Lại nữa, khi Phật du hành tại nước Câu-tát-la, lúc ấy các Tỳ-kheo cầm y bát của Hòa thượng, A-xà-lê đi trước, ra ngồi tụ tập ở ngoài cổng để đợi thầy, vì sợ mất y chỉ nên không dám ra khỏi cương giới. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Đây là các Tỳ-kheo nào mà ngồi tụ tập như vậy?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc kể trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Đây không phải là rời y chỉ. Đợi khi Như Lai du hành nước Câu-tát-la trở về thành xá-vệ, các ông hãy nói lại, để Ta chế định phép xả y chỉ cho các đệ tử.

Khi Phật trở về thành xá-vệ, các Tỳ-kheo đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn, rồi nói:

Nay thật là đúng lúc, xin Thế Tôn chế định phép xả y chỉ cho các đệ tử.

Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

Khi Hòa thượng mệnh chung là rời y chỉ; hoặc là thôi tu, bị cử tội, hoặc ra ngoài cương giới nghỉ lại một đêm; hoặc đệ tử cộng trú ra ngoài giới ngủ một đêm; đó gọi là rời y chỉ. Nếu thấy y chỉ mệnh chung, thôi tu, bị cử tội, hoặc ra ngoài giới nghỉ lại một đêm, hoặc

đệ tử y chỉ ra ngoài giới nghỉ lại một đêm, hoặc đệ tử đã đủ năm tuổi hạ, khéo biết pháp, khéo biết luật, được rời y chỉ, đó gọi là xả y chỉ. Nếu Tỳ-kheo không khéo biết pháp, không khéo biết luật, không thể tự lập, không thể xây dựng cho người khác thì Tỳ-kheo ấy suốt đời phải y chỉ người khác mà sống. Nếu Tỳ-kheo đủ mười tuổi hạ, khéo biết pháp, khéo biết luật, có thể tự lập, có thể xây dựng cho người khác thì Tỳ-kheo ấy được nhận người khác y chỉ.

Đó gọi là phép tắc của Hòa thượng, A-xà-lê, đệ tử cộng trú và đệ tử y chỉ.



PHÉP TẮC CỦA SA-DI

Thế Tôn không thích việc cha mẹ vì quá thương yêu, khóc lóc khi Ngài sắp làm Chuyển Luân vương mà bỏ nhà xuất gia, cho đến khi tôn giả La-hầu-la xuất gia, các nhân duyên này đã được nói rõ ở những chỗ khác, nên Ngài nói với Xá-lợi-phất:

Ông hãy đến độ La-hầu-la xuất gia.

Con độ La-hầu-la xuất gia bằng cách nào, bạch Thế Tôn?

Ông đến đó, dạy La-hầu-la nói như sau:

Con là La-hầu-la, quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng (nói như vậy ba lần). Con là La-hầu-la quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, (460c) quy y Tăng rồi, suốt đời không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu; Phật Thế Tôn xuất gia, con là La-hầu-la cũng theo Phật xuất gia (nói như vậy ba lần). Phật Thế Tôn xuất gia, con là La-hầu-la cũng theo Phật xuất gia, bỏ y phục thế tục, khoác ca sa, suốt đời không sát sinh giữ giới sa-di, suốt đời không trộm cắp giữ giới sa-di, suốt đời không dâm dục giữ giới sa-di, suốt đời không nói dối giữ giới sa-di, suốt đời không

uống rượu giữ giới sa-di, suốt đời không trang sức hương hoa giữ giới sa-di, suốt đời không xem nghe múa hát nhạc kịch giữ giới sa-di, suốt đời không ngồi trên giường cao rộng giữ giới sa-di, suốt đời không ăn quá giờ giữ giới sa-di, suốt đời không cầm giữ vàng bạc và tiền giữ giới sa-di, xin luôn luôn ghi nhớ như vậy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bảy giờ tôn giả A-nan có một người đàn việt quen biết, cả nhà ông bị một cơn bệnh dịch chết hết, chỉ còn một đứa nhỏ, nó thường nhặt những hạt gạo rơi nơi chợ búa để nuôi sống. Khi tôn giả A-nan đi ngang qua đó, đứa bé trông thấy, liền chạy theo sau gọi: “Ông! Ông!” Nhưng A-nan không nghe nên cứ đi tới, liền bị người đời chê trách:

Vì sao sa-môn Thích tử khi người ta còn cha thì tìm cách làm thân như cha như con, bây giờ thấy người ta suy vi tan tác thì không đoái hoài đến, khiến đứa bé chạy theo kêu không ngừng?

A-nan nghe thế, quay nhìn lại biết được, liền gọi:

Con lại đây.

Thế rồi, đứa bé đi theo sau A-nan về Tinh xá Kỳ hoàn. Phật thấy thế, tuy biết mà vẫn hỏi:

Con của ai vậy?

A-nan bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn, rồi hỏi:

Bạch Thế Tôn! Đứa bé này có xuất gia được không?

Ông dùng tâm gì mà độ nó?

Tâm từ mẫn, bạch Thế Tôn!

Xuất gia được!

Bạch Thế Tôn! Cho xuất gia bằng cách nào?

Như trường hợp cho La-hầu-la xuất gia ở trên đã nói rõ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một người già cả xuất gia, rồi an cư tại một thôn xóm. Sau khi an cư xong, thầy dẫn theo mười sa-di đi đến thăm viếng Thế Tôn. Khi ấy, Thế Tôn đang ngồi ở chỗ trống, vị Tỳ-kheo già ấy từ xa trông thấy Thế Tôn, bèn chỉ, nói với các sa-di:

Đây là ông Tổ của các người đó.

Khi ấy, các chú sa-di nhỏ bèn tranh nhau chạy trước đến chỗ Phật, rồi đưa thì nắm giường ghế, đưa thì nắm y kéo, đưa thì rờ bàn chân, đưa thì cầm bình nước. Phật biết mà vẫn hỏi thầy:

Đó là các sa-di của ai vậy?

Của con đó, bạch Thế Tôn!

Vì sao ông độ nhiều sa-di như vậy? Từ nay về sau, Ta không cho phép nuôi nhiều sa-di. **(461a)** Nếu nuôi một lần thì tối đa chỉ được nuôi ba người. Nếu Tỳ-kheo có đức lớn được nhiều người tôn trọng (muốn làm đệ tử) thì nên gởi gắm cho người khác độ họ, rồi thưa rằng:

Tôi biết có người chỉ muốn theo thầy tụng Kinh nghe pháp để tăng trưởng việc tu học, vì vậy xin gởi họ cho thầy.

Nên nói như vậy để gởi gắm cho người khác, nhờ họ dạy dỗ giúp. Nếu ai nuôi nhiều sa-di, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có thầy Tỳ-kheo dẫn một sa-di về nhà thăm bà con. Khi đi qua chặng đường ở vùng hoang dã, bỗng có một phi nhân hóa làm rồng, đi nhiễu quanh bên phải sa-di, dùng hoa rải lên người, rồi tán thán:

Lành thay! Ông được lợi ích rất lớn, vì đã bỏ nhà xuất gia, không cầm vàng bạc và tiền.

Vị Tỳ-kheo về nhà người thân thăm hỏi xong rồi, định trở về lại Tinh xá thì bà vợ của người thân nói với sa-di:

Nay chú trở về, đường xá xa xôi, sợ e thiếu thốn, vậy hãy cầm theo số tiền này khi đến chợ quán sẽ dễ bề chi dụng.

Sa-di bèn nhận lấy, rồi cột vào trên đầu y mà đi. Khi đến giữa đường, phi nhân trông thấy sa-di cầm tiền đi theo sau Tỳ-kheo, liền hóa làm rồng đi nhiễu bên trái sa-di, rồi hốt bụi ném lên sa-di, nói như sau:

Ông đã mất lợi ích rồi, xuất gia tu hành mà còn cầm tiền đi.

Sa-di liền khóc. Thấy Tỳ-kheo ngoái lại thấy thế hỏi Sa-di:

Vì sao ông khóc?

Con không nhớ là mình có lỗi gì mà vô cớ bị nã loạn.

Ông có cầm vật gì không?

Con có cầm số tiền này đây.

Hãy vứt bỏ đi.

Sau khi vứt bỏ, phi nhân lại cúng dường như trước. Thấy Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau Ta không cho phép sa-di cầm vàng bạc và tiền. Nếu Tỳ-kheo sai sa-di lần đầu tiên cầm vàng bạc và tiền thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu thấy sa-di trước đó đã cầm, rồi sau bảo cầm thì không có tội.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, được chư thiên và người đời cúng dường, như trên đã nói rõ. Bấy giờ, sau khi ăn xong, tôn giả Đại-mục-liên cùng với sa-di Chuyên Đầu đi đến bên ao A-nậu ở Diêm-phù-đế ngồi thiền. Lúc ấy, sa-di Chuyên Đầu thấy những hạt cát vàng ở bên ao, liền suy nghĩ: “Nay ta hãy gói các viên sỏi này đem về để dưới bình tắm của Thế Tôn.” Thế rồi, tôn giả Mục-liên sau khi xuất thiền, bèn dùng thần túc đi trên hư không trở về Tinh xá. Còn sa-di Chuyên Đầu thì bị phi nhân giữ lại. Khi ấy, Mục-liên bèn quay lại, thấy sa-di liền gọi đến. Sa-di nói:

Con không thể đến được.

Ông có cầm vật gì sao?

Con có cầm những hạt cát vàng.

Ông hãy vứt bỏ đi.

Sau khi sa-di bỏ rồi, liền nương hư không mà đi. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

(461b) Từ nay về sau, Ta không cho phép sa-di cầm vàng bạc và tiền.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, ở bên cây Ni-câu-luật, tại nước Ca-duy-la-vệ, có các đàn việt thiết lễ cúng dường trai phạn cho chúng Tăng. Lúc ấy, trong vườn có một sa-di đang đuổi chim, xua ruồi, nhặt các thứ cơm, xương, rau quả rơi mà ăn; nhằm lúc có các bà mẹ vốn có lòng thương cảm, thấy thế liền nói như sau:

Sa-môn Thích tử không có lòng từ, ăn không bình đẳng, giống như nuôi nghé con, trước cho bú rồi sau bỏ đói. Nay đây, Tỳ-kheo nuôi đứa bé này mà không cho ăn, chỉ ăn một mình. Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau, người xuất gia khi ăn nên cho ăn bình đẳng. Về phần Sa-di thì gồm có ba phẩm bậc như sau:

1. Từ 7 tuổi đến 13 tuổi gọi là sa-di đuổi quạ (Khu ô sa-di)
2. Từ 14 đến 19 tuổi gọi là sa-di đúng pháp (Ứng pháp sa-di)
3. Từ 20 đến 70 tuổi gọi là sa-di trên danh nghĩa (Danh tự sa-di)

Cả ba phẩm này đều gọi chung là sa-di.

Khi ấy, tôn giả Ưu-ba-ly biết đúng lúc bèn hỏi Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn! Phải chia phần y an cư cho sa-di như thế nào?

Nếu sa-di ấy được lòng các Tỳ-kheo thì nên cho một nửa, hoặc một phần ba. Được lòng các Tỳ-kheo nghĩa là sa-di ấy giữ giới, làm các việc tốt đẹp.

Bạch Thế Tôn! Vậy thì chia phần y lúc phi thời cho sa-di như thế nào?

Cho phần bằng nhau. Nếu vì sợ sa-di có nhiều y rồi đi làm điều phi pháp, thì nên cho một nửa hoặc là một phần ba. Nếu Hòa thượng, A-xà-lê của sa-di ấy bảo cho bằng nhau không khác, thì nên theo lời của thầy mà cho, chia y của vị qua đời cũng như vậy. Đó gọi là phép tắc của sa-di.



PHÉP TẮC CỦA BÁT

Sau khi thành Phật không bao lâu, Phật an trú tại rừng Thi-lợi-mạn-trà-la. Lúc ấy có hai người lái buôn, người thứ nhất tên Đế-lê-phù-ta, người thứ hai tên Bạt-lê-già (nói rộng cho đến) đem bột, mật đi đến dâng Thế Tôn. Thế Tôn suy nghĩ: “Chẳng hiểu các đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tritrong thời quá khứ dùng tay nhận thức ăn hay dùng bát nhận thức ăn?” Sau khi Thế Tôn suy nghĩ như thế, bốn vị Đại Thiên Vương mỗi người đều cầm bát bằng vàng đến dâng lên Thế Tôn. Phật nói:

Ta không thể nhận loại bát bằng vàng như vậy. Tất cả các loại bát bằng châu báu Ta đều không thể nhận.

Thế rồi, mỗi vị đều mang bát bằng đá đến. Phật lại suy nghĩ: “Nếu Ta nhận một bát e rằng tâm ý các vua không vui”, nên Ngài bèn nhận cả bốn bát, rồi đặt chống lên tay trái, dùng tay phải nén xuống hợp thành một bát, nhưng ngoài biên của 4 cái đều hiện

rõ. Khi Phật nhận bát rồi, liền nhận bột, mặt của các lá buôn, đoạn, chú nguyện đầy đủ. Lúc ấy, các lá buôn rất hoan hỷ, đến trước Phật, bạch:

Xin Thế Tôn cho chúng con (461c) móng tay và tóc để về xây tháp phụng thờ.

Phật liền cắt móng tay và tóc cho họ đem về xây tháp.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thôn đất trắng Tôn Ba, lúc ấy thiên thần Tôn Bà đi đến chỗ Phật, bạch:

Bạch Thế Tôn! Trong thời quá khứ các đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tridã sử dụng bát sành ở nơi này. Kính xin Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo sử dụng bát sành.

Từ nay về sau, Ta cho phép các Tỳ-kheo sử dụng bát sành.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo đi đến nhà thợ đồ gốm Pháp Dự, nói như sau:

Này lão trượng! Làm cho tôi cái bát.

Thế rồi, ông ta làm một cái bát sành thật đẹp, màu sắc như vàng, cúng cho Tỳ-kheo. Phật thấy thế, liền dạy:

Ta không cho phép làm bát màu vàng.

Ông lại làm cái bát khác màu bạc. Phật lại dạy:

Ta cũng không cho phép làm bát bằng màu bạc.

Đoạn, Phật bảo các Tỳ-kheo:

Hôm nay là ngày chay, hãy đến bảo Ưu-bà-tắc Pháp Dự tắm rửa sạch sẽ, mặc y phục mới, đến thọ bố-tát.

Thế rồi, Ưu-bà-tắc tắm rửa sạch sẽ, mặc y phục mới, đến chỗ Phật thọ bố-tát. Đức Thế Tôn liền chỉ chỗ đất bảo:

Ông đã biết chỗ đất này rồi đó, hãy trộn lại như thế này, nhồi như thế này, đập như thế này, làm như thế này rồi nung thành bát. Sau khi nung bát hoàn thành phải xông khói thành ba màu: Một là

như màu yếm hầu của con công; hai là như màu chim Tì lăng già; ba là như màu chim Bồ câu. Trong khi xông khói phải để ý theo dõi cho màu sắc được như thế.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy có thầy Tỳ-kheo ở nước Ưu-bà-thi-bà mang bát đến, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Có cho phép dùng loại bát này không?

Cho phép dùng.

Thế rồi, Tỳ-kheo ở nước Ca-hi-da cũng mang bát đến hỏi Phật. Phật dạy:

Cho phép dùng.

Sau đó, Tỳ-kheo ở phương Bắc đem bát màu đỏ đến, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Có cho phép dùng bát màu này không?

Không cho phép dùng.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, vì năm sự lợi ích nên đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến trứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Trông thấy một Tỳ-kheo bị mụn nhọt ở tay, Phật biết mà vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Ông có an vui không?

Bạch Thế Tôn! Vì tay con bị mụn nhọt, khiến bát bị rơi xuống đất vỡ bể nên không được vui.

Từ nay về sau, Ta cho phép các Tỳ-kheo dùng bát bằng sắt. Khi làm bát bằng sắt nên làm lò để nung bát. Khi nung nên dùng hạt a ma lặc, hạt khư đà la, rồi dùng những gốc tre lớn để đốt.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy vua A-xà-thế vừa làm xong một tòa nhà mới, liền suy nghĩ: “Chẳng hiểu ai có thể biết được những khuyết điểm của tòa nhà này? Chắc chắn chỉ có sa-môn Thích tử thông minh trí tuệ mới có thể biết được

những khuyết điểm của nó mà thôi.” Rồi vua suy nghĩ: “(462a) Ta không thể gọi trực tiếp các Tỳ-kheo đếm xem tòa nhà này, mà chỉ nên mở lễ hội, rồi âm thầm đặt người ở khắp mọi nơi, để lắng nghe những lời bình phẩm của họ.” Khi ấy, các Tỳ-kheo đi vào nhà, rồi một Tỳ-kheo nói như sau:

Ngôi nhà này tất cả đều hoàn hảo, chỉ có một góc sai lệch chừng một hạt thóc.

Lại một Tỳ-kheo khác nói:

Ngôi nhà này tất cả đều tốt, chỉ có cái ngưỡng cửa của đường lên gác thấp quá. Vua là dòng sát-đế-lợi, đi đâu phải có nghi vệ long quạt, khó mà ra vào một cách bình thường được.

Lúc ấy có một Tỳ-kheo già cả, thấy dưới đất có một đầu khúc gỗ bị chặt bỏ, liền suy nghĩ: “Cái này tốt, có thể làm bát được.”

Khi các Tỳ-kheo thọ trai xong trở về, lúc ấy, những người mà vua đã bố thí trước kia, bèn tâu lên vua những gì họ đã nghe được. Vua liền gọi thợ đến, bảo họ dùng thước đo lại, thì đúng như những gì các Tỳ-kheo nói, không sai chút nào, liền bảo những tay thợ khéo sửa chữa lại. Vua lại nhớ đến lời nói của vị Tỳ-kheo già, nghĩ rằng các Tỳ-kheo đương cần đến bát, liền sai thợ khéo tiện những cái bát gỗ, rồi làm các món ăn bỏ vào đầy bát; đồng thời lấy những cái bát sành, bát sắt bỏ đầy thức ăn vào, rồi sai người đem đến dâng lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Ta không cho phép dùng bát gỗ, vì nó dính dầu mỡ, đồng thời nó cũng là hình thức của ngoại đạo nên không được dùng.

Ở trong đây những gì thanh tịnh thì Thế Tôn nhận, còn những gì không thanh tịnh thì không nhận.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy vua A-xà-thế chưa có mối hiềm khích với chủng tộc Li-xa ở thành Tỳ-xá-ly. Bấy giờ có một lái buôn ở nước phía Nam đem tặng vua A-xà-thế một viên ngọc. Sau khi được ngọc, vua suy nghĩ: “Vật báu này là vật

cần dùng của các cậu ta.” Nghĩ thế vua bèn sai người đem biếu cho Li-xa. Li-xa được rồi lại suy nghĩ: “Báu vật này không thể chia được”, bèn đem cất vào trong kho báu. Sau đó, Li-xa đi xem xét các kho báu, thấy viên ngọc ấy, suy nghĩ: “Vật báu này có thể đem khoét để làm chén uống nước Thích già la”, bèn gọi thợ ngọc đến khoét làm chén. Khi cái chén làm thành bỗng nhiên giống hình cái bát, Li-xa lại suy nghĩ: “Đây là vật dụng của người xuất gia, không thích hợp với người thế tục, nên tặng cho Tác-già-ni-kiền-tử.” Kẻ khác lại nói: Nên đem cho Ni-kiền con của chị ta.

Lại có người nói: Vì sao lại đem cho những con lừa hạm rượu đó? Nên đem cho Thế Tôn.

Nhiều người mỗi người một ý như vậy nên họ phải rút thăm để quyết định và số thăm đồng ý cho Phật nhiều nhất. Mọi người bàn bạc: Chúng ta không thể đem cho Phật cái bát trống mà cần phải tô điểm cho đẹp để.

Đoạn, họ dùng những viên ngọc nhỏ bỏ đầy bát rồi đặt cái bát vào trong hộp, đồng thời dùng các thức ăn đựng đầy các bát sành, bát sắt, rồi đem dâng hiến cho Thế Tôn. Phật nói với các Li-xa:

Cái bát ngọc này Ta không thể nhận và những viên ngọc nhỏ trong bát cũng như hộp đựng bát Ta cũng không thể nhận. Ta chỉ được phép dùng bát sắt, bát sành chứ không được phép dùng bát ngọc. Vật gì thanh tịnh thì nên nhận, vật gì không thanh tịnh thì không nên nhận.

Li-xa bèn đem bát ngọc ấy trở về (462b). Mọi người bàn bạc:

Nên cho Ni-kiền con của chị chúng ta.

Lại có người nói:

Với con lừa hạm rượu ấy thì không nên dùng hộp báu và những viên ngọc nhỏ mà nên dùng dây gai đan cái túi rồi đựng bát không đem cho.

Thế rồi, họ dùng túi dây gai đựng bát rỗng, sai người mang cho. Khi ấy, có một Li-xa vốn tín kính Ni-kiến, bèn đến trước thuật lại với y đầy đủ sự việc kể trên, rồi dặn:

Khi họ đưa bát đến dùng nhận.

Do đó, khi bát được đưa đến, Ni-kiến nói:

Cái bát rỗng ấy ta không nên nhận, dùng dây gai để buộc, ta cũng không nên nhận. Lúc đầu đem cho sa-môn Cù-đàm, sau đó đem cho ta, do đó, ta cũng không nên nhận. Nay ta chỉ nhận có một việc: Nếu cắt lưỡi của bọn thanh niên Li-xa, đem tẩm muối mỡ bột, đựng đầy bát rồi mang đến thì ta mới nhận.

Khi sứ giả trở về trình bày lại đầy đủ sự kiện trên với các Li-xa, các Li-xa nói:

Đó là con của chị ta, vì oán hận mà thốt ra như vậy, hãy cứ đem cho y.

Nhưng sứ giả đem đến ba lần mà lời nói của y vẫn không thay đổi. Các Li-xa nói:

Đây là việc kỳ quặc, ta bố thí trọng hậu mà trái lại sinh ra oán hận.

Bèn sai người đến dùng gạch đập chết hấn ta.

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn, và hỏi Phật:

Bạch Thế Tôn! Vì sao Tát-già Ni-kiến-tử chỉ vì cái lưỡi mà hại đến thân mình?

Không những ngày nay do cái lưỡi mà hại đến thân mình (mà ngày xưa cũng đã từng có) như trong *kinh Bốn sinh cử cát la* đã nói rõ, hoặc trong *kinh Diễn đa lợi điều sinh*, *kinh Miết sinh*, *Kinh Oanh vũ sinh* cũng đều có đề cập đến.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo dùng bát ngăn ra từng khoảng đựng các thức ăn. Phật biết mà vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Trong bát ông đựng những gì vậy?

Bạch Thế Tôn! Trong đây một chỗ để cơm, một chỗ để canh, một chỗ để thịt và rau.

Ông tham trước các loại mùi vị sao? Từ hôm nay Ta không cho phép ngăn trong bát ra để đựng. Nếu ngăn bát ra để đựng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu dùng bánh ngăn hay cơm để ngăn thì không có tội.

Lại có Tỳ-kheo dùng bát đất chưa nung để ăn nên bị ói mửa. Phật dạy:

Nên dùng hạt a ma lặc, hạt khư đà la rồi lấy những gốc tre bị đốt để xông, sau đó mới sử dụng.

Bấy giờ các Tỳ-kheo dùng bát mà không có giỏ đựng. Phật dạy:

Nên đặt bát vào trong một cái giỏ.

Khi ấy các Tỳ-kheo bèn dùng vàng bạc, vật báu làm giỏ đựng bát. Phật dạy:

Không nên dùng vàng bạc để làm mà nên dùng đồng đỏ, thép, chì, thiếc để làm giỏ.

Khi ấy các Tỳ-kheo che kín khắp cả bát. Phật dạy:

Ta không cho phép che trùm tất cả, lớn nhất thì cách vành bát 4 ngón tay, còn nhỏ nhất thì như lá cây thi xá.

Các Tỳ-kheo vẽ các hình tượng chim muông trên giỏ đựng bát. Phật dạy:

Ta không cho phép vẽ hình tượng chim muông trên giỏ đựng bát. Phương pháp làm giỏ đựng bát là vuông hoặc là tròn.

Nếu bát không có giỏ đựng (462c) thì không được để dưới đất.

Nếu để dưới đất thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nên để bát trên cành cây hoặc trên lá, trên cỏ. Nếu bát được đựng trong giỏ thì để dưới đất không có tội.

Nếu bát đựng trong giỏ mà để trên bùn thì không tội. Cùng cực lắm thì rưới nước trên đất rồi mới để bát, thì không có tội. Nếu để bát trên đất thì phạm tội Việt-tỳ-ni.



CÁCH THỨC DÙNG CHÁO

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy mẹ của Nan-đà và mẹ của Ưu-ba-tư-trà-la ở trong thành này, cứ nửa tháng thọ bố-tát ba lần vào ngày mồng 8, ngày 14 và ngày 15. Vào ngày bố-tát, bà làm cơm, trước hết dọn cho Tỳ-kheo rồi mới ăn, đến sáng hôm sau lại bố-tát. Bà dùng nồi nấu cơm rồi chắt lấy nước cơm mà uống thì cảm thấy bệnh phong trong người tan mất và thức ăn trong bụng cũng tiêu, lại thấy đói muốn ăn, bà suy nghĩ: “A-xà-lê là người ăn ngày một bữa, cần phải ăn thêm cháo.” Nghĩ thế, bà dùng nồi đổ nhiều nước và bỏ vào ít gạo, nấu cho cạn bớt hai phần, còn một phần rồi mới bỏ tiêu, lá lốt vào. Khi cháo chín, bà múc đầy thố, bưng đến Tinh xá Kỳ hoàn. Đến nơi rồi, bà cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, đứng qua một bên rồi bạch:

Kính xin Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo được ăn cháo.

Phật liền dạy:

Từ nay về sau, Ta cho phép ăn cháo.

Vì ngày hôm ấy có đàn việt cúng dường trai phạn cho chúng Tăng trong Tinh xá khiến các Tỳ-kheo tâm sinh nghi, nghĩ rằng: “Đức Thế Tôn chế giới không cho ăn nhiều chỗ, vì sao chúng ta lại tác tịnh để được ăn?” Phật biết thế, liền dạy:

Nếu cháo lúc mới múc ra khỏi nồi mà viết trên mặt không thành chữ thì đó không phải là ăn nhiều chỗ, không phải là ăn riêng chúng, không phải là ăn no. Trái lại, nếu cháo lúc mới múc ra khỏi nồi mà viết trên mặt thành chữ thì đó mới gọi là ăn nhiều chỗ, là ăn riêng chúng, là ăn no.

Thế rồi, Thế Tôn đọc kệ chú nguyện:

Giữ giới thanh tịnh, người cung phụng,
 Tôn kính tùy thời đem cháo cúng
 Được mười lợi ích cho hành giả:
 Sắc, lực, thọ, vui, lời trong trẻo.
 Trừ phong, tiêu thực, dứt đói khát,
 Phật bảo đó là môn thuốc hay.
 Muốn sinh nhân thiên thường hưởng lạc,
 Nên thường đem cháo cúng chúng Tăng.

Lại nữa, khi Phật du hành tại nước Câu-tát-la, dần dần đi đến thôn của Bà-la-môn Ha-đế-khâm (như được nói rộng ở chỗ khác, cho đến Bà-la-môn dùng xe chở nào là lúa mạch, đậu, mè, sữa, dầu, đường phèn đi theo sát bên Thế Tôn trong sáu tháng, chờ lúc nào không có ai cúng thì ông sẽ cúng. Khi Phật còn ở đời nhân dân có lòng tin hoan hỷ cúng dường rất nhiều, bữa ăn trước, bữa ăn sau không khi nào thiếu thốn như vậy đó. Đến lượt Phật trở về thành xá-vệ (463a) lúc này người nhà của Bà-la-môn sai người đưa thư báo cho ông biết vụ mùa đã đến phải trở về gấp. Bấy giờ, Bà-la-môn hỏi tôn giả A-nan:

Thưa tôn giả! Đức Thế Tôn ngày mai từ cửa nào đi ra, đến thành xá-vệ?

Này Bà-la-môn! Ông hỏi để làm gì?

Tôi muốn đem rải những thóc, đậu này trên đường, mong Phật và Tỳ-kheo Tăng đạp lên trên mà đi, coi như quý vị đã thọ dụng.

Này Bà-la-môn! Để tôi hỏi Phật đã.

Thế rồi, tôn giả A-nan đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền hỏi:

Này A-nan! Ai từng giáo hóa và nhận sự cúng dường của ông ta?

Bạch Thế Tôn! Tôn giả Xá-lợi-phất.

Phật lại hỏi Xá-lợi-phất:

Ông từng nhận ông ta cúng dường sao?

Bạch Thế Tôn! Con từng nhận ông ta cúng dường ngày một bữa.

Thế thì ông là người giáo hóa ông ấy. Vậy hãy đến hỏi ông ấy ngày mai có thể nấu cháo cho chúng Tăng được không?

Xá-lợi-phất liền đến đó thuyết pháp cho ông nghe, rồi hỏi ông có thể nấu cháo cho chúng Tăng được không, Bà-la-môn đáp:

Tôi đã từng muốn đem thóc, đậu rải trên đường để cho Phật và chúng Tăng dẫm đi qua vì sao không thể nấu cháo được?!

Thế là đêm đó ông nấu các loại cháo, nào là cháo sữa chua, cháo sữa tươi, cháo dầu, cháo sữa đóng váng, cháo thịt, cháo cá. v.v... Đến sáng sớm, khi Phật và Tỳ-kheo Tăng đã ngồi ổn định, ông bèn tự tay dọn cháo. Phật biết mà vẫn hỏi ông:

Gạo để ở đâu?

Ở đây, bạch Thế Tôn!

Nấu tại đâu?

Cũng tại đây, bạch Thế Tôn!

Thức ăn chứa trong chỗ ở, Ta không cho phép, nấu ăn trong chỗ ở Ta cũng không cho phép. Ta chỉ cho phép dùng các loại cháo thanh tịnh khác, không cho phép dùng loại cháo này.

Lại nữa, khi Phật du hành nước Câu-tát-la đến thôn của Bà-la-môn Cổ Thạch, lúc ấy có ông thợ hớt tóc già, hai cha con xuất gia đang ở thôn này. Được tin Thế Tôn sẽ đến đây, người cha nói với con:

Người mang theo dụng cụ hớt tóc vào trong thôn tìm gạo, đậu, sữa, dầu, đường phèn để khi Thế Tôn đến, sẽ nấu các món cháo cúng dường.

Người con bèn đi vào trong thôn, dân chúng hỏi:

Ông hớt tóc muốn được vật gì?

Tôi cần gạo, đậu, sữa, dầu, đường phèn.

Ông dùng những thứ đó để làm gì?

Ngày mai Thế Tôn đến, sẽ nấu các món cháo để cúng dường.

Các cư sĩ nghe thế, sinh tâm hoan hỷ, đưa cho nhiều gấp bội; anh ta bèn mang về nhà. Khi Thế Tôn đến, ông già ấy liền thân hành nấu các món cháo. Đến sáng sớm, khi Phật và Tỳ-kheo Tăng ngồi ổn định, ông già ấy liền rửa tay, thân hành dọn các món cháo lên. Phật biết mà vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Đó là cháo gì vậy?

Bạch Thế Tôn! Khi con còn ở đời, mỗi lần cúng dường các Tỳ-kheo con thường tự nghĩ: “Không biết lúc nào được tự tay mình cúng dường Thế Tôn, nên nay con nấu món cháo này.”

Gạo này nhận được ở nơi nào vậy?

Đứa con trai con đi hớt tóc mà có được.

(463b) Gạo cất chung cùng chỗ ngủ, Ta không cho phép; nấu tại chỗ ở, Ta cũng không cho phép; tự nấu lấy, ta không cho phép; đi hớt tóc muốn mà được thực phẩm, Ta cũng không cho phép. Ta chỉ cho phép ăn những loại cháo khác thanh tịnh và được làm một cách thanh tịnh.

Lại nữa, khi Phật du hành tại nước Ương-câu-đa-la, lúc ấy Phạm chí Kê-ni-da-loa-kế nghe Thế Tôn đến, bèn nấu các món cháo nào là cháo sữa chua, cháo mè, cháo sữa tươi, cháo sữa đông váng, cháo dầu, cháo cá thịt. Đến khi Phật và Tỳ-kheo Tăng ngồi ổn định, ông dọn lên các món cháo. Các Tỳ-kheo tâm sinh nghi, nghĩ rằng: “Thế Tôn chế giới không cho phép ăn nhiều chỗ, nay vì sao chúng ta được xem đây là món thanh tịnh để mà ăn?” Phật nghe thế, liền dạy:

Nếu cháo lúc mới múc ra khỏi nồi mà viết không thành chữ thì Ta cho phép dùng. Trừ cháo thịt, cháo cá, ngoài ra tất cả các loại cháo khác thì khi dùng chúng không được kể là ăn nhiều chỗ, ăn biệt chúng, ăn no.

Nếu Tỳ-kheo khát thực, khi nấu cơm chưa chín, chắt lấy nước cơm rồi uống thì không có tội. Nếu chỉ lấy cơm mà ăn thì mới gọi là ăn biệt chúng, ăn nhiều chỗ, ăn no. Đó gọi là cách thức dùng cháo.



PHÉP DÙNG BÁNH

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, đức Thế Tôn cứ 4 tháng cạo tóc một lần. Khi cạo tóc, người đời thường đem bánh trái đến hiến Thế Tôn. Khi ấy, có một Bà-la-môn hỏi vợ:

Trong nhà có vật liệu để làm bánh không?

Có! Gạo lúa mạch hai đấu, dầu bốn thăng. Ông định dùng để làm gì?

Hôm nay sa-môn Cù-đàm cạo tóc, dân chúng ắt mang bánh đến cúng dường. Bà hãy làm bánh cho nhanh lên để tôi theo bạn bè đem đến cúng dường sa-môn Cù-đàm.

Thế rồi, bà vợ làm bánh, bỏ vào trong thố, dùng khăn sạch đặt lên trên đưa cho ông chồng mang đi. Lúc ấy, có các quốc vương, đại

thần, Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, các lãnh chúa của 18 thôn lớn, tất cả đại chúng đang quây quần xung quanh Thế Tôn. Thấy thế, Bà-la-môn này nghi ngại, sợ sệt không dám đường đột đi tới trước, bèn ngồi một mình ở một chỗ suy nghĩ: “Nếu sa-môn Cù-đàm có nhất thiết trí, nhất thiết kiến thường quan sát thế gian không có gì là không thấy, không có gì là không biết, thì nay ta đây cũng là thế gian, đương nhiên Ngài sẽ biết tâm của ta.” Khi ấy, Phật biết tâm niệm của Bà-la-môn, từ xa gọi ông ta đến. Lúc ông đến rồi, Phật biết mà vẫn hỏi:

Này Bà-la-môn! Trong cái thố của ông đang đựng vật gì vậy?

Đó là bánh, bạch Thế Tôn!

Hãy đem dọn cho chúng Tăng mỗi người một cái.

Đại chúng này đến 500 người mà bánh thì rất ít, không thể nào dọn đủ, bạch Thế Tôn!

Ông cứ dọn đi.

Thế rồi, Bà-la-môn đem dọn cho mỗi người một cái mà số bánh vẫn không giảm bớt. Thậm chí ông đi phát đến ba lần mà số bánh vẫn như cũ không hề giảm bớt. Lúc ấy, Bà-la-môn suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm có đại thần lực, số bánh ít ỏi như thế mà phát cho đại chúng đến ba lần vẫn không hề giảm bớt.” (463c) Phật biết tâm ý Bà-la-môn hoan hỷ, liền tùy thuận thuyết pháp, chỉ bảo làm cho ông được lợi ích, vui vẻ. Bà-la-môn đạt được quả vị Tu-đà-hoàn. Các Tỳ-kheo bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Vì sao Bà-la-môn này dùng phương tiện nhỏ mà lại được quả báo lớn?

Không những ngày nay ông dùng phương tiện nhỏ đạt được quả báo lớn mà trong thời quá khứ cũng đã từng có như vậy, như trong *kinh Bốn sinh* đã đề cập.

Về bánh thì gồm có các loại: Bánh đại mạch, bánh lúa mạch, bánh tiểu mạch, bánh gạo, bánh đậu, bánh dầu, bánh sữa chua, bánh ma hầu la, bánh bát ba lặc, bánh tai trâu, bánh ba lợi tư, bánh sô đồ, bánh mạn chỉ la, bánh hoan hỷ hoàn nhục. Tất cả các loại tương tự như vậy đều được gọi là bánh. Trừ bánh thịt, bánh tân trà, ngoài ra tất cả các loại bánh khác khi ăn không được xem là ăn biệt chúng, ăn nhiều chỗ, ăn no. Đó gọi là phép dùng bánh.



PHÉP DÙNG RAU

Khi Phật an trú tại ấp lớn tên Tần Đầu dãy núi phía Nam, lúc ấy có hai Ưu-bà-di, người thứ nhất tên Ta-bà-cư, người thứ hai tên Xoa-ba-năng. Họ nấu (cháo) rau khéo đến nỗi có mùi vị giống như thịt. Khi nấu xong bèn đem cúng dường cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không nhận, lòng sinh hồ nghi, nghĩ rằng: “Đức Thế Tôn chế giới không được ăn nhiều chỗ (lần), vì sao chúng ta lại xem món này là hợp pháp để mà ăn?” Thế rồi, họ đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Ăn tất cả các loại rau không phải là ăn nhiều lần, không phải là ăn biệt chúng, không phải là ăn no.

Về rau gồm có các loại: rau khô, rau cải, hành, bầu, v.v... tương tự những loại như vậy đều gọi là rau.



PHÉP DÙNG LƯƠNG KHÔ

Lương khô gồm có các loại: lương khô đại mạch, tiểu mạch, khoáng mạch, mông cụ, ma-sa, ca-la-na, y-ly, mè. Các loại lương

khô tương tự như vậy khi ăn không được xem là ăn biệt chúng, ăn nhiều lần, ăn no. Đó gọi là phép dùng lương khô.



PHÉP DÙNG NƯỚC TRÁI CÂY

Khi Phật an trú tại thành vương-xá, lúc ấy cư sĩ Ưu-già-lê mở hội bố thí lớn gồm voi, ngựa, nô tì mỗi thứ 500 và trong các vật bố thí linh tinh khác có nước ép trái cây để lâu ngày, do đó các Tỳ-kheo uống vào bị say. Họ bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau, nước ép trái cây để lâu ngày, Ta không cho phép uống.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thôn của Bà-la-môn Tần Đầu, ở núi phía Nam, lúc ấy nhằm ngày lễ hội, các Bà-la-môn, cư sĩ đem các thức ẩm thực cúng dường cho các sa-môn ở trong thôn. Bấy giờ, đến giờ khát thực, đức Thế Tôn khoác y, cầm bát vào thôn khát thực. Khi ấy, ma ba tuần suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đang vào thôn khát thực, vậy ta hãy vào trước trong thôn mê hoặc tâm của những đàn việt, khiến họ không cúng dường thực phẩm cho ông ta.” Thế rồi, đức Thế Tôn vào thôn khát thực khắp mọi chỗ mà không được thứ gì nên mang bát không trở ra, đến ngồi dưới một gốc cây. Lúc ấy, ma ba tuần suy nghĩ: “(464a) Sa-môn Cù-đàm đi khát thực khắp nơi mà không được thứ gì, giờ đây ta hãy đến quấy nhiễu làm cho tâm ý ông rối loạn.” Tức thì y đến chỗ Phật, đứng qua một bên, nói như sau:

Sa-môn Cù-đàm! Nền vào thôn khát thực, ta sẽ khiến cho lúc vừa vào đến thôn, liền được các món ăn ngon.

Khi ấy, Thế Tôn vì ma ba tuần đọc kệ như sau:

Nay người mất lợi ích
Vì nhiễu loạn Như Lai,

Tự chuốc vô lượng tội,
 Như Lai chẳng khổ sầu,
 Vì đã lìa phiền não,
 Thường được sống an lạc.
 Niệm pháp vui thiền định,
 Giống như Quang âm thiên.

Lúc ấy, ma-ba-tuần bỗng nhiên biến mất. Thế là ngày hôm ấy Thế Tôn không được ăn. Các Tỳ-kheo nghe được tin này, những ai đã ăn thì hối hận, những ai ăn nửa chừng thì nghỉ ăn, còn những ai chưa ăn thì không ăn. Các Sa-môn, Bà-la-môn nghe tin Phật và Tỳ-kheo Tăng không được ăn, liền đem 500 chiếc bánh đường phen đến dâng lên Thế Tôn. Phật bảo các Tỳ-kheo dùng nước tác tịnh rồi nhận lấy, để những Tỳ-kheo bệnh hay không bệnh cũng đều được ăn cả.

Lại nữa, khi Phật an trú bên sông Lê-kì-xà, lúc ấy, bát của Thế Tôn và bát của Tỳ-kheo đều để ở chỗ đất trống. Bỗng có con khỉ đi ngang qua bụi cây, thấy trong cây có tổ ong mật đã chín mà không có ong, liền đến lấy bát của Thế Tôn. Các Tỳ-kheo ngăn cản nó, Phật dạy:

Đừng có ngăn cản, nó không có ác ý đâu.

Thế là con khỉ bèn cầm bát đi lấy mật đem lại cúng dường. Thế Tôn chưa nhận, định dùng nước tác tịnh rồi mới nhận. Con khỉ không hiểu ý Phật, tưởng là Phật chê trong bát có trùng. Nó xem lại bát thì thấy có vết mật chảy ở ngoài bát. Nó liền cầm bát đem xuống nước rửa và nước đã rơi vào trong bát. Đoạn, nó cầm đến dâng lên cho Phật, Phật liền nhận lấy. Khi được Phật nhận rồi, con khỉ vui mừng cực độ, nên vừa đi vừa múa, nhưng rủi thay bị rơi xuống hầm, chết liền tức khắc. Lúc ấy, các Tỳ-kheo liền đọc kệ:

Khi Phật an trú tại rừng cây
 Bát Phật, bát Tăng để chỗ trống

Dã thú có trí muốn gieo phúc,
 Thấy tổ ong mật không có ong.
 Liền đi ngay đến lấy bát Phật,
 Tỳ-kheo định ngăn, Phật không cho.
 Lấy bát đựng mật dâng lên Phật
 Như Lai xót thương, liền nhận lấy.
 Lòng mừng khắp khởi nhảy tung tăng,
 Rủi rơi xuống hố liền vong mạng.
 Bền sinh cõi trời Ba mươi ba,
 Tái sinh xuất gia thành La hán.

Lại nữa, khi Phật du hành nước Ương-cầu-đa-la, lúc ấy, phạm chí Kê-ni-da-loa-kế nghe Thế Tôn đến bèn chuẩn bị các loại nước ép trái cây để đợi Thế Tôn. Khi Thế Tôn đến, (464b) ông đem các loại nước ấy dâng lên Phật và chúng Tăng. Các Tỳ-kheo tâm sinh nghi, nghĩ rằng: “Đức Thế Tôn chế giới không cho phép uống nước ép trái cây để lâu ngày thì làm sao chúng ta uống được?” Nghĩ thế rồi, các Tỳ-kheo đem ý nghĩ ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

Ta cho phép được uống nước trái ép. Nước trái ép gồm có 14 loại. Đó là:

1. Nước am la.
2. Nước câu lê.
3. Nước an thạch lựu.
4. Nước điền đa.
5. Nước nho.
6. Nước ba lâu sa.
7. Nước lâu lâu trừ.
8. Nước trái chuối.
9. Nước kể già để.

10. Nước kiếp pha la.
11. Nước ba lung cừ.
12. Nước đường phèn.
13. Nước ha lê đà.
14. Nước khư phi lê.

Đó gọi là 14 loại nước trái cây ép. Khi đem lọc cho sạch thì tất cả đều cho phép uống. Nếu chúng biến ra màu rượu, vị rượu, mùi rượu thì tất cả đều không cho phép uống.

Nếu có ai mang nước ép trái cây đến thì nên tác tịnh.

Nếu dưới đáy hũ còn lại chút ít nước lạnh thì đó được xem là tác tịnh.

Nếu trời mưa, nước rơi vào trong hũ cũng được xem là tác tịnh.

Nếu khi súc hũ còn sót lại chút nước cũng được xem là tác tịnh.

Nếu xe chở đường phèn bị mắc mưa, cũng được xem là tác tịnh.

Nếu dùng thuyền chở, nước văng vào trong hũ, cũng được xem là tác tịnh.

Nếu tịnh nhân rửa tay, nước văng vào trong hũ, cũng được xem là tác tịnh.

Đó gọi là phép dùng nước ép trái cây.



PHÉP DÙNG THỨC UỐNG CHẾ BIẾN

Khi Phật đang du hành đến nước Kiều-tát-la, lúc ấy tôn giả Xá-lợi-phất bị bệnh động phong. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền hỏi các Tỳ-kheo:

Cần phải dùng thuốc gì để trị?

Bạch Thế Tôn! Phải dùng nước trái cây Tô-tỳ-la.

Ta cho phép uống.

Thế rồi Phật nói với các Tỳ-kheo:

Đội khi Như Lai du hành nước Kiểu-tát-la trở về thành xá-vệ, hãy nhắc lại để Ta chế định về cách sử dụng nước Tô-tỳ-la cho các đệ tử.

Đến khi Phật trở về, các Tỳ-kheo liền bạch:

Bạch Thế Tôn! Trước đây Thế Tôn đã hứa khi trở về thành xá-vệ, sẽ chế định về cách sử dụng nước Tô-tỳ-la cho các Tỳ-kheo, giờ thật là đúng lúc.

Này các Tỳ-kheo! Phương pháp làm nước Tô-tỳ-la như sau: lấy lúa mạch bỏ vào cối giã nhẹ cho tróc trấu, bụi đất, nhưng đừng để cho đầu hạt gạo bị vỡ, rồi dùng nước đãi bảy lần cho sạch, đem bỏ vào trong cái vò sạch. Khi đặt cái vò Tô-tỳ-la này không được đặt ở hướng Đông, hướng Bắc, mà nên đặt ở hướng Nam hay hướng Tây tại chỗ thoáng gió, đừng để cho uế khí bay vào trong đó, không được để trong tháp, trong viện, không được đặt ở chỗ sờ sờ trước mắt, mà nên đặt ở chỗ kín đáo. Thế rồi dùng trái ha lê lặc, tì ê lặc, a ma lặc, tiêu, lá lốt, các loại thuốc dùng suốt đời, tương tự như vậy bỏ vào trong, lấy một miếng vải sạch đậy lên, dùng dây mây buộc lại, rồi đem một khúc cây đăng lên trên. Khi dùng nước Tô-tỳ-la này, tùy theo nhiều ít, dùng nước pha vào cho giải mùi vị rồi mới uống. Nếu không pha nước cho giải mùi vị mà uống thì phạm tội Việt-tỳ-ni. (464c) Nếu đầu của hạt gạo mạch không vỡ thì uống lúc đúng thời hay phi thời đều được cả. Nếu đầu của hạt gạo mạch bị vỡ thì chỉ được uống lúc đúng thời mà không được uống lúc phi thời. Đó gọi là cách sử dụng nước trái cây.

Kệ tóm tắt:

Bệnh, thuốc và Hòa thượng

Thầy cùng với đệ tử

Cộng trú và y chỉ
Việc sa-di, việc bát,
Việc cháo, bánh và rau
Lương khô, nước giải khát.
Cùng nước Tô-tỳ-la.
Kết thúc phẩm thứ năm.



PHI YẾT-MA

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy, các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba cùng sống một trú xứ mà bất hòa, tranh tụng lẫn nhau. Một Tỳ-kheo cử tội một Tỳ-kheo, nói:

Tôi cử tội trưởng lão!

Hai Tỳ-kheo cử tội hai Tỳ-kheo, nhiều Tỳ-kheo cử tội nhiều Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn rằng:

Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba phát sinh việc phi pháp. Vì sao một người mà lại cử tội một người, hai người cử tội hai người, nhiều người cử tội nhiều người?

Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Có bốn trường hợp yết-ma. Bốn trường hợp đó là gì? Đó là:

1. Yết-ma như pháp không hòa hợp.
2. Yết-ma như pháp hòa hợp.
3. Yết-ma phi pháp hòa hợp.
4. Yết-ma phi pháp không hòa hợp.

(Tóm lại có các trường hợp như sau): Tôn-đà-la-nan-đà; màu mới nhuộm; cử tội ở chỗ này, xả tội ở chỗ khác; rừng khai nhãn; ngoại đạo xuất gia; hẹn nhau; không tỉnh tưởng; sông Tô Hà; giảng đường Thiện Pháp; tướng quân Sư Tử; nan nhi; đồng tử Li-xa; bốn người hung ác đánh nhau; trên gác; dòi đá; suối nước nóng; dâm nữ; Tam bà ta; đòi dầu; đi lấy thức ăn; nuôi bệnh; một miếng thịt chim; một miếng thịt của bọn cướp; một miếng thịt heo; đến nhà phụ nữ; xay bột; chăn bò; người ngớ ngẩn bỏ vợ; cách vách; Bối-tát; nước Nhị Tô-tỳ-la; gạch; phân; khát thực; Uất-trù.

1– Tôn-đà-la-nan-đà

Khi Phật an trú tại thành Ba-la-nại; lúc ấy Tôn-đà-la-nan-đà đang ở tại Tinh xá Chi-đà-la-kế-bát; đầu đêm, cuối đêm kinh hành, ngồi thiền. Sáng sớm thấy thức dậy ngồi kiết già rồi nằm nghiêng xuống để thân lộ ra, nam căn cương ra mà vẫn ngủ không hay. Lúc ấy, tại thành Ba-la-nại có hai chị em cô nọ làm nghề mại dâm, một người tên Gia-thi, một người tên Bán-gia-thi, ban đêm ra ngoài thành đến lâm viên cùng hoan lạc với các trang thanh niên. Thế rồi, sáng sớm họ trở vào trong thành, nhân đi ngang qua chỗ Tỳ-kheo Nan-đà, Bán-gia-thi thấy nam căn của thầy cương cứng liền nói với chị:

Em muốn hành lạc với vị Tỳ-kheo này, chị chờ em một lát.

Đây là vị A-la-hán đã đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si, không còn thích việc đó nữa. Em không nghe Tôn-đà-la-nan-đà thuộc dòng họ Thích này ở nhà có người vợ đẹp (465a) đoạn chính mà thấy vẫn bỏ để xuất gia hay sao?

Không phải vậy! Nhưng chị hãy đợi em.

Thế là cô bèn đi đến, leo lên mình Tỳ-kheo làm theo cách của thế tục. Tỳ-kheo liền thức giấc, dùng chân đạp cho một đạp khiến cô té nhào xuống đất bị thương 5 chỗ: Hai cùi chỏ, hai đầu gối và

trán. Bán-gia-thi liền đứng dậy phủ bụi trên y phục, rồi đi đến chỗ chị, nói với chị:

Tỳ-kheo làm nhục em như vậy đó.

Trước đây chị không bảo với em rồi sao, giờ còn oán ai nữa?

Tỳ-kheo tâm sinh nghi, bèn thuật lại sự việc ấy với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo nói:

Thầy đã phạm tội Ba-la-di.

Tôi là A-la-hán không còn thấy lạc thú nữa.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

Tỳ-kheo này đã đoạn trừ xong tham dục, sân hận, ngu si, là bậc A-la-hán, không có tội.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là Tôn-đà-la-nan-đà.

2- Y phục mới nhuộm màu

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo đến giờ khát thực, bèn khoác y, cầm bát vào thành xá-vệ, tuần tự khát thực, rồi đến một nhà kia. Người đàn bà trong nhà ấy mặc y phục mới nhuộm màu, ngồi không đoan chính để lộ thân thể. Tỳ-kheo thấy thế, lòng dục phát sinh, liền nói:

Này chị em, trông cô đỏ quá!

Thưa thầy, vì y phục này mới nhuộm màu.

Thầy Tỳ-kheo ấy tâm sinh nghi, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật hỏi thầy:

Ông dùng bằng cái tâm gì?

Bằng tâm tham dục, bạch Thế Tôn!

Ông hãy nhờ một Tỳ-kheo đến hỏi người phụ nữ ấy xem có hiểu ý ông không?

Thế rồi, vị Tỳ-kheo sứ giả liền đến đó, hỏi:

Này chị em! Vừa rồi có Tỳ-kheo nào đến đây không?

Thưa có!

Tỳ-kheo ấy nói những gì?

Tôi mặc y phục mới nhuộm vừa ngồi thì vị ấy nói: “Đỏ quá.” Tôi bảo: “Đúng như thầy nói vì y phục mới nhuộm màu cho nên như thế.”

Khi ấy các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Nếu họ hiểu nghĩa mà không hiểu ẩn ý thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu họ hiểu ẩn ý mà không hiểu nghĩa thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu họ hiểu ẩn ý đồng thời hiểu nghĩa, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu họ không hiểu nghĩa cũng không hiểu ẩn ý, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là y phục mới nhuộm màu.

3– Bị cử tội ở chỗ khác

Bấy giờ có một Tỳ-kheo ở một trú xứ bị Tăng làm yết-ma cử tội, thế rồi, thầy đi đến trú xứ khác, thưa với Tăng như sau:

Thưa trưởng lão! Tôi bị cử tội. Nay tôi đã thực hành pháp tùy thuận, tâm đã nhu nhuyễn, xin Tăng cho tôi pháp yết-ma xả việc cử tội.

Các Tỳ-kheo bèn làm yết-ma xả việc cử tội cho thầy. Khi làm xong, liền hỏi:

Trưởng lão! Thầy vì việc gì mà bị cử tội?

Thưa trưởng lão! Tăng đã làm yết-ma xả việc cử tội cho tôi xong thì còn hỏi chi nữa?

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

Đúng như Tỳ-kheo ấy nói. (465b) Thế nên, khi Tăng làm yết-ma xả việc cử tội thì trước hết nên hỏi, nếu không hỏi mà đã xả rồi, thì không nên hỏi lại. Các ông vì sao Tăng ở nơi khác làm yết-ma cử tội mà Tăng ở nơi này xả tội?

Nếu Tăng ở nơi khác làm yết-ma cử tội mà Tăng ở nơi này xả tội thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo bị cử tội đi đến nơi khác thì nên thưa như sau:

Thưa trưởng lão! Tôi bị cử tội và đã thực hiện pháp tùy thuận, tâm đã nhu nhuyến, mong Tăng xả việc cử tội cho tôi.

Khi ấy, Tăng nên hỏi:

Trưởng lão! Thầy bị cử tội về việc gì?

Nếu đáp:

Tôi không có việc gì cả mà bị cử tội.

Thì nên bảo:

Trưởng lão! Thầy không có việc gì mà bị cử, vậy ở đây chúng ta cùng hưởng chung pháp thực, vị thực.

Còn nếu nói: “Có việc nên bị cử”, thì Tăng nên bảo:

Trưởng lão! Thầy hãy trở về lại nơi ấy để Tăng xả việc cử tội cho thầy.

Nếu chùa ấy Tăng đã đi vắng hết, hoặc đã qua đời, hoặc là thôi tu, hoặc đi nơi khác, không còn vị Tăng nào nữa, thì nên hỏi:

Thầy phạm việc gì mà bị cử tội?

Nếu đáp: “Tôi vì việc ấy mà bị cử tội nhưng nay tâm đã nhu nhuyến, thấy được lỗi lầm, đã tuân hành pháp tùy thuận”, thì nên xả việc cử tội.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là làm yết-ma cử tội ở chỗ khác.

4– Rừng Khai nhãn

Khi Phật chưa ngăn cấm Tỳ-kheo-ni ở nơi hoang vắng, Đại-ái-đạo Cù-đàm-di cùng với 500 Tỳ-kheo-ni ngồi thiền trong rừng Khai Nhãn. Họ thuộc các dòng họ Thích-ca, họ Ma-la, họ Li-xa xuất gia, đều là những người nữ trẻ trung, đoan chính. Đầu đêm, các Tỳ-kheo-ni ấy đang ngồi thiền thì bị bọn thanh niên dâm đảng đi đến định xâm phạm tiết hạnh. Các Tỳ-kheo-ni liền dùng thần túc để chạy thoát. Nửa đêm, cuối đêm, họ cũng trở lại ngồi thiền và cũng bị bọn thanh niên kia đến quấy nhiễu như trước. Những người không ngủ, lạnh lợi thì dùng thần túc để thoát thân; còn những người ngủ gật, ám độn thì bị bọn chúng xâm phạm tiết hạnh; do thế tâm họ sinh nghi ngờ (là mình phạm tội). Các Tỳ-kheo-ni khác bèn nói với các Tỳ-kheo-ni ấy:

Các cô đã phạm tội Ba-la-di.

Tôi không có cảm giác thích thú, tôi không biết có tội hay không.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem sự việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem nhân duyên ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

Những ni A-la-hán ấy đã đoạn trừ tham dục, sân hận, si mê, không cảm thọ dục lạc nên không có tội.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là rừng Khai Nhãn.

5– Ngoại đạo xuất gia

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích ở Ca-duy-la-vệ, lúc ấy có một Tỳ-kheo đến giờ khát thực, liền khoác y vào thành Ca-duy-la-vệ khát thực. Thấy gặp một người nữ xuất gia ngoại đạo tên Tôn-đà-lợi, trẻ trung, dung nhan đoan chánh, khoác y mới nhuộm, một tay cầm gậy có ba chằng, một tay cầm bình nước đang đi trước thầy trên đường phố. Tỳ-kheo thấy thế, lòng dục phát sinh, bèn đi theo sau cô ta. Lúc ấy có một con trâu cái vừa mới sinh con, dùng sừng xúc Tỳ-kheo ném lên trên người nữ, (465c) khiến

tâm Tỳ-kheo sinh nghi (là mình phạm tội). Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền hỏi Tỳ-kheo:

Ông có tâm gì?

Tâm tham dục, bạch Thế Tôn!

Khi bị sừng trâu húc thì ông có tâm gì?

Tâm sợ hãi, bạch Thế Tôn!

Hễ khi có tâm tham dục thì không có tâm sợ hãi, còn khi có tâm sợ hãi thì không có tâm tham dục. Đi theo sau người nữ với tâm tham dục thì mỗi bước đi phạm mỗi tội Việt-tỳ-ni.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó là trường hợp ngoại đạo xuất gia.

6- Hẹn nhau

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy có một Tỳ-kheo đến giờ khát thực bèn khoác y, cầm bát vào thành xá-vệ, tuần tự khát thực. Khi thấy đến một nhà kia, có một người phụ nữ nói với thầy:

Này Tỳ-kheo! Có muốn làm việc ấy thì đến đây.

Phép tắc Tỳ-kheo của tôi không được làm việc ấy.

Nếu thầy không chịu làm việc ấy thì tôi sẽ làm cho thân mình bị thương tích rồi hô hoán lên rằng: “Tỳ-kheo cưỡng hiếp tôi.”

Tôi phải về lại Tinh xá rồi mới đến.

Thầy là Sa-môn Thích tử không nên nói dối, đã hẹn thì phải đến.

Vâng.

Thế rồi, Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền nói:

Đó là lời nói phi pháp, không nên nghe, mà đã nghe thì không nên hứa, mà đã hứa thì phải đem nhiều Tỳ-kheo đến đó.

Thế rồi, thầy ấy dẫn theo nhiều Tỳ-kheo đến đó, nói như sau:

Này chị em! Chúng tôi đã đến.

Xin chào các thầy.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là hẹn nhau.

7- Không tĩnh tưởng

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, có một Tỳ-kheo ngồi một mình dưới gốc cây quán tưởng về không tĩnh, rồi tự nói: “Ta đã đắc quả A-la-hán.”

Các Tỳ-kheo khác nghe thầy nói như thế, liền nói:

Này trưởng lão! Thầy không thật chứng được mà tự xưng được pháp hơn người, phạm tội Ba-la-di.

Thưa trưởng lão! Tôi không tự xưng mình được pháp hơn người. Tôi ngồi dưới gốc cây quán tưởng về pháp không tĩnh, rồi nói: “Ta đã đắc A-la-hán rồi vậy.”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền hỏi Tỳ-kheo ấy:

Ông thật sự không được pháp hơn người mà tự xưng là được pháp hơn người phải không?

Bạch Thế Tôn! Con không tự xưng được pháp hơn người. Con ngồi một mình dưới gốc cây quán tưởng về pháp không tĩnh rồi nói: “Ta đã đắc A-la-hán.”

Đó là phép quán tưởng về không tĩnh mà xưng là pháp hơn người, phạm tội Thâu-lan-giá.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là không tĩnh tưởng.

8– Sông Tô Hà

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-li, lúc các Tỳ-kheo Tăng tập hợp tại một chỗ thì tôn giả Đại-mục-liên nói như sau:

Thưa trưởng lão! Khi tôi nhập Vô sắc định tôi nghe tiếng vấy tai của các con voi đang uống nước ở sông Tô Hà.

Các Tỳ-kheo nói:

(466a) Không thể có chuyện đó. Khi nhập định Vô sắc thì vượt qua mọi sắc tướng, làm sao còn nghe tiếng? Thấy nói dối không thật, cần phải làm yết-ma cử tội.

Thế là họ tập hợp Tỳ-kheo Tăng. Phật dùng thần túc từ không trung đến, biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Các ông đang làm gì đó?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn, cho đến: nói dối không thật, phải làm yết-ma cử tội.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Mục-liên thực sự được định Vô sắc, nhưng chưa biết rành tướng xuất nhập. Đó là nghe khi xuất định chứ không phải nghe khi nhập định.

Đoạn, Phật quay sang nói với Mục-liên:

Ông nên phân biệt để biết một cách rõ ràng.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là sông Tô Hà.

9– Giảng đường

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo tập hợp tại một chỗ rồi cùng nhau bàn luận:

Cây cột của giảng đường thiện pháp này chống đỡ cây xà nhà phải không?

Tôn giả Mục-liên nói:

Chống đỡ xà nhà.

Lúc ấy có một Tỳ-kheo chưa có tuổi hạ nói:

Không chống.

Hỏi:

Không chống (cách hờ) chừng bao nhiêu?

Đáp:

Chừng một mảy lông.

Các Tỳ-kheo bèn sai một Tỳ-kheo có thần túc đến quan sát xem có chống hay không chống.

Thầy xem xong, trở về nói:

Không chống (cách hờ).

Hỏi:

Không chống chừng bao nhiêu?

Đáp:

Không chống chừng một mảy lông.

Các Tỳ-kheo bèn nói với Mục-liên:

Thầy không biết có chống hay không chống, vì sao lại nói có chống? Thầy nói dối không thật, cần phải làm yết-ma cử tội!

Thế là Tăng liền tập hợp, làm yết-ma cử tội. Khi ấy, Phật dùng thần túc đến từ hư không, Ngài biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Các ông đang làm gì đó?

Bạch Thế Tôn! Tôn giả Đại-mục-liên (cho đến) không chống mà nói có chống, nói dối không thật. Chúng con định làm yết-ma cử tội.

Phật liền hỏi Tỳ-kheo chưa có tuổi hạ:

Vì sao ông biết là không chống?

Bạch Thế Tôn! Con đã có lần ngồi thiền tại giảng đường Thiện Pháp ấy.

Phật liền nói với Đại-mục-liên:

Vì sao ông không xem cho kỹ? Ông hãy đến xem lại cho đúng sự thật.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là giảng đường Thiện Pháp.

10– Tướng quân Sư Tử

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, lúc này vua A-xà-thế đã có oán thù với người Li-xa ở thành Tỳ-xá-ly. Vua muốn đem bốn binh chủng đến chinh phạt người Li-xa. Nghe tin quân của nhà vua sắp đến, tướng quân Sư Tử người Tỳ-xá-ly liền đi đến chỗ tôn giả Đại-mục-liên, hỏi:

Thưa tôn giả! Trong trận này ai thắng, vua A-xà-thế thắng hay chúng tôi thắng?

Vua sẽ thắng.

Có điểm gì báo trước chăng?

Tôi thấy phi nhân của hai nước đánh nhau mà phi nhân của vua thắng cho nên vua cũng sẽ thắng.

Tướng quân Sư Tử nghe nói thế, liền tuyển mộ được 500 trai tráng dũng mãnh trong nước rồi hỏi bọn họ:

Chúng ta nên làm kẻ phi trượng phu mà chết, hay nên làm kẻ trượng phu xông vào hầm lửa để mà sống?

Nên làm kẻ trượng phu mà sống, lại còn cứu vớt được quyết thuộc.

(466b) Khi ấy, vua A-xà-thế nghe Đại-mục-liên nói như vậy nên không sợ, chậm rãi từ từ thuận theo dòng nước sông Hằng tiến quân lên. Tướng quân Sư Tử bèn đem quân mai phục đánh bất ngờ khi chưa xáp trận nên đại phá được quân giặc. Vì bị bất ngờ, không có quân cứu viện, vua A-xà-thế vượt hiểm nguy, thoát chết, một mình một ngựa trở về nước, bèn chê trách Mục-liên:

Vì tôn giả Đại-mục-liên mà khiến cho việc nước của ta bị nghiêng ngửa.

Khi tướng quân Sư Tử người Li-xa thuộc Tỳ-xá-ly phá được quân địch rồi, hoan hỷ nói như sau:

Đại-mục-liên khủng bố ta, vì thế mà ta được thắng lợi lớn, tuy là lời nói không đúng, nhưng ta rất mang ơn lời nói hư dối ấy.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo nghe vua A-xà-thế tức giận người Li-xa, lại oán hận Mục-liên, bèn bàn nhau:

Tôn giả Đại-mục-liên không biết ai thắng, ai bại, mà lại nói dối không thật.

Thế rồi, Tỳ-kheo Tăng tập hợp định làm yết-ma cử tội Mục-liên. Phật liền dùng thần túc đi đến, tuy biết nhưng Ngài vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Các ông định làm việc gì đấy?

Bạch Thế Tôn! Đại-mục-liên, cho đến nói dối không thật. Chúng con định làm yết-ma cử tội.

Mục-liên thấy trước mà không thấy sau.

Đoạn, Phật bảo Mục-liên:

Ông nên xem xét cho kỹ.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là trường hợp tướng quân Sư Tử.

11– Nam nhi

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy Đại-mục-liên có người đàn việt quen biết, bà vợ ông đang mang thai, bèn hỏi thầy:

Thưa thầy tôi sinh con trai hay con gái?

Sinh con trai.

Bà hỏi đến ba lần như vậy, thầy đều bảo là sinh con trai. Nhưng sau khi sinh ra lại là con gái; bà mẹ ấy bèn oán trách:

Mục-liên suốt đời đều nói dối, nói sinh con trai mà là sinh con gái, chỉ vì muốn làm cho người ta vui lòng mà nói như thế.

Các Tỳ-kheo nghe như vậy, thắc mắc:

Vì sao tôn giả Đại-mục-liên không khéo phân biệt mà lại nói dối, cần phải làm yết-ma cử tội.

Liên tập hợp Tỳ-kheo Tăng. Phật bèn dùng thần túc đi đến, tuy biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Các ông định làm gì đó?

Bạch Thế Tôn! Đại-mục-liên... nói dối, không thật, chúng con định làm yết-ma cử tội.

Mục-liên thấy trước đây là con trai mà không thấy trung gian, vì Dạ-xoa Di-tổ làm đảo lộn: nhà cần con gái thì đem cho con trai, nhà cần con trai thì đem cho con gái.

Đoạn Phật bảo người ấy:

Người hãy đến nói với nhà kia như sau: Đức Thế Tôn dạy rằng con gái là của bà, con trai là của tôi.

Họ liền đến đó thương lượng và cuối cùng đã đồng ý trao đổi cho nhau.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là trường hợp con trai.

12- Đồng tử Li-xa

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, đến giờ khát thực, Ngài khoác y, cầm bát cùng với nhiều Tỳ-kheo vào thành Tỳ-xá-ly khát thực. Bấy giờ có đồng tử Li-xa đang ở trên gác vui chơi với 500 kỹ nữ. Phật từ xa trông thấy bèn mỉm cười. Các Tỳ-kheo liền hỏi Phật:

Bạch Thế Tôn! Có duyên có gì (466c) mà Thế Tôn mỉm cười?

Sau 7 ngày nữa, người này sẽ mệnh chung và rơi xuống địa ngục.

A-nan liền bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Có phương pháp gì làm cho ông ta khỏi rơi vào địa ngục không?

Nếu người này xuất gia trong giáo pháp của Như Lai thì sẽ thoát được. Này A-nan! Ông hãy đến giáo hóa người ấy, khuyên ông ta xuất gia.

A-nan liền vâng lời Phật dạy đến đó khuyên bảo, và chung cuộc ông ta đã xuất gia. Phật lại căn dặn A-nan:

Ông hãy bảo các Tỳ-kheo phải bảo hộ người này chớ để phạm giới mà mang tội nặng.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo vâng giáo chỉ, bèn đưa Tỳ-kheo này vào ở trong một phòng, rồi khóa cửa ngoài lại. Thế là Tỳ-kheo này mệnh chung vì bị nhiễm gió độc. Khi ấy, thân nhân của Tỳ-kheo này đến thấy thầy đã mệnh chung, lòng rất đau thương. Phật bèn vì họ, đọc kệ:

Nếu người trăm nghìn năm,
Cúng dường trăm La hán.
Không bằng trong một đêm,
Xuất gia tu phạm hạnh.
Nương nhờ phước báo này,
Được rời khỏi sáu trăm

Sáu nghìn sáu mươi năm,
Khổ não trong ba đường.

Lúc ấy, tâm của Tỳ-kheo đóng cửa sinh nghi ngờ, hối hận, liền đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền hỏi thầy:

Ông dùng cái tâm gì khi khóa cửa?

Bạch Thế Tôn! Dùng cái tâm lợi ích vì sợ thầy ấy phạm giới mắc phải tội nặng.

Vì ông đóng cửa bên ngoài nên phạm tội Việt-tỳ-ni.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó là trường hợp đồng tử Li-xa.

13- Bốn người bỏ việc đánh đấm

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, có bốn người bỏ việc đánh đấm muốn đi xuất gia, cùng vào cửa thành Tỳ-xá-ly. Bỗng họ gặp lại kẻ thù cũ. Ngay lúc ấy, thấy người giữ cửa thành có cây cung, thế là một người liền cầm cung, một người giương cung, một người bắn mà kẻ thù không chết. Người thứ tư bèn bắn, thì kẻ thù chết liền.

Trong trường hợp một người bắn chết, một người bắn không chết thì không nên độ hai người này xuất gia. Nếu họ đã xuất gia thì nên đuổi đi. Trong trường hợp này một người cầm cung, một người giương cung không nên độ hai người này xuất gia. Nếu đã độ họ xuất gia thì nên để yên. Sau đó, nếu họ làm ác thì phải đuổi đi. Nói chung, những kẻ hung ác như vậy không nên độ xuất gia. Nếu ai độ họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bốn người bỏ việc đánh đấm.

14- Trường hợp ở trên gác

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy có một Tỳ-kheo thành tựu phép quán bất tịnh, chán ngán cái thân nên từ trên gác nhảy xuống đất tự vẫn. Nhầm lúc ấy ở dưới đất có hai cha con người kia đang đan sọt tre. Thấy nhảy xuống nhằm ngay trên người cha,

khiến ông ta chết liền. Thế là người con bèn lúi Tỳ-kheo đến chỗ nhà vua, nói như sau:

Tâu đại vương! Vì Tỳ-kheo này giết cha tôi.

(467a) Vua liền hỏi Tỳ-kheo:

Tôn giả là người xuất gia, vì sao lại giết người?

Thưa đại vương! Tôi nhằm chán cái thân này nên từ trên gác nhảy xuống đất, rồi nhằm trên mình cha của người này, sự thật là như vậy.

Nghe thế vua bèn ra lệnh thả Tỳ-kheo đi. Người con thấy thế oán trách, nói:

Tâu đại vương! Vì sao kẻ sát nhân mà không hỏi tội?

Nhà vua liền dùng phương tiện khéo léo để giải tỏa tâm ý của anh ta, bèn truyền lệnh:

Người hãy trở về lại trên gác, bảo Tỳ-kheo đứng dưới đất rồi người nhảy xuống trên mình Tỳ-kheo ấy giết chết ông ta để trả thù cho cha mình.

Người ấy vì yêu quý tánh mạng mình nên không dám tự nhảy xuống. Lúc ấy tâm Tỳ-kheo sinh hoài nghi bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật hỏi thầy:

Ông dùng cái tâm gì khi nhảy xuống?

Bạch Thế Tôn! Vì con chán cái thân này.

Này Tỳ-kheo! Ông không nhìn ở dưới trước mà tự nhảy xuống nên phạm tội Việt-tỳ-ni.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là trường hợp ở trên gác.

15- Dời đá

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy có hai cha con ông già kia xuất gia, rồi cùng nhau lên núi Kỳ-xà-quật. Người con đi trước, thấy giữa đường có đá, bèn suy nghĩ: “Ta phải dọn con đường cho sạch khiến lối đi bằng phẳng không chướng ngại để dễ dàng đi lên”, liền dời những hòn đá. Nhưng không may, hòn đá rớt lăn trúng người cha, khiến ông ta chết liền. Người con trong lòng ảo não, sinh hoài nghi, nghĩ: “Ta đã làm hai việc không lợi ích: giết người, giết cha.” Nghĩ thế thấy bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền hỏi thầy:

Ông dùng tâm gì để dời đá?

Bạch Thế Tôn! Vì con muốn dọn đường cho thông để cha đi được dễ dàng.

Dời đá ở giữa đường phạm tội Việt-tỳ-ni.

16- Suối nước nóng

Khi Phật an trú tại vườn trúc Ca-lan-đà ở thành Vương-xá, lúc ấy có thầy Tỳ-kheo vào suối nước nóng tắm rửa thì dục tâm sinh khởi, nam căn cử động chạm với nước liền bị xuất tinh. Do đó, tâm thầy sinh nghi, hối hận, bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền hỏi thầy:

Ông dùng tâm gì khi tắm?

Bạch Thế Tôn! Tâm tham dục.

Ông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là trường hợp suối nước nóng.

17– Dâm nữ

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy có thầy Tỳ-kheo đến giờ khát thực bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khát thực. Khi thấy đến một nhà dâm nữ, cô này mời mọc:

Này Tỳ-kheo! Vào đây cùng làm việc ấy.

Đức Thế Tôn chế giới không cho làm việc đó.

Tôi biết Thế Tôn chế giới không cho hành dâm, nhưng ông hãy hành dâm ở trong (âm hộ) rồi xuất tinh ở ngoài.

Tỳ-kheo bèn cùng với cô ta hành lạc, rồi tâm sinh nghi ngờ, hối hận, liền đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Nếu hành lạc trong âm hộ rồi xuất tinh bên ngoài, hoặc thủ dâm bên ngoài rồi xuất tinh bên trong, hoặc hành lạc bên trong rồi xuất tinh bên trong, nếu chạm vào một mảy may thậm chí như hạt mè, thì phạm tội Ba-la-di.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là trường hợp dâm nữ.

18– Tam bà tha

(467b) Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy tôn giả Tất-lăng-già-bà-tha đang sống tại trong thôn. Đến giờ thầy bèn khoác y, cầm bát tuần tự đi khát thực. Khi được thức ăn rồi, thầy bèn đi vào nhà một mục đồng thọ trai, thì có một người con gái đến bên thầy khóc lóc. Thầy liền hỏi cô ta:

Vì có gì mà con khóc?

Thưa thầy! Hôm nay là ngày lễ hội, mọi người đều đi tham dự vui vẻ, chỉ có mình con là không có y phục nên không được đi, thì làm sao mà không khóc?

Khi ấy tôn giả bèn hóa ra các loại y phục được trang điểm đủ thứ châu báu anh lạc, vàng bạc rồi cho cô. Khi được y phục, cô ta liền đi dự lễ hội... Vua nghe thế, bèn gọi cô ta đến hỏi:

Người được loại anh lạc quý báu này ở đâu vậy?

Tôn giả Tất-lăng-già-bà-thacho tôi.

Vua liền gọi Tỳ-kheo đến, hỏi:

Tôn giả được thứ kim loại quý giá này ở đâu mà trên đời này không có?

Tỳ-kheo bèn cầm tích trượng đập vào vách, vào giường thì tất cả đều hóa thành vàng, rồi nói như sau:

Thủ-đà-la, do đâu mà được vàng? Chính là do thế này đây.

Vua liền nói:

Thầy có đại thần túc, thôi hãy trở về. Đồng thời cho cô gái chăn trâu trở về nhà luôn.

Các Tỳ-kheo nghe thấy việc Tất-lăng-già-bà-tha hiển hiện linh dị và cô gái chăn trâu bị bắt nên quyết định làm yết-ma cử tội, bèn tập hợp Tỳ-kheo Tăng. Bấy giờ đức Thế Tôn liền dùng thần túc đi đến. Tuy biết, Ngài vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Các ông đang làm gì đó?

Bạch Thế Tôn! Tất-lăng-già-bà-tha hiển hiện linh dị. v.v. và cô gái chăn trâu bị bắt.

Phật liền hỏi Tất-lăng-già-bà-tha:

Có thật ông hiển hiện linh dị khiến cho cô gái chăn trâu bị bắt không?

Bạch Thế Tôn! Con không cố ý hiển hiện linh dị để cô gái chăn trâu bị bắt, con chỉ vì lòng từ mà thôi.

Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo:

Vì đó là đại thần túc của Tất-lăng-già-bà-tha nên không có tội.

Như thế là hết phần Tỳ-ni.

Lại nữa, khi tôn giả Tất-lăng-già-bà-tha ở tại thôn xóm, tự mình tô phòng ở. Khi vua Bình Sa đến, thấy tôn giả tự tô phòng ở bèn hỏi thầy:

Thầy đang làm gì đó?

Thủ-đà-la! Tôi đang tô phòng ở.

Thầy không có người để sai bảo sao? Tôi sẽ cung cấp người làm vườn cho thầy.

Không cần đâu, Thủ-đà-la.

Vua ngó ý đến ba lần nhưng thầy vẫn từ chối không nhận. Những người trong thôn nghe thế, bèn đến chỗ thầy cầu xin:

Thưa thầy! Thầy nhận chúng con làm người làm vườn, chúng con sẽ phục dịch cho thầy.

Nếu tất cả các người có thể thọ trì năm giới thì ta sẽ nhận.

Chúng con có thể thọ trì.

Thế là thầy nhận họ, rồi cho tất cả thọ năm giới và bắt trì trai, tu đức. Nhờ vậy xóm làng trở nên giàu có thịnh vượng, nhưng rồi bị bọn giặc cướp từ ngoài đến cướp bóc đàn bà con gái và tài vật. Khi ấy người trong thôn bèn đến thưa với thầy:

Thưa thầy! Bọn cướp đến cướp con trai, con gái, tiền bạc của chúng tôi chỉ trong một ngày (467c) mà hết sạch.

Tôn giả Tất-lăng-già-bà-tha liền nhập định từ bi, thấy bọn cướp đang xua đuổi những người kia đi, bèn nói với chúng:

Này Thủ-đà-la! Vì sao các người lại cướp người làm vườn của ta?

Tức thì hóa ra một cái hầm lớn khiến những người làm vườn ở bên này bờ còn bọn cướp ở bên kia bờ, rồi nói:

Này Thủ-đà-la! Bọn người hãy đi đi.

Các Tỳ-kheo nghe thế bèn nói như sau:

Tất-lăng-già-bà-tha chính là kẻ cướp lại đi cướp kẻ cướp, cần phải làm yết-ma cử tội.

Thế rồi, Tỳ-kheo Tăng tập hợp, kiểm điểm việc này. Khi ấy, Thế Tôn liền dùng thần túc đi đến. Tuy biết Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Các ông đang làm gì đó?

Bạch Thế Tôn! Tất-lăng-già-bà-tha chính là kẻ cướp, lại đi cướp kẻ cướp, chúng con định làm yết-ma cử tội.

Phật liền hỏi Tất-lăng-già-bà-tha:

Ông có việc đó thật không?

Bạch Thế Tôn! Con không phải là kẻ cướp mà lại đi cướp kẻ cướp. Chỉ vì dân chúng trong thôn đến khóc lóc báo tin cho con nên con vì lòng từ bi mà làm như vậy.

Đó là đại thần túc, không có tội.

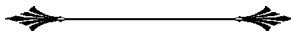
Như vậy là hết phần Tỳ-ni.

*

Hết quyển thứ hai mươi chín

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 30

PHẨM TẠP TỤNG (tiếp theo)

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá. Lúc ấy, tôn giả Tất-lăng-già-bà-tha đang sống trong thôn, hằng ngày đi qua bên kia sông Hằng khát thực. Khi đến bờ sông Hằng, thấy liền nói như sau:

Thủ-đà-la, ngừng lại. Ta muốn đi qua.

Nước liền ngừng chảy. Khi qua rồi, thấy lại nói:

Thủ-đà-la, người cứ chảy.

Thế là nước chảy lại như cũ. Thủy thần không vui liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng qua một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Tôn giả Tất-lăng-già-bà-tha nói những lời quá cộc cằn như: “Ngừng lại Thủ-đà-la, chảy đi Thủ-đà-la.”

Hãy gọi Tất-lăng-già-bà-tha đến đây.

Khi thấy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy bạch Thế Tôn!

Thần sông Hằng đã trách móc ông như trên, vậy ông hãy đến sám hối ông ta.

Tất-lăng-già-bà-tha bèn đến đó, nói:

Tôi xin lỗi, Thủ-đà-la.

Trước cũng gọi Thủ-đà-la, giờ cũng gọi Thủ-đà-la, có khác gì đâu mà nói là xin lỗi.

Tất-lăng-già-bà-tha, chỉ trừ tám vị Đại Thanh văn của Phật, ngoài ra tất cả thầy đều gọi là Thủ-đà-la. (468a) Kể cả các Hòa thượng, A-xà-lê, các Thượng tọa thầy đều gọi là Thủ-đà-la tất. Các Tỳ-kheo bàn nhau:

Tôn giả Tất-lăng-già-bà-tha, thậm chí đối với Hòa thượng, A-xà-lê cũng đều gọi là Thủ-đà-la. Nhưng đâu có phải chỉ một người này là Bà-la-môn xuất gia; tôn giả Đại Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Mục-liên, v.v..., cũng đều là Bà-la-môn xuất gia mà đâu có gọi như thế. Vậy, chúng ta phải làm yết-ma cử tội.

Thế rồi Tỳ-kheo Tăng bèn tập hợp. Khi ấy, Tất-lăng-già-bà-tha đang ngồi thiền, không đến. Tăng bèn sai sứ đến gọi. Sứ giả đến đó đập cửa, nói:

Chúng Tăng đang tập hợp, cho gọi trưởng lão.

Khi ấy, Tất-lăng-già-bà-tha quán sát, thấy Tỳ-kheo Tăng tập hợp định làm yết-ma cử tội mình, liền dùng thần lực kèm chế Tỳ-kheo sứ giả đứng yên tại cửa, không thể đi được. Chúng Tăng thấy sứ giả đi lâu không trở về, lấy làm lạ, bèn sai Tỳ-kheo khác đến gọi. Vị Tỳ-kheo sau đến, liền cầm tay Tỳ-kheo sứ giả trước kéo đi, thì trưởng lão Tất-lăng-già-bà-tha cũng lại làm phép cho dính vào nhau, không thể đi được. Như vậy hết sứ giả này đến sứ giả khác đều dính vào nhau, không thể đi được. Các Tỳ-kheo bèn trách cứ:

Trong chúng đâu phải chỉ có một người này có đại thần túc? Tôn giả Đại-mục-liên há không có năng lực này sao? Vậy hãy làm yết-ma phúc phạt tề thủy tề (xử vắng mặt).

Phật dùng thần túc từ hư không đi đến, tuy biết ngài vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Các ông đang làm gì đó?

Bạch Thế Tôn! Tất-lăng-già-bà-tha chỉ trừ tám vị đại Thanh văn của Như Lai, ngoài ra kể cả Hòa thượng, A-xà-lê ông đều gọi là Thủ-đà-la. Khi Tăng muốn làm yết-ma cử tội, tập hợp thì ông không đến. Khi sai sứ đến gọi, thì ông lại dùng thần túc kềm chế, khiến sứ giả dính chùm vào nhau, mà ông vẫn không đến. Do đó, Tăng định làm yết-ma xử vắng mặt.

Thế rồi, Phật nói:

Ông ấy sẽ đến.

Tất-lăng-già-bà-tha tâm liền khai thông, bỗng chốc đến đứng trước Phật. Phật liền nói với Tất-lăng-già-bà-tha:

Ông có lỗi khi nói Thủ-đà-la, nên các vị phạm hạnh chê trách ông.

Bạch Thế Tôn! Vậy con phải làm sao? Con không kiêu mạn, cũng không tự đại khinh miệt người khác. Nhưng khi con gọi Hòa thượng, A-xà-lê, các trưởng lão Tỳ-kheo thì tiếng nói phát ra liền thành Thủ-đà-la.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Ông Tất-lăng-già-bà-tha này không phải kiêu mạn cũng không phải tự đại khinh miệt người khác. Từ 500 đời trở lại đây thường sinh trong nhà Bà-la-môn nên cái tập khí nói Thủ-đà-la chưa bỏ được.

Đoạn, Phật quay lại nói với Tất-lăng-già-bà-tha:

Ông từ vô thủy sinh tử đến nay, tham dục, sân hận, ngu si còn có thể nhỏ hết vĩnh viễn, mà tập khí của 500 đời lại không thể trừ được. Từ nay về sau, đừng nói tiếng Thủ-đà-la.

Nghe Thế Tôn dạy, vì lòng cung kính nên vĩnh viễn ông không nói như thế nữa.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là Tam-bà-tha.

19– Một thố dầu

(468b) Sau khi đức Thế Tôn Niết-bàn, các trưởng lão Tỳ-kheo cư trú tại Tỳ-xá-ly, Lúc ấy có một khách buôn xin cúng dường Tỳ-kheo-ni Pháp Dự một cách rộng rãi. Tỳ-kheo-ni này thường sai một đệ tử y chỉ đến nhà ấy lấy những vật cần dùng. Khi ấy, đệ tử y chỉ không xưng tên thầy, không tự xưng tên mình mà chỉ nói trống:

Tôi cần dầu.

Đàn việt bèn đưa dầu. Thế rồi, cô ta tự sử dụng. Sau đó, đàn việt kiểm tra lại thì số dầu ấy không đến tay Ni sư. Đệ tử y chỉ lòng sinh nghi ngờ hối hận, bèn nói với các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni bảo rằng cô phạm tội Ba-la-di nhưng cũng không chắc lắm, liền đến hỏi trưởng lão Tỳ-kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo nói:

Tuy lấy một cách mờ ám, nhưng có đàn việt cho nên chỉ phạm tội Thâu lan.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là một thố dầu.

20– Lấy thức ăn

Bấy giờ, có đàn việt đến một Tinh xá tại thành xá-vệ cúng dường trai phạn cho chúng Tăng. Khi ấy, có một Tỳ-kheo ăn phần mình xong lại lấy thêm một phần nữa. Người phụ trách dọn cơm hỏi:

Trưởng lão lấy phần cho ai thế?

Lấy phần cho tôi.

Thế thì phần ăn rồi là của ai?

Cũng của tôi.

Lúc ấy, Tỳ-kheo nói:

Thầy phạm tội Ba-la-di.

Nhưng các Tỳ-kheo không chắc lắm, bèn đến hỏi trưởng lão Tỳ-kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo nói:

Cái mình không được mà lấy, nhưng có chủ cho nên chỉ phạm tội Thâu lan.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là lấy thức ăn.

21– Nuôi bệnh

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ. Lúc ấy, tại Tinh xá Kỳ hoàn có một Tỳ-kheo bệnh tranh cãi với Tỳ-kheo nuôi bệnh. Hôm ấy có đàn việt đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng. Tỳ-kheo bệnh suy nghĩ: “Hôm nay ông ấy chắc gì lấy cơm cho ta”, bèn nhờ một Tỳ-kheo khác lấy cơm. Cùng lúc ấy, Tỳ-kheo nuôi bệnh suy nghĩ: “Hôm nay ai sẽ lấy cơm cho người ấy đây?” Thế là rốt cuộc tới hai người đi lấy cơm. Bấy giờ, người dọn cơm hỏi Tỳ-kheo nuôi bệnh:

Thầy lấy cơm cho ai vậy?

Lấy cơm cho Tỳ-kheo ốm bị bệnh.

Lại hỏi người lấy cơm giúp:

Thầy lấy cơm cho ai?

Lấy cơm cho Tỳ-kheo ốm bị bệnh.

Các Tỳ-kheo liền nói:

Thầy phạm tội Ba-la-di.

Nhưng họ cũng không chắc lắm, bèn đến hỏi Tỳ-kheo trưởng lão. Tỳ-kheo trưởng lão đáp:

Người được nhờ lấy cơm này không có tội. Nhưng Tỳ-kheo bệnh tranh cãi với Tỳ-kheo nuôi bệnh, rồi không nói với Tỳ-kheo nuôi bệnh mà nhờ người khác lấy cơm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Còn người nuôi bệnh tranh cãi với Tỳ-kheo bệnh, rồi không hỏi mà đi lấy cơm giúp cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là nuôi bệnh.

22– Miếng thịt của chim

Khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ hoàn thuộc thành Xá Vệ, lúc ấy, có Tỳ-kheo đến giờ khát thực bèn khoác y, cầm bát vào thành khát thực thì bỗng đứng có con chim ngậm cục thịt chợt rơi vào (468c) trong bát của Tỳ-kheo. Tỳ-kheo bèn đem về Tinh xá lược chín để ăn, rồi chia cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo hỏi:

Trưởng lão! Thầy nhặt được miếng thịt này ở đâu vậy?

Thầy bèn trình bày lại đầy đủ sự việc kể trên. Các Tỳ-kheo nói:

Thầy phạm tội Ba-la-di.

Nhưng họ cũng không chắc lắm, bèn đến hỏi trưởng lão Tỳ-kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo nói:

Súc sinh không thuộc về ai cả.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là miếng thịt của chim.

23– Miếng thịt của bọn cướp

Sau khi đức Thế Tôn Niết-bàn, các trưởng lão Tỳ-kheo sống tại thành Vương-xá. Vào lúc ban đêm có bọn cướp bắt trộm trâu rồi chúng đem vào rừng Thi-đà mổ thịt mà ăn nhưng ăn không hết. Chúng bèn hỏi Tỳ-kheo đang ngồi thiền trong rừng:

Tôn giả có cần thịt không?

Cần.

Tức thì chúng cho Tỳ-kheo đẩy bát. Tỳ-kheo bèn đem về Tinh xá mà ăn rồi chia cho các Tỳ-kheo khác. Các Tỳ-kheo khác hỏi:

Trưởng lão được thịt này ở đâu vậy?

Thầy bèn trình bày lại đầy đủ sự việc kể trên. Các Tỳ-kheo nói:

Trưởng lão! Thầy lấy vật của bọn cướp đủ năm tiền phạm tội Ba-la-di.

Thế nhưng họ không chắc lắm, bèn đến hỏi trưởng lão Tỳ-kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo nói:

Người xuất gia nhận vật có chủ bố thí, dù vật ấy như pháp hay không như pháp đều không có tội.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là miếng thịt của bọn cướp.

24– Thịt heo

Lúc ấy ở thôn Đề-bà có bọn ăn trộm, bắt trộm heo mổ thịt mà ăn. Các đầu, chân còn thừa chúng bỏ lại, rồi ra đi. Bấy giờ, có Tỳ-kheo thấy thế bèn đem về Tinh xá nấu chín rồi ăn, đồng thời chia cho các Tỳ-kheo khác. Các Tỳ-kheo hỏi:

Thầy được thịt này ở đâu vậy?

Thầy bèn trình bày lại đầy đủ sự việc kể trên. Các Tỳ-kheo nói:

Số thịt này đáng giá năm tiền phạm tội Ba-la-di.

Nhưng họ không chắc lắm, bèn đến hỏi trưởng lão Tỳ-kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo hỏi người lấy thịt:

Thầy lấy với tâm gì?

Tưởng vật không có chủ mà lấy.

Tưởng vật không có chủ mà lấy thì không có tội.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là thịt heo.

25– Đạp phụ nữ

Có một Tỳ-kheo ở Tinh xá Kỳ hoàn tại thành xá-vệ, đến giờ khát thực thấy bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khát thực, rồi đến một nhà kia. Lúc ấy, người đàn bà nói:

Tỳ-kheo hãy vào đây, chúng ta cùng làm việc như thế.

Đức Thế Tôn chế giới không được hành dâm.

Nếu thấy không làm theo ý tôi thì tôi sẽ nói là thầy cưỡng hiếp tôi như vậy, như vậy.

Tỳ-kheo vì sợ nên phải vào nhà. Khi thấy vào nhà rồi, người đàn bà ấy bèn nói với đứa nô tì giữ cửa:

Ta với Tỳ-kheo hành lạc.

Người đàn bà ấy khi vào đến phòng, lòng dục khởi lên mãnh liệt bèn nằm xuống. Tỳ-kheo liền đạp cho một đạp rồi bỏ đi. Đứa nô tì giữ cửa hỏi thầy:

Tôn giả làm xong rồi sao?

Xong rồi.

Lúc ấy tâm Tỳ-kheo sinh nghi ngờ, hối hận, bèn đến hỏi trưởng lão Tỳ-kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo nói:

Thầy dùng chân đạp người phụ nữ nên phạm tội Thâu lan. Không làm mà nói có làm, (469a) phạm tội Ba-dạ-đề.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là đạp phụ nữ.

26– Xay bột

Lúc bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Tinh xá Kỳ hoàn tại thành xá-vệ, đến giờ khát thực bèn khoác y, cầm bát vào thành, tuần tự khát thực. Tới một nhà kia, bỗng thấy một người phụ nữ ngồi xay bột, y

phục không che kín thân hình. Thấy thế, lòng dục sinh khởi, Tỳ-kheo nói:

Này chị em! Tôi muốn ăn bột.

Người phụ nữ ấy bèn cho bột. Tâm Tỳ-kheo sinh nghi ngờ, hối hận đến hỏi Tỳ-kheo trưởng lão. Tỳ-kheo trưởng lão hỏi thầy:

Ông dùng tâm gì nói điều đó?

Tâm tham dục.

Thế rồi, họ sai sứ giả đến hỏi người phụ nữ ấy. Người ấy nói:

Tôi đang ngồi chồm hổm dưới đất xay bột thì Tỳ-kheo đến xin bột. Tôi liền cho thầy.

Sứ giả trở về trình bày lại như trên. Trưởng lão Tỳ-kheo nói:

Cô ấy hiểu nghĩa mà không hiểu ẩn ý nên phạm tội Thâu lan. Cho đến: Nếu không hiểu nghĩa cũng không hiểu ẩn ý thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là xay bột.

27– Trâu nghé

Tại nước Bạt-kì có người thả trâu nghé ăn gần Tinh xá. Trâu nghé đi vào Tinh xá, ăn các hoa quả, húc đổ các pho tượng. Thầy tri sự nói với kẻ chăn trâu:

Ông hãy coi chừng con trâu ông cẩn thận, chớ để nó phá phách.

Thầy nhắc nhở tới ba lần mà việc đó không chấm dứt. Thầy bèn nổi giận, dắt trâu vào nhốt trong phòng, rồi đóng cửa lại, đi vào thôn xóm khát thực. Nhưng khi đến giữa đường lại suy nghĩ: “Trong phòng có nhiều Dạ-xoa, biết đâu nó sẽ giết chết con trâu nghé”, bèn trở về lại Tinh xá, mở cửa xem thì thấy con trâu nghé đã chết. Tỳ-kheo hoảng sợ liền đem nó bỏ vào trong cầu tiêu của chúng Tăng, rồi bỏ đi. Người chăn trâu bèn đến hỏi thầy:

Thầy có thấy con trâu ghé tôi đâu không?

Không thấy.

Thế nhưng, tâm Tỳ-kheo sinh nghi, liền hỏi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không thể quyết định được bèn đến hỏi vị trưởng lão. Vị trưởng lão nói:

Dắt trâu vào thả trong phòng rồi đóng cửa lại thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Dem bỏ vào trong cầu tiêu của chúng Tăng thì phạm tội Thâu lan. Thấy mà nói không thấy thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là thả trâu nghe.

28– Người ngớ ngẩn bỏ vợ

Bấy giờ, tại ấp Ca-thi-kì-lợi có một ông già đoan chánh, bỏ vợ xuất gia. Bà vợ ông bèn đi theo, đến ở bên ngoài phòng ông, xe sơi. Ông bảo bà:

Bà đi đi! Tôi là người xuất gia không cần đến bà nữa.

Tôn giả! Tôi xe sơi ở đây đâu có phương hại gì? Vì muốn lúc nào cũng được trông thấy tôn giả, tôi không thể rời xa được.

Ông già ấy nhắc nhở nhiều lần nhưng bà kia vẫn không đi. Ông bèn đem y bát vứt bỏ, rồi ra đi. Khi ấy có người phụ nữ gặp ông ta bèn nói với bà vợ:

Ông chồng bà bỏ đi rồi.

Nghe thế, bà liền đuổi theo, đến khi bắt kịp bèn nắm y thầy đứng ở giữa đường, nói:

Thầy (469b) hãy vì tôi dừng đi. Tôi sẽ cung cấp y bát và thuốc chữa bệnh cho thầy.

Tôi là người xuất gia, theo phép tắc không nên như vậy.

Tuy vậy, bà vẫn không chịu buông ra. Ông tức giận cực độ, liền cầm y bát để một chỗ, đánh bà một trận như tử, rồi bỏ đi. Thế rồi, lòng ông sinh nghi ngờ hối hận, bèn đem sự việc trên hỏi một vị Tỳ-kheo trì luật là Da-xá. Da-xá nói:

Nổi sân đánh đàn bà thì phạm tội Ba-la-di.

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền nói với thầy:

Sự phán xét như thế không đúng. Nếu thầy muốn hết nghi, nên đến núi Chi-đề hỏi tôn giả trì luật là Thọ-đề-đà-bà chắc chắn sẽ được quyết đoán dứt khoát.

Nghe thế, thầy liền đi nhưng đến đoạn đường ngang qua Câu-diêm-di, bỗng gặp một cô gái bán sữa. Cô ta thấy ông già ấy đẹp trai, lòng dục phát sinh, bèn nói:

Sa-môn! Có muốn cùng hành lạc thì hãy đến đây.

Ông già ấy bèn suy nghĩ: “Ta đã phạm tội Ba-la-di rồi, đâu còn gì nữa?”, thế là cùng hành lạc với cô ta. Đoạn, thầy đến chỗ vị trì luật thuật lại đầy đủ sự việc kể trên. Vị trì luật bèn nói:

Vì sao mà Da-xá chế ra đến năm pháp Ba-la-di? Tức giận đánh phụ nữ thì phạm tội Thâu-lan-giá. Cùng hành dâm với cô gái bán sữa thì phạm tội Ba-la-di.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là bỏ vợ.

29– Cách vách

Nước Phất-ca-la có hai Tinh xá của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ở cách vách nhau. Khi ấy, Tỳ-kheo khởi dục tâm bèn đứng cách vách nói chuyện với Tỳ-kheo-ni suốt đêm. Thế rồi, Tỳ-kheo sinh tâm hoài nghi hối hận, bèn đến hỏi trưởng lão Tỳ-kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo hỏi:

Thầy có tâm gì khi nói chuyện?

Tâm tham dục, thừa trưởng lão.

Nếu với tâm tham dục như vậy thì cứ mỗi lời nói phạm mỗi tội Việt-tỳ-ni.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là cách vách.

30- Bố-tát

Khi ấy, Tỳ-kheo ở thôn Phất-ca-la cùng với Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã bố-tát tại một chỗ. Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã tên là Phất-hi-lỗ, vốn có đức hạnh và danh tiếng nên được nhiều lợi dưỡng. Tỳ-kheo ở thôn xóm thấy thế bèn sinh tâm tật đố. Lúc ấy, trưởng lão Phất-hi-lỗ đến ngày 14 bố-tát bèn vào thôn xóm nói với Tỳ-kheo ở thôn xóm:

Trưởng lão! Chúng ta cùng bố-tát.

Ngày 15 tôi mới Bố-tát.

Tôi biết tính số ngày, kỳ này phải bố-tát vào ngày 14.

Tôi không làm, ngày 15 tôi mới bố-tát.

Phất-hi-lỗ thuyết phục như vậy đến ba lần mà vị kia vẫn không nghe theo nên thấy ra vẻ. Khi thấy đi rồi, Tỳ-kheo ở trong thôn bèn bố-tát. Sáng hôm sau, Phất-hi-lỗ đến trở lại nói với Tỳ-kheo ở thôn xóm:

Trưởng lão! Chúng ta hãy cùng bố-tát.

Tôi đã bố-tát xong rồi. Thấy đã làm trái việc bố-tát. Tôi không cùng hưởng chung pháp thực, vị thực với thầy nữa.

Khi ấy, Phất-hi-lỗ hể bố-tát ngày 14 thì ngày 14 đến, (469c) bố-tát ngày 15 thì ngày 15 đến. Thế nhưng, cả 20 năm đầu đều không được bố-tát. Lúc ấy, có một thiện quỷ thần vốn kính trọng Phất-hi-lỗ bèn đến trong núi Chi-đề, nói với tôn giả Thọ-đề-đà-bà như sau:

Thưa tôn giả! Hiện nay ở tại xóm làng kia có tôn giả Tỳ-kheo bất thiện, không tùy thuận, làm điều phi pháp, thường nhiễu loạn Phát-hi-lỗ, kính mong tôn giả đến giải quyết việc ấy.

Tôn giả Thọ Đề nghe thế bèn suy nghĩ: “Nếu ta đến nơi A-luyện-nhã trước thì Tỳ-kheo hung ác ở thôn xóm nghe được sẽ không chia sẻ pháp thực, vị thực cùng ta.

Nghĩ thế, thầy liền đi đến chỗ Tỳ-kheo ở thôn xóm. Lúc ấy, thiện qui thần lại nói với tôn giả Phát-hi-lỗ:

Thưa tôn giả! Tôn giả Thọ-đề-đà-bà hiện giờ đang ở tại thôn xóm. Tôn giả nên đến đó thăm hỏi.

Nghe thế, thầy liền đến đó thăm hỏi. Thăm hỏi xong, ngồi sang một bên. Tôn giả Thọ-đề-đà-bà bèn hỏi thầy:

Thầy là Phát-hi-lỗ phải không?

Thưa vâng.

Này Tuệ mạng! Thầy làm trái việc bố-tát phải không?

Trái việc bố-tát hay không trái bố-tát hôm nay sẽ biết. Từ 20 năm nay, hễ bố-tát ngày 14 thì tôi đến ngày 14, bố-tát ngày 15 thì tôi đến ngày 15. Như vậy là trái bố-tát hay không trái bố-tát, tôn giả tự biết.

Này Tuệ mạng! Đó là thuận với Phật pháp. Nhưng Tỳ-kheo ở thôn xóm không tùy thuận. Thọ Cụ túc trong 20 năm mà không thể gọi là thọ Cụ túc, yết-ma mà không được gọi là yết-ma.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là bố-tát.

31– Hai trường hợp nước trái cây

Lúc ấy, tại nước Ưu-xà-ni có kẻ phạm vương pháp, nên bị chặt cả chân tay, rồi đem bỏ vào rừng Thi-đà gần chỗ của Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã. Thế rồi, ông ta lần hồi đến chỗ Tỳ-kheo, nói:

Thưa thầy! Tôi rất đói khát, thầy cho tôi xin một ít thức ăn.

Không có thức ăn.

Thưa thầy! Xin thầy hãy thương tôi. Tôi bị cả hai nỗi thống khổ: một là nỗi khổ bị chặt cả tay chân; hai là nỗi khổ bị đói khát.

Không có thức ăn, chỉ có nước Tô-tỳ-la, ông có cần không?

Cần.

Thầy liền cho nước ấy. Vì ông ta không được ăn đã lâu ngày nên uống vào liền chết. Tỳ-kheo tâm sinh nghi, bèn hỏi các Tỳ-kheo khác, nhưng họ cũng không quyết đoán được. Thầy liền đến hỏi trưởng lão Tỳ-kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo hỏi:

Thầy dùng tâm gì khi đem cho?

Tâm vì lợi ích.

Nếu với tâm vì lợi ích thì không có tội.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni.

Lại nữa, tại nước Ưu-xà-ni có kẻ phạm vương pháp nên bị chặt cả chân tay, rồi bị đem bỏ vào trong rừng Thi-đà, gần chỗ của Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã. Lúc ấy, có một người già đi xuất gia, đến phiên thầy giữ phòng ốc. Người không có tay chân kia lần hồi lết đến chỗ thầy, nói (470a) như sau:

Thưa thầy! Tôi rất thống khổ không thể chịu nổi, thầy có thuốc gì không, cho tôi một chút, tôi muốn chết cho nhanh?

Ta không phải là Chiên-đà-la, là kẻ sát nhân, vì sao lại theo ta xin thuốc?

Thưa thầy! Không phải vậy; vì tôi đau đớn quá không thể chịu nổi.

Lúc ấy, ông già kia khởi từ tâm, suy nghĩ: “Có trường hợp tương tự như thế, do uống nước Tô-tỳ-la mà chết”, liền hỏi:

Ông muốn uống nước Tô-tỳ-la không?

Muốn uống!

Thầy bèn đưa nước ấy cho uống. Uống xong, người kia chết liền. Ông già tâm sinh nghi liền đến hỏi Tỳ-kheo trưởng lão. Tỳ-kheo trưởng lão hỏi:

Ông dùng tâm gì khi đem cho?

Tâm từ bi, để cho ông ta toại ý!

Tuy ông có tâm từ bi, nhưng không có trí tuệ, làm chết người, nên phạm tội Ba-la-di.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là hai trường hợp nước trái cây.

32- Gạch

Lúc bấy giờ, tại Tinh xá Kỳ hoàn, thành xá-vệ, có Tỳ-kheo làm phòng, người làm vườn đưa gạch cho thầy. Thầy cầm không chắc bị sút tay rơi nhằm trên đầu người làm vườn, khiến người ấy bị vỡ đầu chết liền tức khắc. Tỳ-kheo tâm sinh nghi bèn đến hỏi Tỳ-kheo trưởng lão. Tỳ-kheo trưởng lão liền hỏi thầy:

Thầy dùng cái tâm gì khi làm rơi gạch?

Vì tôi cầm không chắc nên bị rơi.

Nên cầm cho chắc.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là gạch.

33- Phân rác

Tại Tinh xá Kỳ hoàn nơi thành xá-vệ, cứ năm hôm được quét dọn phân rác một lần. Lúc ấy, có Tỳ-kheo trẻ tuổi bưng phân đổ ngoài tường, rủi thay đổ nhằm trên mình một ông già bệnh xuất gia đang đại tiểu tiện tại chỗ ấy, khiến ông không thể đứng dậy nổi. Thầy kia lại tiếp tục đổ phân rác làm cho ông bị chết. Tỳ-kheo

ấy đổ phân rác bên chân tường chất cao lên, rồi sợ e bọn trộm nường nơi đó leo vào, bèn ra hốt đổ chỗ khác, thì thấy Tỳ-kheo kia bị chết, tâm sinh nghi. Thấy bèn đến hỏi trưởng lão Tỳ-kheo. Tỳ-kheo trưởng lão hỏi lại thầy:

Thầy dùng tâm gì khi đổ phân rác?

Không xem cẩn thận.

Nếu không xem cẩn thận mà đổ phân rác thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là phân rác.

34– Tỳ-kheo khát thực

Sau khi Phật bát Niết-bàn, các Tỳ-kheo sống tại Tinh xá của dòng họ Thích, nước Ca-duy-la-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đến giờ khát thực bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khát thực. Khi ấy có một cô gái họ Thích đoan chánh, sau khi tắm xong, cô mặc y phục mới, đem thức ăn cúng dường cho Tỳ-kheo rồi cúi đầu đánh lễ dưới chân. Tỳ-kheo thấy thế, dục tâm sinh khởi, không kiểm chế được liền bị xuất tinh rơi nhằm trên đầu cô ấy. Nhưng cô không oán trách bèn lấy vật y chùi đi, rồi nói như sau:

Thầy (470b) được lợi ích rất lớn, lòng dục mạnh như vậy mà vẫn có thể tu phạm hạnh trong giáo pháp của đức Thế Tôn.

Khi ấy, Tỳ-kheo tâm sinh nghi bèn đến hỏi trưởng lão Tỳ-kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo hỏi thầy:

Khi ấy ông dùng tâm gì?

Tôi thấy thân hình cô ta trước mặt không thể kiểm chế được.

Nên khéo quán sát sắc tướng mà chế ngự tâm mình.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là khát thực.

35– Uất-trù.

Sau khi Phật ban Niết-bàn, các trưởng lão Tỳ-kheo ở Tinh xá của dòng họ Thích dưới cây Ni-câu-luật, nước Ca-duy-la-vệ. Bấy giờ, tôn giả Uất-trù có một người bạn cũ, ông ta có hai đứa con đều khác mẹ. Một đứa, con của bà họ Thích, một đứa con của bà họ khác. Khi ông ta đau nặng sắp từ trần, bèn di chúc tôn giả Uất-trù như sau:

Thưa thầy! Sau khi tôi qua đời, trong hai đứa con đứa nào hâm mộ Phật pháp, làm hài lòng thầy, xin thầy hãy chỉ kho báu dưới đất cho nó.

Sau khi ông qua đời, đứa con của bà họ Thích rong chơi theo bạn bè xấu ác, không thích Phật pháp, không đến nghe Kinh, không thích tụng đọc. Còn đứa con của bà họ khác thì đi theo bạn lành, ưa thích Phật pháp, đến chỗ Uất-trù tụng đọc Kinh giới, được lòng trưởng lão nên trưởng lão nói:

Khi cha người từ trần có di chúc ta rằng: “Trong hai đứa con, đứa nào ưa thích Phật pháp thì nên chỉ cái kho báu này.”

Rồi chỉ chỗ kho cho nó. Nhờ vậy, nó được vàng bạc châu báu rất nhiều, gia nghiệp trở nên giàu có sung sướng. Đứa con của bà họ Thích nghe thế bèn thừa với tôn giả A-nan:

Thưa thầy! Đây là điều bất thiện, không phải tùy thuận. Tôn giả Uất-trù đem tài sản của cha tôi cho đứa con của bà họ khác. Theo gia pháp nhà họ Thích của tôi thì đứa con của bà họ Thích đương nhiên kế thừa sự nghiệp của cha. Những tài vật sở hữu đều phải thuộc về tôi.

A-nan nói:

Đó là cách phân xử phi pháp. Ta không cùng hưởng chung pháp thực và vị thực với người ấy.

Lúc ấy, La-hầu-la đến chỗ Uất-trù, vì hai người này cùng một Hòa thượng, nên Uất-trù nói với La-hầu-la:

Đừng hưởng chung pháp thực, vị thực với tôn giả A-nan.

Vì sao vậy?

Uất-trù thuật lại đầy đủ sự việc kể trên, rồi tiếp:

Tôi không có việc gì mà A-nan không hưởng chung pháp thực vị thực cùng tôi. La-hầu-la! Tôi cùng với ông hưởng chung pháp thực, vị thực.

A-nan nghe La-hầu-la với Uất-trù cùng hưởng chung pháp thực, vị thực, do đó thầy cũng không hưởng chung pháp thực, vị thực với La-hầu-la. Khi có người đưa thức ăn đến cho tôn giả A-nan, A-nan nói:

Hãy đem đưa cho La-hầu-la, con của Thế Tôn.

Cũng thế, khi có người đưa thức ăn đến cho tôn giả La-hầu-la, La-hầu-la bèn nói:

Hãy mang đến cho thị giả của Thế Tôn.

Vì vậy, tại nước Ca-duy-la-vệ trong bảy năm chư Tăng không bố-tát tự tứ.

Bấy giờ tôn giả Ưu-ba-ly đang ở trong núi Chi-đề, (470c) những người họ Thích bèn đến chỗ tôn giả Ưu-ba-ly nói như sau:

Thưa thầy! Những ông thầy bất thiện, không tùy thuận của tôi đang sống ở đời. Ca-duy-la-vệ là sinh quán của đức Thế Tôn, vì sao trong bảy năm mà không bố-tát tự tứ? Kính xin tôn giả đến đó hòa giải giúp cho!

Ưu-ba-ly liền đến đó, bảo những người họ Thích:

Hãy trang trí giảng đường, trải tọa cụ đẹp, rải hoa, đốt hương, chuẩn bị cơm đãi Tỳ-kheo khách. Trước hết gọi La-hầu-la đến,

rồi giấu thầy ở một chỗ kín, đồng thời mời tôn giả A-nan tới. Thế rồi, bồng một đứa trẻ con thả ngồi trên đất. Khi tôn giả A-nan ngồi xong, thấy đứa bé dưới đất, liền bảo “bồng” thì nên nói “không bồng”, mong tôn giả cùng với La-hầu-la hòa hợp, thì tôi mới bồng.

Bảo như vậy xong, tôn giả Ưu-ba-ly bèn ngồi, đến tôn giả A-nan ngồi, rồi đến các Tỳ-kheo theo thứ lớp cùng ngồi. Khi ấy, một người phụ nữ họ Thích bồng một hài nhi tay đang cầm bình sữa uống thả ngồi dưới đất. Đứa bé liền kêu khóc. A-nan thấy thế, lòng sinh thương xót, liền bảo người phụ nữ ấy:

Hãy bồng đứa bé này lên.

Không bồng! Nếu tôn giả cùng với La-hầu-la hòa hợp thì tôi mới bồng. Nếu không hòa hợp thì tôi không bồng.

Đây là phép tắc của sa-môn, không phải việc thế tục của các người, nhưng hãy bồng đứa bé đi đã.

Không phải như vậy.

Bảo như vậy đến ba lần, họ đều từ khước. A-nan liền bảo gọi La-hầu-la đến. Khi thầy đến rồi, tôn giả Ưu-ba-ly nói với A-nan:

Ví như A-nan có đàn việt di chúc như thế này: “Thưa trưởng lão! Sau khi tôi mệnh chung, trưởng lão hãy cho như vậy”, thì có gì là sai lầm. Tôn giả Uất-trù cũng như vậy. Này A-nan! Tại sao vì việc đó mà thầy bất hòa với La-hầu-la con của Thế Tôn.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là Uất-trù.

Tóm lại, trên đây là nguyên tắc giới luật.



CHƯƠNG NGẠI & KHÔNG CHƯƠNG NGẠI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ tôn giả Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà du hành các nước, rồi trở về Tinh xá Kỳ hoàn. Đến giờ khất thực, bèn khoác y vào thành xá-vệ đến nhà Ưu-bà-di Hỉ-duyet. Ưu-bà-di trông thấy, liền nói:

Lành thay sư phụ! Vì sao mà ít xuất hiện quá thế?!

Rồi mời ngồi, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng qua một bên, cùng trò chuyện thăm hỏi. Tỳ-kheo nói:

Ưu-bà-di! Tôi ít khi đến, bà định đãi tôi món ngon gì đấy?

Tùy theo thầy dạy, thức ăn trước hay thức ăn sau, hoặc bánh, hoặc thịt, tùy theo thầy cần gì con sẽ dọn nấy. Vậy xin mời tôn giả ngày mai đến nhà con thọ trai, xin đến sớm sớm.

Thế rồi, Tỳ-kheo nhận lời mời. Ngày hôm sau, nhà ấy sửa soạn các món ẩm thực, (471a) dọn bàn ghế chờ đợi. Song, Tỳ-kheo vì bận nhiều việc, quên không đến. Khi đã hết ngày, những thức ăn nào để dành được thì chủ nhà đem cất, còn những thứ không để dành được bèn đem ăn. Đợi như vậy hai ngày, ba ngày vẫn không đến, chủ nhà bèn đem ăn hết. Tới ngày thứ tư, Tỳ-kheo mới đến; Ưu-bà-di thấy thế lòng không vui, liền trách:

Này sư phụ! Vì sao đã nhận lời mời của con mà không đến?

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền khiển trách:

Ưu-bà-di Hỉ duyet này đối với Phật và Tỳ-kheo Tăng đều không tiếc rẻ một thứ gì, vì sao lại nhiều loạn bà ấy? Vì sao ông nhận lời mời một chiều mà không nêu nhân duyên chướng ngại? Những nhân duyên chướng ngại như sau: Nếu có người mời: “Xin tôn giả nhận lời con mời ngày mai ăn bữa ăn trước”, mà mình thấy cần thì nên đáp: “Vâng!”

Nếu họ nói tiếp: “Xin tôn giả chắc chắn phải đến nhé!”, thì nên nói: “Nếu trong thời gian đó không gặp chương ngại thì tôi sẽ đến.” Cũng vậy, mời các bữa ăn sau cũng nói như thế.

Nếu Tỳ-kheo an cư xong ra đi rồi đàn việt mời: “Mong tôn giả sau này sẽ đến nữa”, mà mình muốn đến nữa, thì nên đáp: “Vâng.”

Nếu đàn việt dặn thêm: “Xin tôn giả phải đến chắc chắn đấy nhé”, thì nên đáp: “Nếu trong thời gian ấy không gặp trở ngại gì thì tôi sẽ đến.”

Nếu họ nói: “Xin thầy hãy lễ tháp”, thì không được đáp: “Nếu trong thời gian ấy không có gì trở ngại.”, mà nên đáp: “Vâng! Tôi sẽ lễ.” Nếu họ nói: “Xin tôn giả hãy vì tôi mà lễ tháp”, thì nên đáp: “Nếu nhớ thì tôi sẽ lễ.”

Nếu họ nói: “Xin tôn giả hãy đánh lễ trưởng lão Tỳ-kheo”, thì không được đáp: “Nếu không có gì trở ngại”, mà nên đáp: “Vâng! Tôi sẽ đánh lễ.”

Nếu họ nói: “Xin tôn giả hãy vì tôi mà đánh lễ trưởng lão Tỳ-kheo”, thì nên đáp: “Nếu nhớ thì tôi sẽ đánh lễ.”

Nếu họ nói: “Tôn giả hãy nghe kinh, tụng kinh, trì giới, ngồi thiền”, thì không được đáp: “Nếu trong thời gian ấy không có gì trở ngại thì tôi sẽ tụng kinh”, mà nên nói: “Tôi vì mục đích đó mà xuất gia.”

Nếu họ nói: “Tôn giả hãy học đạo quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán”, thì không được đáp: “Nếu trong thời gian ấy không có gì chương ngại thì tôi sẽ học”, mà nên nói: “Tôi vì mục đích đó mà xuất gia.”

Trên đây, có việc nên làm mà vì chương ngại nên không làm, có việc không nên làm mà làm đều phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là vấn đề chương ngại, không chương ngại.



VẤN ĐỀ TỖ-KHEO-NI

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, nước Ca-duy-la-vệ. Lúc ấy, Đại-ái-đạo Kiểu-đàm-di cùng với 500 cô gái họ Thích xin Phật xuất gia, như trong Tuyến Kinh đã nói rõ. Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo-ni:

Từ nay Đại-ái-đạo Kiểu-đàm-di là bậc Thượng tọa của các Tỳ-kheo-ni, nên ghi nhớ như vậy.

Khi ấy, Đại-ái-đạo Kiểu-đàm-di bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Thế Tôn chế ra tám pháp tôn kính cho Tỳ-kheo-ni, (471b) chúng con có được phép nghe đầy đủ không?

Phật dạy: Được. Tám kính pháp đó là:

1- Kính lễ Tỳ-kheo

Dù Tỳ-kheo-ni đã 100 tuổi, khi gặp Tỳ-kheo mới thọ giới cũng phải đứng dậy đón tiếp cung kính và đánh lễ. Không được nói: “Đợi tôi đủ 100 tuổi rồi mới hướng đến Tỳ-kheo mới thọ giới đánh lễ”, mà tất cả Tỳ-kheo-ni đều phải hướng đến Tỳ-kheo trưởng lão, trung niên, niên thiếu, đứng dậy đón tiếp cung kính và đánh lễ. Khi Tỳ-kheo-ni đến Tinh xá của Tỳ-kheo thì phải cúi đầu đánh lễ dưới chân của tất cả Tỳ-kheo. Nếu vì già bệnh không thể lễ hết, thì tùy sức mà lễ nhiều ít, những người còn lại thì được lễ tổng quát, nói như sau: “Con là Tỳ-kheo-ni mỗi giáp xin cúi đầu đánh lễ dưới chân của tất cả chúng Tăng.”

Khi Tỳ-kheo đến Tinh xá của Tỳ-kheo-ni thì tất cả Tỳ-kheo-ni phải đứng dậy đón tiếp, đánh lễ dưới chân, cũng như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni phân biệt như sau: Đó là kẻ phạm giới, đó là thầy thuốc, đó là kẻ ngớ ngẩn không biết, với tâm kiêu mạn không cung kính đứng dậy đón tiếp, đánh lễ thì đó là coi thường pháp cung kính. (Đây là pháp cung kính thứ nhất).

2– Hai năm học giới

Nếu người nữ đủ 18 tuổi muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai thì Hòa thượng ni nên cung cấp những thứ cần thiết, xin Ni Tăng giúp đỡ. Trong Ni chúng, người có khả năng làm yết-ma nên bạch như sau:

Xin thánh giả Tăng lắng nghe! Người nữ mỗ giáp kia 18 tuổi, muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho mỗ giáp vào Tăng xin hai năm học giới.

Các thánh giả đã bằng lòng cho mỗ giáp vào Tăng xin hai năm học giới vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Bấy giờ, người nữ này vào trong Tăng cúi đầu đánh lễ dưới chân của từng vị, rồi quì gối chấp tay nói như sau:

Xin thánh giả Tăng ghi nhớ cho! Con là người nữ mỗ giáp đủ 18 tuổi, muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai. Nay con theo Tăng xin hai năm học giới. Mong thánh giả Tăng thương xót cho con hai năm học giới (nói như vậy ba lần).

Vị yết-ma của Ni nên nói như sau:

Xin thánh giả Tăng lắng nghe! Người nữ mỗ giáp kia đã đủ 18 tuổi, theo Tăng xin hai năm học giới. Tăng nay cho mỗ giáp hai năm học giới. Thánh giả nào bằng lòng cho mỗ giáp hai năm học giới với Hòa thượng ni mỗ giáp thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần yết-ma thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế)

Tăng đã bằng lòng cho mỗ giáp hai năm học giới xong (471c) vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thức-xoa-ma-na này sau khi xin được hai năm học giới phải tùy thuận làm 18 việc sau đây:

1. Ở dưới tất cả đại Tỳ-kheo-ni.
2. Ở trên tất cả sa-di-ni.

3. Việc gì đối với Thức-xoa-ma-na không thanh tịnh thì đối với đại ni thanh tịnh.
4. Việc gì đối với đại Ni không thanh tịnh, thì đối với Thức-xoa-ma-na cũng không thanh tịnh.
5. Đại Ni được ngủ ba đêm với Thức-xoa-ma-na.
6. Thức-xoa-ma-na được ngủ ba đêm với sa-di-ni.
7. Thức-xoa-ma-na được trao thức ăn cho Đại Ni, ngoại trừ 5 món thực vật được hỏa tịnh, vàng bạc và tiền mặt.
8. Tự bản thân theo sa-di-ni nhận thức ăn.
9. Ni không được nói với Thức-xoa về tội Ba-la-di cho đến Việt-tỳ-ni.
10. Chỉ được nói: không dâm dục; không trộm cắp, không sát sinh, không nói dối. v.v...
11. Thức-xoa-ma-na đến ngày bố-tát Tự tứ phải vào giữa Tăng quỳ gối chấp tay, nói như sau: – Thưa Thánh giả Tăng! Con là mỗ giáp thanh tịnh, xin Tăng ghi nhớ cho. Nói như vậy ba lần rồi ra đi.
12. Nếu phạm bốn giới Ba-la-di sau cùng thì phải học lại từ đầu.
13. Nếu phạm 19 giới Tăng-già-bà-thi-sa trở về sau thì tùy phạm giới nào sám hối Đột cát la giới đó; Nếu phá năm giới thì tùy theo số ngày vi phạm phải học lại. Năm giới đó là:
14. Ăn phi thời.
15. Cắt thức ăn mà ăn.
16. Cầm tiền mặt, vàng bạc.
17. Uống rượu.
18. Mang hương hoa.

Đó gọi là 18 việc.

Thức-xoa-ma-na này sau hai năm học giới xong, muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai thì Hòa thượng Ni phải bạch Tăng xin pháp yết-ma nuôi đệ tử. Vị yết-ma của Ni nên nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Thức-xoa-ma-na mỗ giáp đã học giới hai năm, tuổi đủ 20, muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho phép Hòa thượng Ni mỗ giáp vào giữa Tăng xin pháp yết-ma nuôi đệ tử.

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp muốn vào giữa Tăng xin pháp yết-ma nuôi chúng, Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, Hòa thượng Ni nên quì gối chấp tay nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng ghi nhớ cho. Thức-xoa-ma-na này học giới hai năm đã xong, tuổi đủ 20, muốn thọ Cụ túc. Tôi là mỗ giáp, nay theo Tăng xin pháp yết-ma nuôi đệ tử. Kính xin Tăng cho tôi pháp yết-ma nuôi đệ tử (nói như vậy ba lần).

Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Thức-xoa-ma-na mỗ giáp học giới hai năm đã xong, tuổi đủ 20, muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai. Ni mỗ giáp đã theo Tăng xin pháp yết-ma nuôi đệ tử. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Ni mỗ giáp pháp yết-ma nuôi đệ tử. Đây là lời tác bạch.

Thánh giả (472a) Tăng xin lắng nghe! Thức-xoa-ma-na mỗ giáp học giới hai năm đã xong, tuổi đủ 20, muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai. Ni mỗ giáp đã theo Tăng xin pháp yết-ma nuôi đệ tử. Tăng nay cho Ni mỗ giáp pháp yết-ma nuôi đệ tử. Các Thánh giả nào bằng lòng cho pháp yết-ma nuôi đệ tử thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Ni mỗ giáp pháp yết-ma nuôi đệ tử xong, vì im lặng. Tòì ghi nhận việc này như vậy.

Thức-xoa-ma-na này sau hai năm học giới, tuổi đủ 20, muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai, phải vào giữa Tăng cúi đầu đánh lễ dưới chân chúng Tăng. Lễ Tăng xong, trước hết quì gối chấp tay thỉnh Hòa thượng Ni như sau:

Xin tôn sư ghi nhớ cho. Con là mỗ giáp cầu xin tôn sư làm Hòa thượng. Mong tôn sư vì con làm Hòa thượng cho con thọ Cụ túc (nói như vậy ba lần).

Thế rồi, Hòa thượng Ni nên khích lệ để đệ tử sinh tâm hoan hỷ, và đệ tử đáp:

Con xin cúi đầu thọ lãnh.

Đoạn, Hòa thượng Ni dạy cách cầu xin y bát, cầu xin chúng Tăng, cầu xin hai vị giới sư, cầu xin vị thầy dạy bảo ở chỗ vắng, rồi giới thiệu với chúng Tăng. Bấy giờ, vị sư yết-ma nên hỏi như sau:

Ở trong đây ai có thể dạy bảo mỗ giáp ở chỗ vắng không?

Người có thể dạy liền đáp:

Tòì có thể dạy.

Thế rồi sư yết-ma nên nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng bằng lòng để mỗ giáp làm Hòa thượng Ni cho mỗ giáp, mỗ giáp có thể làm người dạy bảo ở chỗ vắng.

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp làm Hòa thượng Ni cho mỗ giáp, mỗ giáp làm người dạy bảo ở chỗ vắng, vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tòì ghi nhận việc này như vậy.

Vị thầy dạy bảo nên đem người muốn thọ Cụ túc để cách chúng Tăng không gần, không xa, rồi dạy bằng hai cách: hoặc sơ lược,

hoặc đầy đủ. Thế nào là dạy sơ lược? Đó là nên hỏi ở giữa chúng Tăng rằng: “Điều gì có thì người phải nói có, điều gì không thì phải nói không.”

Thế nào là dạy đầy đủ? Đó là nên nói: “Thiện nữ hãy lắng nghe! Bây giờ là lúc chí thành, là lúc nói thật. Đối với chư thiên, thế gian, thiên ma, các phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, các vị trời, người đời, A-tu-la, nếu không nói thật tức là lừa dối họ; đồng thời cũng lừa dối đối với Ni chúng Thanh văn đệ tử của đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri. Đó là tội rất nặng. Giờ đây, ta sẽ hỏi người, điều gì có thì nói có, điều gì không thì nói không:

Cha mẹ, chồng có còn không?

Nếu nói “Còn” thì nên hỏi:

Cha mẹ và chồng có cho phép không?

Đã thỉnh cầu Hòa thượng Ni chưa?

Năm y và bát có đủ không?

Học giới hai năm xong chưa?

Đã làm pháp yết-ma nuôi chúng chưa?

Tên của người là gì?

Đáp:

Tên là mỗ.

(472b) Hòa thượng Ni tên là gì?

Đáp:

Tên mỗ.

Người không giết cha mẹ đấy chứ?

Người không giết A-la-hán đấy chứ?

Người không phá Tăng đấy chứ?

Người không có ác tâm làm cho thân Phật ra máu đấy chứ? (Tuy Phật Niết-bàn đã lâu, nhưng đây vẫn giữ theo văn cũ).

Người không hủy hoại tịnh giới của Tỳ-kheo đấy chứ?

Người không phải là kẻ núp trong chúng để trộm pháp đấy chứ?

Người không phải là kẻ gian phi đấy chứ?

Người không tự ý xuất gia đấy chứ?

Trước đây đã từng thọ Cụ túc chưa?

Nếu nói: “Đã từng thọ” thì nên bảo: “Đi đi! Không được thọ Cụ túc.” Nếu nói chưa thọ thì nên hỏi tiếp:

Người không phải là nô tì đấy chứ?

Người không phải là con nuôi đấy chứ?

Người không mắc nợ người ta đấy chứ?

Người không phải là vợ của lính đấy chứ?

Người không phải là kẻ do thám cho nhà vua đấy chứ?

Người có phải là người nữ không?

Người không phải là gái đá đấy chứ?

Người không phải là kẻ lười biếng đấy chứ?

Hai đường tiểu và đại không thông nhau đấy chứ?

Hai đường đó không bị thương tích đấy chứ?

Người vẫn có nhũ hoa đấy chứ?

Người không phải chỉ có một nhũ hoa đấy chứ?

Người không bị bệnh thường ra huyết đấy chứ?

Người không phải không có máu đấy chứ?

Người thường có kinh nguyệt hằng tháng đấy chứ?

Người vẫn có chức năng của người phụ nữ đấy chứ?

Người có mắc các chứng bệnh sau đây không: ghẻ lở; da vàng; bệnh hủi, ung thư; bệnh trĩ; đái tháo; bệnh hoàng đản; bệnh sốt rét; bệnh suyễn; bệnh gầy ốm; điên cuồng; bệnh nhiệt; bệnh phong thũng; bệnh phù thũng; bệnh cổ trướng; đại loại các chứng bệnh như thế. Ngoài ra trên thân người còn mắc các bệnh khác nữa không?

Đáp: Không.

Lúc này, giáo thọ sư vào giữa Tăng bạch:

Tôi đã hỏi mỗi giáp xong, mỗi giáp tự nói mình thanh tịnh, không có các già nạn.

Sư yết-ma nên nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗi giáp theo mỗi giáp thọ Cụ túc. Mỗi giáp đã hỏi han, dạy bảo ở chỗ vắng xong. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho mỗi giáp theo Hòa thượng Ni mỗi giáp vào giữa Tăng.

Các Thánh giả Tăng đã bằng lòng cho mỗi giáp theo Hòa thượng Ni mỗi giáp vào giữa Tăng vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, người này vào giữa Tăng cúi đầu đánh lễ dưới chân của từng vị Tăng, rồi quì gối chấp tay trước giới sư nhận lấy y bát và nói:

Đây là bát dùng để khát thực, con xin gìn giữ. (nói như vậy ba lần). Đây là Tăng-già-lê, đây là Uất-đa-la tăng, đây là An-đà-hội, đây là y che vai, đây là áo mưa. Đó là năm y của con. Với năm y này con sẽ gìn giữ suốt đời không xa lìa. (nói như vậy ba lần).

Bấy giờ, sư yết-ma nên nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗi giáp theo mỗi giáp thọ Cụ túc. Mỗi giáp đã hỏi han dạy bảo ở chỗ vắng xong. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho phép giới tử Ni mỗi giáp – theo Hòa thượng Ni mỗi giáp – vào giữa Tăng xin thọ Cụ túc.

Các Thánh giả đã bằng lòng cho giới tử Ni mỗ giáp – theo Hòa thượng Ni mỗ giáp – vào giữa Tăng xin thọ Cụ túc, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi sư yết-ma nên dạy giới tử cách xin như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! (472c) Con là mỗ giáp, theo Hòa thượng Ni mỗ giáp thọ Cụ túc. Giáo thọ sư đã hỏi han dạy bảo con ở chỗ vắng xong. Con là mỗ giáp – theo Hòa thượng Ni mỗ giáp – nay theo Tăng xin thọ Cụ túc. Nguyên xin Tăng thương xót cho con thọ Cụ túc. (xin như vậy ba lần).

Sư yết-ma nên nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc. Mỗ giáp đã hỏi han dạy bảo ở chỗ vắng xong. Giờ theo Tăng xin thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Hòa thượng Ni mỗ giáp vào giữa Tăng hỏi giới tử về già nạn.

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp Hòa thượng Ni – làm Hòa thượng cho mỗ giáp – muốn vào giữa Tăng hỏi già nạn; vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi Hòa thượng Ni hỏi giới tử:

Bây giờ là lúc phải chí thành, là lúc nói thật, (cho đến) có các chứng bệnh như vậy và các chứng bệnh khác nữa trên thân người hay không?

Đáp: Không có.

Sư yết-ma nên nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc. Mỗ giáp đã hỏi han dạy bảo ở chỗ vắng xong. Đồng thời đã theo Tăng xin thọ Cụ túc. Cha mẹ và chồng đã cho phép; đã cầu Hòa thượng, năm y và bát có đủ. Người nữ này đã học giới hai năm hoàn thành; đã thực hiện pháp yết-ma nuôi chúng; tự nói mình thanh tịnh không có các già nạn. Nếu thời gian của Tăng đã đến,

Tăng nay cho Hòa thượng Ni mỗ giáp – làm Hòa thượng cho mỗ giáp – vào giữa Tăng nói về ba pháp nương tựa.

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Hòa thượng Ni mỗ giáp – làm Hòa thượng cho mỗ giáp – muốn vào giữa Tăng nói về ba pháp nương tựa, vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Hòa thượng Ni nói với giới tử:

Thiện nữ hãy lắng nghe. Vì đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến trimuốn lợi ích cho chúng Thanh văn ni nên chính thức chế ra ba pháp nương tựa này. Nếu người nữ thực sự có thiện chí kham nhẫn được thì cho thọ Cụ túc. Nếu không kham nhẫn được thì không cho thọ Cụ túc. Thế nào là ba pháp nương tựa? Đó là:

1– Nương tựa vào y phần tảo ít việc, dễ được, hợp với thanh tịnh, không có các lỗi. Tỳ-kheo-ni tùy thuận, nhờ vào đó mà xuất gia thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo-ni. Thế thì người có thể kham nhẫn thọ trì y phần tảo này suốt đời được không?

Đáp: Được.

Nếu được y Khâm bà la, y điệp, y sô ma, y câu xá da, y xá na, y ma, y khu mâu để (thì hãy thọ trì).

2– Nương vào việc khát thực, ít việc, dễ được, hợp với thanh tịnh, không có các lỗi. Tỳ-kheo-ni tùy thuận, nhờ vào đó mà xuất gia, thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo-ni. Thế thì người có thể kham nhẫn sống theo hạnh khát thực suốt đời được không?

Đáp: Được.

Nếu được bữa ăn nửa tháng, bữa ăn ngày mồng 8, ngày 14, ngày 15, khi tụng giới, khi điểm diện, khi được mời (thì hãy dùng).

3– Nương nhờ thuốc trần khí, ít việc, dễ được (473a) hợp với thanh tịnh, không có các lỗi, Tỳ-kheo-ni tùy thuận, nhờ vào đó

mà xuất gia thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo-ni. Thế thì người có thể kham nhẫn suốt đời uống thuốc trần khí được không?

Đáp: Được.

Nếu được sữa chua, dầu, mật, đường phèn, sữa tươi và mỡ (thì người hãy dùng).

Vậy nương vào ba thánh chủng trên (ba pháp nương tựa) người hãy tùy thuận mà học.

Thế rồi sư yết-ma bạch với Tăng:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc. Mỗ giáp đã hỏi han, dạy bảo ở chỗ vắng xong. Nay theo Tăng xin thọ Cụ túc. Cha mẹ và chồng đã cho phép. Đã cầu Hòa thượng Ni. Năm y và bát có đủ. Người nữ này đã hoàn thành hai năm học giới. Đã làm phép yết-ma nuôi đệ tử. Tự nói mình thanh tịnh, không bị các già nạn. Đã chấp nhận ba sự nương tựa. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho mỗ giáp thọ Cụ túc với Hòa thượng Ni là mỗ giáp. Đây là lời tác bạch.

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc. Mỗ giáp đã hỏi han dạy bảo ở chỗ vắng xong. Nay theo Tăng xin thọ Cụ túc. Cha mẹ và chồng đã cho phép. Đã cầu Hòa thượng. Năm y và bát đầy đủ. Người nữ này đã hoàn thành hai năm học giới; đã làm pháp yết-ma nuôi đệ tử; tự nói mình thanh tịnh không có các già nạn; đã chấp nhận ba sự nương tựa. Tăng nay cho mỗ giáp thọ Cụ túc, Hòa thượng ni là mỗ giáp. Các Thánh giả nào bằng lòng cho mỗ giáp thọ Cụ túc, Hòa thượng ni là mỗ giáp thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho mỗ giáp thọ Cụ túc với Hòa thượng ni là mỗ giáp xong, vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Đoạn, quay lại nói với giới tử:

Thiện nữ hãy lắng nghe! Người đã thọ Cụ túc, một lần bạch, ba lần yết-ma, không có các già nạn, trước 10 vị Tăng hòa hợp. Nay người phải kính trọng Phật, kính trọng Pháp, kính trọng Tăng, kính trọng Hòa thượng, kính trọng A-xà-lê. Nay người đã gặp cơ hội tốt, thân người khó được, gặp Phật ra đời thật khó, được nghe pháp cũng khó, chúng Tăng hòa hợp, ý nguyện thành tựu cũng khó. Người đã được giới Cụ túc, vậy hãy tùy thuận mà học, giống như hoa vô ưu xa lìa bụi và nước. Người phải nương tựa vào giới pháp mà tu tập thiện pháp Nê hoàn cho được đầy đủ. Đây là bài tựa giới Kinh, 8 Ba-la-di, 19 Tăng-già-bà-thi-sa, 30 Ni tát kỳ Ba-dạ-đề, 141 Ba-dạ-đề, 8 Ba la đề đề xá ni, pháp chúng học, 7 pháp Diệt tránh, pháp tùy thuận. Nay ta chỉ nói tóm lược để dạy bảo người. Sau này Hòa thượng, A-xà-lê sẽ dạy người đầy đủ.

Sau khi thọ Cụ túc xong, ngay hôm ấy Hòa thượng ni phải dẫn giới tử đến chỗ Tỳ-kheo Tăng. Rồi, Hòa thượng ni quì gối chấp tay xin cho giới tử như sau:

Xin đại đức Tăng (473b) ghi nhớ cho! Con đã cho mõ giáp thọ Cụ túc. Nay theo Tăng xin cho mõ giáp được thọ Cụ túc. Xin Tăng thương xót cho mõ giáp thọ Cụ túc. (nói như vậy ba lần).

Bấy giờ thầy yết-ma nên hỏi (Hòa thượng ni):

Trong chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh không có ai ngăn cản phải không?

Nếu không hỏi như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế rồi thầy yết-ma phải bạch như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Mõ giáp theo mõ giáp ni thọ Cụ túc. Trong chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh không có ai ngăn cản. Ni mõ giáp đã theo Tăng xin thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho mõ giáp – đệ tử của Hòa thượng ni mõ giáp – vào giữa Tăng xin thọ Cụ túc.

Các đại đức đã bằng lòng cho mỗi giáp đệ tử của Hòa thượng ni mỗi giáp – vào giữa Tăng xin họ Cụ túc, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Bấy giờ thầy yết-ma nên dạy giới tử quì gối chấp tay, xin như sau:

Xin đại đức Tăng ghi nhớ cho! Con là mỗi giáp theo Hòa thượng ni mỗi giáp thọ Cụ túc. Trong chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, không có ai ngăn cản. Con là mỗi giáp, Hòa thượng ni là mỗi giáp. Nay con theo Tăng xin thọ Cụ túc. Kính mong Tăng thương xót cho con thọ Cụ túc. (nói như vậy ba lần).

Thế rồi, thầy yết-ma phải tác bạch như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Mỗi giáp theo mỗi giáp thọ Cụ túc. Trong chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh không có ai ngăn cản, đã theo Tăng xin thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng bằng lòng cho mỗi giáp – đệ tử của Hòa thượng ni mỗi giáp – thọ Cụ túc, thì tôi sẽ hỏi các già nạn ở giữa chúng Tăng.

Các đại đức đã bằng lòng cho tôi hỏi các già nạn của mỗi giáp – đệ tử của Hòa thượng ni mỗi giáp – ở giữa chúng Tăng vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thầy yết-ma quay sang hỏi giới tử:

Giờ đây là lúc chí thành, là lúc nói thật, đối với chư thiên, thế gian, thiên ma, phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, các vị trời, người đời, A-tu-la, nếu không nói thật tức là lừa dối các ngài đồng thời cũng lừa dối hai bộ Tăng của đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri. Đó là tội lỗi rất nặng. Giờ đây ta sẽ hỏi người ở giữa Tăng, điều gì có thì nói có, điều gì không thì nói không.

Cha mẹ và chồng có cho phép không?

(cho đến) trừ chỗ kín của người nữ, ngoài ra phải hỏi hết như trên. Thế rồi thầy yết-ma nên bạch như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc. Trong chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh không có ai ngăn cản; đã theo Tăng xin thọ Cụ túc; cha mẹ và chồng đã cho phép; đã cầu Hòa thượng; năm y và bát đầy đủ, đã hoàn thành hai năm học giới; đã làm pháp yết-ma nuôi chúng; tự nói mình thanh tịnh không có các già nạn. Nếu thời gian của Tăng đã đến, (473c) Tăng cho phép tôi nói về ba pháp nương tựa cho giới tử mỗ giáp – đệ tử của Hòa thượng ni mỗ giáp – ở giữa chúng Tăng.

Các đại đức Tăng đã bằng lòng để tôi nói về ba pháp nương tựa cho giới tử mỗ giáp – đệ tử của Hòa thượng ni mỗ giáp – ở giữa chúng Tăng vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Đoạn, quay lại nói với giới tử:

Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì muốn lợi ích cho Ni chúng Thanh văn nên chính thức chế ra ba pháp nương tựa này. Nếu người nữ có tâm ngay thẳng thuần thiện, kham nhẫn thì cho thọ Cụ túc; nếu không kham nhẫn thì không cho thọ Cụ túc. Y phần tảo ít việc, dễ được, phù hợp thanh tịnh, không có các lỗi, tùy thuận phép tắc của Tỳ-kheo-ni, nhờ vào đó mà xuất gia, thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo-ni. Thế thì người có thể kham nhẫn thọ trì y phần tảo suốt đời được không?

Đáp: Được.

Nếu được các loại y như: y khâm bà la; y điệp, y sô ma, y câu xá da, y xá na, y ma, y khu mâu đề thì hãy mặc chúng để đi khát thực. Đồng thời nương vào thuốc trần khí như trên đã nói rõ.

Thế rồi, quay lại bạch với Tăng:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc. Đã ở trước chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh không có ai ngăn cản, xin thọ Cụ túc. Cha mẹ và chồng đã cho phép; đã cầu Hòa thượng; năm y và bát đầy đủ, đã hoàn thành hai năm học giới; đã làm pháp yết-ma nuôi chúng, tự nói mình thanh tịnh, không có các già nạn; chấp

nhận nương theo ba Thánh chủng. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho mỗi giáp thọ Cụ túc. Hòa thượng ni là mỗi giáp. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Mỗi giáp theo mỗi giáp thọ Cụ túc; đã ở trước chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh không có ai ngăn cản, xin thọ Cụ túc; cha mẹ và chồng đã cho phép; đã cầu Hòa thượng; năm y và bát đầy đủ; đã hoàn thành hai năm học giới; đã làm pháp yết-ma nuôi chúng; tự nói mình thanh tịnh, không có các già nạn; đã chấp nhận nương tựa theo ba Thánh chủng. Tăng nay cho mỗi giáp thọ Cụ túc, Hòa thượng ni là mỗi giáp. Đại đức nào bằng lòng cho mỗi giáp thọ Cụ túc với Hòa thượng ni mỗi giáp thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho mỗi giáp thọ Cụ túc với Hòa thượng ni mỗi giáp, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Bấy giờ quay lại nói với giới tử:

Người đã thọ Cụ túc, thọ Cụ túc một cách tốt đẹp, một lần bạch ba lần yết-ma, không có ai cản trở, Tăng hòa hợp, hai bộ chúng đều 10 vị trở lên. Nay người phải kính trọng Phật, kính trọng Pháp, kính trọng Tăng, kính trọng Hòa thượng, kính trọng A-xà-lê. Người đã gặp được dịp tốt, thân người khó được, Phật ra đời khó gặp, nghe pháp cũng khó, chúng Tăng hòa hợp ý nguyện thành tựu cũng khó. Người hãy đánh lễ đức Thích-ca Bốn sư và (474a) chúng Thanh văn. Khi đã được giới cụ túc giống như hoa vô ưu đã xa lìa bụi và nước. Người phải nương vào Giới Luật để tu tập thiện pháp Nê hoàn cho viên mãn.

Khi Phật an trú tại Tinh xá có lầu gác ở trong rừng, nơi thành Tỳ-xá-ly; bấy giờ, đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Dự muốn thọ Cụ túc. Đồng tử Li-xa Am-bà-la nghe đệ tử của Pháp Dự muốn thọ Cụ túc bèn suy nghĩ: “Nếu cô gái này làm như thế thì đối với ta không có lợi ích. Hôm nay nếu cô ra khỏi cửa Tinh xá thì ta sẽ bắt

rồi hủy hoại phạm hạnh, để cô không được thọ Cụ túc.” Tỳ-kheo-ni Pháp Dự nghe thế, bèn đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng sang một bên, rồi bạch Phật như sau:

Bạch Thế Tôn! Con có đệ tử muốn thọ Cụ túc, nhưng nếu ra khỏi Tinh xá thì sợ bị hủy hoại phạm hạnh, không hiểu nó ở đó còn Tăng ở đây cho nó thọ Cụ túc được không?

Phật dạy:

Được! Trước hết, chúng Tỳ-kheo-ni cho thọ Cụ túc rồi, đi đến giữa Tỳ-kheo Tăng xin sứ giả thọ Cụ túc.

Thế là, Ni tăng cho thọ Cụ túc xong, Pháp Dự liền đến bạch Tỳ-kheo Tăng xin sứ giả thọ Cụ túc. Bấy giờ, người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Dự là mỗ giáp muốn thọ Cụ túc, nhưng nếu đến đây thì sợ bị tổn thương phạm hạnh. Nếu thời gian của Tăng đã đến, đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Dự là mỗ giáp muốn theo Tăng xin cho sứ giả thọ Cụ túc.

Các đại đức đã bằng lòng cho đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Dự là mỗ giáp xin sứ giả thọ Cụ túc, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, Hòa thượng ni phải vào giữa Tăng quỳ gối chấp tay bạch như sau:

Xin đại đức Tăng ghi nhớ cho! Con là Tỳ-kheo-ni Pháp Dự có đệ tử là mỗ giáp muốn thọ Cụ túc, nhưng nếu đến đây thì sợ tổn thương phạm hạnh. Y thị đã thọ Cụ túc giữa chúng Tỳ-kheo-ni, không có ai ngăn cản. Con là mỗ giáp vì đệ tử mỗ giáp xin sứ giả thọ Cụ túc. Kính mong đại đức Tăng thương tưởng cho sứ giả đệ tử mỗ giáp của con thọ Cụ túc. (nói như vậy ba lần).

Trong Tăng nên làm yết-ma cử người có khả năng hoặc hai, hoặc ba người nhưng không được làm yết-ma cử nhiều người. Thế rồi, người làm yết-ma nên bạch:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Dự là mỗ giáp muốn thọ Cụ túc, đã thọ Cụ túc ở giữa chúng Tỳ-kheo-ni, không có ai ngăn cản; nếu đến đây sợ tổn thương đến phạm hạnh. Tỳ-kheo-ni Pháp Dự đã vì đệ tử mỗ giáp theo Tăng xin sứ giả thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma cử Tỳ-kheo mỗ giáp, mỗ giáp vì đệ tử của Pháp Dự là mỗ giáp thọ Cụ túc. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Dự (474b) là mỗ giáp muốn thọ Cụ túc, đã ở trước chúng Tỳ-kheo-ni thọ Cụ túc, không có ai ngăn cản. Nhưng nếu đến đây sợ tổn thương tới phạm hạnh. Tỳ-kheo-ni Pháp Dự đã vì đệ tử mỗ giáp, theo Tăng xin sứ giả thọ Cụ túc. Tăng nay làm yết-ma cử Tỳ-kheo mỗ giáp, mỗ giáp làm sứ giả vì đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Dự là mỗ giáp thọ Cụ túc. Các đại đức nào bằng lòng làm yết-ma cử Tỳ-kheo mỗ giáp, mỗ giáp làm sứ giả vì đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Dự là mỗ giáp thọ Cụ túc thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng làm yết-ma cử Tỳ-kheo mỗ giáp, mỗ giáp làm sứ giả, vì đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Dự là mỗ giáp thọ Cụ túc xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Sau khi thọ pháp yết-ma xong, Tỳ-kheo này phải đi đến Tinh xá của Tỳ-kheo-ni ngay hôm đó. Thế rồi, người thọ Cụ túc phải hướng đến sứ giả quỳ gối chấp tay tác bạch như sau:

Xin đại đức Tăng ghi nhớ cho! Con là mỗ giáp theo Hòa thượng ni mỗ giáp thọ Cụ túc, đã thọ Cụ túc ở giữa chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, không có ai ngăn cản. Nếu rời khỏi đây sợ tổn thương phạm hạnh, nên con phải ở tại đây. Con là mỗ giáp theo Hòa thượng ni

là mỗ giáp, nay theo Tăng xin thọ Cụ túc. Kính mong Tăng thương tưởng cho con thọ Cụ túc (nói như vậy ba lần).

Thế rồi, Hòa thượng ni cùng với sứ giả trở lại trong Tăng. Hòa thượng ni phải quì gối chấp tay bạch như sau:

Xin đại đức Tăng ghi nhớ cho! Con là Tỳ-kheo-ni Pháp Dự có đệ tử là mỗ giáp muốn thọ Cụ túc, đã thọ Cụ túc ở giữa chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, không có ai ngăn cản. Nếu đến đây sợ tổn thương phạm hạnh nên phải ở tại đó. Con là Pháp Dự có đệ tử là mỗ giáp, nay theo Tăng xin thọ Cụ túc. Kính mong Tăng thương tưởng cho thọ Cụ túc (nói như vậy ba lần).

Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc, đã thọ Cụ túc ở giữa chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, không có ai ngăn cản. Nếu đến đây sợ tổn thương phạm hạnh, nên phải ở tại đó. Hòa thượng ni mỗ giáp đã theo Tăng xin thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho mỗ giáp thọ Cụ túc với Hòa thượng ni mỗ giáp. Đây là lời tác bạch.

Sau khi xong một lần bạch, ba lần yết-ma, Hòa thượng ni cùng sứ giả trở lại Tinh xá của Tỳ-kheo-ni, nói như sau:

Thiện nữ hãy lắng nghe! Con đã thọ Cụ túc, một lần bạch, ba lần yết-ma, không có ai ngăn cản, hai bộ chúng mỗi bộ từ 10 người trở lên đều hòa hợp, thọ Cụ túc xong con phải tôn kính Tam Bảo. Con đã gặp dịp tốt; thân người khó được; Phật ra đời khó gặp; được nghe pháp cũng khó.

(474c) Đó gọi là hai năm học giới, thọ Cụ túc ở trước hai bộ chúng. Đây thuộc về pháp cung kính thứ hai.

3- Nêu tội

Tỳ-kheo-ni không được nói tội của Tỳ-kheo dù có thật hay không có thật. Nhưng Tỳ-kheo được nói tội có thật của Ni, song không vu khống. Ni không được nói:

Tỳ-kheo thầy thuốc, Tỳ-kheo phạm giới, Tỳ-kheo lắm cấm.

Nếu là thân quyến thì được khuyên bảo nhỏ nhẹ nhưng không được trách cứ. Nếu người đó còn nhỏ tuổi thì nên khuyên:

Nay ông không học đợi đến già mới học sao? Sau này ông sẽ dạy bảo đệ tử, nếu ông không học thì sau này đệ tử sẽ học theo thói xấu của ông. Thế nên, ông phải tùy thuận học Kinh, đọc Kinh.

Nếu Tỳ-kheo-ni nói lỗi của Tỳ-kheo rằng: “Tỳ-kheo thầy thuốc, Tỳ-kheo phạm giới, Tỳ-kheo lắm cấm”, thì phạm pháp bất kính. Tỳ-kheo được nói về lỗi có thật của Tỳ-kheo-ni, nhưng không được khiển trách, nói:

Mụ già trọc đầu, mụ già dâm dăng, mụ già lắm cấm.

Nếu là thân quyến làm điều phi pháp, thì được khuyên bảo:

Đừng làm việc đó.

Nhưng không được mắng mỏ mà phải khuyên bảo nhỏ nhẹ. Nếu người đó còn nhỏ tuổi, thì nên khuyên:

Nay cô không học, đợi đến già mới học sao? Sau này cô sẽ dạy bảo đệ tử, nếu cô không học thì sau này đệ tử sẽ noi theo thói xấu của cô. Thế nên, cần phải học Kinh, tụng Kinh.

Nếu Tỳ-kheo mắng mỏ Tỳ-kheo-ni rằng: “Mụ già trọc đầu, mụ già dâm dăng, mụ già bất thiện không biết ân nghĩa” thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó là Tỳ-kheo-ni không được nói lỗi có thật hay không có thật của Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được nói lỗi có thật của Tỳ-kheo-ni. Đây là pháp tôn kính thứ ba.

4- Không được nhận phẩm vật trước Tăng

Tỳ-kheo-ni không được nhận thức ăn, phòng xá giường nệm trước Tỳ-kheo. Nếu có người mời Tỳ-kheo-ni thọ trai thì nên bảo họ mời các vị tôn túc Tỳ-kheo trước. Nếu họ nói: “Đối với họ, con không có lòng tôn kính, con chỉ muốn mời quý Tỳ-kheo-ni mà thôi”, thì nên đáp: “Tôi cũng không nhận.”

Nếu họ nói: “Trước đây con đã từng mời chư Tăng dùng bữa ăn trước, bữa ăn sau rồi, nhưng chưa từng mời quý Ni sư”, thì nên nhận. Chỉ ít là họ đã cúng cho Tăng một chén cơm, rồi sau đó, Tỳ-kheo-ni nhận các món ăn ngon thì không có tội.

Nếu có người đến nói: “Con muốn làm phòng cho quý Ni sư”, thì nên bảo họ làm cho các bậc tôn túc Tỳ-kheo trước.

Nếu họ nói: “Con không có lòng tôn kính đối với họ mà chỉ muốn làm cho Ni sư thôi”, thì nên đáp: “Tôi cũng không nhận.” Nếu họ nói: “Trước đây con đã từng làm phòng xá, giảng đường, nhà tắm, trai đường, nhà ngõ, mái che giếng, cầu tiêu, nhà để rửa chân cho chúng Tăng rồi, nhưng chưa làm cho quý Ni sư”, thì nên nhận. Thậm chí nếu trước đó họ đã làm cho Tăng (475a) một cái nhà bếp, thì sau đó Tỳ-kheo-ni nhận phòng lớn không có tội.

Nếu có người đem giường nệm đến cúng dường cho Tỳ-kheo-ni, thì nên bảo họ cúng dường cho các bậc tôn túc Tỳ-kheo trước.

Nếu họ nói: “Con không có lòng tôn kính đối với các vị ấy” thì nên nói: “Tôi cũng không nhận.”

Nếu họ nói: “Trước đây con đã từng cúng cho Tỳ-kheo Tăng giường nệm, gối chăn, ngọa cụ, mà chưa từng cúng cho chư Ni”, thì được nhận. Thậm chí nếu trước đó họ đã cúng cho Tỳ-kheo Tăng một chiếc giường nhỏ, Tỳ-kheo-ni sau đó nhận giường nệm không có tội.

Nếu đàn việt chưa từng cúng trai phạn cho chư Tăng lại cúng giường nệm cho Tỳ-kheo-ni trước mà Ni nhận thì phạm tội bất kính. Đó gọi là Tỳ-kheo-ni không được nhận thức ăn, giường nệm trước chư Tăng. Đến đây hết pháp tôn kính thứ tư.

5- Nửa tháng Ma-na-đỏa

Nếu Tỳ-kheo-ni phạm tội bất kính thì phải thực hành Ma-na-đỏa nửa tháng ở trước hai bộ Tăng. Nếu phạm 19 tội Tăng-già-bà-thi-sa thì phải hành Ma-na-đỏa nửa tháng ở trước hai bộ Tăng. Khi Tỳ-kheo-ni ở trong chúng hành pháp tùy thuận, thì hằng ngày phải bạch hai bộ tăng. Đó gọi là Tỳ-kheo-ni hành pháp Ma-na-đỏa nửa tháng ở giữa hai bộ Tăng. Pháp tôn kính thứ năm đến đây là hết.

6- Cầu giáo thọ trong dịp Bố-tát nửa tháng

Vào ngày bố-tát, hoặc tất cả Tỳ-kheo-ni, hoặc sai sứ giả đến Tinh xá của Tỳ-kheo lễ tháp, rồi đến chỗ Tỳ-kheo quen biết gọi dục thanh tịnh, nói như sau:

Tất cả Tỳ-kheo-ni Tăng hòa hợp, đánh lễ dưới chân Tỳ-kheo, xin hỏi về việc bố-tát, thỉnh cầu dạy bảo (nói như vậy ba lần).

Khi bố-tát, thầy Tỳ-kheo tụng giới nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Hôm nay bố-tát, đã qua chừng ấy ngày, còn lại chừng ấy ngày. Đây là việc thường làm của chúng Thanh văn đệ tử Phật. Các Tỳ-kheo hãy thuyết dục thanh tịnh của các đại đức không đến. Thế còn ai nhận dục của Tỳ-kheo-ni?

Người nhận dục của Ni nên đến trước Thượng tọa, trật vai áo bên phải, chấp tay nói như sau:

Tỳ-kheo-ni Tăng hòa hợp, đánh lễ dưới chân Tỳ-kheo Tăng, gọi dục thanh tịnh, hỏi về việc bố-tát, thỉnh cầu dạy bảo. (nói như vậy ba lần)

Người tụng giới nên hỏi:

Ai dạy bảo Tỳ-kheo-ni?

Nếu có người đã dạy bảo trước thì người sau nên hỏi:

Ngày nào đến chỗ Ni? Dạy bảo tại đâu?

Người đã dạy bảo trước nên nói:

Ngày mỗ đến tại chỗ mỗ.

Nếu không có người dạy bảo, thì khi nhận dục thanh tịnh của Ni, Tỳ-kheo nên nói:

Này chị em! Không có người dạy bảo, phải cẩn thận, chớ buông lung. Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu 12 đức tính sau đây thì Tăng nên làm yết-ma cử làm người dạy bảo. Đó là:

1. Trì giới.
2. Nghe nhiều không quên.
3. Trì luật rộng hoặc hẹp.
4. Có biện tài khéo nói.
5. Học giới;
6. (475b) Học định.
7. Học tuệ.
8. Có thể đoạn trừ ác tà.
9. Phạm hạnh thanh tịnh.
10. Không làm hoen ố tinh hạnh của Tỳ-kheo-ni.
11. Nhẫn nhục.
12. Đủ 20 tuổi hạ, hoặc nhiều hơn.

Đó gọi là người thành tựu 12 yếu tố, Tăng nên cử làm người dạy bảo Tỳ-kheo-ni. Người làm yết-ma nên bạch:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu 12 yếu tố, nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cử Tỳ-kheo mỗ giáp đi dạy bảo Tỳ-kheo-ni. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu 12 yếu tố, Tăng nay cử Tỳ-kheo mỗ giáp đi dạy bảo Tỳ-kheo-ni. Các đại đức nào bằng lòng cử Tỳ-kheo mỗ giáp đi dạy bảo Tỳ-kheo-ni thì im

lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cử Tỳ-kheo mỗ giáp đi dạy bảo Tỳ-kheo-ni xong vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Vị Tỳ-kheo nhận pháp yết-ma rồi nên đến dạy bảo Tỳ-kheo-ni. Pháp dạy bảo có 8 trường hợp như sau:

1. Phi thời.
2. Phi xứ.
3. Quá thời.
4. Chưa đến lúc.
5. Không hòa hợp.
6. Quyến thuộc.
7. Thuyết pháp bằng những câu dài.
8. Nghênh đón dạy dỗ.

1- Phi thời: Dạy dỗ từ lúc mặt trời lặn đến khi mặt trời chưa mọc, đó gọi là phi thời. Nếu Tỳ-kheo dạy bảo Tỳ-kheo-ni lúc phi thời thì phạm tội Ba-dạ-đề.

2- Phi xứ: Không được giáo hóa ở chỗ kín đáo, chỗ trống trải mà phải giáo hóa ở chỗ không kín, không trống, như ở giảng đường, dưới gốc cây. Nếu Tỳ-kheo giáo hóa Tỳ-kheo-ni ở chỗ không thích hợp thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phi xứ.

3- Quá thời: Nếu đến ngày 14, ngày 15 mới giáo hóa, đó gọi là quá thời.

4- Chưa đến lúc: Giáo hóa vào ngày mồng một, mồng hai, mồng ba trong tháng, đó gọi là chưa đến lúc. Nên đến giáo hóa từ ngày mồng bốn đến ngày 13. Nếu chưa đến lúc mà đến giáo hóa Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là chưa đến lúc.

5- Không hòa hợp: Khi Tỳ-kheo-ni Tăng không hòa hợp thì không nên giáo hóa, đợi khi họ hòa hợp mới giáo hóa. Người giáo hóa khi đến, nên hỏi:

Ni Tăng đã hòa hợp chưa?

Nếu họ đáp: “Hòa hợp”, thì nên sai sứ giả gọi Tỳ-kheo-ni đến nghe giáo hóa. Nếu người nào già bệnh đang uống thuốc, hoặc đang lo việc y bát không đến được thì phải gởi dục, nói như sau:

Tôi là mỗ giáp, gởi dục về việc giáo hóa (nói như vậy ba lần).

Nếu Tỳ-kheo-ni Tăng không hòa hợp mà giáo hóa thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là không hòa hợp.

6- Quyến thuộc: Không nên giáo hóa thiên vị mà nên giáo hóa tất cả Ni Tăng khi đã hòa hợp. Đó gọi là quyến thuộc.

7- Nói dài dòng: Như tôn giả (475c) Nan-đà giáo hóa Ni dài dòng; chỉ nên nói như sau:

Chớ làm các việc ác,
Vâng làm các hạnh lành,
Giữ tâm ý trong sạch,
Chư Phật dạy như vậy.

Này các chị em! Đây là những lời dạy bảo ai muốn nghe thì nghe, không muốn nghe thì tùy ý ra đi.

Nếu Tỳ-kheo giáo hóa Tỳ-kheo-ni dài dòng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là thuyết pháp dài dòng.

8-Cách đón rước người giáo hóa: Nếu Tỳ-kheo-ni trú tại thành ấp xóm làng nghe Tỳ-kheo đến ngày mỗ tới giáo hóa, mà không có người tiếp đón, thì nên nhờ các Tỳ-kheo nhỏ tuổi cầm hương hoa, tràng phan, bảo cái đến đón rước. Nếu như không có thì tùy theo ít nhiều, tối thiểu là chấp tay bày tỏ lòng tôn kính, mang giúp y bát. Đi đón từ một do điền, nửa do điền, hoặc một câu lô xá,

nửa câu lô xá, ít nhất là ra ngoài thành ấp xóm làng đón tiếp. Nếu không đón rước thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi đến rồi, nên vận động đàn việt cúng dường bữa ăn trước, bữa ăn sau, nước giải khát phi thời một cách tận tâm, hợp cùng đệ tử chu cấp trong bảy ngày dừng để thiếu thốn.

Nếu không có gì thì lấy bột y bát thừa của mình đem cúng dường.

Nếu cũng không có nữa thì ít nhất chấp tay biểu lộ sự cung kính.

Khi giáo hóa Ni, hoặc dùng A-tỳ-đàm, hoặc Tỳ-ni. A-tỳ-đàm là chỉ cho chín bộ Kinh; Tỳ-ni là chỉ cho Ba-la-đề-mộc-xoa (giới bốn) hoặc nói rộng, hoặc nói hẹp. Người giáo hóa khi thấy Ni đến không được cúi đầu đứng im mà nên xem tướng mạo, oai nghi của họ. Nếu thấy họ xúc dầu ướm trên đầu, vẽ chân mày, mang y đậm màu chói lợi rực rỡ, buộc dây lưng trắng, v.v..., thì phải khiển trách. Nếu người đó còn trẻ tuổi thì nên nói:

Này chị em! Nay cô còn trẻ mà không học, đợi đến già mới học sao? Sau này cô sẽ dạy bảo đệ tử, nếu cô không học thì đệ tử sẽ bắt chước thói xấu của cô. Vì thế, cô phải tùy thuận học Kinh, tụng Kinh.

Nếu khi đó có người thế tục thì không được dạy như thế, sợ họ sinh tâm bất thiện, nói rằng:

Sa-môn dạy bảo vợ.

Nếu trường hợp như thế thì không nên dạy mà nên hỏi các Ni khác:

Người này là đệ tử đồng hành của ai? Đệ tử y chỉ của ai?

Hỏi xong, nên bảo Hòa thượng, A-xà-lê của người ấy dạy bảo khiển trách khiến cho họ tùy thuận tuân hành, đừng làm những việc trái oai nghi.

Khi Tỳ-kheo giáo hóa Tỳ-kheo-ni phải xem họ như nữ giới; còn Tỳ-kheo-ni đối với người giáo hóa phải xem như đức Phật. Đó là nửa tháng hỏi thăm việc bố-tát và cầu thỉnh dạy bảo. Đến đây hết pháp tôn kính thứ sáu.

7- Không nương tựa Tỳ-kheo không được an cư

Nếu thân nhân muốn mời Tỳ-kheo-ni an cư, thì Ni nên bảo đàn việt mời các bậc tôn túc Tỳ-kheo trước. Nếu họ nói: “Tôi không có lòng tôn kính các vị ấy mà chỉ muốn mời các Ni”, thì Ni nên nói: Tôi cũng không đi.

Nếu vì thân nhân muốn đi, thì nên (476a) đích thân mời Tỳ-kheo. Đến nơi đó rồi, nên sắp xếp bữa ăn trước, bữa ăn sau, nước giải khát phi thời, y an cư, chỗ để thiếu thốn. Nếu thân nhân không cung cấp thì nên lấy những y bát dư của mình ra cung cấp.

Nếu trong lúc an cư mà Tỳ-kheo chết, hoặc bỏ tu, hoặc đi nơi khác thì Ni không được bỏ đi.

Nếu trong ba do diên có Tăng già lam thì nên kết giới thông thương rồi mỗi nửa tháng đến hỏi việc bố-tát.

Nếu có các nạn như trên đường đi có bọn giặc cướp khủng bố, sợ mất mạng, thương tổn phạm hạnh thì đến hết ngày an cư nên đến đó Tự tứ. Nếu vẫn còn các hiểm nạn thì nên bảo thân nhân mời các Tỳ-kheo đến.

Khi họ đến rồi thì phải cung cấp những nhu yếu như bữa ăn trước, bữa ăn sau và thức uống phi thời, đừng để thiếu thốn. Sau khi Tự tứ xong nên trở về chỗ cũ.

Nếu Tỳ-kheo-ni muốn an cư tại chỗ nào mà nơi đó không có Tỳ-kheo thì không được an cư. Nếu cứ ở đó an cư thì phạm pháp bất kính.

Đó gọi là nơi không có Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo-ni không được an cư. Đến đây hết pháp tôn kính thứ bảy.

8- Tỳ-kheo-ni an cư xong phải thọ Tự tứ trước hai bộ Tăng

Tỳ-kheo-ni đến ngày Tự tứ thọ Tự tứ xong, sáng sớm hôm sau, tất cả phải đi đến chỗ Tăng thọ Tự tứ. Trong Ni Tăng nên làm pháp

yết-ma cử một người có thể thọ Tụ tứ. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin Ni tăng lắng nghe! Tỳ-kheo-ni mỗ giáp có thể vì Ni tăng làm người Tụ tứ. Nếu thời giờ của Tăng đã đến, Tăng làm yết-ma cử Tỳ-kheo-ni mỗ giáp vì Ni tăng làm người Tụ tứ.

Các Ni tăng đã bằng lòng cử Tỳ-kheo-ni mỗ giáp vì Ni tăng làm người Tụ tứ xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Khi hai bộ chúng Tỳ-kheo-ni, Tăng đều hòa hợp, thì nên nói như sau:

Tỳ-kheo-ni hòa hợp với Tỳ-kheo Tăng hòa hợp nói Tụ tứ: Nếu thấy, nghe, nghi có tội, xin Tăng thương xót nói cho biết. Nếu thấy, nghe, nghi đúng tội, sẽ như pháp diệt trừ. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Nếu Tỳ-kheo Tăng hòa hợp với nhiều Tỳ-kheo-ni thì nên nói như sau:

Nhiều Tỳ-kheo-ni và Tỳ-kheo Tăng hòa hợp nói việc Tụ tứ: Nếu thấy, nghe, nghi có tội, xin Tăng thương xót nói cho tôi biết. Nếu tự biết, thấy (mình có tội) sẽ như pháp diệt trừ (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Nếu Tỳ-kheo hòa hợp, một Tỳ-kheo-ni nên nói như sau:

Con Tỳ-kheo-ni xin nói Tụ tứ với Tỳ-kheo Tăng hòa hợp: Nếu thấy, nghe, nghi có tội, xin Tăng thương xót nói cho con biết. Nếu tự biết, thấy (mình có tội) con sẽ như pháp diệt trừ (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Nếu nhiều Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tăng (476b) hòa hợp, nên nói như sau:

Tỳ-kheo-ni tăng hòa hợp, các đại đức nói Tụ tứ: Nếu thấy, nghe, nghi có tội, xin các đại đức thương xót nói cho con biết. Nếu biết, thấy, (mình có tội) sẽ như pháp diệt trừ. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế)

Nếu nhiều Tỳ-kheo cùng với nhiều Tỳ-kheo-ni thì nên nói như sau:

Nhiều Tỳ-kheo-ni với các đại đức nói Tỳ tứ... (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Nếu một Tỳ-kheo với một Tỳ-kheo-ni thì nên nói như sau:

Con Tỳ-kheo-ni trước đại đức xin nói Tỳ tứ: Nếu thấy, nghe, nghi có tội, xin đại đức thương xót nói cho con biết. Nếu biết, thấy (mình có tội) con sẽ như pháp diệt trừ. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế)

Tỳ-kheo-ni sau khi an cư xong phải thọ Tỳ tứ ở giữa hai bộ chúng như vậy. Nếu Tỳ-kheo-ni ngày 16 không đến chỗ Tỳ-kheo Tăng thọ Tỳ tứ, đến ngày 17 mới tới thọ Tỳ tứ thì phạm tội bất kính. Đó gọi là pháp tôn kính thứ 8 của Tỳ-kheo-ni.

*

Hết quyển thứ ba mươi

